**Stefan Zweig**

Tuyển tập truyện ngắn Stefan Zweig

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động  
  
*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)  
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

[LỜI GIỚI THIỆU](" \l "bm2)

[AMOK HAY LÀ BỆNH ĐIÊN XỨ MALAIXIA](" \l "bm3)

[BỘ SƯU TẬP VÔ HÌNH](" \l "bm4)

[NGƯỜI NỮ GIA SƯ](" \l "bm5)

[NGÕ HẺM DƯỚI ÁNH TRĂNG](" \l "bm6)

[MENĐEN, NGƯỜI BÁN SÁCH CŨ](" \l "bm7)

[MỘT TRÁI TIM TAN NÁT](" \l "bm8)

[THIÊN TÀI CỦA MỘT ĐÊM](" \l "bm9)

[CHINH PHỤC NAM CỰC](" \l "bm10)

[BẢN BI CA MARIENBAT](" \l "bm11)

[KHÁM PHÁ ENĐÔRAĐÔ](" \l "bm12)

[GIÂY PHÚT MANG TẦM THẾ GIỚI CỦA TRẬN OATECLÔ](" \l "bm13)

**Stefan Zweig**

Tuyển tập truyện ngắn Stefan Zweig

Dịch giả : PHÙNG ĐỆ - LÊ THI

**LỜI GIỚI THIỆU**

Ngõ Hẻm Dưới Ánh Trăng

Xtêfan Xvaig ( Stefan Zweig ) là một trong những ngôi sao chói lọi trên nền trời văn học thế giới nửa đầu thế kỷ 20, người mà Rômanh Rôlăng gọi là " một nghệ sĩ bẩm sinh ", và là tác giả của những tác phẩm thấm sâu " lòng nhân ái kỳ diệu đối với con người " (M. Gorki ).   
Ông sinh ngày 18-11-1881 tại Viên, trong một gia đình trí thức Áo. Viên, lúc bấy giờ là thủ đô của đế quốc Áo Hung, một trong những trung tâm " nghệ thuật mới " ở châu Âu. Tập thơ đầu *Những sợi dây đàn bằng bạc* (1901) của ông thuộc dòng văn học " chủ nghĩa hiện đại ", miêu tả sự cô đơn và tình yêu khắc nghiệt pha trộn lòng tôn sùng cái đẹp " thuần tuý ". Ngoài ra, Xvaig còn dịch nhiều tác phẩm văn học. Trong thời gian này, say mê du lịch, ông đã sang nhiều nước Tây Âu, Ấn Độ, chăm chú xem xét đời sống văn hoá các dân tộc. Việc làm quen với những tác phẩm văn học lớn dần dần giúp ông thoát khỏi ảnh hưởng của " Nghệ thuật mới ". Thoạt đầu, ông say mê thơ của Emin Vêraren, nhà thơ lớn người Bỉ. Sau, ông tiếp xúc với nền văn học Nga, và từ đó đánh dấu một cái mốc quan trọng trong sự nghiệp sáng tác của ông. Nhà văn Nga có ảnh hưởng lớn nhất đối với ông là Đôxtôeipxki. Ông tìm thấy ở Đôxtôeipxki những giá trị tinh thần và tư tưởng thân thiết với ông. Đồng thời ông rất cảm phục nhân cách của Đôxtôeipxki, xúc động về số phận của nhà văn Nga vĩ đại.   
Năm 1917, tập truyện ngắn *Những cảm xúc đầu tiên* ra đời gồm những truyện ông viết trong thời gian mười năm. Vấn đề chủ yếu ông đề cập là vấn đề đạo đức ( *Người nữ gia sư, Điều bí mật day dứt*... ).   
Chiến tranh thế giới lần thứ nhất bùng nổ khiến Xvaig bàng hoàng. Không muốn là một nhân chứng thụ động trước những biến cố tàn khốc, ông viết nhiều bài cổ vũ tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc châu Âu và cùng với R. Rôlăng, ông kêu gọi nhân dân các nước đứng lên chống lại chiến tranh đế quốc. Năm 1916, ông viết vở bi kịch " Jêrêmya ", biểu lộ lòng căm ghét của ông đối với chiến tranh. Ông chào mừng tác phẩm " Lửa " của H. Bacbuyt, coi đó chẳng những là một bản tuyên ngôn của tư tưởng tự do và tinh thần phản chiến, mà còn là một sự đổi mới về mặt nghệ thuật. Năm 1919, khi H. Bacbuyt tổ chức nhóm " Ánh sáng " với mục đích tuyên truyền cho chủ nghĩa quốc tế và đấu tranh chống chiến tranh đế quốc, Xvaig, lập tức gia nhập. Trong tổ chức này có những nhà văn Cộng sản tiến bộ như R.Rôlăng, H. Wenxơ, P. Vayăng Cutuyriê và nhiều nhà hoạt động văn hóa nổi tiếng khác... Trong những năm 20, ông viết một số truyện ngắn xuất sắc và một loạt truyện ký tiểu sử - lịch sử. Năm 1938, những truyện ký quan trọng nhất thuộc loại này được tập hợp thành một bộ riêng, mang tên là *Những người kiến tạo thế giới*. Trong những truyện ký loại này, cũng như trong những truyện danh nhân viết dưới hình thức tiểu thuyết, Xvaig quan tâm đến Thế giới nội tại của các nhân vật xuất sắc nhiều hơn là đến hoàn cảnh xã hội lịch sử của họ. Điều đó đôi khi dẫn ông đến chỗ phóng đại vai trò của cá nhân trong lịch sử.   
Sau khi Hitle chiếm chính quyền, ở Đức, các tác phẩm của Xvaig, nhà nhân đạo chủ nghĩa chống chiến tranh và phát xít, bị cấm lưu hành. Khi nước Áo bị chiếm đóng, sau vụ Angsơlutsơ, Xvaig phải rời bỏ tổ quốc sang Braxin lánh nạn.   
Năm 1938, ông viết cuốn *Magienlăng* ca ngợi hành vi dũng cảm của những con người thám hiểm.   
Thời gian lưu vong, ông còn viết cuốn " *Braxin, đất nước của tương lai* ". Năm 1941, tác phẩm hồi ký Thế giới ngày hôm qua ra đời.   
Đối với Liên Xô, Xtêfan Xvaig chào mừng Cách mạng tháng Mười, cho đó là một sự kiện lịch sử cực kỳ vĩ đại, nhưng do nhận thức hạn chế, ông coi đó là một hiện tượng dân tộc. Năm 1928, ông sang thăm Liên Xô và gặp Maxim Gorki. Ông mến phục Gorki, coi Gorki là niềm tự hào của giai cấp vô sản và là vinh dự của châu Âu. Giữa hai nhà văn đã có sự trao đổi thư từ thân mật. Khi Đức tấn công Liên Xô, Xvaig chăm chú theo dõi cuộc chiến đấu anh hùng của nhân dân Xô Viết và trong hồi ký của mình, ông thuật lại chuyến sang thăm Liên Xô của ông với tình cảm nồng hậu, thắm thiết.   
Ngày 22-2-1942, dằn vặt trong nỗi đau tha hương, sống xa tổ quốc, ông đã tự sát. Trong thư tuyệt mệnh, ông viết : " Ở tuổi sáu mươi mà làm lại cuộc đời cần phải có những sức lực đặc biệt. Tôi đã sức cùng lực kiệt sau bao năm dài đằng đẵng sống phiêu bạt tha hương. Bởi thế tôi cho rằng tốt nhất là tôi nên từ giã cõi đời này một cách xứng đáng; đối với tôi, hạnh phúc cao nhất trên đời là tự do và lao động trí óc, cái đem lại cho tôi niềm vui sướng lớn lao. Tôi gửi lời chào tất cả các bè bạn. Có thể là các bạn sẽ nhìn thấy bình minh sau đêm dài tăm tối. Tôi là kẻ nôn nóng nhất, tôi xin ra đi trước ". Ra đi, ông vẫn tin chắc rằng chủ nghĩa phát xít sẽ thất bại và tương lai sẽ thuộc về một chủ nghĩa nhân đạo mới.   
Xvaig sáng tác thơ, kịch, truyện ngắn, tiểu thuyết, truyện ký danh nhân và lịch sử, viết khảo luận, phê bình văn học... Tuy nhiên, thành công lớn nhất của ông là trong loại truyện ngắn và truyện ký danh nhân hoặc lịch sử.   
Tập truyện này chọn lọc một số truyện ngắn xuất sắc của ông về hai thể loại nói trên.   
Là một nghệ sĩ tin tưởng ở chủ nghĩa nhân đạo, mang một tâm hồn nhạy cảm, cởi mở và dịu dàng, sống và sáng tác trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản bắt đầu đi vào chủ nghĩa đế quốc, Xvaig đã nhận ra được tính vô nhân đạo của xã hội tư bản và dĩ nhiên ông đã tố cáo cái xã hội đó trong các truyện của mình.   
Trước hết, Xvaig lên án xã hội tư bản về mặt tinh thần đạo đức. Dưới mắt Xvaig, đạo đức tư sản là thứ đạo đức giả dối, hai mặt, chỉ dùng để che giấu sự thật tàn nhẫn, đồi bại của đời sống thực. Trong *Người nữ gia sư* và *Điều bí mật day dứt*, qua cái nhìn hồn nhiên, ngay thật, nhân hậu của trẻ thơ, cuộc sống gia đình tư sản bề ngoài, tưởng như êm đẹp, mực thước nhưng thực chất là ngầm chứa những cái giả dối, bất công. Hai em bé gái tình cờ biết được câu chuyện thương tâm về cô gia sư mà người lớn tìm hết cách giấu chúng. Chúng phẫn nộ về cách xử sự tàn nhẫn của cha mẹ chúng đối với cô giáo, chúng mất hết lòng tin vào người lớn, ghê sợ cuộc đời mà từ nay chúng hình dung như một khu rừng tối tăm, ghê rợn. Chú bé Etga khiếp sợ khi khám phá ra rằng người mà chú yêu quý nhất đời, tin tưởng vô hạn - người mẹ thân yêu của chú - hóa ra cũng có thể làm những trò lừa dối thấp hèn. Sự khác biệt giữa những chuẩn mực đạo đức của xã hội tư sản với những gì diễn ra thực tế hàng ngày là một khía cạnh đáng ghê tởm, nó phá hoại ghê gớm tâm hồn con người, khiến con người hoặc sẽ trở nên thù địch với xã hội, hoặc chính mình cũng phải xử sự giả dối nếu muốn thích nghi với cái xã hội đó.   
Với con mắt quan sát sắc sảo, Xvaig nhìn thấy rõ xã hội tư sản là một xã hội chia rẽ con người và cả lớp người. Thói ích kỷ làm cho con người đâm ra nhẫn tâm, quên cả nghĩa vụ. Trong *Amôk*, ta thấy diễn ra một trận quyết đấu về tinh thần giữa một người đàn bà giàu sang và một viên bác sĩ ở xứ thuộc địa. Người đàn bà kia coi viên bác sĩ như mọi thứ mà bà ta có thể " mua " được. Ngược lại, lòng tự ái và sự thèm muốn đã khiến viên bác sĩ mưu toan lợi dụng thế bí của bà ta để làm nhục lòng kiêu hãnh của người đàn bà. Mỗi người trong hai nhân vật đó đều mang trong mình cả cái ác và cái thiện, hoàn cảnh xã hội đã làm cho cái ác chiến thắng. Song, trong thiên truyện " đượm mùi máu, cơn sốt và bệnh điên xứ Malaixia " này ( R.Rôlăng ), vẫn có một điều làm cho tấn bi kịch nặng nề mang chút ánh sáng : lương tâm làm cho con người vẫn còn là con người, ngay cả trong khi nó lâm vào một tình cảnh không lối thoát, và con người đã hành động theo tiếng nói của lương tâm, dù không xoay chuyển nổi tình thế, nhưng vẫn không để hoàn cảnh nô dịch mình.   
Thói sùng bái đồng tiền, coi đồng tiền là giá trị cao nhất của vạn vật đã giết chết những tình cảm thiêng liêng của con người, đã khiến người chồng trong *Ngõ hẽm dưới ánh trăng* vô tình làm nhục phẩm giá người vợ, đẩy người vợ của mình xuống vực thẳm của thảm họa. Xalômôxôn trong *Một trái tim tan nát* suốt đời lo kiếm tiền để vợ con sống trong cảnh giàu sang, nhưng rút cuộc cái hạnh phúc mà ông ta săn đuổi chỉ là điều hão huyền. Vợ con khinh rẻ ông, chỉ coi ông như một cái máy kiếm tiền vì ông thiếu học vấn, kém hào hoa phong nhã. Ông sống một mình cô đơn giữa cái " tổ ấm gia đình " và chết vì cõi lòng tan nát. Giàu sang và hạnh phúc không phải là hai khái niệm đồng nhất, mà nhiều khi chống đối nhau.   
Trong cái xã hội mà mỗi người là một hòn đảo biệt lập, ngay cả trong tình yêu nam nữ, thứ tình cảm mãnh liệt gắn bó hai con người với nhau nhiều khi cũng không thể đem lại sự đồng cảm về tâm hồn mà chỉ để lại sự luyến tiếc hoặc nỗi thất vọng đắng cay ( " *Một trò chơi nguy hiểm* ", " *Lá thư của người đàn bà không quen biết* " ).   
Lối sống phù phiếm của những kẻ thuộc tầng lớp có của làm cho con người mất cả nhân tính. Nhân vật trong " *Một đêm kỳ quái* " không hề phải lo đến miếng ăn hàng ngày, cũng không có một trách nhiệm xã hội nào, anh ta sống không mục đích, dửng dưng với số phận của mọi người. Chỉ trong một đêm, tiếp xúc với những người ở dưới đáy xã hội, thấy được những bất công ghê gớm, anh ta mới hiểu rằng toàn bộ cuộc sống trước đó của anh ta thật là trỗng rỗng và nghèo nàn một cách thảm hại.   
Qua các truyện ngắn, Xvaig đã phê phán xã hội tư sản một cách sâu sắc. Nhưng do quan điểm chính trị hạn chế của ông, sự phê phán đó vẫn chỉ xuất phát từ một thứ chủ nghĩa nhân đạo còn mang tính chất chung chung, trừu tượng. Các mối xung đột giữa con người với xã hội được miêu tả tinh tế, sống động, có bề sâu, nhưng mũi nhọn sự phê phán thường tập trung vào mặt tinh thần đạo đức nhiều hơn là vạch ra những mâu thuẫn xã hội. Nói cách khác, ông phê phán cái tinh thần của xã hội tư sản hơn là phê phán   
chính bản thân xã hội tư sản. Hành động của các nhân vật được lý giải rất tinh vi về mặt cảm xúc - tâm lý, nhưng không phải bao giờ chúng cũng được đặt trong sự gắn bó hữu cơ với những mối dây quan hệ xã hội đã sản sinh ra chúng. Điều đó phần nào đã làm yếu chủ nghĩa hiện thực của Xvaig, mặc dù ông có tài quan sát chính xác. Nghệ thuật điển hình hóa trong việc xây dựng những hình tượng nghệ thuật sinh động, mang những đặc trưng rõ rệt của hoàn cảnh, chứng tỏ rằng ông là một nhà văn hiện thực xuất sắc.   
Xvaig quan niệm con đường cải tạo xã hội không phải kinh qua những biện pháp cách mạng, mà bằng cách tu dưỡng đạo đức, khơi gợi lòng trắc ẩn, tình thương, từ tâm đối với con người. Truyện *Nỗi kinh sợ* là một truyện biểu hiện nổi bật khuynh hướng hiện thực đồng thời cũng cho thấy khuynh hướng thỏa hiệp của ông : một nữ nhân vật đã đi ngoại tình vì chán ngán cuộc sống phong lưu nhưng tẻ nhạt, làm mất bản sắc con người. Nhưng thái độ kiên nhẫn, rộng lượng của người chồng đã đưa người vợ trở lại với đời sống gia đình êm ấm. Sự ca ngợi lòng nhân ái, coi đó là cái cứu vãn mối quan hệ ghẻ lạnh giữa người và người được thể hiện trong truyện *Hai mươi tư giờ trong đời một người đàn bà*. Sự hy sinh của nữ nhân vật dám vượt qua mọi khuôn khổ đạo đức, để cứu một gã trai tuyệt vọng sắp liều đời chỉ là một biểu hiện của lòng thiện, nhưng Xvaig coi đó là một liều thuốc có thể làm dịu những mâu thuẫn gay gắt của xã hội tư bản.   
Nhìn chung, các truyện của Xvaig đều vẽ nên một bức tranh với nhiều màu sắc u ám, chết chóc, nhiều đau thương. Đó cũng là bức tranh thực của xã hội tư sản đang thời kỳ bế tắc. Trong cảnh bế tắc ấy, những con người chính trực, có tấm lòng hồn nhiên đôn hậu, có tình cảm chân thành đều được Xvaig miêu tả bằng một ngòi bút thiết tha, trìu mến ( các nhân vật trẻ em trong " *Người nữ gia sư* ", *Menđen*, trong truyện ngắn cùng tên... ). Đặc biệt, Xvaig có thái độ hết sức trân trọng và thương cảm đối với " thân phận người đàn bà " trong cái xã hội mà phụ nữ vốn rất bị coi rẻ. Nữ nhân vật trong *Ngõ hẽm dưới ánh trăng* tuy phải đi làm cái nghề nhục nhã, nhưng về mặt tinh thần, nàng đứng cao hơn kẻ đã đẩy nàng xuống vực thẳm : nàng vẫn là con người biết tự trọng, kiêu hãnh giàu tình cảm, khao khát tự do cá nhân. Nhân vật nữ trong *Lá thư của người đàn bà không quen biết* cũng là một hình tượng đẹp, làm người đọc cảm động. Trong lời tựa cho bản dịch tuyển tập tác phẩm của Xvaig sang tiếng Nga, M.Gorki viết về truyện này như sau :   
" Tôi chưa từng biết một nghệ sĩ nào có thể viết về phụ nữ với tấm lòng trân trọng và trìu mến đến như thế ". Trong thư riêng gửi Xvaig, đề ngày 18-9-1923, Gorki viết rằng khi đọc truyện này ông " cười lớn vì vui mừng : anh viết hay quá chừng " và " khóc không hề biết hổ thẹn vì thương xót người đàn bà trong truyện ". Quả thực, tình yêu của người phụ nữ ấy là một tình yêu say đắm, trọn vẹn, trong trắng - không vì tiền, không vì tình dục, một tình yêu đầy hy sinh. Nàng vẫn giữ tâm hồn trinh bạch ngay cả khi phải bán mình để nuôi con, trái tim trước sau vẫn chỉ dành cho một người. Tính đam mê của tình yêu không làm mất đi cái vẻ đẹp tình cảm chung thuỷ của nàng. Số phận bi thảm của nàng càng làm nổi bật sức mạnh của tình yêu và của lòng tự trọng.   
Một số truyện ký danh nhân và lịch sử ở đây rút ra từ tập *Những giờ hồng phúc của nhân loại*. Tác phẩm này gồm một loạt những bức họa nhỏ, tái hiện những khoảnh khắc hiếm hoi, trọng đại trong sự sáng tạo của các cá nhân lỗi lạc, hoặc trong tiến trình của lịch sử. Quả là " tất cả những gì chân chính, bất diệt mà người nghệ sĩ sáng tạo được đều chỉ diễn ra trong những khoảnh khắc ngắn ngủi và hiếm hoi " ( *Thiên tài của một đêm*, *Bản bi ca Marienbat* ). Một khoảng thời gian cực ngắn có thể dồn chứa cơ man nào là sự kiện bình thường xảy ra trước đó và nó là sự đột biến về chất của những tích lũy về lượng.  
Trong công cuộc tìm kiếm sáng tạo, đôi khi thất bại của những cá nhân kiệt xuất cũng có giá trị như những thành tựu, vì nó kích thích tinh thần dũng cảm và sáng tạo của cả một dân tộc hay của toàn nhân loại ( *Đấu tranh giành Nam cực* ).   
Mỗi khám phá của cá nhân lỗi lạc hay của lịch sử bao giờ cũng phải trả giá bằng những đau khổ và hy sinh. Cái giá ấy như thế nào là tùy ở hoàn cảnh thuận lợi nhiều hay ít. Một số truyện về lịch sử chinh phục các vùng đất mới cũng cho thấy rõ " Tư bản ra đời đầm đìa những máu và bùn nhơ ở khắp mọi lỗ chân lông của nó " ( C. Mac ).   
Trong những kỳ tích hay sai lầm của cá nhân mà Xvaig miêu tả ở đây, hành động của cá nhân bao giờ cũng gắn liền với hoàn cảnh cụ thể, thường là ở những bước ngoặt lịch sử. ( *Thiên tài của một đêm*, *Giây phút mang tầm cỡ thế giới* ). Hoàn cảnh ngặt nghèo có khi lại thúc đẩy con người phát huy hết khả năng tiềm tàng trong bản thân, hướng những năng lực đang ngủ yên hoặc bị dùng chệch hướng vào con đường thực hiện những khám phá có tầm quan trọng lịch sử.   
Trong những truyện kể loại này, Xvaig tôn trọng tính chân thực trong việc trình bày các sự kiện, nhưng ông không làm công việc của nhà viết sử, mà tập trung chủ yếu vào việc miêu tả tính cách, ý chí, tài năng, diễn biến nội tâm các nhân vật. Điều đó làm câu chuyện trở nên hấp dẫn. Đồng thời, qua những truyện này, ta có thể thấy rõ thái độ quý trọng sâu sắc của tác giả đối với những giá trị văn hóa và những thành tựu tinh thần của con người.   
Tuy nhiên, quan điểm lịch sử của Xvaig bộc lộ ở đây cũng có phần chưa đúng. Ông có phần nào phóng đại vai trò của cá nhân quan trọng dẫn đến thất bại của Napôlêông trong trận Oateclô, nhưg dù sao đấy vẫn không phải là nguyên nhân quyết định vận mệnh của châu Âu.

\*  
Rômanh Rôlăng nhận xét về Xtêfan Xvaig : " *Xvaig yêu bằng trí tuệ và hiểu bằng trái tim* ". Hai đặc điểm này kết hợp một cách nhuần nhuyễn trong từng tác phẩm của ông.   
Về mặt nghệ thuật, điều trước tiên là tài kết cấu truyện của ông thật điêu luyện, bất cứ truyện nào của ông cũng có một sức lôi cuốn lạ lùng. Người đọc hồi hộp theo dõi sự phát triển tình tiết một cách căng thẳng; kịch tính trong số phận của các nhân vật mỗi lúc một tăng, cho đến khi câu chuyện kết thúc một cách bất ngờ mà vẫn hợp lý. Nhưng sức hấp dẫn đó không phải là do đề tài mới lạ, tình huống dị kỳ, mẫu người hiếm có. Trái lại, đề tài phần nhiều khá quen thuộc, cốt truyện chẳng mấy ly kỳ ( *Người nữ gia sư*, *Lá thư của người đàn bà không quen biết*..., *Hai mươi tư giờ trong đời một người đàn bà* ). Vậy thì sức hấp dẫn đó là do đâu ?   
Trước hết là vì trong cái bình thường hàng ngày, Xvaig biết phát hiện ra những xung đột ngấm ngầm đầy kịch tính. Sự hấp dẫn trong câu chuyện về cô gia sư chính là ở những diễn biến bí ẩn trong tâm hồn hai đứa trẻ dẫn đến sự xung đột không thể hòa giải giữa chúng với cha mẹ chúng và với thế giới của người lớn, nhưng những xung đột ấy lại không bộc lộ một cách công khai.   
Các truyện của Xvaig triển khai không dựa vào các biến cố, mà chủ yếu là theo sự diễn biến tâm lý, những giao động nội tâm, sự bùng nổ của dục vọng. Xvaig là bậc thầy về nghệ thuật phân tích tâm lý của nhân vật. Ông nhìn thấy và đã phơi bày ra những sợi dây tâm lý tinh vi nhất trong tâm hồn các nhân vật và cho ta thấy sự đan kết phức tạp giữa những tình cảm trái ngược diễn ra cùng một lúc trong một con người ( chẳng hạn, cuộc gặp gỡ giữa người đàn bà Anh và viên bác sĩ tại nhà ông ta ). Thủ pháp miêu tả tâm lý của Xvaig luôn luôn thay đổi, nhiều hình nhiều vẻ : sự miêu tả trực tiếp của tác giả, cử động của nhân vật, ngữ điệu của nhân vật phản ánh qua những thay đổi ngấm ngầm trong tâm hồn của họ, nhận xét của người thứ ba được nghe kể lại hoặc chứng kiến sự việc... Vì vậy cách miêu tả và phân tích tâm lý của Xvaig có sức thể hiện tình cảm rất mạnh và đạt hiệu quả thẫm mỹ rất lớn. Có thể nói ông có sự đóng góp mới mẻ, quan trọng cho văn học về mặt này. Tuy nhiên, việc quá say mê phân tích tâm lý, nghiên cứu tỉ mỉ và tái hiện những cảm xúc hết sức khó nắm bắt của nhân vật đôi khi cũng làm thiệt hại đến sự miêu tả tính cách nhân vật. Nhưng dù sao, mỗi truyện của Xvaig đều là một cấu tạo hài hòa, cân đối, trong đó mỗi chi tiết đều gắn bó với các chi tiết khác một cách hữu cơ.   
Sự nghiệp sáng tác của Xtêfan Xvaig, phong phú và đa dạng. Lần này, bước đầu, chúng tôi chỉ mới giới thiệu một truyện vừa ( *Amok* ) một ít truyện ngắn và ký của ông và hy vọng trong thời gian tới sẽ có thể giới thiệu các tác phẩm của ông nhiều hơn nữa.

**PHẠM MẠNH HÙNG**

**Stefan Zweig**

Tuyển tập truyện ngắn Stefan Zweig

Dịch giả : PHÙNG ĐỆ - LÊ THI

**AMOK HAY LÀ BỆNH ĐIÊN XỨ MALAIXIA**

Tháng 3 năm 1912 ở cảng Naplơ, trong lúc bốc dỡ hàng của một chiếc tàu lớn xuyên Đại tây dương, đã xảy ra một tai nạn lạ lùng mà báo chí đưa tin rộng rãi, nhưng vẽ rắn thêm chân cũng nhiều. Tuy là hành khách của chiếc tàu Oxênia đó, bản thân tôi cũng không chứng kiến gì nhiều hơn các hành khách khác về sự kiện lạ lùng này, bởi vì sự kiện xảy ra vào ban đêm, khi tàu ăn than và dỡ hàng hóa. Hơn nữa, để tránh sự ồn ào, tất cả chúng tôi đều lên bộ tiêu khiển thời giờ trong các quán cà phê hay các rạp hát. Tuy nhiên, theo tôi nghĩ, một số giả thiết mà ngày ấy tôi không đưa ra công khai, chứa đựng sự giải thích chân thực câu chuyện cảm động này; và bây giờ, đã nhiều năm trôi qua, vì vậy hẳn là tôi được phép sử dụng một câu chuyện tâm tình mà tôi được nghe ngay trước khi xảy ra biến cố lạ lùng đó.

\*   
\* \*

Khi ở hãng hàng hải Canquýtta, tôi muốn mua vé dành trước một chỗ trên tàu Ôxênia để trở về châu Âu, người nhân viên nhún vai, tỏ ý rất tiếc : ông ta không dám chắc có thể giữ cho tôi một buồng, bởi vì vào thời gian đó, tức là sắp đến mùa mưa, thường thường tàu đã chật ních từ khi rời Ôxtralia ( Australia).Và ông ta phải chờ một điện tín từ Xanhgapo cho biết rõ tình hình rồi mới trả lời tôi được.   
Hôm sau, ông ta báo cho tôi tin mừng là có thể dành cho tôi một chỗ, thực ra đấy chỉ là một căn buồng chẳng tiện lợi mấy, ở dưới boong tàu, vào khoang giữa. Vì nôn nóng muốn trở về nước, tôi không đắn đo lâu và nhận lấy căn buồng.   
Người nhân viên không nói dối, tàu chở quá nặng và căn buồng thật là tồi tệ : đó là một cái hộp vuông chật hẹp nằm chẹt bên cạnh đầu máy và chỉ được hưởng chút ánh sáng lờ mờ lọt qua khung cửa tròn bên hông tàu.   
Không khí đặc sệt tù hãm, nồng nặc mùi dầu và mùi mốc : người ta không thể, dù chỉ trong một phút, thoát khỏi tiếng ù ù của chiếc quạt điện như một con dơi bằng thép phát điên phát cuồng quay tít ngay trên đầu. Bên dưới, máy tàu thở phì phò, rên rỉ như một người vác tải than thở hổn hển không ngừng lên xuống mãi một cầu thang. Và ở bên trên, liên tiếp có tiếng chân người dạo chơi đi đi lại lại trên boong. Bởi vậy, liền sau khi đã mang chiếc rương đặt vào cái thứ nhà mồ nồng nặc đó, có vách ghép bằng những thanh   
ngang màu xám, là tôi chạy trốn ngay lên boong. Vừa lên khỏi hầm sâu, tôi hít thở ngọn gió từ đất liền thổi tới trên các làn sóng.   
Nhưng boong tàu cũng khó chịu và ồn ào không kém : đám người đi dạo chơi chen chúc, nhộn nhạo, bồn chồn nóng nảy vì bị giam hãm, bị đẩy vào tình trạng " nhàn cư ", họ hết đi lên lại đi xuống, tán gẫu không ngớt. Tiếng cười đùa ríu rít của phụ nữ, cái cảnh người đi lại không dứt trên hành lang hẹp của boong tàu, ở đó hành khách đổ dồn đến trước những chiếc ghế bành trong tiếng trò chuyện ầm ĩ, ai nói người ấy nghe - tất cả những điều đó không hiểu sao khiến tôi bứt rứt trong người.   
Tôi vừa chu du qua một thế giới mới lạ đối với tôi và còn giữ lại trong tâm trí một loạt hình ảnh chen lấn nhau trong một nhịp điệu điên cuồng. Lúc này tôi muốn suy nghĩ lại tất cả những gì đã nhìn thấy, gạn lọc và sắp xếp lại cho có thứ tự, định hình cho cái thế giới huyên náo đã ồ ạt tràn vào mắt tôi; nhưng ở đây, trên cái đại lộ đông nghịt những người là người này, không sao có một phút nghỉ ngơi và yên tĩnh. Nếu cầm sách đọc thì những dòng chữ sẽ nhòa đi bởi những bóng đen chuyển động hỗn độn mà đám người đang say chuyện, luôn luôn qua lại hắt xuống trang sách. Khó có thể tĩnh tâm được một chút trên cái hành lang đó của con tàu, một thứ đường phố không bóng rợp, tấp nập người qua lại.   
Suốt ba ngày, tôi cố tìm một chút vắng vẻ và nhẫn nại nhìn ngắm đám người và biển cả. Nhưng biển lúc nào cũng vẫn thế, xanh ngắt và hoang vắng, chỉ trừ lúc mặt trời lặn, mặt nước đột nhiên ngời lên những màu sắc sặc sỡ như ánh lửa pháo hoa; còn về con người thì tôi nhẵn mặt tất cả sau 3 lần 24 tiếng đồng hồ. Mỗi khuôn mặt đối với tôi đều trở nên quen thuộc đến chán ngấy; cả tiếng cười ré lên của phụ nữ cũng như cuộc tranh cãi ồn ào của hai viên sĩ quan Hà Lan ở cạnh tôi đều không làm tôi chú ý. Tôi chỉ còn cách trốn biệt đi chỗ khác, nhưng căn phòng của tôi thì nóng bức và ngột ngạt, còn trong phòng khách, mấy thiếu nữ người Anh không ngừng dạo dương cầm, những bài nhạc làm tội lỗ tai người khác, đệm cho những điệu vanxơ ngang phè. Cuối cùng, tôi cương quyết đảo lộn cách sắp xếp thời gian, và xuống buồng ngay từ lúc xế chiều, sau khi đã làm vài cốc bia cho chuếch choáng để có thể ngủ được trong khi mọi người đi ăn và khiêu vũ.   
Khi tôi thức giấc, tất cả đều tối om và ẩm ướt trong chiếc quan tài nhỏ, tức là căn buồng của tôi. Vì tôi đã tắt quạt, không khí đặc sệt và ẩm ướt làm thái dương tôi nóng bừng. Các giác quan tôi như còn ngái ngủ : phải mất nhiều phút sau tôi mới nhận biết bấy giờ là lúc nào và tôi đang ở đâu. Chắc chắn là đã quá nửa đêm, bởi vì không còn nghe thấy tiếng nhạc lẫn tiếng chân người bước liên tục nữa. Chỉ có chiếc đầu máy, trái tim hụt hơi của con quái vật khổng lồ vẫn hổn hển không ngừng, đẩy thân tàu tiến lên đè lướt sóng, dấn mình vào khoảng xa xăm mờ mịt.   
Tôi dò dẫm bước lên boong tàu. Ở đây vắng tanh. Và khi tôi ngước mắt nhìn cái trụ đang nhả khói của ống khói con tàu và các cột buồm thẳng đứng như những bóng ma, một làn ánh sáng lộng lẫy đột nhiên tràn ngập mắt tôi. Bầu trời sáng lấp lánh. Quanh những vì sao nhấp nháy những tia sáng trắng, vẫn là bóng đêm, nhưng dẫu sao bầu trời vẫn sáng chói. Có thể nói rằng một tấm màn nhung được căng ra chặn lấy luồng ánh sáng khủng khiếp, còn những vì sao chẳng qua chỉ là những vết nứt và những lỗ thủng của tấm màn nhung đã để cho ánh sáng chói không bút nào tả xiết ấy lọt qua. Chưa bao giờ tôi nhìn thấy một bầu trời như đêm hôm ấy, một màu xanh ánh thép nhưng lại hết sức rực rỡ, chói lọi, đầy tiếng xôn xao và tràn ngập ánh sáng, một thứ ánh sáng mờ ảo từ mặt trăng và các vì tinh tú rớt xuống và có thể nói là như được đốt lên từ một chiếc lò bí ẩn nào vậy. Tựa như một thứ sơn mài trắng, tất cả mọi đường nét của con tàu lấp lánh, lồ lộ dưới ánh trăng, trên nền nhung sẫm tối của mặt biển; thừng chão, trục buồm, mọi dụng cụ trên tàu, tất cả những đường viền đều biến mất trong khung cảnh huy hoàng lung linh đó : ánh sáng đèn trên những cột buồm và cao hơn nữa, bầu đèn tròn của chòi canh như treo lơ lửng trong khoảng không, như những ngôi sao nhợt nhạt của thế gian giữa những ngôi sao chói lọi của bầu trời.   
Ngay trên đỉnh đầu tôi, chòm sao chữ Thập phương Nam kỳ ảo bị đóng chặt vào cõi vô cùng bằng những chiếc đinh kim cương chói lòa, và hình như nó di chuyển, tuy thực ra chỉ có con tàu cho ta ảo giác vận động, con tàu nhẹ nhàng đu đưa, ngực thở hổn hển như một nhà bơi lội khổng lồ mở đường đi tới, lướt lên lướt xuống theo đà những ngọn sóng tối thẫm. Tôi đứng nhìn lên không trung, cảm thấy như mình đang tắm, nước nóng từ trên cao chảy xuống người, có điều là ở đây ánh sáng chảy trên hai bàn tay tôi, ánh sáng trắng và ấm, êm ái bao phủ lấy đôi vai và đầu và như muốn thấm vào cơ thể tôi, bởi vì bỗng nhiên tôi như tỉnh cơn mê. Tôi hít thở, cảm thấy được giải thoát và hoàn toàn thanh thản. Với một khoái cảm mới mẻ, tôi thưởng thức trên môi, như nếm một thứ nước uống trong veo, cái không khí êm dịu, trong vắt, ngây ngất men say vì thấm đượm hơi thở của trái cây và hương thơm từ những đảo xa đưa lại. Lúc này, lần đầu tiên từ khi tôi xuống tàu, một ước muốn thánh thiện xâm chiếm lấy tôi, ước muốn được mơ mộng - và một ham muốn khác, nhục dục hơn, làm cho tôi khao khát như một người đàn bà, được thả mình theo cái thú đê mê nó đang gò ép tôi từ bốn phía. Tôi muốn nằm dài ra, tầm mắt hướng về những tượng hình sáng trắng kia, nhưng những chiếc ghế bành ngồi nghỉ, những chiếc ghế tựa trên boong đã được cất đi hết cả, không có chỗ nào trên boong tàu vắng vẻ này để có thể thả hồn theo một mộng ước êm đềm.   
Vì vậy, vừa đi vừa dò dẫm tôi men dần đến mũi tàu, lóa mắt bởi thứ ánh sáng hình như từ những vật thể tỏa xuống mỗi lúc một thêm rực rỡ, để xâm nhập cơ thể tôi. Thứ ánh sáng đó của các vì tinh tú, trắng lạnh và chói lọi, đã làm cho tôi gần như đau đớn; nhưng tôi vẫn muốn ẩn mình vào chỗ nào trong bóng tối, nằm dài trên một chiếc chiếu, không còn cảm thấy bản thân mình, mà chỉ thấy bên trên thân thể mình, những tia phản quang ấy từ các vật thể, giống như người ta ngắm nhìn phong cảnh từ một căn phòng chìm trong bóng tối. Sau cùng, vừa đi vừa vấp vào thùng chão, vượt qua các dây sắt chằng cột buồm, tôi tới được thành tàu, đứng ngắm mũi con tàu tiến lên trong bóng tối, và ngắm ánh trăng như nước vọt lên và sủi bọt từ hai bên mũi nhọn con tàu. Chiếc cầy biển này không ngừng chồm lên rồi lại cắm sâu xuống lớp đất đen cuộn sóng, và trong cái trò chơi lấp lánh tia sáng này, tôi cảm thấy tất cả nỗi đau đớn của thiên nhiên bị chinh phục, tôi cảm thấy tất cả sự vui mừng của sức mạnh trần gian. Mải mê nhìn ngắm, tôi mất ý niệm về thời gian : tôi đứng tựa bao lơn tàu như thế đã một giờ hay chỉ mới trong vài phút ? Con tàu lắc lư theo nhịp sóng, như chiếc nôi khổng lồ ru tôi và cuốn tôi vượt ra ngoài thời gian. Tôi chỉ còn cảm thấy một điều : sự mệt mỏi đến với tôi, cái mệt mỏi giống như niềm khoái lạc. Tôi muốn ngủ, muốn mơ màng, nhưng không muốn xa lánh cái hấp dẫn ma quái này, không muốn xuống chiếc quan tài của tôi. Bất giác chân tôi đụng phải một cuộn thừng. Tôi ngồi xuống đó, mắt nhắm nghiền, mà cũng không tràn đầy bóng tối, bởi vì ánh sáng trắng bạc vẫn tỏa xuống mắt tôi, xuống người tôi. Tôi cảm thấy ở phía dưới, nước róc rách dịu dàng, và phía trên tôi sự lướt trôi của thế gian này, sự lướt trôi chan hòa ánh sáng trắng bạc cùng với tiếng âm vang khó nhận thấy. Dần dà tiếng thầm thì đó len lỏi vào mạch máu làm tôi mất ý niệm về hiện hữu : tôi không còn biết hơi thở này của tôi hay đó là tiếng đập của trái tim con tàu : tôi bị cuốn đi và tan ra trong tiếng rì rào không ngừng của thế giới ban đêm.

\*   
\* \*

Một tiếng ho khan khe khẽ vang ngay bên cạnh tôi làm tôi giật nảy mình. Tôi hốt hoảng choàng khỏi giấc mơ khiến tôi gần như say. Lóa mắt bởi thứ ánh sáng trắng chiếu rọi trên cặp mi vẫn nhắm nghiền từ lâu, tôi phải chớp chớp để cố nhìn vào nơi đó: ngay trước mặt tôi, trong bóng tối trên bao lơn tàu, lóng lánh như ánh phản chiếu của đôi tròng kính, tôi thấy một đốm lửa dầy đặc và tròn xoe lóe ra từ chiếc tẩu thuốc. Trước đây khi ngồi chăm chú nhìn mũi con tàu đầy bọt phía dưới hay chòm sao Thập tự trên đầu, rõ ràng là tôi đã không nhận ra sự có mặt của người bên cạnh vẫn ngồi không nhúc nhích ở đấy từ lâu. Trong lúc đầu óc còn mơ màng, bất giác tôi nói với anh ta: " Xin lỗi ". - " Không hề gì ", tiếng đáp thốt lên trong bóng đêm.   
Tôi không biết diễn tả cái tình trạng của chúng tôi ở cạnh nhau trong bóng tối, như chạm vào nhau mà không trông thấy nhau, nó vừa lạ kỳ lại vừa ghê rợn đến thế nào. Tự dưng tôi có cảm giác là người đàn ông đó đang nhìn tôi chằm chằm, cũng như mắt tôi đang nhìn anh ta chằm chằm, nhưng cái ánh sáng ở trên đầu chúng tôi, làn ánh sáng rập rờn trắng chói lọi ấy, nó mạnh đến nỗi chúng tôi nhìn nhau chỉ thấy người bên cạnh mình không khác gì một bóng đen lờ mờ trong đêm tối. Hình như tôi chỉ nghe thấy tiếng thở của anh ta và tiếng rít tẩu thuốc sè sè. Sự im lặng nặng nề không sao chịu đựng nổi khiến tôi định bỏ đi, nhưng tôi thấy làm như vậy đột ngột quá, sỗ sàng quá. Trong lúc lúng túng tôi rút một điếu thuốc lá. Diêm xòe lên và trong giât lát, ánh lửa lung linh rọi sáng khoảng không gian chật hẹp. Ngay lúc ấy tôi nhận ra, sau tròng kính, một khuôn mặt mà tôi chưa hề trông thấy trên tàu, cả trong bữa ăn, cả trong những lúc dạo chơi. Có thể ngọn lửa bất chợt làm lóa mắt, cũng có thể chỉ là một ảo giác, tôi cảm thấy khuôn mặt đó cực kỳ hoảng loạn, sầu thảm và như mặt một con quỷ dị hình. Nhưng trước khi tôi kịp nhận rõ chi tiết, bóng đêm lại nuốt chửng tất cả những đường nét mà ánh sáng đã soi tỏ trong một thoáng và tôi chỉ còn trông thấy một dáng hình rũ xuống trong đêm, và chốc chốc đốm lửa đỏ của tẩu thuốc lại lóe lên trong khoảng không. Chúng tôi ngồi đó, im lặng, cái im lặng nặng nề và bức bối như không khí vùng nhiệt đới vậy.   
Cuối cùng, không chịu nổi nữa, tôi đứng dậy và lễ phép nói: " Chúc anh ngủ ngon ". - " Chúc anh ngủ ngon ". Từ trong bóng tối có tiếng trả lời, giọng cứng rắn, khan lại, rè rè như bị han gỉ.   
Tôi bước đi một cách nặng nhọc, chốc chốc lại vấp vào những dụng cụ trên tàu và những tấm ván dầy. Nhưng sau lưng tôi có tiếng bước chân nặng nề, nhanh nhưng ngập ngừng. Đó chính là người đàn ông vừa rồi. Bất giác tôi đứng lại. Người đó không đến sát hẳn tôi, và trong bóng tối, tôi cảm thấy trong bước đi của anh ta hình như có một nỗi khắc khoải, đau buồn gì không rõ.   
- " Xin tha thứ cho tôi " - anh ta nói giọng dồn dập - " nếu tôi cầu xin ngài một điều, tôi... tôi... " - anh ta ấp úng và đành ngừng lời vì quá bối rối - " tôi, tôi có những lý do... riêng, hoàn toàn riêng tư, để lánh ra đây... Một cái tang... Tôi lẩn tránh sự giao tiếp trên tàu..., tôi không nói để ngài, không, không, tôi chỉ muốn cầu xin ngài... ngài. Tôi sẽ rất hàm ơn ngài nếu ngài không nói với ai trên tàu là ngài đã trông thấy tôi ở đây. Là vì... có những lý do riêng nó bắt buộc tôi lúc này... không được giao tiếp với người khác. Phải, lúc này... lúc này... sẽ rất rầy rà cho tôi nếu ngài nói rằng có một người ở đây, ban đêm, rằng tôi... "   
Anh ta lại nghẹn lời. Tôi vội vàng cam đoan với anh ta rằng tôi sẽ làm đúng như anh ta mong muốn, để anh ta hết bối rối. Chúng tôi bắt tay nhau. Rồi tôi trở lại căn phòng, lăn ra ngủ, một giấc ngủ nặng nề, thắc thỏm lạ kỳ và đầy rẫy những ảo ảnh hỗn độn.

\*   
\* \*

Tôi giữ lời hứa, không hé môi với ai trên tàu về cuộc gặp gỡ kỳ lạ đó, mặc dầu tôi rất muốn nói ra, bởi vì trong một chuyến đi biển, việc nhỏ nhặt nhất cũng trở thành một biến cố : một cánh buồm ở chân trời, một chuyện trăng hoa vừa bị phát hiện, một câu bông phèng. Đồng thời tính tò mò hành hạ tôi : tôi muốn biết rõ hơn về con người hơi khác thường đó : tôi lục lọi danh sách hành khách để tìm cho ra một cái tên có thể là tên người đó; tôi điểm mặt hành khách như tuồng họ có thể quan hệ gì với anh ta. Suốt cả ngày, tôi bồn chồn sốt ruột, mong chóng đến tối để xem có gặp lại anh ta nữa không. Những bí ẩn tâm lý có một uy quyền đáng lo ngại đối với tôi; con người tôi bừng bừng nôn nóng muốn khám phá ra mối liên hệ giữa các sự vật, và chỉ riêng sự có mặt của những con người kỳ dị cũng làm nổi dậy trong tôi một thứ say mê tìm hiểu, không kém mãnh liệt so với thú nhục dục nơi người đàn bà... Ngày đối với tôi rất dài, nó tan biến ra giữa các ngón tay tôi, chẳng để lại chút gì ngoài sự trống rỗng. Tôi đi nằm sớm : biết mình sẽ thức dậy vào nửa đêm, cái chuyện lạ đó sẽ lôi tôi ra khỏi giấc ngủ.   
Và quả nhiên tôi tỉnh giấc đúng vào giờ hôm trước. Trên mặt chiếc đồng hồ dạ quang, hai chiếc kim chập lên nhau chỉ còn là một gạch sáng. Tôi vội vã bước ra khỏi căn buồng ngột ngạt để đến với một đêm tối còn ngột ngạt hơn.   
Những ngôi sao vẫn lấp lánh như đêm hôm trước và tỏa ánh sáng bàng bạc trên con tàu lắc lư. Rất cao trên bầu trời, chòm sao Thập tự phương Nam sáng chói. Tất cả đều như đêm hôm qua, bởi vì ở miền nhiệt đới, ngày và đêm đối nghịch nhau chừng mực hơn ở miền chúng ta; duy có cảm giác đu đưa, bồng bềnh và mơ màng như đêm trước là không còn trong tôi nữa. Có cái gì lôi cuốn tôi, làm cho tôi bối rối và tôi biết mình bị cuốn hút tới đâu : tới chỗ kia, chỗ chằng chịt một đám dây nhợ đen thui ở mạn tàu, để xem con người bí ẩn đó có còn ngồi bất động ở đó hay không. Phía trên vang lên tiếng chuông của con tàu; lúc đó tôi để mặc cho mình bị lôi cuốn đi. Bước từng bước một, bị giằng xé giữa sự chống cưỡng và lòng ham muốn, chân tôi cứ bước hoài. Chưa tới mũi tàu, bỗng nhiên tôi thấy xuất hiện cái gì như một con mắt đỏ lừ. Đó là chiếc tẩu thuốc lá. Vậy là anh ta ở đó rồi.   
Bất giác tôi rùng mình hoảng sợ và dừng lại. Thiếu chút nữa tôi đã bỏ đi. Nhưng kìa, trong bóng tối, có cái gì động đậy, đứng lên, bước hai bước, và đột nhiên, tôi nghe tiếng anh ta trước mặt tôi, vừa lễ độ, vừa buồn nản :   
" Xin lỗi " - anh ta nói - " Tôi thấy hình như ngài muốn đến chỗ hôm trước ngài đã đến và tôi có cảm tưởng rằng vừa nhận ra tôi, ngài định lảng tránh... xin ngài cứ yên tâm ngồi đây, tôi sẽ đi nơi khác ".   
Tôi khẩn thiết nài anh ta ở lại : tôi đứng ở phía sau là chỉ để khỏi làm phiền anh ta.   
" Ngài không hề làm phiền tôi ", - anh ta nói, giọng pha chút đắng cay, - " ngược lại, tôi sung sướng vì ít ra cũng được một lần không bị cô đơn. Từ mười ngày nay tôi chưa nói một câu nào. Thực tình, từ nhiều năm nay... và nếu cứ giữ mãi tất cả trong lòng thì thật là đau khổ, có lẽ chính điều đó nó làm nghẹt thở... Tôi không thể ở lại trong buồng, trong chiếc... quan tài đó... Tôi không chịu nổi nữa và tôi cũng không thể chịu đựng được đám đông, vì họ cười suốt ngày... Cái đó bây giờ, tôi không chịu nổi nữa. Ở tận trong buồng mà còn nghe thấy tiếng họ và tôi phải bịt tai lại. Rõ ràng họ không biết... Không, họ không biết... Vả lại, điều đó có nghĩa lý gì đối với những người ngoài cuộc... ".   
Anh ta dừng lại lần nữa và bỗng nhiên vội vã nói thêm :   
" Nhưng tôi không muốn quấy rầy ngài... xin ngài tha lỗi về câu chuyện phiếm của tôi. "   
Anh ta nghiêng mình và định bỏ đi. Nhưng tôi năn nỉ giữ anh ta lại.   
" Ông không hề quấy rầy tôi chứ. Tôi cũng vậy, tôi rất sung sướng được nói chuyện với ông ở đây, trong khung cảnh yên tĩnh... Ông hút với tôi điếu thuốc ? " .   
Tôi châm lửa cho anh ta. Khuôn mặt anh ta lại hiện rõ trong bóng tối, lung linh trên cái nền đen của mạn tàu, nhưng lúc này anh ta quay hẳn về phía tôi : sau cặp kính, mắt anh ta háo hức dò xét khuôn mặt tôi, cặp mắt như bị kích động trong cơn mê sảng. Tôi rùng mình. Tôi biết rằng con người này muốn nói, anh ta phải được nói ra. Và tôi thấy mình cần lặng im để giúp anh ta nói ra.   
Còn một chiếc ghế tựa thứ hai trên boong; anh ta mời tôi ngồi. Chúng tôi ngồi xuống. Điếu thuốc của chúng tôi lấp loé. Cứ nhìn cái chấm sáng ở điếu thuốc của anh ta nhảy nhót cuồng loạn trong bóng tối, tôi biết là tay anh ta run. Nhưng tôi im lặng và anh ta cũng lặng im. Rồi bỗng nhiên anh hạ giọng hỏi tôi :   
" - Ngài mệt lắm phải không ? "   
" - Không, tôi không mệt tí nào. "   
Giọng nói trong bóng tối lại ngập ngừng :   
" - Tôi cầu xin ngài một điều. Nghĩa là tôi...   
Giọng nói trong bóng tối lại ngập ngừng :   
" Tôi cầu xin ngài một điều. Nghĩa là tôi muốn kể cho ngài nghe... Tôi biết, về phần tôi... tôi biết, về phần tôi... thật là vô lý khi ngỏ lời như vậy với một người mới thoạt gặp... Nhưng mà tôi... tôi đang ở trong một trạng thái tâm thần khủng khiếp... đến mức mà nhất thiết tôi phải nói với một người nào đó, nếu không, tôi chết mất... Ngài sẽ hiểu tôi khi, vâng, khi tôi đã kể cho ngài nghe... Tôi biết rằng ngài sẽ không thể giúp đỡ tôi được, nhưng sự câm lặng này, làm cho tôi phát ốm... và người ốm thì bao giờ cũng lố bịch trước con mắt mọi người... "   
Tôi ngắt lời anh ta và xin anh ta đừng tự dày vò mình. Nếu anh ta rất muốn kể cho tôi nghe... Tất nhiên tôi không thể hứa với anh ta điều gì, nhưng ít ra tôi cũng có bổn phận bày tỏ thiện chí ít nhiều. Khi ta thấy một người nào lâm vào cảnh khốn quẫn, tất nhiên là ta phải giúp đỡ...   
" Bổn phận... bày tỏ ít nhiều thiện chí... nghĩa là bổn phận phải có... Vậy thì ngài cũng thế, ngài cũng nghĩ rằng người ta có một bổn phận nào đó, có bổn phận, có thiện chí giúp người khác mà ".   
Ba lần anh ta nhắc lại câu đó. Cái lối nhắc lại một cách mập mờ và ngớ ngẩn như vậy làm tôi sởn gai ốc. Người này điên chăng ? Hay là say rượu ?   
Nhưng, như thể điều ước đoán đó đã buột ra khỏi miệng tôi và anh ta đã nghe thấy, anh ta bỗng nói bằng một giọng khác hẳn.   
" Ngài cho rằng có thể là tôi say hoặc tôi điên chăng ? Không, không phải thế. Tôi chưa đến nỗi thế... Có điều những lời ngài nói làm tôi xúc động lạ lùng... Rất lạ lùng, bởi vì chính điều đó đang dày vò tôi; tôi muốn biết rằng người ta có nghĩa vụ gì không ?... Cái nghĩa vụ...   
Anh ta hãy còn ấp úng. Rồi anh ta ngừng bặt.   
Và lại nói tiếp :   
" - Ngài nên biết rằng tôi là thầy thuốc. Và đối với người thầy thuốc thường có những trường hợp như vậy, những trường hợp đến kinh khủng... phải nói là những trường hợp cấp bách mà ta không hiểu ta có nghĩa vụ hay không... Thực ra thì không phải chỉ là một nghĩa vụ duy nhất - nghĩa vụ đối với người khác - nhưng còn có nghĩa vụ đối với bản thân mình, nghĩa vụ đối với Nhà nước và một nghĩa vụ khác đối với khoa học... Phải sẵn sàng giúp đỡ người khác, nhất định là như vậy, đấy chính là nghĩa vụ của người thầy thuốc. Nhưng câu châm ngôn đó mãi mãi vẫn là lý thuyết... Quả vậy, ta phải sẵn lòng cứu giúp đến mức độ nào ? Ngài là người ngoài cuộc, và đối với ngài, tôi là người xa lạ, và tôi xin ngài đừng nói với ai là đã gặp tôi : được, ngài im lặng; ngài đã làm tròn nghĩa vụ đó... Tôi cầu xin ngài nói chuyện với tôi, bởi lẽ tôi đang muốn chết vì phải nín lặng... Ngài sẵn lòng nghe tôi... Được, đó là việc dễ làm. Nhưng nếu tôi cầu xin ngài túm lấy tôi và ném tôi xuống biển... Đến đây, chắc chắn là nhã ý cũng như sự sẵn lòng giúp đỡ sẽ ngừng lại. Chắc chắn là phải có một giới hạn nào đó... giới hạn ấy nằm ở chỗ có liên quan đến sự sống còn của bản thân ngài, đến trách nhiệm của ngài bị thử thách... Dứt khoát là phải có cái giới hạn này... Nhất định nghĩa vụ cũng phải có giới hạn. Hay có lẽ, đối với người thầy thuốc, nghĩa vụ không dừng lại ở chỗ nào cả ? Lẽ nào thầy thuốc phải là cứu tinh, là ân nhân của cả thiên hạ, duy nhất chỉ vì người đó có mảnh bằng với mấy chữ La Tinh ? Phải chăng thực sự người thầy thuốc có bổn phận hy sinh đời mình và lo sợ thất thần khi có một người đàn bà... ờ, khi một người đến nài xin anh ta tỏ ra cao thượng, sẵn lòng cứu giúp và có lòng từ thiện ? Phải, nghĩa vụ sẽ phải dừng lại ở một chỗ nào đó... khi người ta không còn khả năng hoàn thành nghĩa vụ nữa, đúng là ở chỗ... "   
Anh ta lại ngừng bặt và đột nhiên đứng dậy.   
" Xin lỗi... hiện tôi đang bị kích động... nhưng không phải là tôi say... tôi chưa say... Đấy là điều giờ đây thường xảy đến với tôi trong hoàn cảnh cô đơn quái đản này, tôi xin thẳng thắn thú thật với ngài như vậy. Ngài thử nghĩ xem, đã bảy năm nay, tôi hầu như chỉ sống giữa những người bản xứ và bầy súc vật... lâu rồi người ta quên mất cách nói năng ung dung đĩnh đạc. Và đến khi bắt đầu thổ lộ tâm tình thì lập tức lại nói lia lịa... Nhưng xin ngài hãy khoan... vâng, bâygiờ tôi biết rồi... tôi muốn hỏi ngài, tôi muốn trình bày với ngài một trường hợp trong đó cần phải biết người ta có nghĩa vụ giúp đỡ hay không... giúp đỡ với tấm lòng chân thành của một thiên thần, người ta... Tuy nhiên, tôi sợ câu chuyện kéo dài... Quả thực là ngài không mệt chứ ? ".   
" - Không, không mệt chút nào ".   
" - Tôi... tôi cảm ơn ngài. Ngài uống cái này một chút ? ".   
Anh ta sờ soạng trong bóng tối phía sau. Tôi nghe thấy tiếng cốc thủy tinh, tiếng chai va chạm, hai, ba, nhiều cái chai để ngay cạnh. Anh ta mời tôi một cốc Uytky, tôi chỉ nhấp môi tí chút trong khi anh ta cầm cốc nốc liền một hơi. Trong giây lát, giữa chúng tôi im lặng. Tiếng chuông vang lên : đã 12 giờ rưỡi khuya.

\*   
\* \*

" Bây giờ, tôi muốn kể ngài nghe câu chuyện dưới đây. Giả dụ rằng có một người thầy thuốc ở một... tỉnh nhỏ... hoặc hơn nữa ở nông thôn... một thầy thuốc, anh ta... một thầy thuốc, anh ta... ".   
Anh ta dừng lại ngừng lời. Rồi đột nhiên anh ta xích ghế lại gần tôi :   
" Không, không phải như vậy. Tôi phải kể hết với ngài, từ đầu chí cuối, nếu không, ngài không hiểu nổi...   
Một câu chuyện như vậy, một câu chuyện tương tự, không thể trình bày coi như ví dụ, như một lý thuyết... Tôi phải kể với ngài câu chuyện về chính bản thân tôi. Ở đấy không có gì đáng hổ thẹn, không có gì phải giấu giếm. Trước mặt tôi người ta cũng từng đã cởi truồng phơi bày với tôi chấy rận, nước tiểu và phân của họ kia mà... Đã cầu xin người ta cứu giúp thì không nên quanh co, phải nói hết. Vậy thì tôi sắp kể với ngài không phải là trường hợp của một thầy thuốc tưởng tượng. Tôi tự phơi trần thân thể tôi ra và tôi nói : Tôi... Tôi đã quên không còn biết hổ thẹn là gì trong cuộc sống cô đơn ghê rợn ấy, trong cái xứ chết tiệt, nó gặm nhấm tâm hồn ta, nó hút tuỷ sống của ta... "   
Hẳn tôi đã có một cử chỉ gì đó bởi vì anh ta ngừng lời.   
" À, ngài phản đối... tôi hiểu điều đó. Ngài mang trong lòng tình cảm nhiệt thành với đất nước Ấn Độ, đối với những đền thờ và những cây cọ - tất cả những gì là lãng mạn của một cuộc du lịch hai tháng trời - Phải, nó có sức cám dỗ ghê gớm lắm, nhưng miền nhiệt đới ấy, khi ta nhìn nó từ đường xe lửa, từ ô tô hay từ xe tay; và tôi, khi lần đầu tiên cách đây bảy năm tới xứ này, cảm tưởng của tôi cũng như thế. Khi ấy còn thiếu điều gì tôi không mơ ước ? Tôi muốn học ngoại ngữ, muốn đọc sách kinh trong nguyên bản; muốn nghiên cứu tâm hồn người dân bản xứ - vâng, trong tiếng lóng Âu châu người ta gọi như vậy - nói vắn tắt là muốn trở thành một sứ giả truyền bá lòng nhân đạo và truyền bá văn minh, tất cả những người đến với nguyện vọng đó, đều mơ mộng như vậy cả. Nhưng, trong cái lồng ấp nghẹt thở ấy mà du khách không nhìn thấy, người ta bị mất sức rất nhanh : bệnh sốt rét - dù có nuốt bao nhiêu kháng sinh cũng vẫn cứ mắc bệnh như thường, bệnh sốt rét phá huỷ thân thể người ta; người ta trở nên uể oải và lười biếng, người ta trở thành một con gà mái bị nhúng vào nước, một loài nhuyễn thể thực sự. Người Âu châu có thể nói không còn là mình nữa; một khi từ những thành phố lớn, họ đi đến một trong những chốn đáng nguyền rủa mất hút giữa đầm lầy ấy; sớm hay muộn người nào cũng phải chịu một đòn chí mạng : người thì hóa ra nghiện rượu, kẻ nghiện thuốc phiện, lại có kẻ chỉ nghĩ đến đánh đập người khác và trở thành hung bạo, tóm lại, người nào cũng nhiễm cái bệnh điên của mình. Người ta nhớ châu Âu, người ta mơ đến một ngày nào đó lại được đi ngoài đường phố, ngồi trong một căn phòng sáng sủa bằng đá, giữa những người da trắng. Suốt nhiều năm trời, người ta ước mơ điều đó, và rồi đến lúc được nghỉ phép thì người ta đã trở nên quá lười biếng đến không còn buồn đi nữa. Họ biết rằng ở châu Âu họ đã bị lãng quên không còn ai biết tới họ và họ chỉ như con sò trong biển cả, một con sò mà mỗi người đều xéo dưới chân ! Chính vì vậy mà người ta ở lại, người ta trở nên đần độn và hư hỏng trong vùng rừng rú nóng bức và ẩm thấp đó. Thật đáng nguyền rủa cái ngày mà tôi tự bán mình cho nơi khỉ ho cò gáy đáng kinh tởm này...   
" Vả lại, cũng không phải là tôi hoàn toàn tự nguyện. Tôi đã theo học ở Đức, đã trở thành bác sĩ y khoa, một thầy thuốc lành nghề nữa là đằng khác và được giữ một chức vụ khá trong một bệnh viện ở Lai-xích; và thời kỳ đó, trong một tờ báo Y học ( Medizinische Blactter ) mà tôi không còn nhớ là số nào nữa, người ta đã bàn tán nhiều xung quanh một loại thuốc tiêm mới mà tôi là người đầu tiên đem dùng.   
" Rồi xảy đến một câu chuyện đàn bà : một cô gái mà tôi quen ở bệnh viện đã làm cho người tình của cô ta phát điên đến nỗi anh ta bắn cho cô một phát súng lục, và chẳng bao lâu, tôi cũng phát điên như anh ta luôn. Cô ta tỏ vẻ kiêu kỳ và lạnh lùng đến nỗi làm tôi nổi khùng; tôi vốn bị hành hạ bởi những người phụ nữ kiêu kỳ và táo tợn, nhưng cô này đày đọa tôi, bắt tôi phải cúi mình quá thấp. Tôi làm theo tất cả những ý muốn của cô ta... tôi...   
" Mà này ! Tại sao tôi không thú thật đi, khi việc đó xảy ra cách đây đã tám năm rồi ? Vì cô ta, tôi đã tiêu thụt tiền quỹ của bệnh viện, và khi sự việc vỡ lở, giông bão mới nổi lên. Một ông chú tôi đã đền bù đủ số thâm thụt, nhưng sự nghiệp của tôi thế là đi đời. Chính lúc ấy tôi được tin chính phủ Hà Lan tuyển mộ thầy thuốc cho xứ thuộc địa và họ cho ứng tiền trước.   
Tôi nghĩ ngay đây hẳn là một công việc chẳng béo bở gì nên người ta... người ta mới ứng tiền trước như vậy. Tôi biết rằng trong những đồn điền nơi bệnh sốt rét tác oai tác quái, số cây thập ác trên mộ tăng nhanh hơn ở đất nước chúng tôi gấp ba lần. Nhưng khi người ta còn trẻ, người ta cho rằng bệnh sốt rét và sự chết chóc bao giờ cũng chỉ giáng lên đầu kẻ khác. Tóm lại, tôi không hề lựa chọn, tôi đi Rốttécđam và ký hợp đồng mười năm, tôi lĩnh một xấp bạc dầy và gửi cho chú tôi một nửa, còn nửa kia làm mồi cho một trong những cô gái gặp trong xóm cảng và cô ta đã bòn tôi bằng hết, chỉ là vì cô ta giống con mèo cái trời đánh trước kia. Sau đó, không tiền, không đồng hồ, không ảo mộng, tôi quay lưng lại với châu Âu, và tôi không mảy may buồn rầu khi tàu rời khỏi cảng.   
" Tôi ngồi trên boong tàu, đúng như ngài lúc này đây, như mọi người khác, và một hôm, tôi chợt thấy chòm sao Thập tự phương Nam và những cây cọ, và lòng tôi hớn hở. Chà, những khu rừng, nỗi cô đơn, sự trầm mặc khiến lòng tôi tràn đầy mộng ước.   
" Ồ ! Gì chứ, sự cô đơn thì tôi sẽ không thiếu... Người ta không cử tôi đi Batavia hay Sôerabaya, một thành phố có những con người, những câu lạc bộ, trò chơi gôn, sách vở, báo chí - nhưng tên gọi nào có quan trọng gì - người ta điều tôi đến một trạm hẻo lánh phải đi mất hai ngày trời mới tới thành phố gần nhất. Vài viên công chức buồn tẻ và gầy đét, hai kẻ " dở ông dở thằng ", đấy là tất cả cái xã hội của tôi, ngoài ra, xung quanh tôi chỉ là rừng rú, đồn điền, đồng hoang, bụi rậm và đầm lầy.   
"Trong khi còn chịu đựng được. Tôi lao vào nghiên cứu đủ thứ. Một hôm, ông phó sứ, trong lúc đi kinh lý, bị gãy chân vì ô tô đổ, một mình tôi làm phẫu thuật, việc này làm người ta nói đến khá nhiều. Tôi sưu tập các thứ thuốc độc và vũ khí của người bản xứ, làm hàng trăm việc vặt để giữ vững tinh thần.   
" Nhưng cũng chỉ duy trì được tinh thần chừng nào, nghị lực tôi mang từ châu Âu tới vẫn còn; sau đó tôi cằn cỗi đi. Mấy người Âu hiếm hoi mà tôi gặp chỉ làm cho tôi buồn chán; tôi cắt đứt mọi quan hệ với họ và bắt đầu uống rượu, đắm mình trong những mộng tưởng cô đơn.   
" Tôi chỉ còn phải kiên gan chờ đợi 2 năm nữa : sau đó, tôi sẽ được tự do và sẽ có một khoản tiền trợ cấp; tôi sẽ có thể trở về châu Âu để làm lại cuộc đời. Nói thật ra, tôi chỉ còn có việc chờ đợi, tôi ung dung nằm chờ, và tôi sẽ còn cứ chờ đợi như vậy nếu bà ta..., nếu điều đó không xảy đến ".   
Tiếng nói trong bóng tối ngừng bặt, chiếc tẩu không cháy nữa. Xung quanh yên ắng đến nỗi đột nhiên tôi lại nghe thấy tiếng nước réo ngầu bọt đập vào bên mạn tàu, và cả tiếng con tim máy tàu đập nghe trầm trầm và xa xa. Tôi rất muốn châm một điếu thuốc, nhưng lại sợ cái ánh sáng chói của que diêm và ánh phản chiếu của nó trên khuôn mặt con người không quen này.   
Anh ta im bặt, vẫn im bặt. Tôi không biết anh đã kể hết chưa, hay anh đang mơ màng hay là đã ngủ, anh ta hoàn toàn im bặt.   
Lúc đó chuông tàu vang lên một tiếng khô khan và mạnh mẽ : Đã một giờ sáng. Anh ta đứng lên đột ngột, tôi lại nghe thấy tiếng cốc va chạm. Rõ ràng là tay anh sờ soạng tìm chai Uytki. Tôi nghe tiếng lọc ọc rồi bỗng nhiên anh ta lại cất tiếng nói nhưng lúc này có thể nói là căng thẳng hơn, tha thiết hơn :   
" Vậy thì... xin ngài đợi một chút... Vâng, tôi nhớ ra rồi... Tôi ở đấy, trong cái hang chết tiệt của tôi, tôi ở đấy như một con nhện trong tấm lưới của nó, bất động, đã hàng mấy tháng trời. Lúc đó, đúng là ngay sau mùa mưa : Suốt tuần lễ này đến tuần lễ khác nước mưa quất đập trên mái nhà. Không có một người khách, không một người Âu nào. Hàng ngày tôi ngồi lỳ ở nhà với những người đàn bà da vàng và những chai rượu Uytki hảo hạng. Lúc ấy tôi hoàn toàn bạc nhược ; tôi nhớ châu Âu, nhớ da diết, khi đọc một cuốn truyện nói về những phố xá sáng sủa và những phụ nữ da trắng, ngón tay tôi bắt đầu run lên. Tôi không thể tả lại thực đúng cái tâm trạng của tôi lúc ấy với ngài, đó là một thứ bệnh vùng nhiệt đới, một nỗi nhớ điên cuồng nhưng lại làm ta suy nhược đôi khi xâm chiếm ta. Thế là, một hôm tôi cúi xuống một tập bản đồ, tôi nhớ rõ là như vậy và mơ tới những cuộc du lịch. Đột nhiên có tiếng gõ cửa, anh bồi của tôi ở bên ngoài cùng với một trong những người đàn bà ; cả hai đều trố mắt ra vì ngạc nhiên. Họ khua chân múa tay : có một bà, một lady (1), một phụ nữ da trắng.   
" Tôi đứng phắt dậy. Tôi không nghe thấy tiếng xe ngựa, cũng không nghe thấy tiếng ô tô. Một phụ nữ da trắng đến đây, giữa nơi hoang vu này ?   
" Tôi đã toan bước xuống cầu thang, nhưng vội quay trở lại. Tôi thoáng nhìn vào gương và vội vàng sửa sang lại quần áo đôi chút. Tôi bồn chồn, lo ngại như bị dằn vặt bởi một linh tính chẳng lành, vì tôi không quen ai trên đời này có thể đến với tôi vì tình bạn. Cuối cùng, tôi xuống nhà.   
" Trong phòng ngoài, người đàn bà đang chờ; bà ta hấp tấp tiến đến trước mặt tôi. Một tấm khăn choàng của người đi ô tô che kín mặt bà ta. Tôi định chào nhưng bà ta đã mau miệng cướp lời :   
" - Chào bác sĩ ", bà ta nói bằng thứ tiếng Anh lưu loát ( hơi quá lưu loát là đằng khác và như đã nhẩm thuộc từ trước ).   
" Xin thứ lỗi nếu tôi đến có hơi đường đột. Chúng tôi ở ngoài trạm, xe hơi của chúng tôi dừng lại đấy " - Tại sao bà ta lại không đi ô tô đến tại đây, ý nghĩ đó thoáng qua trong óc tôi như một tia chớp. "Tôi chợt nhớ rằng ông ở đây. Tôi đã nghe nói nhiều về ông. Ông quả là đã làm một phép lạ giúp ông phó sứ, chân ông ấy đã hoàn toàn trở lại bình thường và ông ta đã chơi gôn được như trước. Ồ vâng, bọn chúng tôi vẫn còn nhắc đến chuyện đó, và tất cả chúng tôi đều sẵn lòng hê đi ông y sĩ ngoại khoa hay càu nhàu của chúng tôi và luôn cả hai người nữa, nếu như ông đến với chúng tôi. À này, tại sao người ta không thấy ông đến đấy bao giờ ? Ông sống thật như một nhà đạo sĩ Yôga.   
Và bà ta tiếp tục nói huyên thuyên như vậy, mỗi lúc một nhanh, không để tôi chen vào câu nào. Cái lối nói ồn ào, dông dài ấy bộc lộ một cái gì nôn nóng và lo lắng khiến bản thân tôi cũng cảm thấy hơi bối rối. Tôi tự hỏi, tại sao bà ta nói nhiều thế ? Tại sao bà ta không tự giới thiệu ? Tại sao bà ta không bỏ tấm voan che mặt ra ? Bà ta lên cơn sốt chăng ? Bà ta có ốm không ? Bà ta có điên hay không ? Mỗi lúc tôi càng sốt ruột vì tự thấy mình lố bịch khi đứng như thế trước mặt bà ta, bị chìm ngập trong những lời thao thao bất tuyệt của bà ta. Cuối cùng, bà ta ngừng lại một tí và tôi mời được bà ta lên lầu. Bà ta ra hiệu cho người bồi ở lại và bà ta đi trước tôi lên cầu thang. " Ở đây thanh nhã quá ", bà ta vừa nói vừa đưa mắt nhìn căn phòng của tôi. " Ồ, những cuốn sách đẹp quá ! Tôi muốn đọc hết tất cả ". Bà ta tiến về phía giá sách và nhìn lướt tên các cuốn sách. Từ lúc bước chân đến đây, lần đầu tiên bà ta im tiếng được một phút.   
" - Tôi có thể mời bà một chút trà được không ? " Tôi hỏi. " - Không, cảm ơn bác sĩ " bà ta nói, không quay lại, cứ tiếp tục xem tên các cuốn sách – " Chúng tôi phải đi ngay, tôi không có nhiều thời giờ... chúng tôi chỉ làm một cuộc du ngoạn rất ngắn. À, ông có cả Flôbe. Tôi thích đọc nhà văn này lắm ! Thật đáng khâm phục... khâm phục hết chỗ nói. Cuốn " Giáo dục tình cảm " (2)... Tôi thấy rằng ông còn đọc cả tiếng Pháp nữa, kiến thức của ông rộng thật. Ở nhà trường, người Đức được học mọi thứ. Biết nhiều ngoại ngữ như thế thật tuyệt vời ! Ông phó sứ chỉ phục có ông thôi; với ai, ông ấy cũng nói rằng ông là người độc nhất cầm dao mổ mà ông ấy dám phó thác sinh mạng của mình. Ông bác sĩ của khỉ của chúng tôi ở đằng ấy thì chỉ giỏi đánh bài tây. Nhưng này, bác sĩ ạ " - và ngay cả khi nói câu nói này bà ta cũng vẫn không quay về phía tôi - " Hôm nay tôi nảy ra ý nghĩ muốn nhờ ông khám, mà cũng vì nhân đúng lúc đi qua trước cửa nhà ông, tôi nghĩ là... Nhưng có lẽ lúc này ông đang bận nhiều việc, có lẽ khi khác tôi quay trở lại thì hơn ".   
" Vậy là cô mình đã lật con bài của cô mình ra rồi đó "... lập tức tôi nghĩ bụng như vậy, nhưng tôi không tỏ ý gì hết, chỉ nói với bà ta là lúc nào tôi cũng lấy làm hân hạnh được phục vụ bà ta, ngay bây giờ hoặc là lúc nào bà ta cần đến.   
" Không có gì nghiêm trọng cả đâu ", bà ta vừa nói vừa quay nửa người lại, vừa lật vài trang cuốn sách bà ta lấy trên ngăn xuống - " không có gì nghiêm trọng... chuyện vặt vãnh thôi mà... những cái vặt vãnh của đàn bà... những cơn chóng mặt mệt mỏi... Sáng nay, khi xe chúng tôi quành một đường vòng, bỗng nhiên tôi gục xuống và ngất đi... Người bồi đã phải đỡ tôi trong xe và đi tìm nước... Có lẽ tại tài xế lái quá nhanh... Ông có nghĩ như vậy không, thưa bác sĩ ? "   
" - Tôi chưa thể kết luận ngay được. Bà có hay bị mệt mỏi như vậy bao giờ không ? "   
" - Không... à có, thời gian gần đây thôi... vâng, rất gần đây thôi... đúng như vậy... nhiều lúc thấy mệt mỏi và buồn nôn ".   
Bà ta lại đứng sững trước tủ sách, đặt một cuốn sách lại chỗ cũ, lấy một cuốn sách khác và bắt đầu lật các trang sách. Thật lạ kỳ. Vì sao bà ta cứ lật đi lật lại các trang sách... với vẻ bồn chồn nóng nảy như vậy ? Vì sao bà ta không ngước mắt lên dưới tấm khăn choàng che mặt ? Tôi cố tình không nói gì. Tôi thích thú bắt bà ta phải chờ đợi. Cuối cùng, bà ta lại bắt đầu nói, vẫn cái lối nói vừa uể oải vừa huyên thuyên của bà ta.   
" - Có phải không, thưa bác sĩ, không có gì nghiêm trọng chứ ? Không dính dáng gì đến thứ bệnh nhiệt đới... không có gì nguy hiểm cả... "   
" - Trước hết tôi cần xem bà có bị sốt hay không đã. Tôi có thể xem mạch cho bà chứ ? "   
Tôi tiến về phía bà ta, nhưng bà ta nhẹ nhàng lách ra " Không, không, tôi không bị sốt... chắc chắn là như vậy, chắc chắn là tôi không bị... Tôi vẫn cặp nhiệt hàng ngày từ... từ khi xảy ra có những cơn mệt mỏi đó... chưa bao giờ tôi bị sốt, lúc nào cũng đúng 3604 trên vạch nhiệt kế. Dạ dày của tôi cũng hoàn toàn tốt ".   
" Tôi ngần ngừ một lát. Từ nãy đến giờ tôi đã thấy ngờ vực; tôi cảm thấy người đàn bà này muốn cầu xin tôi điều gì. Không ai đến chốn hoang vu này để nói chuyện về Flôbe cả. Tôi để bà ta chờ đợi một phút, rồi một phút nữa.   
" - Xin lỗi bà - tôi nói một cách dứt khoát - bà cho phép tôi tự do hỏi bà vài câu được không ạ ?   
" - Được chứ, thưa bác sĩ... Ông là thấy thuốc cơ mà, - bà ta trả lời.   
Nhưng bà ta đã quay lưng lại và bắt đầu giở xem những cuốn sách.   
" - Bà đã có con chưa ? "   
" - Có, một cháu trai ".   
" - Và bà có... trước kia, tôi muốn nói lúc ấy... bà đã có những cơn rối loạn tương tự như vậy không ? "   
" - Thưa có. "   
Giọng nói của bà bây giờ khác hẳn. Rành rọt, cả quyết không dài dòng chút nào, không một chút nỏng nảy.   
" - Và liệu có thể là bà... xin thứ lỗi cho câu hỏi này... liệu có phải giờ đây bà cũng đang ở trạng thái như vậy không ? "   
" - Vâng ".   
Lời nói đó buột ra từ miệng bà ta, dứt khoát và sắc bén như lưỡi dao. Không một nét nào thay đổi trên khuôn mặt mà bà ta quay ngoắt đi chỗ khác.   
" Tốt nhất có lẽ là, thưa bà, để tôi xem xét toàn diện cho bà... Có thể mời bà... chịu khó sang phòng bên ? "   
Đột nhiên bà ta quay lại phía tôi. Tôi cảm thấy qua tấm mạng che mặt một cái nhìn lạnh lùng và quả quyết, hướng thẳng vào mặt tôi.   
" - Không... không cần thiết... Tôi hoàn toàn biết chắc tình trạng của tôi ".

\*   
\* \*

Giọng nói của người kể chuyện ngập ngừng một lát. Cốc rượu đầy lại lóng lánh trong đêm tối :   
" Vâng, xin ngài nghe tôi kể tiếp, nhưng trước hết ngài hãy thử hình dung một lát cái tình thế này : một người đàn bà đến với một người đàn ông héo mòn trong cảnh cô đơn; từ bao nhiêu năm nay, đó là người đàn bà da trắng đầu tiên bước vào chỗ ở của anh ta... Và bỗng nhiên tôi cảm thấy trong căn phòng có cái gì như là định mệnh ác nghiệt, một mối nguy hiểm thực sự. Tôi linh cảm thấy điều đó, một cảm giác về thể chất. Tôi cảm thấy sợ hãi trước sự nhất quyết của người đàn bà này, lúc đầu đến bất thần với những lời lẽ huyên thuyên, bây giờ đột ngột đưa ra yêu sách như giơ một con dao tuốt trần. Bởi vì, điều bà ta muốn tôi giúp, tôi biết lắm, tôi đã biết ngay lập tức. Đây không phải là lần đầu tiên có những người đàn bà đến nhờ tôi làm một việc tương tự. Nhưng những lần trước họ đến với vẻ hoàn toàn khác hẳn, họ xấu hổ và van xin, họ đến với những giọt nước mắt và những lời oán trách. Nhưng ở đây có một... vâng, một quyết tâm mạnh mẽ, một quyết tâm sắc đá. Từ giây phút đầu tiên tôi đã cảm thấy người đàn bà này mạnh hơn tôi... bà ta có thể bắt tôi phải làm theo ý muốn của bà ta... nhưng... nhưng... trong tôi cũng có ý đồ xấu... Tôi như một người đàn ông đang tự bảo vệ và nổi giận, bởi vì... như tôi đã nói, ngay từ đầu, phải, ngay từ trước khi trông thấy bà ta, tôi đã cảm thấy người đàn bà này là một kẻ thù.   
" Lúc đầu tôi còn lặng thinh, lặng thinh vì bướng bỉnh và tức giận. Tôi cảm thấy bà ta nhìn tôi sau tấm mạng, cái nhìn khiêu khích và hách dịch, bà ta muốn buộc tôi phải nói. Nhưng tôi không nhượng bộ dễ dàng. Tôi cũng bắt đầu nói nhưng... nói lơ lửng... vâng, vô tình tôi bắt chước cách nói dài dòng và lạnh lùng của bà ta. Tôi làm như không hiểu bà ta, bởi vì, không biết ngài có thể hiểu ý tôi không, tôi muốn buột bà ta phải nói ra rõ ràng; tôi không muốn nói trước, mà... muốn bà ta phải năn nỉ tôi... đúng vậy, tôi muốn người đàn bà đã đến với thái độ ngang nhiên như thế phải năn nỉ tôi... và cũng vì tôi biết rằng với phụ nữ không có gì khiến tôi dễ nhân nhượng cho bằng cái thái độ lạnh lùng kiêu hãnh đó.   
" Thế là tôi bắt đầu nói với bà ta, bằng những lời lẽ chẳng giúp ích gì, rằng không có gì nghiêm trọng cả, rằng những cơn mệt mỏi như thế là chuyện thường, và còn ngược lại, điều đó hầu như là sự đảm bảo cho một sức khỏe bình thường. Tôi dẫn chứng những ca rút từ các nhật ký chữa bệnh... Tôi nói, tôi nói với vẻ lơ là và dễ dãi, luôn coi đó là chuyện tầm phào, và... luôn chờ đợi bà ta ngắt lời tôi, bởi vì tôi biết rằng bà ta không chịu nổi cách xử sự ấy của tôi.   
Bà ta lập tức ngắt lời tôi, giơ tay như để ngăn lại tất cả những lời an ủi chung chung ấy.   
" - Đó không phải là điều làm tôi lo ngại, thưa bác sĩ. Hồi tôi sinh cháu, sau đó sức khỏe của tôi khá hơn... nhưng bây giờ tôi không được " allright " (3), tôi bị đau tim ".   
" - À, những cơn đau tim, - tôi nhắc lại, giọng lo ngại - tôi phải xem ngay cho bà ".   
Và tôi có một cử chỉ như muốn đứng dậy tìm ống nghe, nhưng đột nhiên bà ta nói ngay, giọng lúc này đanh thép và rành rọt như người ở vị trí chỉ huy :   
" - Tôi có những cơn đau tim, thưa bác sĩ, và xin đừng tin điều tôi nói. Tôi không muốn mất thì giờ thăm bệnh. Thiết tưởng bác sĩ có thể tin ở tôi hơn nữa. Ít ra là về phần tôi, tôi cũng đã bày tỏ đủ rõ lòng tin cậy của tôi đối với bác sĩ ".   
Lúc này đã bước vào cuộc đấu tranh đây, đó là một lời thách thức công khai. Và tôi chấp nhận :   
" - Sự tin cậy đòi hỏi lòng trung thực, một lòng trung thực hoàn toàn. Bà hãy nói cho rõ, tôi là thầy thuốc. Và trước hết bà hãy bỏ tấm mạng che mặt ra và xin mời bà ngồi xuống, bà hãy bỏ những cuốn sách xuống và bỏ cả cái lối nói quanh co ấy đi. Khi đến nhà thầy thuốc không ai lại đeo mạng che mặt ".   
Bà ta kiêu hãnh nhìn thẳng vào mắt tôi. Lưỡng lự một chút rồi bà ta ngồi xuống, bỏ cái mạng che mặt đi. Tôi thấy một khuôn mặt khó hiểu, cứng cỏi, ngượng ngùng, với một vẻ đẹp không tàn phai theo năm tháng, khuôn mặt với cặp mắt màu tro, cặp mắt của những người Anh, trong cặp mắt đó hiện ra tất cả vẻ bình thản, tuy nhiên nhìn thật sâu vào trong, người ta có thể mơ tưởng đến mọi nỗi đắm say; cái miệng mỏng dính và đôi môi mím chặt không để lộ một chút bí mật nào nếu bà ta chưa muốn nói ra. Chúng tôi nhìn nhau một lát. Cái nhìn của bà ta vừa độc đoán, vừa dò hỏi, mang một vẻ khắc nghiệt lạnh lùng và giá buốt đến nỗi tôi không chịu nổi, phải miễn cưỡng quay mặt đi.   
Bà ta khẽ gõ ngón tay lên bàn. Như vậy là bà ta cũng đang nóng ruột. Rồi bà ta nói nhanh, đột ngột :   
" - Thưa bác sĩ, ông có biết tôi chờ mong gì ở ông không ? Hay là ông không biết ? "   
" - Tôi cho là tôi có biết, nhưng ta không nên nói quanh co thì tốt hơn. Bà muốn chấm dứt tình trạng hiện nay của bà... bà muốn tôi loại bỏ cho bà những hiện tượng mệt nhọc, những cơn buồn nôn bằng cách xóa bỏ nguyên nhân của nó, đúng thế không ? ".   
" Phải ! "   
Tiếng đó buông xuống như lưỡi dao máy chém.   
" - Bà có biết rằng những dự định như vậy nguy hiểm cho cả hai bên ? "   
" - Có ".   
" - Bà có biết là pháp luật cấm tôi làm chuyện đó ? "   
" - Có những trường hợp không cấm, trái lại còn được phép ".   
" - Nhưng những trường hợp đó phải có sự chỉ định của thầy thuốc ".   
" - Ông sẽ tìm thấy chỉ định đó. Ông là thầy thuốc ".   
Khi nói những lời ấy, bà ta nhìn tôi chằm chặp, rõ ràng và không chớp mắt. Đó là một mệnh lệnh. Và tôi, vốn yếu mềm, tôi run lên vì khâm phục sức mạnh quỷ quái của ý chí bà ta, nhưng tôi vẫn chưa chịu hạ mình, không muốn tỏ ra là mình đã bị đánh bại.   
" Không nhanh như vậy được, phải làm khó dễ đã, phải buộc bà ta phải " van xin ". - Trong thâm tâm, tôi gần như thích thú với ý nghĩ đó.   
" - Điều đó không phải lúc nào cũng tùy thuộc vào ý muốn của thầy thuốc. Nhưng tôi sẵn sàng, với một trong những đồng nghiệp của tôi ở bệnh viện ".   
" - Tôi không muốn bạn đồng nghiệp nào của ông can dự vào chuyện này. Tôi đến để nhờ chính ông "   
" - Tôi có thể hỏi bà, tại sao bà lại chọn đúng tôi ? "   
Bà ta lạnh lùng nhìn tôi :   
" - Tôi không có gì phải ngại ngùng nói cho ông biết điều đó, tôi đến nhờ chính ông vì ông sống ẩn dật, vì ông không quen biết tôi, vì ông là một thầy thuốc giỏi, và bởi vì - đấy là lần đầu tiên bà ta ngập ngừng - bởi vì ông sẽ không còn ở xứ này lâu nữa, nhất là ông có thể trở về nước với một số tiền lớn ".   
" Những lời nói đó làm tôi lạnh toát cả người. Tôi sững sờ trước thái độ lạnh lùng con buôn đó, trước sự tính toàn rành rọt đó. Cho đến lúc ấy, bà ta chưa hé ra một lời van xin nào, trái lại, tất cả đều đã được cân nhắc từ lâu; trước tiên, bà ta rình tôi, để rồi tiếp đó đâm bổ thẳng vào tôi. Tôi bàng hoàng trước sức mạnh ma quái của cái ý chí đó, nhưng tôi chống lại với tất cả cơn điên tiết của tôi. Một lần nữa, tôi buộc lòng phải tỏ ra có đầu óc thực tế, thậm chí hơi mỉa mai :   
" - Và số tiền lớn đó, bà... bà sẽ cấp cho tôi ? "   
" - Vâng, để đền đáp lại sự giúp đỡ của ông và để ông rời khỏi nơi đây ngay tức khắc ".   
" - Bà có biết rằng nếu như vậy thì tôi sẽ mất khoản tiền phụ cấp ? "   
" - Tôi sẽ đền bù cho ông ".   
" - Bà tính toán thật phân minh. Nhưng tôi còn muốn rõ ràng hơn nữa. Bà đã dự liệu số tiền công là bao nhiêu chưa ? "   
" - Mười hai ngàn Phlorinh, trả bằng séc, ở Amxtécđam ". " Tôi... run lên... run lên vì tức giận và... cả vì khâm phục. Bà ta đã tính toán hết số tiền và cách trả tiền, nó buộc tôi phải ra đi; bà ta đã định giá và mua tôi mà không cần biết tôi; bà ta đã sai khiến tôi theo dự cảm của ý chí bà ta. Tôi rất muốn cho bà ta... một cái tát... Nhưng khi tôi đứng lên, run rẩy - bà ta cũng đứng lên, - đúng lúc đó, tôi nhìn vào mắt bà ta, trước cái miệng mím chặt không chịu hé lời van xin này, trước cái trán kiêu hãnh không muốn cúi xuống này... tôi bỗng cảm thấy lòng tràn ngập một thứ ham muốn mãnh liệt. Hẳn bà ta cũng nhận ra điều đó, bởi vì bà ta cau mày lại, như khi người ta muốn xua đuổi một kẻ quấy rầy : sự thù ghét giữa chúng tôi bỗng bị phơi trần. Tôi biết bà ta căm giận tôi vì bà ta cần tôi, còn tôi căm giận bà ta vì bà ta đã không chịu hạ mình van xin. Trong giây lát im lặng đó, giây lát duy nhất đó, lần đầu tiên chúng tôi đã tự bộc lộ với nhau một cách hoàn toàn thành thực. Rồi, đột nhiên, một ý nghĩ len lỏi trong tôi như một loài bò sát, và tôi bảo bà ta...   
" Nhưng, xin ngài chờ chút đã, ngài có thể hiểu sai điều tôi đã làm, lời tôi đã nói... trước hết tôi phải giải thích cho ngài rõ cái ý nghĩ rồ dại đó đã đến với tôi như thế nào ".

\*   
\* \*

Tiếng cốc lại lách cách khe khẽ trong bóng tối; rồi tiếng nói trở nên linh hoạt hơn :   
" Không phải tôi muốn tự bào chữa, tự biện bạch là mình vô tội... nhưng nếu không, ngài sẽ không hiểu. Tôi không biết tôi có phải là người mà thiên hạ gọi là hạng người tử tế hay không. Nhưng tôi cho rằng tôi đã luôn luôn cứu giúp mọi người. Trong cuộc sống khốn khổ ở đấy, niềm vui duy nhất có thể có được là cứu sống mạng người nhờ chút ít kiến thức đã tích cóp được. Đó là một niềm vui thần tiên. Thực vậy, những giờ đẹp nhất là khi một gã thanh niên da vàng, nhợt nhạt, xanh xám vì sợ hãi, chân sưng vù vì vết rắn cắn, chạy đến chỗ tôi, gào lên xin đừng cưa chân hắn. Và tôi đã cứu được hắn ta. Tôi đã đi hàng bao nhiêu dặm đường khi có người phụ nữ nằm đó ốm liệt giường, bị cơn sốt giày vò; đồng thời, tôi cũng đã làm cái việc mà người đàn bà ngoại quốc này vừa yêu cầu, ngay từ khi còn ở Âu châu, tại bệnh viện của Khoa. Nhưng ở đấy ít ra tôi cũng cảm thấy là họ cần đến tôi, ở đấy tôi biết là mình đã cứu được ai thoát chết hoặc thoát khỏi sự tuyệt vọng và đúng thế, muốn giúp đỡ người khác thì bản thân mình phải có cảm giác là người khác cần đến mình.   
" Nhưng người đàn bà này, không biết tôi có thể tả cho ngài rõ điều đó không, bà ta làm tôi điên tiết, bà ta làm tôi lo ngại từ lúc bà ta đến nhà tôi như một người khách bình thường; thái độ kiêu hãnh của bà ta đã khiến tôi chống lại bà ta, bà ta khơi gợi - tôi diễn tả điều này thế nào nhỉ ? - Bà ta làm cho tất cả những gì dồn nén, ngấm ngầm và xấu xa trong tôi đều bật lên chống lại bà ta. Tôi phát điên lên khi thấy bà ta làm bộ quý phái và khi bà ta mặc cả với vẻ điềm tĩnh, kiêu kỳ trong một việc có liên quan đến sự sống và cái chết... và rồi... rồi... cuối cùng thì không ai chơi gôn với nhau mà mang bầu được... Tôi biết... nghĩa là bỗng nhiên tôi buộc phải hình dung ra - đó là cái ý nghĩ điên rồ mà tôi vừa nói đến khi nãy - hình dung ra một cách rõ ràng kinh khủng rằng người đàn bà lạnh lùng, đầy kiêu hãnh và lãnh đạm này, người đàn bà đã nghiêm nghị cau đôi lông mày trên cặp mắt xanh màu thép khi tôi nhìn bà ta lòng đầy lo ngại... hoặc gần như là giữ thế với bà ta... tôi đã buộc phải hình dung rằng, hai ba tháng trước đây, bà ta đã lăn trên một chiếc giường trong vòng tay một người đàn ông, trần truồng như nhộng, hai thân mình xiết chặt lấy nhau như đôi môi. Đó là ý nghĩ nóng bỏng trong tâm trí tôi khi bà ta nhìn tôi một cách ngạo mạn, với vẻ lạnh lùng kênh kiệu, hệt như là một sĩ quan người Anh... và lúc đó, cả con người tôi chỉ có một ham muốn... và tôi bị ám ảnh bởi ý nghĩ làm nhục bà ta... Từ lúc đó trở đi, tôi nhìn thấy thân thể lõa lồ của bà ta xuyên qua chiếc áo bà ta mặc... từ lúc đó trở đi, tôi chỉ còn có ý nghĩ chiếm đoạt bà ta, ép môi tôi lên cặp môi cứng rắn rên rỉ của bà ta, để cảm giác được cái con người kiêu hãnh đó, cái tâm hồn băng giá đó bị chinh phục bởi khoái lạc, cũng như người đàn ông kia đã cảm thấy bà ta bị chinh phục, cái người đàn ông mà tôi không hề quen biết. Đó... Đó chính là điều tôi muốn giải thích với ngài. Đấy là lần duy nhất, mặc dù tình trạng thất thế của tôi, tôi đã tìm cách lợi dụng danh nghĩa thầy thuốc của mình... và đó không phải là háo sắc, dâm đãng, tình dục, không, hoàn toàn không phải như vậy... nếu không tôi đã thổ lộ dễ dàng... đấy chỉ là ý muốn chế ngự cái tính kiêu hãnh đó... chế ngự với tư cách tôi là một người đàn ông... Tôi đã kể với ngài, hình như những người phụ nữ bề ngoài kiêu hãnh và lạnh lùng bao giờ cũng có uy lực đối với tôi, nhưng lúc ấy, lại thêm một nỗi là trong suốt bảy năm trời tôi sống ở đây, chưa hề có lần nào ăn nằm với một phụ nữ da trắng và cũng chưa hề gặp phải sự chống cự nào... bởi vì phụ nữ ở đây, những con thú bé nhỏ duyên dáng và thỏ thẻ ấy, họ run lên vì kính trọng khi một người da trắng, « một ông lớn » đụng đến họ... họ trở nên quá hạ mình; bao giờ họ cũng ân cần chiều chuộng, sẵn sàng dâng hiến, với tiếng cười hiền hậu giống như tiếng cục - cục của con gà mái... chính sự phục tùng đó, tính nô lệ đó làm cho ta mất hứng. Bây giờ chắc ngài hiểu điều đó đã có tác động quái lạ như thế nào đối với tôi khi đột nhiên tôi thấy xuất hiện một người đàn bà đầy kiêu hãnh và căm thù, che đậy từ đầu đến chân, đồng thời lại khêu gợi, vì chứa đựng điều bí mật và vẫn còn mang trong mình niềm đam mê cách đây chưa lâu... Khi một người đàn bà như thế kiêu kỳ bước vào cái cũi của một người đàn ông như thế, một gã đàn ông nửa người nửa thú cô đơn đến như thế, thèm khát như thế bị tách rời khỏi toàn thế giới như thế... Điều đó, điều đó tôi nói với ngài chỉ cốt để ngài hiểu cho phần còn lại... những gì sẽ xảy ra sau đó. Vậy là... lòng tràn đầy... tôi không rõ là lòng ham muốn xấu xa nào, bị đầu độc bởi ý tưởng muốn nhìn thấy thân thể lõa lồ khêu gợi của bà ta, thả mình đi theo tiếng gọi của dục tình, tôi thu hết nghị lực và làm ra vẻ thờ ơ :   
" Mười hai ngàn phlorinh ? - Tôi lạnh lùng nói, - không, tôi không làm vì số tiền đó ".   
Bà ta nhìn tôi, hơi tái mặt. Bà ta đoán rằng lòng tham tiền không có vai trò gì trong sự chống đối này. Mặc dầu vậy, bà ta nói thêm :   
" - Vậy ông đòi hỏi gì ? "   
Tôi bỏ qua giọng nói lạnh lùng đó và nói :   
" - Chúng ta hãy chơi ván bài công khai. Tôi không phải là một con buôn... tôi không phải là người bào chế khốn nạn trong " Rômêô Juyliet " bán thuốc độc để lấy đồng tiền vàng ô uế. Tôi là cái gì trái ngược với thứ con buôn... Không phải bằng cách đó mà bà đạt được ý muốn của bà đâu ".   
" - Vậy ông không ưng thuận ? "   
" - Không phải để lấy tiền ! "   
Một giây lát im lặng tuyệt đối trùm lên hai chúng tôi. Im lặng hoàn toàn đến nỗi lần đầu tiên tôi nghe thấy tiếng thở của bà ta.   
" - Vậy ông còn muốn điều gì khác nữa ? "   
Lúc này tôi nói tuột ra không e dè gì hết :   
" - Trước hết tôi muốn rằng bà... bà nói với tôi không như nói với một chủ hiệu tạp hóa, mà như nói với một người đàn ông, rằng nếu như bà cần cứu giúp, bà không... bà không được đặt ngay đồng tiền nhơ nhuốc của bà lên hàng đầu... mà là phải cầu xin... người đàn ông là tôi giúp đỡ bà; bà cũng là một con người... Tôi không phải chỉ là thầy thuốc, tôi không phải chỉ có những giờ thăm bệnh... tôi cũng còn dành cho tôi những giờ khác, có lẽ bà đã đến vào một trong những giờ đó ".   
Bà ta im lặng một lát. Rồi bà ta hơi cong môi, rùng mình và nói rất nhanh :   
" - Vậy, nếu tôi cầu xin ông... ông sẽ làm gì ? "   
" - Bà vẫn còn muốn mặc cả : Bà chỉ muốn cầu xin sau khi tôi đã hứa trước. Trước hết bà phải van xin tôi, rồi tôi sẽ trả lời ".   
Bà ta ngẩng đầu lên như con ngựa bất kham và giận dữ nhìn tôi :   
" - Không, tôi sẽ không cầu xin ông. Thà chết còn hơn ! " Lúc đó tôi nổi giận, giận chín người, một cơn giận vô lý.   
" - Được ! Vì bà đã không muốn cầu xin tôi, thì chính tôi sẽ đòi hỏi. Tôi nghĩ rằng tôi không cần phải nói rõ hơn. Bà biết tôi muốn gì ở bà. Sau đó, sau đó, tôi sẽ giúp bà ".   
Bà ta nhìn tôi chằm chằm trong giây lát. Rồi - Ồ ! Tôi không thể, tôi không thể nói sự thể khốc liệt đến mức nào - rồi nét mặt bà ta căng thẳng và rồi... bà ta phá lên cười... bà ta cười vào mặt tôi với một vẻ khinh miệt khó tả, vẻ khinh miệt có thể nói là như sét đánh xuống người tôi... làm tôi choáng váng... Tiếng cười khinh mạn ấy như tiếng nổ đột ngột, dữ dội phát ra từ một sức mạnh ma quái, đến nỗi tôi... tôi sẵn lòng phủ phục xuống đất và hôn chân bà ta. Tình trạng này thoáng hiện trong tôi chỉ trong khoảnh khắc... như một lằn chớp và khắp cơ thể tôi bốc lửa... Bà ta đã quay đi và bước nhanh ra cửa. " Bất giác, tôi chực chạy theo bà ta... để mà xin lỗi... để mà van xin... sức tôi chưa kiệt hẳn... nhưng bà ta còn quay lại lần nữa nói với tôi, hay đúng hơn ra lệnh cho tôi :   
" - Ông đừng có mà chạy theo tôi hoặc để tâm đến tôi nữa... Ông sẽ hối tiếc về việc làm của mình đấy... "   
Và cánh cửa đã đóng sầm lại sau lưng bà ta.

\*   
\* \*

Lại một lúc ngập ngừng... Lại im lặng... Lại chỉ còn nghe thấy tiếng ì ào bất tận của biển, như thể ánh trăng chạy trên ngọn sóng. Cuối cùng tiếng nói lại cất lên :   
" Cửa đóng sầm lại... Nhưng tôi, tôi đứng trơ tại chỗ... lệnh của bà ta như thôi miên tôi... Tôi nghe tiếng chân bà ta xuống cầu thang, tiếng đóng cửa... Tôi nghe thấy tất cả và toàn bộ ý chí của tôi hướng tới bà ta... để mà... tôi không biết thế nào... để mà gọi bà ta trở lại, đánh bà ta một trận hoặc bóp cổ bà ta, nhưng dẫu sao tâm trí tôi vẫn cứ bám lấy bà ta... chạy theo sau bà ta... và tuy vậy tôi không thể... chân tay tôi như tê liệt, như bị điện giật... ánh mắt nghiêm nghị đó khiến tôi... tôi như bị đánh, bị một trận đòn nhừ tử... Tôi biết đó là điều không thể giải thích được, không mang ra thuật lại được... kể thì có vẻ lố bịch, nhưng sự thật là tôi bị chôn chân tại chỗ... phải mất hàng mấy phút, có lẽ năm hay mười phút, tôi mới có thể cử động, rời khỏi chỗ tôi đứng...   
" Nhưng vừa cất được chân lên là tôi đã trở nên hăm hở và nhanh nhẹn... trong nháy mắt, tôi đã ở dưới chân cầu thang... Bà ta chỉ có thể đi theo con đường tới huyện lỵ... Tôi chạy bổ ra nhà xe lấy chiếc xe đạp của tôi, nhưng tôi thấy là tôi đã quên chìa khóa, tôi bèn phá vách ngăn, những mảnh tre văng ra kêu răng rắc... Tôi nhảy lên xe đạp và lao theo vết tích bà ta... tôi phải... tôi phải đuổi kịp trước khi bà ta tới chỗ ôtô đỗ... tôi phải nói với bà ta.   
"Bụi đường bốc lên xung quanh tôi... chỉ đến lúc này tôi mới nhận thấy ban nãy tôi đã đờ ra trên phòng tôi bao nhiêu lâu. Đằng kia, ở chỗ rẽ của khu rừng, ngay trước chỗ xe đậu, tôi thấy bà ta đang vội vã, dáng đi cứng cỏi và thẳng băng, theo sau là người bồi... Nhưng bà ta chắc cũng nhìn thấy tôi, vì bà quay lại nói gì với người bồi, tên này ở lại sau và bà ta tiếp tục đi một mình. Bà ta muốn làm gì vậy ? Vì sao bà ta lại thích đi một mình ?... Hay là bà ta muốn nói chuyện riêng với tôi không cho người bồi nghe thấy ?... Tôi đạp như điên như cuồng... " Đột nhiên có cái gì chặn đường tôi... tên bồi... Tôi định quành xe tránh nhưng... tôi đã ngã sóng soài xuống đất.   
" Tôi đứng dậy, buông lời chửi rủa... Bất giác tôi giơ nắm đấm định đánh cái gã lỗ mãng đó, nhưng hắn tránh được... Tôi dựng xe để nhảy lên... nhưng con người kỳ quặc đó tiến ra phía trước tôi, nắm lấy bánh xe và kêu lên bằng thứ tiếng Anh thảm hại " You remain here " (4).   
" Ngài chưa sống ở vùng nhiệt đới... Ngài không biết như vậy là xấc xược đến mức nào : khi một người da vàng, một tên vô lại loại đó nắm lấy chiếc xe đạp của một người da trắng, của một " ông lớn " và ra lệnh cho " ông lớn " phải ở lại đó. Không thèm đáp lời, tôi tống cho hắn một quả vào mặt... Hắn loạng choạng nhưng vẫn nắm chắc chiếc xe của tôi... Cặp mắt hắn, cặp mắt ti hí và sợ sệt giương to lên đầy vẻ lo âu của tên nô lệ... nhưng hắn vẫn giữ riệt lấy chiếc xe của tôi, thái độ cương quyết kỳ lạ " You remain here (4) ", hắn còn lắp bắp một lần nữa... May sao tôi không mang theo súng lục, nếu không tôi đã bắn chết hắn liền.   
" Xéo khỏi đây, tên khốn khiếp ! " Tôi chỉ quát lên với hắn có thế. Hắn nhìn tôi kính cẩn, nhưng vẫn không buông chiếc xe đạp... tôi bồi thêm cho hắn một quả đấm vào sọ, nhưng hắn vẫn không buông. Lúc đó tôi nổi điên... tôi thấy bà ta đã đi xa, có lẽ bà ta đã rời nơi đây và tôi móc cho tên da vàng ngay dưới cằm một cú bốc nhà nghề, mạnh đến nỗi hắn ta lộn đi bốn bước. Lúc này, chiếc xe đạp đã rời khỏi tay hắn... nhưng khốn nỗi khi tôi ngồi lên, xe không đi được... trong lúc giằng co ghi đông xe đã hỏng... Tay tôi lật bật tìm cách chữa... nhưng không chữa được. Thế là tôi quẳng xe sang bên đường, ngay bên cạnh tên vô lại đang nhổm dậy, đầy máu me và lủi tránh... Và rồi, không, ngài không thể biết được cảnh tượng đó ở nơi ấy khôi hài đến mức nào dưới con mắt mọi người, một người Âu... Nhưng lúc đó tôi không còn biết mình đang làm gì nữa... tôi chỉ còn một ý nghĩ : chạy theo bà ta và đuổi kịp bà ta... Tôi bèn chạy, chạy như một thằng điên suốt dọc đường, qua phía trước những túp lều, ở đó, đám người da vàng thô bỉ xúm xít lại ngạc nhiên trước cảnh tượng như thế : nhìn thấy một người da trắng, nhìn thấy ông bác sĩ đang chạy.   
" Tôi tới huyện lỵ, ướt đẫm mồ hôi... Câu hỏi đầu tiên của tôi là : " ôtô đâu rồi ? " Xe vừa nổ máy... Mọi người nhìn tôi kinh ngạc; hình như họ cho rằng tôi đã mất trí khi thấy tôi chạy tới, người ướt đẫm và nhếch nhác, gào ầm lên, hỏi ngay cả trước khi đứng lại... Phía đằng kia, trên đường cái, tôi nhìn thấy làn khói trắng ôtô cuộn lên... Bà ta đã thành công... thành công như tất cả mọi việc phải thành công, nhờ tính cương quyết sắt đá trong những tính toán của bà ta.   
" Nhưng nguyền rủa cũng chẳng ích gì. Ở vùng nhiệt đới không có gì giữ được bí mật giữa những người Âu châu; họ quen biết nhau từ người này qua người khác; bất cứ chuyện gì cũng có thể trở thành một biến cố. Không phải không có lý do mà người lái xe của bà ta đã ở lại tại nhà ông quan cai trị một tiếng đồng hồ. Chỉ sau mấy phút tôi biết hết, tôi biết bà ta là ai, biết rõ bà ta ở trên ấy, ở thủ đô, cách đây tám giờ xe lửa, rằng bà ta là... cứ cho là vợ của một thương gia lớn, rằng bà ta rất giàu có, sang trọng, một người đàn bà Anh... tôi biết rằng chồng bà ta sang Hoa Kỳ đã năm tháng nay và sắp trở lại trong mấy ngày sắp tới đón bà ta về châu Âu.   
" Tôi biết - ý nghĩ này đốt cháy tâm can tôi như một thứ thuốc độc - bà ta có mang hai, ba tháng là cùng... "

\*   
\* \*

" Đến tận lúc này, tôi còn có thể làm cho ngài hiểu được... có lẽ chẳng qua vì cho đến lúc đó tôi vẫn còn hiểu được tôi... và vì là thầy thuốc, lúc nào tôi cũng có thể chẩn đoán cho tình trạng của chính mình. Nhưng kể từ lúc đó trở đi, tôi như người bị sốt... tôi không còn tự kiểm soát được mình nữa... hay đúng hơn, tôi biết rõ tất cả những gì tôi làm đều rồ dại, nhưng tôi không còn một chút quyền lực nào đối với bản thân mình nữa... không còn hiểu nổi bản thân mình... Tôi chỉ còn một ý nghĩ đinh ninh: đạt tới đích của tôi... Vả lại, khoan đã, dù thế nào mặc lòng, tôi vẫn có thể làm ngài hiểu được... Ngài có biết Amok là gì không đã ?   
" - Amok ?... Tôi nhớ mang máng... đó là một thứ say sưa của người Malaixia ".   
- Còn hơn là say sưa nữa... đó là bệnh điên, một thứ bệnh dại của người, nói trắng ra... là một cơn độc cuồng loạn trí khốc hại mà không có thứ ngộ độc nào do rượu có thể so sánh được. Bản thân tôi, trong thời gian sống ở đó, tôi đã nghiên cứu vài trường hợp - khi là vấn đề của người khác thì bao giờ người ta cũng sáng suốt và thực tế - nhưng tôi vẫn chưa thể khám phá ra nguồn gốc bí mật khủng khiếp của nó. Nguyên nhân của chứng đó chắc chắn là do khí hậu, do bầu không khí dày đặc và ngột ngạt đè nặng lên thần kinh như một cơn giông tố, cho đến khi rốt cuộc thần kinh phải bùng nổ... Vậy thì Amok... vâng, Amok là như thế này: Một người Mã Lai, có thể bất cứ người đàn ông tử tế hiền lành nào, đang yên lành ngồi uống một thứ đồ uống của mình... anh ta ngồi đó... thờ ơ, thản nhiên và uể oải hệt như tôi ngồi trong căn phòng của mình vậy... và bỗng nhiên anh ta nhảy nhồm lên, cầm lấy con dao găm và lao ra ngoài phố... anh ta chạy thẳng về phía trước, lúc nào cũng về phía trước, không biết đi đâu... Bất cứ người hay vật gặp trên đường đi, anh ta đều dùng dao găm đâm chết và mùi máu càng làm cho anh ta hung dữ hơn... Trong khi anh ta chạy, bọt mép sùi ra, anh ta rú lên như người bị quỷ ám... nhưng anh ta chạy, chạy miết, không trông thấy gì xảy ra ở bên phải cũng như ở bên trái, cứ chạy mãi, vừa chạy vừa kêu lên những tiếng xé tai, trong cuộc chạy miết đáng sợ ấy, tay lăm lăm con dao đẫm máu... Dân các làng biết rằng không có sức mạnh nào trên đời có thể chặn lại được con người đang bị dày vò bởi cơn điên khát máu đó... và khi họ trông thấy anh ta chạy tới, mãi tận đằng xa, họ đã la lên báo tin dữ: " Amok ! Amok ! ". Thế là tất cả đều chạy trốn... Còn anh ta, không nghe thấy gì, cứ tiếp tục chạy; anh ta chạy không trông thấy gì hết, và tiếp tục đâm chém tất cả những gì gặp ngang đường... cho đến khi anh ta bị hạ gục như người ta giết một con chó dại hoặc đến khi anh ta ngã gục xuống, kiệt sức và miệng sùi đầy bọt...   
" Một hôm tôi đã trông thấy cảnh đó từ cửa sổ gian nhà sàn mới xây gạch của tôi... thật là khủng khiếp... và bởi vì tôi đã trông thấy nên tôi đã hiểu được bản thân tôi trong những giờ phút đó... bởi vì, đúng như vậy, với cái nhìn khủng khiếp nhằm thẳng về phía trước, không trông thấy gì xảy ra ở bên phải cũng như ở bên trái, bị chi phối bởi cơn điên ấy, tôi chạy bổ theo... người đàn bà nọ... Bây giờ tôi không biết lúc đó tôi đã hành động như thế nào; tất cả diễn ra cực kỳ dữ dội, nhanh chóng, điên cuồng... mười phút sau, không, năm phút thôi, không, chỉ hai phút sau... tôi đã biết hết về bà ta, tên bà ta, chỗ ở của bà ta, hoàn cảnh bà ta, và tôi hối hả lao ngay về nhà, phóng thật lực bằng chiếc xe đạp mượn được, ném bộ quần áo vào một chiếc rương, lấy tiền và đáp xe ra ga xe lửa... tôi chuồn, không báo cho ông trưởng khu biết, không có người thay, bỏ mặc hết, nhà cửa mở toang toàng...   
Bọn đầy tớ xúm quanh tôi, những người đàn bà ngạc nhiên hỏi tôi, tôi không trả lời, tôi không quay lại... Tôi ra ga và đáp chuyến xe lửa đầu tiên về thành phố. Tất cả vẻn vẹn chỉ có một giờ sau khi người đàn bà ấy vào nhà tôi, tôi đã vứt bỏ tất cả quá khứ của mình... và đâm bổ vào khoảng không, như một Amok...   
" Tôi chạy thẳng về phía trước, đầu va vào vách ngăn của toa tàu... sáu giờ tôi đến nơi... sáu giờ mười phút, tôi đã tới nhà bà ta và xin gặp mặt... Ngài hiểu chứ, đó là hành động ngu ngốc nhất mà tôi đã phạm phải. Nhưng Amok có những con mắt mê loạn, hắn không nhìn thấy hắn lao vào đâu. Sau mấy phút, người hầu trở ra... nói với giọng lễ phép và lạnh lùng rằng bà chủ của hắn khó ở, không thể tiếp tôi được...   
" Tôi lảo đảo đi ra... Suốt một tiếng đồng hồ tôi đi quanh khu nhà, bị ám ảnh bởi hy vọng ngu ngốc là bà ta có thể sẽ ra tìm tôi... Rồi tôi thuê một buồng ở " Khách sạn bên bờ " và gọi hai chai Uytki... Mấy chai rượu này và một liều Vêrônan gấp đôi đã cứu tôi... Cuối cùng, tôi ngủ, một giấc ngủ chập chờn và xao động, một cuộc tạm nghỉ duy nhất trong cuộc chạy đua giữa cái sống và cái chết.

\*   
\* \*

Tiếng chuông tàu ngân lên. Hai tiếng khô khan, đầy đặn mà nhịp rung kéo dài trong cái ao không khí êm ả và gần như bất động, rồi dồn xuống phía dưới sống tàu để hòa với tiếng rì rào không dứt và nhè nhẹ hòa với lời kể chuyện say sưa của người đàn ông ngồi trong bóng tối trước mặt tôi. Chắc anh ta khiếp sợ, tiếng anh ta im bặt. Tôi lại nghe thấy bàn tay anh ta sờ soạng tìm chai rượu cùng tiếng lọc ọc nhẹ. Rồi, như trấn tĩnh lại, anh ta nói tiếp bằng một giọng quả quyết hơn.   
" Tôi khó có thể kể lại cho ngài về thời gian tiếp sau đó. Hôm nay, tôi cho rằng lúc đó tôi bị sốt, dẫu sao đi nữa, tôi cũng lâm vào trạng thái bị kích động quá mức, gần với trạng thái điên. Tôi đã là một Amok như đã nói với ngài. Nhưng ngài đừng quên rằng tôi tới nơi vào chiều thứ ba, được biết là chồng bà ta đáp tàu xuyên Đại tây dương từ Yôkôhama sẽ về tới nơi vào ngày thứ bảy. Vậy là chỉ còn có ba ngày, ba ngày khốn khổ để đi đến một quyết định và để cứu bà ta. Ngãi hãy hiểu kỹ điều này; tôi biết bà ta cần sự giúp đỡ tức khắc của tôi, vậy mà tôi không có cách nào nói được một tiếng với bà ta. Hơn nữa, tôi cần xin lỗi về cách xử sự lố bịch của tôi, về cơn điên cuồng hung dữ của tôi, điều đó làm tôi càng thêm nóng lòng sốt ruột. Tôi biết rằng một phút qua đi lúc này quý giá ngần nào, không phải là tôi không biết đây là vấn đề sống chết đối với bà ta, và tôi không có cách nào đến gần bà ta được, hoặc nói nhỏ với bà ta một lời, bằng cách nào đó ra hiệu cho bà ta, bởi vì chính cách xử sự vụng về cũng như rồ dại của tôi đã làm cho bà ta khiếp sợ. Điều đó... vâng, hãy gượm... điều đó chẳng khác gì ta lao theo một người nào đó để báo cho người ấy đề phòng một tên giết người thì người ấy lại coi ta chính là kẻ giết người, và càng co cẳng chạy thục mạng đến với cái chết... Bà ta chỉ thấy tôi là một người điên hung dữ chạy theo với ý định làm nhục bà ta, nhưng tôi... đó là điều phi lý tàn nhẫn của sự đời... tôi không còn nghĩ gì đến điều ấy nữa... tôi chỉ muốn giúp đỡ bà ta, phục vụ bà ta... Để giúp đỡ bà ta, tôi có thể phạm tội, có thể giết một sinh mạng... Nhưng bà ta không hiểu điều đó... Buổi sáng hôm sau, khi vừa thức dậy, tôi chạy ngay đến nhà bà ta, tên bồi đã đứng trước cửa, cái gã mà tôi đã đấm vào mặt ấy. Trông thấy tôi từ xa, - chắc là hắn đã chờ tôi - hắn quay ngay vào nhà. Có thể là chỉ để kín đáo báo tin tôi đến... có thể là... Ôi chao! Điều ngờ vực đó cho đến hôm nay còn làm tôi đau đớn biết bao... có thể là họ đã chuẩn bị sẵn sàng cả để tiếp đón tôi... nhưng lúc bấy giờ, khi trông thấy người bồi, nhớ lại nỗi nhục nhã của tôi, tôi chùn bước không dám vác mặt đến thăm lần nữa... Đầu gối tôi run lên. Đến đúng trước ngưỡng cửa thì tôi quay lại và đi ra. Tôi đi ra trong khi có thể là bà ta đang đợi tôi, cũng dằn vặt như tôi...   
" Lúc này tôi không còn biết làm gì trong cái thành phố xa lạ đó, nơi mà đất như lửa đốt cháy gót chân tôi. Tôi chợt nảy ra một ý nghĩ gọi xe đưa tôi đến nhà ông phó sứ, vẫn cái ông mà hồi nọ tôi đã chăm sóc ở trạm. Tôi bảo người nhà báo là có tôi đến... vẻ ngoài của tôi chắc là kỳ quặc lắm, bởi vì ông ta nhìn tôi xem ra có ý sợ hãi và thái độ lễ phép của ông ta biểu lộ một mối lo ngại nào đó... cũng có thể ông ta đã nhận ra tôi là một Amok... tôi nói với ông ta, bỗng nhiên tôi đâm ra cả quyết, rằng tôi đến xin ông bổ dụng tôi ở thành phố của ông ra, rằng tôi không thể sống lâu hơn nữa ở nơi kia, ở trạm của tôi... rằng tôi phải được đổi đi ngay tức khắc... Ông ta nhìn tôi... Tôi không thể nói với ngài là ông ta nhìn tôi như thế nào, cũng tương tự như cách một người thầy thuốc xem xét một bệnh nhân... đoạn ông ta nói:   
" - Đấy là một chứng suy nhược thần kinh, thưa bác sĩ - và tôi hiểu rõ điều đó quá. Chúng tôi sẽ tìm cách bổ khuyết lại nhưng xin ông chờ cho, cứ nói là bốn tuần lễ nữa, trước hết, tôi phải tìm cho ông một người thay thế ".   
" - Tôi không thể chờ được dù chỉ một ngày " - tôi trả lời - " cái nhìn ngạc nhiên của ông ta lại đè nặng lên tôi.   
" - Đành phải vậy thôi, bác sĩ ạ, không thể để trạm không có thầy thuốc. Nhưng tôi hứa với ông là ngay hôm nay tôi sẽ làm mọi việc cần thiết ".   
" Tôi đứng lại đó, răng nghiến chặt: đây là lần đầu tiên tôi có ý thức rõ ràng mình là một món hàng bị đem bán, một kẻ nô lệ. Tôi đã co người lại với một thái độ thách thức, nhưng ông ta lại khôn khéo và ân cần bảo tôi:   
" - Ông sống không giao tiếp với người đồng chủng, và lâu dần điều đó suy biến thành một thứ bệnh. Chúng tôi, tất cả chúng tôi đều ngạc nhiên là không thấy ông ra thành phố bao giờ, không nghỉ phép bao giờ. Ông cần giao du, cần giải trí. Vậy tối nay mời ông tới dự buổi tiếp tân ở nhà ông thống đốc, ông sẽ gặp mọi nhân viên thuộc địa ở đấy, nhiều người trong bọn họ rất muốn được làm quen với ông từ lâu, họ thường hỏi thăm ông và ước mong được gặp ông ở đây ".   
" Mấy lời sau cùng này mở cho tôi một chân trời mới. Người ta thăm hỏi tôi. Có phải bà ta chăng ? Tôi bỗng trở thành con người khác hẳn. Hết sức lễ phép, tôi cảm ơn ông ta về lời mời và cam đoan với ông ta là tôi sẽ đến đúng giờ. Và quả thực tôi đã đến đúng giờ, trước giờ là khác.   
" Liệu tôi có phải nói với ngài là sự nôn nóng khiến tôi là người đầu tiên đến phòng đại lễ của dinh thống đốc hay không ? Trong một khắc đồng hồ, tôi đã ngồi đó im lặng, xung quanh là những gia nhân người da vàng chân đất đi lại nhanh nhẹn, toàn thân lắc lư và trong lúc tâm thần rối loạn, tôi tưởng tượng là họ chế nhạo tôi ở phía sau lưng. Tôi là người Âu châu duy nhất ở giữa những công việc chuẩn bị kín đáo này. Tôi trơ trọi đến nỗi nghe thấy cả tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ trong túi áo gilê của mình. Sau cùng, một vài viên chức chính quyền và gia đình họ đến; rồi ông thống đốc cũng đến, ông ta lôi cuốn tôi vào một cuộc trò chuyện dài, suốt trong cuộc trò chuyện đó tôi trả lời ông ta thoải mái và đâu ra đấy, tôi nghĩ vậy, cho đến lúc... đến lúc bất chợt một cơn xúc động huyền bí làm tôi mất hẳn bình tĩnh và bắt đầu ấp úng. Mặc dầu lưng tôi quay về phía cửa phòng, tôi bỗng cảm thấy đúng là bà ta đã bước vào, bà ta nhất định phải có mặt; tôi không thể nói với ngài sự tin chắc đột ngột đó đã mơ hồ xâm chiếm lấy tôi như thế nào. Tuy nhiên, tôi vẫn nói chuyện với ông thống đốc, tiếng nói của ông ta còn vang trong tai tôi mà tôi đã dự đoán được sự có mặt của bà ta đâu đó phía sau tôi. May sao người đối thoại của tôi kết thúc câu chuyện, nếu không chắc chắn tôi đã quay phắt lại, não cân tôi bị dày vò xiết bao bởi sức hấp dẫn huyền bí đó và lòng mong muốn của tôi cuối cùng sẽ được gặp bà ta mãnh liệt biết chừng nào !   
" Và quả thực, tôi vừa quay đầu lại đã trông thấy bà ta ở đúng chỗ mà tôi bất giác đã cảm thấy. Bà ta mặc bộ y phục vũ hội màu vàng làm cho đôi vai mảnh mai với đường nét thanh tú nhuốm màu ngà voi, bà ta đang nói chuyện giữa một nhóm người. Bà ta mỉm cười, tuy vậy, tôi thấy hình như nét mặt bà có vẻ hơi căng thẳng. Tôi đến gần - bà ta không thể không trông thấy tôi hoặc không muốn thấy tôi - và tôi ngắm nhìn nụ cười niềm nở và xinh tươi trên làn môi mỏng hơi rung động. Nụ cười đó lại làm tôi ngây ngất bởi vì... bởi vì, tôi biết lắm, đó chỉ là sự dối trá đạt tới mức hoàn hảo nghệ thuật hay khoa học về cách thức giả tảng. Tôi nghĩ : hôm nay là thứ tư và thứ bảy chồng bà ta về cùng với chuyến tàu biển... Làm sao bà ta có thể mỉm cười như vậy, có thể tự tin đến thế, điềm tĩnh đến thế và bàn tay mân mê chiếc quạt một cách vô tư lự đến thế, chứ không xé tan nó ra trong một cơn lo âu quằn quại ? Tôi, một kẻ xa lạ, từ hai hôm nay, tôi run lên khi nghĩ đến chuyện chồng bà ta trở về; tôi, một kẻ xa lạ, tôi sống trong nỗi lo âu khắc khoải của bà ta, tôi cảm thấy mình đang chịu nỗi khủng khiếp của bà ta dày vò đến cực độ... Vậy mà bà ta đến đây dự dạ hội nhưng vẫn mỉm cười, mỉm cười, mỉm cười...   
" Phía sau, nhạc bắt đầu nổi lên, cuộc khiêu vũ mở màn. Một sĩ quan già mời bà ta; bà ngỏ lời xin lỗi các vị đang tiếp chuyện với mình và, dựa vào cánh tay của bạn khiêu vũ, lướt qua ngay cạnh tôi để sang phòng bên. Khi bà ta chợt nhận ra tôi, mặt bà ta bỗng căng thẳng dữ dội - chỉ lâu chừng một giây thôi - rồi lễ phép nghiêng đầu như người ta vẫn xử sự khi gặp một người ngẫu nhiên quen biết, (và ngay cả trước khi tôi kịp quyết định chào hay không chào bà ta) bà ta đã nói : " Chào bác sĩ " và đi khỏi. Không ai có thể đoán được điều bí ẩn giấu bên trong đôi mắt màu xanh xám đó, và bản thân tôi, tôi cũng không hiểu nổi. Tại sao bà ta lại chào tôi ?... Tại sao đột nhiên bà ta nhận ra tôi ?... Đó là cách đối phó hay cách làm thân, hay chỉ là sự xúc động vì bất ngờ ? Tôi không thể tả được với ngài tôi bàng hoàng đến mức nào, tất cả trong tôi đều đảo lộn, đều bị nén chặt, đều sẵn sàng nổ bùng, và thấy bà ta điềm nhiên khiêu vũ trong tay viên sĩ quan, vẻ vô tư bình thản ngời ngợi trên vầng trán, trong khi tôi biết rằng bà ta... bà ta cũng như tôi chỉ nghĩ đến chuyện đó... đến chuyện đó... rằng chỉ có hai chúng tôi ở giữa chốn này biết chuyện bí mật khủng khiếp ấy mà thôi... Nhìn bà ta khiêu vũ... trong vài giây, sự lo âu, lòng ham muốn, nỗi kinh ngạc của tôi làm cho niềm say đắm của tôi mạnh mẽ hơn lúc nào hết. Tôi không biết có ai để ý tôi không, nhưng chắc chắn rằng qua điệu bộ của tôi, tôi tự tiết lộ còn nhiều hơn cả mức độ bà ta che giấu - tôi không thể nhìn đi chỗ nào khác ngoài chỗ có bà ta. Tôi phải... vâng... tôi phải nhìn thấy bà ta; tôi tập trung toàn lực, từ xa kéo về phía mình chiếc mặt nạ che lấp khuôn mặt kín đáo của bà ta, xem có thể kéo rơi nó xuống được dù chỉ một giây đồng hồ hay không ? Cái nhìn chằm chằm của tôi nhất định gây cho bà ta một cảm giác khó chịu. Lúc bà ta trở lại đi qua gần tôi cùng với ông bạn nhảy, bà ta nhìn tôi nhanh như chớp, cái nhìn quả quyết và hách dịch như ra lệnh cho tôi hãy rời khỏi nơi đây; trên vầng trán đã trở nên dữ dằn của bà ta lại hằn rõ một nếp nhăn nhỏ, cái nếp nhăn giận dữ và kiêu hãnh mà tôi đã nhìn thấy hôm trước.   
" Nhưng mà... nhưng mà... tôi đã nói với ngài... tôi đã bị nhiễm bệnh Amok và tôi chạy, không nhìn sang bên phải, không nhìn sang bên trái... tôi hiểu ngay ý bà ta, cái nhìn đó nói rằng : " Đừng có làm người ta để ý đến ông, ông hãy tự kiềm chế ". Tôi biết rằng bà ta..., nói thế nào đây ?... Bà ra đòi hỏi ở tôi một cách xử sự kín đáo ở nơi công cộng này... Tôi cảm thấy rằng nếu đúng lúc ấy tôi về ngay thì ngày hôm sau tôi có thể chắc chắn được bà ta tiếp... rằng lúc này, chỉ lúc này thôi, bà ta không muốn bị bêu giếu trước mắt thiên hạ bởi thái độ suồng sã kỳ quái của tôi, bà ta lo sợ - và lo sợ thật chí lý - là sự vụng về của tôi có thể gây ra chuyện rắc rối.   
" Ngài xem... tôi hiểu hết, tôi hiểu mệnh lệnh của cặp mắt màu xám của bà ta, nhưng... nhưng trong tôi, một sức mạnh mà tôi không làm chủ được đã thúc đẩy tôi phải nói với bà ta. Và tôi lảo đảo tiến về phía nhóm người đang nghe bà ta nói, tôi nhập bọn một cách tự nhiên (mặc dầu tôi chỉ quen vài người có mặt ở đó) : thì tôi chỉ cốt được nghe tiếng nói của bà ta thôi mà; tuy nhiên, giống như một con chó bị đánh, tôi sợ hãi cúi đầu xuống trước luồng mắt của bà ta mỗi khi ánh mắt đó lướt qua tôi một cách lạnh lùng, làm như tôi chỉ là tấm vải che cửa mà tôi đang đứng sát vào đó, hay chỉ là làn gió nhẹ lay động tấm màn ấy. Nhưng tôi không hề nhúc nhích, khao khát được bà ta nói với mình một tiếng, chờ đợi ở bà ta một dấu hiệu đồng tình; tôi đứng đó như một khối cẩm thạch, mắt chăm chăm nhìn vào giữa đám người đang trò chuyện. Chắc hẳn thái độ của tôi đã làm mọi người ngạc nhiên, đúng thế, bởi vì không ai nói với tôi, và sự có mặt lố bịch của tôi hẳn phải làm bà ta khổ tâm.   
" Tôi không biết mình sẽ còn đứng như thế bao lâu nữa... có lẽ là mãi mãi... tôi không thể bứt mình ra khỏi cơn mê trói buộc ý chí tôi. Cơn hăm hở quả đã làm cho tôi tê liệt hoàn toàn... Nhưng bà ta không chịu đựng nổi điều đó lâu hơn nữa... Bỗng nhiên bà ta quay về phía đám người xung quanh với cái vẻ thanh nhã mê hồn vốn có và nói : " - Tôi thấy hơi mệt trong người... hôm nay tôi muốn đi ngủ sớm hơn mọi ngày... xin tạm biệt các vị ! " Bà ta đã đi qua gần tôi, gật đầu chào tôi với vẻ lễ phép lạnh lùng... Tôi còn kịp nhìn thấy nếp nhăn trên trán, và rồi chỉ còn tấm lưng, tấm lưng để trần, tươi mát, trắng trẻo. Một giây sau tôi mới hiểu rõ rằng bà ta đã đi hẳn... rằng tôi sẽ không gặp bà ta, không thể nói gì với bà ta tối hôm đó nữa, buổi tối cuối cùng còn hy vọng cứu được bà ta... Thế là phải mất đến một lúc, tôi còn đứng ngẩn người trước khi hiểu ra sự thực... Lúc ấy... Lúc ấy...   
" Nhưng khoan đã... khoan đã... nếu không ngài sẽ không hiểu tất cả cái ngu ngốc, cái vô lý trong hành động của tôi... Trước hết tôi phải tả chính xác để ngài hình dung rõ quang cảnh phòng tiếp tân... Chúng tôi ở trong phòng đại lễ của dinh thống đốc; trong căn phòng rộng mênh mông đó chỗ nào cũng sáng trưng và gần như trống không... Những đôi nam nữ đã sang phòng khiêu vũ, những người đàn ông đánh bài... chỉ có một vài nhóm đang trò chuyện trong các góc phòng... Như vậy gian phòng hầu như trống không... Mỗi cử động đều khiến người ta chú ý, đều lồ lộ dưới ánh đèn... Bà ta đi xuyên qua chính gian phòng to lớn, rộng rãi đó, bước đi thong thả và nhẹ nhàng, hai vai nhướn cao, chào đáp lễ ở chỗ này, chỗ khác với phong thái tuyệt vời khôn xiết tả... vẫn cái vẻ bình thản kiêu kỳ và vẻ tự chủ lạnh lùng nó đã thu hết hồn tôi... tôi... tôi đã không rời khỏi chỗ, như vừa nói với ngài, tôi như bị tê liệt trước khi biết là bà ta đã đi xa... Khi tôi hiểu ra điều đó, bà ta đã ở đầu đằng kia gian phòng, ngay trước cửa... Lúc ấy... Ồ ! Bây giờ nghĩ lại tôi thấy còn đỏ mặt... một sức mạnh đột ngột xâm chiếm lấy tôi và tôi chạy theo, ngài có nghe ra không, tôi không đi mà tôi chạy, tôi chạy theo sau bà ta, ngang qua gian phòng, tiếng giày cao cổ nặng nề của tôi âm lên. Tôi nghe thấy tiếng chân tôi, tôi trông thấy mọi con mắt ngạc nhiên đổ dồn theo tôi... Tôi tưởng có thể chết đi vì xấu hổ được... Tôi vẫn chạy trong khi đã ý thức được cơn điên rồ của mình... nhưng tôi không thể quay trở lại được nữa... Tôi đuổi kịp bà ta ở cửa... Bà ta quay lại... Tia mắt màu xám của bà ta xuyên qua người tôi như lưỡi dao thép, cánh mũi bà rung lên phập phồng vì tức giận... Tôi vừa ấp úng chực nói thì... lúc ấy... đúng lúc ấy... đột nhiên bà ta phá lên cười... tiếng cười ròn rã tự nhiên, thành thực... rồi rành rẽ từng tiếng... rành rẽ đến nỗi mọi người đều nghe thấy... Bà ta nói : " - A ! Bác sĩ, đến bây giờ ông mới tìm ra phương thuốc cho con tôi à ?... Thật đúng là những nhà khoa học ! " Mấy người gần đấy thả sức cười... Tôi hiểu... cách xử trí tài tình của bà ta để gỡ thoát tình huống nguy hiểm khiến cho tôi rối trí... Tôi lục trong ví và xé một tờ giấy trắng ở cuốn sổ tay đưa cho bà; bà ta thờ ơ cầm lấy... và không quên nở nụ cười điềm đạm cảm ơn... trước khi đi... Lúc đầu, tôi cảm thấy trong lòng nhẹ nhõm... tôi thấy hành động điên cuồng của tôi đã được sửa chửa, tình thế được cứu vãn nhờ sự bình tĩnh khác thường của bà ta, nhưng tôi hiểu ngay rằng, đối với tôi, thế là mất hết, sự điên khùng hung dữ của tôi bây giờ đáng cho người đàn bà này thù ghét, một sự thù ghét mạnh hơn cái chết... bây giờ tôi có gõ cửa nhà bà ta đến một trăm lần thì bà ta cũng tống khứ tôi đi như một con chó...   
" Tôi bước đi lảo đảo trong gian phòng... nhận thấy mọi người nhìn tôi chằm chằm, chắc là trông tôi có vẻ kỳ dị... Tôi đi đến bàn để đồ uống, uống hai ba, bốn cốc cô-nhắc liên tiếp... nhờ đó tôi khỏi bị ngất đi... thần kinh tôi không chịu nổi nữa, như muốn đứt tung ra. Sau đó, như một kẻ phạm tội tôi lẻn ra qua cánh cửa ngách. Các gì trên đời này tôi cũng không đi xuyên qua gian phòng lần nữa, nơi dư âm chuỗi cười ròn tan của bà ta như còn đọng lại trên các bức tường... Tôi bỏ đi... tới một vài quán rượu và lại uống... uống như một người muốn tìm quên lãng trong cơn say... Tuy nhiên, giác quan tôi không bị rối loạn... tiếng cười, tiếng cười xé tai và độc ác vẫn còn trong tôi... tiếng cười đáng nguyền rủa, tôi không sao dập tắt nó được... rồi tôi lang thang trên bến cảng... khẩu súng lục tôi để ở nhà, nếu không tôi đã tự sát. Không còn ý nghĩ nào khác, tôi trở về khách sạn..., vừa đi vừa nghĩ đến ngăn bên trái chiếc rương là nơi để vũ khí... chỉ một ý nghĩ ấy thôi.   
" Tại sao tôi không tự sát ? Tôi thề với ngài không phải vì tôi hèn nhát... đối với tôi, bóp cò súng thép lạnh buốt là một giải thoát... nhưng giải thích với ngài điều đó như thế nào ?... Tôi cảm thấy tôi vẫn còn một nghĩa vụ phải hoàn thành... vâng, cái nghĩa vụ giúp đỡ, cái nghĩa vụ đáng ghét đó... tôi nghĩ rằng bà ta có thể cần đến tôi, bà ta cần đến tôi, cái ý nghĩ đó làm tôi phát điên... Tôi đến đây sáng thứ năm và ngày thứ bảy... như tôi đã nói với ngài... thứ bảy tàu cập bến và tôi biết rằng người đàn bà ngạo nghễ, kiêu kỳ đó thà chết còn hơn thú nhận với chồng và thiên hạ sự ô nhục của mình.   
À ! Tôi đã đau khổ biết bao khi nghĩ đến thời gian quý báu bị phung phí vì thiếu suy nghĩ, đến sự hấp tấp rồ dại của tôi làm lỡ mất mọi sự giúp đỡ kịp thời... Trong nhiều giờ, vâng, suốt nhiều giờ, tôi thề với ngài như vậy, tôi đã đi đi lại lại trong căn phòng tôi ở, suy nghĩ nát óc tìm cách làm thế nào đến gần được bà ta, sửa chữa sai lầm của mình, cứu bà ta... bởi vì, tôi chắc là bà ta sẽ không để tôi bước chân vào nhà bà ta nữa. Tiếng cười của bà ta vẫn còn làm rung chuyển cân não tôi và lúc nào tôi cũng hình dung thấy cơn giận làm cánh mũi bà ta phập phồng... Suốt trong nhiều giờ, tôi bước những bước dài khắp căn phòng hẹp vẻn vẹn ba mét... ngày đã rạng... buổi sáng đến nơi rồi...   
" Đột nhiên, tôi đâm nhào đến bên bàn, rút ra một tập giấy viết thư và bắt đầu viết cho bà ta... viết cho bà ta một bức thư ai oán như tiếng rên của con chó, trong đó tôi van xin bà ta tha thứ cho tôi, nói với bà ta rằng tôi là một thằng điên, một tên tội phạm..., trong đó tôi cầu xin bà ta hãy tin cậy ở tôi... Tôi thề với bà ta là tôi sẽ đi ngay sau đó, rời khỏi thành phố, khỏi xứ thuộc địa và nếu bà ta muốn thì tôi sẵn sàng lìa bỏ cả cõi đời này... Điều cần thiết là bà ta phải ban cho tôi sự tha thứ và lòng tin cậy, phải để tôi giúp đỡ, lúc này vẫn còn kịp, còn vừa kịp. Tôi viết liền hai mươi trang... Hẳn là một bức thư điên rồ, huyễn hoặc, mê sảng, bởi vì khi tôi đứng dậy, người tôi ướt đẫm mồ hôi... Mọi vật quay cuồng xung quanh tôi, khiến tôi phải uống một cốc nước. Rồi tôi muốn đọc lại bức thư, nhưng mới được mấy chữ đầu tiên tôi đã run lên... Tôi gập thư lại, vừa gập vừa run, tôi đã lấy một chiếc phong bì... vừa lúc ấy chân tôi bỗng sởn gai ốc. Lời nói chân thực, lời nói quyết định thốt nhiên đến với tôi : Tôi lại cầm bút và viết lên tờ cuối cùng : " Tôi chờ sự tha thứ của bà ở đây, tại " Khách sạn bên bờ ". Nếu đến bảy giờ không có trả lời, tôi sẽ tự cho tôi một viên đạn vào đầu ".   
" Tôi cầm bức thư, bấm chuông gọi người hầu, đưa cho anh ta và ra lệnh phải mang gửi ngay lập tức. Cuối cùng, tôi đã nói hết mọi điều phải nói, tất cả ! "

\*   
\* \*

Bên cạnh chúng tôi có tiếng va chạm của một cái cốc, rồi tiếng ọc ọc. Do một cử động nóng nảy, anh ta đã làm đổ chai Uytki, tôi nghe tiếng tay anh ta   
rờ rẫm dưới sàn tìm chai, tóm lấy và ném vèo chiếc vỏ chai xuống biển. Tiếng nói của anh ta ngừng vài phút; rồi, do cảm kích mạnh, anh ta nói tiếp, càng kích động hơn, hăm hở hơn bao giờ hết :   
" Tôi không tin ở thượng đế... theo tôi, không có thiên đường, cũng không có địa ngục... Và nếu có địa ngục, tôi cũng không khiếp sợ, vì địa ngục cũng không thể kinh khủng hơn những giờ tôi đã sống lúc đó, từ quá trưa đến tận chiều tối... Ngài cứ hình dung một căn buồng nhỏ, bị hun nóng dưới ánh mặt trời, càng về trưa càng hừng hực như chiếc lò... một căn buồng hẹp kê một chiếc giường, một chiếc ghế và một cái bàn. Trên bàn chỉ có một chiếc đồng hồ quả quít và một khẩu súng lục; trước mặt bàn một người đàn ông... một người đàn ông chỉ có mỗi việc là nhìn cái bàn và kim đồng hồ... một người đàn ông không ăn, không uống, không hút thuốc, không động đậy... một người đàn ông lúc nào cũng... suốt ba tiếng đồng hồ... mắt đóng đinh vào cái hình tròn màu trắng của mặt đồng hồ và chiếc kim nhỏ quay xung quanh hình tròn đó, vừa quay vừa kêu tích tắc. Tôi đã trải qua cái ngày đó như vậy, tôi đã chờ đợi như vậy, chờ đợi, chờ đợi... như một Amok, không suy nghĩ, trong tình trạng thú vật, với sự bướng bỉnh điên cuồng, chỉ nhìn thẳng phía trước mặt mình do một cơn ám ảnh.   
" Tôi sẽ không tả cho ông nghe về những giờ đó... không thể nào tả được... bản thân tôi cũng không hiểu nổi vì sao có thể sống những giờ phút như thế mà không... không hóa điên... Vậy là... đến hai giờ hai mươi phút... đúng hai giờ hai mươi phút... mắt tôi đang nhìn đồng hồ... bỗng có tiếng gõ cửa... tôi lao ra... như một con hổ vồ mồi; nhảy phắt một bước qua gian phòng, tới cửa và hối hả mở cửa ra... một thằng bé người Trung Hoa đứng lấp ló bên ngoài, tay cầm một mẩu giấy, tôi háo hức vồ lấy mảnh giấy; vừa lúc thằng bé nhảy phốc một cái và biến ngay.   
" Tôi cuống quít giở mảnh giấy ra, muốn đọc... nhưng không đọc được. Tất cả đều rung rinh, tất cả đều đỏ lòm trước mắt tôi... Ngài hãy tưởng tượng nỗi đau đớn của tôi, cuối cùng, cuối cùng, tôi đã có trong tay những lời mà tôi chờ đợi ở bà ta..., vậy mà giờ đây mọi vật rung rinh và nhảy nhót trước mắt tôi... Tôi nhúng đầu vào nước... Lúc này tôi nhìn rõ hơn... Tôi cầm lấy mẩu thư và đọc : " - Chậm quá rồi. Nhưng ông cứ chờ ở nhà, có thể tôi sẽ còn nhờ đến ông ".   
" Không có chữ ký trên mảnh giấy nhàu nát xé từ một tờ quảng cáo cũ nào đó... những nét gạch nhanh nguệch ngoạc bằng bút chì thuộc loại chữ viết vững hơn vào lúc bình thường... Không biết vì sao tôi cảm thấy xúc động đến thế trước mẩu thư... Nó có cái gì huyền bí và khủng khiếp, hình như được viết trong khi chạy trốn, người viết đứng trên bậu cửa sổ hay trên xe... Một cái gì không thể tả nổi, tạo nên bởi nỗi lo âu, sự hối hả, nỗi khiếp sợ toát ra từ mảnh giấy ấy khiến tâm hồn tôi lạnh giá... tuy vậy... tuy vậy, tôi vẫn thấy sung sướng; bà ta đã viết cho tôi, tôi chưa được chết, tôi còn có thể giúp bà ta... có lẽ... tôi có thể...   
" Ôi ! Tôi hoàn toàn chìm đắm trong những điều phỏng đoán và những hy vọng điên cuồng nhất... tôi đã đọc lại mẩu thư hàng trăm, hàng ngàn lần... tôi áp nó lên môi... tôi đã xem xét nó, cố tìm một tiếng bị bỏ quên, bỏ sót... mộng tưởng của tôi mỗi lúc một sâu sắc hơn, rắc rối hơn, có hình thái hoang tưởng của giấc ngủ mở mắt... một thứ bệnh tê liệt, một trạng thái nửa tỉnh, nửa mê kéo dài có lẽ nhiều khắc, có thể nhiều giờ...   
" Đột nhiên, tôi giật mình hoảng hốt... Phải chăng có tiếng gõ cửa ? Tôi nín thở..., một phút, hai phút im lặng tuyệt đối... Lại nghe thấy rất khẽ như tiếng gặm của một con chuột nhắt, một tiếng nhỏ nhẹ nhưng nhanh gấp... Đầu óc vẫn còn mụ mẫm, tôi lao ra cửa và mở giật ra... Bên ngoài, tôi thấy người bồi, người bồi của bà ta, người mà tôi đã đấm cho tối tăm mặt mũi... bộ mặt nâu sạm của hắn ngả màu tro xám, cái nhìn bối rối của hắn báo hiệu điều bất hạnh... Lập tức tôi linh cảm thấy tấm thảm kịch khủng khiếp... : " Gì vậy ? Chuyện gì đã xảy ra ? "Tôi lắp bắp một cách khó nhọc. " - Come quickly (5) ". Hắn nói. Không thêm một tiếng... Tức thì tôi lao xuống cầu thang bốn bậc một, người bồi theo sau... Một chiếc xe con, chiếc sađô chờ sẵn, chúng tôi lên xe... " Có chuyện gì xảy ra ? " Tôi hỏi hắn. Hắn run rẩy nhìn tôi và lặng im, môi mím chặt... Tôi hỏi lại lần nữa - hắn không trả lời... Tôi sẵn sàng lại giáng một cú đấm vào mặt hắn, nhưng... lòng trung thành của hắn đối với bà ấy như chó đối với chủ làm tôi cảm động... và tôi không hỏi hắn thêm câu nào nữa... chiếc xe con lao vội vã qua phố xá đông đúc làm mọi người vừa tránh dạt ra vừa chửi rủa; xe lao như chớp từ dãy phố người Âu ở ven biển vào khu đô thị thấp và xa hơn, rất xa lọt vào quang cảnh hỗn độn ồn ào của khu phố người Hoa... Cuối cùng, chúng tôi đi theo một ngõ hẽm hoàn toàn biệt lập... chiếc sađô dừng lại trước một căn nhà lụp sụp... căn nhà bẩn thỉu và như co quắp lại. Phía trước là một cửa hàng thắp nến sáng... một trong những tiệm chứa chấp những ổ hút thuốc phiện hay nhà thổ, ổ quân trộm cắp hoặc oa trữ... Người bồi gõ cửa liên hồi... có tiếng thì thào hỏi đi hỏi lại từ phía trong lọt qua khe cửa. Tôi không kiên nhẫn được nữa, tôi nhảy ra khỏi xe, đẩy mạnh cánh cửa còn hé mở... Một bà già người Hoa vừa bỏ chạy vừa lẩm bẩm... người bồi theo tôi, dẫn tôi qua hành lang... mở một chiếc cửa khác... thông vào một gian phòng tối om đầy mùi cồn và mùi máu đông... Có tiếng rên rỉ vọng lên trong đó... tôi dò dẫm tiến về phía trước.

\*   
\* \*

Tiếng kể chuyện lại ngừng. Và điều tôi nghe thấy sau đó giống như tiếng thổn thức hơn là lời nói :   
" Tôi dò dẫm tiến về phía trước... và ở đó... trên một chiếc chiếu bẩn thỉu... ở đó, một cái gì như thân người nằm rên rỉ quằn quại đau đớn... bà ta nằm đó... Tôi không thể nhìn rõ mặt bà ta trong bóng tối... mắt tôi chưa quen... vậy là tôi chỉ rờ rẫm... tôi chạm vào bàn tay bà ta... nóng rừng rực... đang cơn sốt, sốt cao... và tôi bủn rủn cả người... Ngay tức khắc, tôi biết hết... bà ta trốn tôi tới đây... để cho một mụ người Hoa kinh tởm nào đó hủy hoại thân thể mình, chẳng qua là bà ta cho rằng ở đây kín đáo hơn... bà ta thà để cho một mụ phù thủy của quỷ dữ giết hại còn hơn là nhờ cậy tôi... bởi vì, tôi... Lúc ấy đã rồ dại quá..., tôi đã không nương nhẹ tính kiêu hãnh của bà ta, đã không giúp đỡ bà ta ngay tức khắc... bởi vì bà ta còn sợ tôi hơn cả thần chết...   
" Tôi lớn tiếng gọi lấy đèn, người bồi chạy vội đến : mụ người Hoa ghê tởm, tay run run mang ra một chiếc đèn dầu khói um... Tôi phải nén lòng để khỏi nhảy xổ lên bóp cổ con mụ khốn nạn ấy... Họ đặt đèn trên bàn. Một làn ánh sáng vàng vọt tỏa xuống, tấm thân bị đày đọa... Đột nhiên... đột nhiên bao nhiêu bối rối, bao nhiêu tức giận, tất cả những cặn bã dơ bẩn của dục vọng dồn ứ lại từ trước... tất cả đều biến mất... tôi chỉ còn là một người thầy thuốc, một người của nghĩa vụ, của tư tưởng, của khoa học... tôi quên hẳn bản thân mình... với tất cả sự sáng suốt của các giác quan và của trí tuệ, tôi đấu tranh chống lại " điều đáng ghê sợ đó ".   
Tấm thân trần truồng mà tôi đã ao ước thèm muốn lúc ấy chỉ còn là... diễn đạt điều này thế nào nhỉ ?... Chỉ còn là vật chất và cơ thể... lúc ấy, không phải là bà ta ở trước mặt tôi, mà là sự sống đang chống cự với cái chết, một con người đang quằn quại giữa những cơn đau thập tử nhất sinh... Máu của bà ta, những giọt máu nóng và cao quý của bà ta ngập ngụa tay tôi, nhưng điều đó không khêu gợi trong tôi sự thèm muốn hay kinh hãi... tôi chỉ là một người thầy thuốc... tôi chỉ thấy sự đau đớn... và tôi thấy...   
" Tôi thấy ngay rằng không còn hy vọng gì nữa nếu không có một phép lạ nào diễn ra... bàn tay vụng về và tội lỗi đã làm bà ta thương tổn và bà ta đã mất đến một nửa khối lượng máu, thế mà trong cái lỗ hôi thối này tôi không có một thứ gì để cầm máu, kể cả nước sạch... tất cả những gì tôi sờ đến đều cáu bẩn...   
" - Ta phải đưa vào bệnh viện ngay lập tức », tôi nói. Nhưng tôi vừa thốt lên những tiếng đó thì cái thân hình bị dày vò đau đớn vùng ngay dậy trong cơn co quắp : " - Không... không... thà chết... không ai được biết việc này... Không ai... Về ngay nhà tôi... nhà tôi... "   
" Tôi hiểu bà ta không muốn đấu tranh để bảo tồn sự sống nữa, mà để giữ bí mật, cứu vớt danh dự của mình... Và tôi tuân theo... Người bồi mang ra một chiếc băng ca, chúng tôi đặt bà ta nằm lên đó... và như vậy... đã giống một xác chết, kiệt sức và mê sảng... chúng tôi khiêng bà ta đi trong đêm... về nhà bà... tránh những gia nhân tò mò và hoảng hốt... cứ như những tên ăn cắp, chúng tôi mang bà ta vào phòng và đóng cửa lại... Rồi... rồi cuộc vật lộn bắt đầu, cuộc vật lộn lâu dài chống chọi với cái chết... ".

\*   
\* \*

Đột nhiên, một bàn tay nắm chắc lấy cánh tay tôi đến mức tôi suýt kêu lên vì khiếp sợ và đau đớn. Trong bóng tối, khuôn mặt người đàn ông bỗng kề sát mặt tôi, nhăn nhó; thình lình tôi nhìn thấy hàm răng trắng của anh ta nhe ra, tôi nhìn thấy đôi mắt kính của anh ta lấp lánh như đôi mắt mèo to tướng trong ánh phản chiếu nhợt nhạt của mặt trăng. Và bây giờ, anh ta không nói nữa, mà gần như rú lên trong cơn thịnh nộ :   
" Ngài có biết không, hỡi con người xa lạ đang ngồi hoàn toàn yên tĩnh trên chiếc ghế của mình, con người đi khắp thiên hạ như nhàn du, ngài có biết cái chết của một con người diễn ra như thế nào không ? Ngài đã chứng kiến cảnh tượng ấy bao giờ chưa ? Ngài đã nhìn thấy một thân hình co quắp bao giờ chưa, những móng tay tím ngắt bắt chuồn chuồn, chân tay co giật, các ngón tay cứng lại cố chống cự với cái phút cuối cùng đáng sợ ? Đã bao giờ ngài nghe thấy tiếng thở ra ghê rợn, nhìn thấy trong cặp mắt lồi nỗi khiếp sợ mà không lời nào lột tả được hay không ? Ngài đã nhìn thấy những điều đó chưa, hỡi con người ăn không ngồi rồi, hỡi con người đi hành hương khắp thế giới, con người đã nói về sự cứu giúp như một nghĩa vụ ? Làm thầy thuốc, tôi thường nhìn thấy cái chết, tôi nhìn cái chết như là... như là một ca lâm sàng, một sự kiện, có thể nói là tôi đã nghiên cứu nó - nhưng, với tư cách một con người, tôi mới nhìn thấy cái chết có một lần, chỉ đến lúc đó, đêm hôm đó tôi mới cảm nhận được cái chết, mới chia sẻ nỗi rùng rợn của cái chết lần đầu tiên... Suốt trong cái đêm khủng khiếp đó, tôi ngồi trên ghế suy nghĩ nát óc để khám phá, tìm tòi và sáng chế ra cái gì mà có thể cầm lại được dòng máu vẫn cứ đang tuôn ra, tuôn ra và đang tuôn ra, cầm cự với cái chết đang mỗi lúc một đến gần mà tôi không thể nào xua đuổi ra khỏi giường nằm của bà ta được. Ngài có hiểu thầy thuốc nghĩa là thế nào không : phải biết tất cả về đủ các loại bệnh tật, có nghĩa vụ cứu chữa, như ngài đã nói rất đúng, thế mà chịu bất lực bên đầu giường của một người đàn bà đang hấp hối, biết mà không làm gì được..., biết một điều, cái điều kinh khủng, đó là anh không thể cứu chữa gì được, ngay cả nếu như anh có khả năng bứt tất cả các mạch máu của anh ra khỏi cơ thể... nhìn thấy dòng máu tội nghiệp cứ băng ra từ một cơ thể thân yêu, nhìn thấy cái cơ thể ấy bị phó mặc cho cơn đau đớn hành hạ, cảm thấy mạch đập gấp và cùng lúc ấy ngừng hẳn lại... lặn hẳn đi dưới ngón tay anh... Là thầy thuốc và bất lực, bất lực, bất lực... ngồi đấy và lẩm bẩm một lời cầu nguyện nào đó như một mụ già sùng đạo trong nhà thờ, rồi lại nắm tay hăm dọa một Thượng đế thảm hại mà ta biết rõ là không hề có thật... Ngài có hiểu điều đó hay không ? Còn tôi... chỉ có một điều duy nhất mà tôi không hiểu, làm sao... làm sao người ta không chết quách đi trong những lúc như vậy... làm sao đến sáng hôm sau người ta vẫn thức dậy, đứng lên, đi đánh răng, thắt cà vạt... làm sao người ta còn có thể sống nổi một khi đã trải qua cái mà tôi đã trải qua lúc đó, khi người ta đã nhìn thấy như tôi đã nhìn thấy hơi thở của con người đầu tiên mà ta đấu tranh và chiến đấu vì con người đó và ta muốn đem toàn bộ sức lực của tâm hồn mình ra sức giữ người đó lại..., cái hơi thở đó cứ trôi tuột qua các kẽ ngón tay mình... vào cõi hư vô, trôi mỗi lúc một nhanh, từng phút một, trong khi cái đầu óc nóng hầm hập của ta không tìm được cách gì để giữ lại sinh mạng cho con người mà mình yêu thương...   
" Đã thế, quái ác thay, nỗi đau khổ của tôi càng tăng lên gấp bội vì điều này nữa... Trong khi tôi còn ở đầu giường bà ta - tôi đã chích cho bà ấy một mũi moóc-phin để làm dịu cơn đau và tôi nhìn bà ta nằm nghỉ với đôi má nóng bừng, nóng bừng và tái mét - vâng... trong khi tôi ngồi như vậy, tôi cảm thấy phía sau tôi hai con mắt không ngừng nhìn tôi chằm chằm, cái nhìn chằm chằm khủng khiếp... Người bồi ngổi xổm dưới đất và lẩm bẩm cầu nguyện cái gì không rõ... Khi mắt tôi bắt gặp mắt hắn... không, không thể tả được điều đó... có cái gì thật là cầu khẩn, thật là biết ơn hiện rõ trong ánh mắt của hắn như cái nhìn của con chó trung thành và đồng thời hắn giơ tay về phía tôi như thể tôi là Thượng đế... tôi, một kẻ bất lực đáng thương đã biết rằng hết hy vọng rồi... và có ý thức rằng bản thân mình ở đây cũng vô ích như một con kiến loay hoay trên mặt đất... Ôi chao ! Cái nhìn đó, nó vò xé tôi biết bao, cái hy vọng cuồng tín đó, cái hy vọng mù quáng trông đợi ở trình độ khoa học của tôi... tôi muốn chửi rủa, chà đạp con người tội nghiệp đó, hắn làm tôi đau khổ quá... vậy mà tôi lại cảm thấy hai chúng tôi gắn bó với nhau biết bao nhiêu vì tấm lòng yêu thương đối với bà ta... vì điều bí mật... Hắn ở ngay sau tôi đứng im như khúc gỗ thu mình lại như con thú rình mồi... Tôi vừa bảo hắn lấy một vật gì là hắn nhảy vội trên đôi chân đất đi lấy và run rẩy đưa cho tôi... nóng lòng chờ đợi, y như là vật đó nhất định phải chữa được... cứu chữa được bà ta... Tôi biết hắn sẵn sàng rạch các mạch máu ra để lấy máu tiếp cho bà ta... người đàn bà ấy là như vậy đó, uy lực của bà ta đối với đàn ông là như vậy đó... thế mà tôi..., không có khả năng cứu lấy dù chỉ là một chút máu cho bà ta... Ôi ! Đêm ấy, cái đêm khủng khiếp ấy, cái đêm vô tận giữa sự sống và cái chết !   
" Đến gần sáng, bà ta còn tỉnh lại một lần nữa... bà ta mở mắt... đôi mắt không còn vẻ gì là kiêu kỳ lạnh lùng nữa, mà bây giờ bừng bừng cơn sốt... khi cặp mắt hơi mờ đi và ngỡ ngàng dò dẫm khắp gian phòng. Rồi bà ta nhìn tôi : có vẻ như suy nghĩ, cố nhận ra tôi... và bỗng... tôi nhận thấy..., bà ta nhớ ra... bởi vì sự sợ hãi, sự kháng cự..., một vẻ gì... một vẻ gì như hằn học, như hãi hùng làm nét mặt bà ta căng ra... bà cựa quậy cánh tay như muốn chạy trốn... chạy cho xa, xa, thật xa tôi... tôi thấy, bà ta nghĩ đến " điều đó "... đến cái lúc tôi chạy theo bà ta. Nhưng rồi sau khi suy nghĩ... bà ta nhìn tôi bình tĩnh hơn, thở một cách khó nhọc... tôi cảm thấy bà ta muốn nói, nói điều gì đó... bàn tay bà ta bắt đầu cứng lại... bà ta như muốn ngồi dậy nhưng không đủ sức... Tôi giúp cho bà trấn tĩnh lại và cúi xuống gần... Lúc ấy, đôi mắt đau khổ của bà nhìn trân trân vào tôi một lúc lâu... cặp môi khẽ mấp máy... tiếng nói của bà ta chỉ còn là một âm thanh cuối cùng đang lịm tắt khi bà nói :   
" - Sẽ không một ai biết ? Không một ai ?   
" - Vâng, sẽ không một ai " - tôi nói hết sức cả quyết. Tôi cam đoan với bà ta như vậy. Nhưng mắt bà ta vẫn lộ vẻ lo ngại... cặp môi nóng bỏng vì sốt, bà ta cố thều thào thốt lên mấy lời :   
" - Ông hãy thề với tôi đi... Không một ai biết cả... thề đi ".   
" Tôi giơ tay lên như tuyên thệ. Bà ta nhìn tôi... cái nhìn không tả nổi, dịu dàng, ấm áp, biết ơn... thực sự biết ơn... Bà còn muốn nói thêm điều gì nữa, nhưng khó khăn quá. Bà ta nằm duỗi dài một lúc lâu, mắt nhắm nghiền, hoàn toàn kiệt sức sau cố gắng đó.   
" Rồi cái việc ghê rợn, thảm khốc bắt đầu... suốt một giờ, một giờ khủng khiếp, bà ta còn chống chọi mãi đến sáng mới chấm dứt... "

\*   
\* \*

Anh ta ngừng kể. Tôi chỉ nhận ra điều đó khi trên boong tàu vang lên trong yên lặng một, hai, ba tiếng chuông rắn đanh : ba giờ sáng. Trăng đã mờ đi, nhưng một thứ ánh sáng khác màu vàng đã run rẩy chập chờn trong không trung và thỉnh thoảng làn gió hiu hiu thoảng qua. Nửa giờ, lại một giờ, ngày đã rạng, ánh sáng trong trẻo đã xóa nhòa bình minh xám nhạt. Tôi thấy rõ nét mặt anh ta - lúc này bóng tối tỏa xuống đã bớt dầy đặc, bớt tối đen ở góc chúng tôi ngồi - anh ta đã bỏ mũ ra, phía dưới cái đầu hói, nét mặt đau khổ của anh ta trông lại càng đáng sợ hơn nữa. Nhưng cặp kính lóe sáng đã quay lại phía tôi, người anh ta cứng lại và tiếng nói lại cất lên, chua chát và sắc sảo :   
" Với bà ta thế là hết, nhưng đối với tôi thì chưa xong. Tôi ở một mình bên xác chết, và hơn nữa, một mình trong ngôi nhà xa lạ, một mình trong một thành phố không một sự bí mật nào giữ nổi, mà tôi... tôi lại phải giữ kín một điều bí mật... Vâng, ngài hãy hình dung cho rõ tình thế lúc ấy : một phụ nữ thuộc xã hội thượng lưu của xứ thuộc địa, khỏe mạnh hoàn toàn, mới chiều tối hôm trước còn dự cuộc khiêu vũ ở nhà ông thống đốc và rồi bây giờ chết đột ngột trên giường nhà mình... Cạnh bà ta là một ông thầy thuốc lạ, mà cứ cho là đầy tớ của bà ta tuồng như đã mời đến đi... Không có gia nhân nào trông thấy ông ta bước vào nhà, không ai biết ông ta từ đâu đến... bà ta được khiêng về trên một chiếc cáng lúc ban đêm, rồi người ta đóng hết cửa lại... và sáng ra bà ta đã chết rồi... Mãi đến lúc ấy, người ta mới gọi gia nhân và bỗng chốc gian nhà đầy tiếng kêu la... trong nháy mắt, hàng xóm láng giềng đều rõ chuyện, cả thành phố đều biết tin... Và ở đấy chỉ có một người gánh trách nhiệm giải thích mọi sự... đấy là tôi, một người xa lạ, thầy thuốc ở một trạm xa xôi... Tình thế thú vị quá, phải không ?... Tôi biết rõ mối hiểm họa đang đe dọa tôi. May mà tôi còn có người ngồi ở bên cạnh, anh chàng tốt bụng hiểu được từng cái nhìn của tôi - anh ta cũng vậy, anh chàng da màu đó, ngu ngốc như một con vật, cũng hiểu là còn phải đương đầu với một cuộc đấu tranh khác. Tôi chỉ nói với anh ta : " Bà chủ muốn không một ai được biết những gì đã xảy ra ". Mắt anh ta nhìn chòng chọc vào mắt tôi, đôi mắt ướt của con chó trung thành, nhưng lại lộ rõ sự quả quyết : " Yes, sir (6) ", anh ta chỉ nói có thế. Nhưng anh ta đi lau sạch các vết máu trên sàn nhà, cố sắp xếp mọi thứ cho thật ngăn nắp - và chính lòng quả quyết của anh ta giúp tôi lấy lại sự cương quyết của mình.   
" Trong đời tôi chưa bao giờ tôi tập trung được một nghị lực đến như vậy; cái nghị lực đó cũng không bao giờ trở lại với tôi nữa. Khi người ta đã mất hết, người ta đấu tranh như một kẻ tuyệt vọng để cứu vớt những cái cuối cùng còn sót lại - ở đây là lời trăn trối của bà ta, điều bí mật của bà ta. Tôi tiếp mọi người thật điềm tĩnh, kể lại cho tất cả mọi người câu chuyện bịa đặt : người bồi được bà ta bảo đi mời thầy thuốc đã ngẫu nhiên gặp tôi trên đường như thế nào. Nhưng trong khi nói chuyện, cố làm ra vẻ bình tĩnh, tôi vẫn chờ... luôn luôn chờ đợi con người mà tất cả đều tùy thuộc vào ông ta... người thầy thuốc có trách nhiệm đến khám nghiệm tử thi trước khi chúng tôi có thể đóng chặt quan tài, giữ người chết và điều bí mật của bà ta trong đó... Hôm ấy là thứ năm... ngài đừng quên điều đó, và thứ bảy chồng bà ta về.   
" Cuối cùng, lúc chín giờ, tôi được tin thầy thuốc của chính quyền đã đến. Tôi đã cho mời ông ta - ông ta là thượng cấp của tôi, đồng thời là địch thủ của tôi, đó chính là ông bác sĩ mà bà ta đã nói tới với thái độ rất đỗi khinh miệt, và đương nhiên, ông ta đã biết việc tôi xin thuyên chuyển. Mới thoạt nhìn tôi đã cảm thấy ngay ông ta là kẻ thù của tôi. Nhưng chính vì vậy mà sức lực tôi mạnh thêm.   
" Trong phòng đợi, ông ta đã hỏi tôi :   
" - Bà... - ông ta nói tên bà ta - chết vào lúc nào " ?   
" - Lúc sáu giờ sáng ".   
" - Bà ấy cho tìm ông lúc nào ? "   
" - Lúc mười một giờ đêm ".   
" - Ông có biết tôi là thầy thuốc của bà ấy không ? "   
" - Có, nhưng thời gian gấp quá... vả lại... người quá cố cứ nhất mực cho tìm tôi. Bà ta cấm không được gọi thầy thuốc khác ".   
" Ông ta nhìn tôi chằm chằm : khuôn mặt xanh xao và hơi phị thoáng ửng đỏ; tôi thấy ông ta đang nổi sung. Đó chính là điều tôi cần - tất cả nghị lực của tôi được tung ra nhằm mục đích đi đến một quyết định nhanh chóng, bởi vì tôi biết rằng thần kinh của tôi không cầm cự được lâu hơn nữa. Ông ta toan trả lời với giọng hằn học, nhưng rồi lại nói bằng giọng hững hờ :   
" - Nếu như ông nghĩ rằng ông có thể không cần đến tôi thì dẫu sao nghĩa vụ theo pháp luật của tôi là khám nghiệm tử thi... và tìm hiểu cái chết đã xảy ra như thế nào ? "   
" Tôi không trả lời, cứ để ông ta tiến lên. Rồi tôi lùi lại, khóa cửa và để chìa khóa lên bàn. Ông ta nhướn cao đôi lông mày tỏ vẻ ngạc nhiên :   
" - Như thế nghĩa là thế nào ? "   
" Tôi thản nhiên ngồi trước mặt ông ta :   
" - Đây không phải là vấn đề xác định nguyên nhân cái chết... mà là... tìm một cớ khác. Người đàn bà này đã mời tôi đến chăm sóc cho bà ta... sau ca phẫu thuật tai hại... Tôi đã không cứu nổi bà ta, nhưng tôi đã hứa sẽ cứu vãn danh dự cho bà ta, tôi sẽ giữ lời hứa. Và tôi yêu cầu ông giúp đỡ tôi trong việc này.   
" Ông ta tròn mắt ngạc nhiên.   
" - Phải chăng bỗng dưng ông muốn rằng - ông ta ấp úng - tôi, một thầy thuốc của chính quyền lại đi lấp liếm ở đây một tội ác ? "   
" - Đúng, tôi muốn như vậy, tôi buộc lòng phải mong muốn như vậy.   
" - Để che dấu tội ác của ông, tôi sẽ phải... "   
" - Tôi đã nói với ông là tôi không hề đụng đến người đàn bà này. Nếu không... nếu không tôi đã không còn ở đây trước mặt ông... nếu không tôi đã kết liễu đời tôi lâu rồi. Bà ta đã đền tội - nếu ông muốn gọi sự việc đó như vậy - mà thiên hạ không cần biết gì về điều đó. Và bây giờ tôi sẽ không tha thứ nếu như danh dự người đàn bà này bị bội nhọ một cách vô ích ".   
" Giọng nói cương quyết của tôi chỉ tổ làm ông ta thêm tức giận :   
" - Ông sẽ không dung thứ ? A! Chắc là ông đã trở thành cấp trên của tôi... hay ít ra ông cũng tưởng là như vậy... vậy ông thử ra lệnh cho tôi đi... Tôi đã nghĩ ngay rằng đằng sau chuyện này hẳn phải có điều gì xấu xa bẩn thỉu người ta mới triệu được ông ra khỏi cái hang của ông... Bước khởi đầu của ông như thế thật là đẹp mặt... quả là một mẫu mực hay ho về sự lành nghề của ông... Nhưng bây giờ tôi sẽ tiến hành cuộc điều tra và ông có thể tin rằng một bản tường trình ký tên tôi sẽ đúng sự thực. Không bao giờ tôi ký tên dưới một lời dối trá ".   
" Tôi hoàn toàn bình tĩnh :   
" - Có chứ... trong trường hợp này ông sắp làm điều đó. Bởi vì nếu không, ông sẽ không thể yên ổn rời khỏi gian phòng này.   
Tôi thò tay vào túi - tôi không mang theo khẩu súng ngắn. Ông ta rùng mình. Tôi tiến một bước về phía ông ta và nhìn ông ta :   
" - Ông nghe đây, tôi sẽ nói với ông hai tiếng... để khỏi đi đến chuyện cực đoan. Đời tôi không có nghĩa lý gì hết đối với bản thân tôi... đời một kẻ khác cũng chẳng hơn gì - tôi đã đến nước này... Điều duy nhất tôi cần là : giữ lời hứa làm sao cho căn do của cái chết này mãi mãi là điều bí mật... Ông nghe đây : tôi lấy danh dự nói với ông rằng, nếu ông chứng thực là người đàn bà này... bị chết đột ngột, tôi sẽ rời bỏ thành phố và vùng Ấn Độ ngay trong tuần lễ này... rằng nếu ông yêu cầu, tôi sẽ dùng súng tự sát ngay khi quan tài đã nằm trong lòng đất, mang theo cùng với tôi sự bảo đảm chắc chắn rằng không kẻ nào... ông hiểu chứ... không kẻ nào có thể phanh phui được sự việc. Đối với ông như thế là đủ, tôi nghĩ vậy, - điều đó đối với ông phải là đủ lắm rồi ".   
" Giọng nói của tôi hẳn có vẻ gì dọa dẫm đáng sợ, bởi vì vừa lúc tôi bất giác tiến về phía ông ta, ông ta đột nhiên lùi lại, như bị uy hiếp bởi nỗi khủng khiếp làm mọi người chạy trốn trước một Amok lúc hắn vừa chạy vừa khoa dao găm lên một cách hung dữ... Và bỗng nhiên ông ta biến thành một con người khác... ỉu xìu và tê liệt, có thể nói như vậy... thái độ khăng khăng của ông ta biến mất hẳn. Để bày tỏ sự chống đỡ cuối cùng rất yếu ớt, ông ta thì thầm :   
" - Như vậy là lần đầu tiên trong đời, tôi sẽ ký một giấy xác nhận giả mạo... cuối cùng ông đã tìm ra được một cách... ông thừa biết như vậy là... Nhưng tôi không thể... ngay lúc đầu...   
" - Chắc chắn là ông không thể, tôi nói để ông ta yên lòng hơn - (Nhanh lên ! Nhanh lên ! Mạch máu hai bên thái dương tôi giần giật) - nhưng hiện giờ khi ông biết rằng ông sẽ chỉ sỉ nhục một người còn sống và phạm một điều kinh khủng đối với người đã chết, chắc chắn là ông không còn chần chừ gì nữa ".   
" Ông ta gật đầu ưng thuận. Ông ta và tôi lại gần chiếc bàn. Trong vài phút bản xác nhận đã làm xong (đấy chính là văn bản sau đó đã được đăng trên báo, và theo đó thì cái chết là do chứng trụy tim). Rồi ông ta đứng dậy và nhìn tôi :   
" - Ông đi ngay trong tuần lễ này chứ ? "   
" - Tôi đã hứa với ông rồi mà."   
" Ông ta lại nhìn tôi. Tôi nhận thấy ông ta muốn tỏ ra cương quyết và thực tế:   
" - Tôi cho lấy quan tài ngay đây ". - Ông ta nói để che giấu nỗi bối rối của mình.   
" Nhưng, ở tôi lúc ấy có một vẻ gì đáng lo ngại ghê gớm chăng ? Đột nhiên, ông ta giơ tay bắt tay tôi, tỏ ra thân tình một cách bất ngờ :   
" - Mong ông vượt qua được cảnh ngộ này ". - Ông ta nói.   
" Tôi không hiểu ông ta muốn nói gì. Tôi ốm chăng ? Hay là tôi điên ? Tôi tiễn ông ta ra cửa, tôi mở cửa, - nhưng tôi chỉ còn đủ sức đóng cửa lại sau lưng ông ta.   
" Tiếp đó, thái dương tôi lại giần giật, tất cả đều chập chờn quay cuồng trước mặt tôi, và tôi đổ vật xuống ngay trước giường của bà ta... như là... như là một Amok đến lúc kết thúc cuộc chạy, đã gục xuống, thần kinh rệu rã, bất tỉnh.

\*   
\* \*

Anh ta lại ngừng tiếng. Tôi rùng mình : phải chăng đó là do làn gió sớm mai thổi nhẹ bên trên con tàu ? Nhưng trên khuôn mặt đau đớn của anh ta lúc này đã hiện lên mờ mờ, dưới ánh sáng ban ngày lại lộ rõ vẻ căng thẳng.   
" Tôi nằm dài trên chiếc chiếu như vậy bao nhiêu lâu ? Tôi không biết rõ. Sau đó, tôi cảm thấy có người chạm vào tôi. Tôi vùng trở dậy. Trước mặt tôi là người bồi, vẫn dút dát và tận tụy như mọi khi. Cặp mắt lo lắng của anh ta nhìn không chớp vào mắt tôi :   
" - Có người muốn vào... muốn gặp bà... anh ta nói.   
" - Không ai được vào cả.   
" - Thưa vâng... nhưng...   
" Cái nhìn của anh ta lộ vẻ sợ hãi. Anh ta muốn nói, nhưng lại không dám nói. Con vật trung thành đang đau khổ.   
" - Ai vậy ?   
" Anh ta run run nhìn tôi như sợ bị đánh đòn. Rồi anh ta nói - không hề nêu một tên người nào... nhưng không biết từ đâu mà con người hạ đẳng loại này bỗng nhiên lại tỏ ra có ý thức đến như vậy, không biết từ đâu mà chỉ trong vài giây đồng hồ một thứ tình cảm âu yếm khó tả như thế lại làm cho con người hoàn toàn thiển cận như vậy linh lợi hẳn lên ? - Anh ta nói - sợ sệt, hoàn toàn sợ sệt :   
" - Người ấy đấy ".   
" Tôi sửng sốt, hiểu ngay, và lập tức háo hức, nôn nóng muốn biết con người ấy. Bởi vì, ngài thấy không, thật kỳ lạ... ở giữa tất cả những dằn vặt đó, trong cơn sốt của những ham muốn và khắc khoải đó, trong cuộc chạy đuổi điên rồ đó... tôi đã hoàn toàn quên " người ấy "... tôi đã quên rằng một người đàn ông khác có liên quan... người đã được người đàn bà này thương yêu, người đã được bà ta đắm đuối ban cho điều mà tôi bị chối từ... Hai mươi bốn giờ, mười hai giờ đồng hồ trước đây, có lẽ tôi đã căm ghét anh ta, đã xé xác anh ta... nhưng giờ đây... tôi không thể nói với ngài là tôi đã vội vã biết chừng nào muốn được gặp anh ta, yêu mến anh ta, bởi vì bà ấy đã yêu anh ta.   
" Tôi chỉ nhảy một bước là ra đến tận cửa. Tôi thấy một chàng sĩ quan trẻ măng tóc vàng hoe, ngượng ngập, mảnh dẻ và xanh xao... Anh ta có dáng vẻ như một cậu bé... ở tuổi thanh niên dễ thương đến thế... và tôi cảm thấy ngay mối xúc động không thể tả được khi trông thấy anh ta cố gắng làm ra vẻ người lớn, tự tạo cho mình một phong độ và che giấu nỗi bối rối của mình. Tôi để ý thấy ngay tay anh ta run lên khi đưa lên cạnh chiếc mũ kêpi... Tôi những muốn ôm chầm lấy anh ta, bởi vì anh ta hoàn toàn đúng như tôi thầm mong : cái người đã chiếm hữu được người đàn bà này phải như vậy... Bà ta đã hiến thân không phải cho một kẻ chuyên đi quyến rũ đàn bà, một kẻ kiêu ngạo, không, mà là cho một chàng trai mới lớn, một người dịu dàng và trong trắng. Chàng trẻ tuổi đứng trước mặt tôi với thái độ hoàn toàn rụt rè. Cái nhìn tò mò của tôi, sự đón tiếp nồng nhiệt của tôi còn làm anh ta thêm bối rối : hàng ria mép nhỏ và thưa như lông tơ rung động đã để lộ rõ điều đó... Chàng trai này, người sĩ quan trẻ tuổi này, hẳn đã phải tự trấn tĩnh lắm mới khỏi òa lên khóc nức nở.   
" Xin ông tha lỗi cho tôi, cuối cùng anh ta nói, tôi muốn được nhìn thấy... bà ấy... một lần cuối cùng ".   
" Bất giác, ngoài ý định, tôi đưa bàn tay lên vai con người xa lạ đó, dìu anh ta như dìu một bệnh nhân. Anh ta nhìn tôi ngạc nhiên và trong cặp mắt anh ta, tôi đọc rõ một tình cảm yêu thương và biết ơn không bờ bến... giây lát đó, chúng tôi đã hiểu rõ giữa hai chúng tôi có một sự gắn bó... chúng tôi cùng đi về phía người quá cố... Bà ta nằm đó, trắng toát trong tấm vải liệm trắng - tôi cảm thấy sự có mặt của tôi ở bên cạnh là điều đau khổ cho anh ta... tôi lùi lại để anh ta một mình bên bà ta... Anh ta đến sát cạnh người đàn bà, chầm chậm, bước đi run rẩy và nặng nhọc... qua vai anh ta, tôi thấy sự bàng hoàng, nỗi đau xé lòng mà anh ta đang phải chịu đựng... anh ta đi như là... như là một người vừa đi vừa đối mặt với trận cuồng phong... Và bỗng nhiên, anh quỳ sụy xuống trước giường... đúng như tôi đã quỵ xuống...   
" Tôi lập tức lao tới, nâng anh ta dậy và đặt anh ta ngồi lên một chiếc ghế. Anh ta không e thẹn nữa và nỗi đau khổ của anh thoát ra thành những tiếng nức nở. Tôi không thể nói được gì - chỉ bất giác đưa mấy ngón tay vuốt mái tóc vàng hoe mềm mại như trẻ con của anh ta... Anh ta nắm lấy tay tôi... hết sức nhẹ nhàng, tuy nhiên vẫn để lộ nỗi lo lắng... và bỗng nhiên tôi cảm thấy anh ta tha thiết nhìn tôi :   
" - Bác sĩ ơi, xin ông hãy cho tôi biết sự thật, - anh ta lắp bắp, - có phải bà ấy tự sát hay không ?   
" - Không ". Tôi trả lời.   
" - Vậy thì một người nào đó... tôi nghi... một người nào đó đã gây nên cái chết này ?   
" - Không ", tôi lại trả lời, mặc dầu tôi cảm thấy cần phải gào lên với anh ta : Tôi ! Tôi ! Tôi ! Và anh nữa ! Cả hai chúng ta !... Và tính ương ngạnh của bà ta, tính ương ngạnh tai hại của bà ta !   
" Nhưng tôi tự kìm lại được và nhắc một lần nữa :   
" - Không, không ai có lỗi trong vụ này. Đó là số phận của bà ta ! "   
" - Tôi không thể tin điều đó được, anh ta rên rỉ, tôi không thể tin điều đó. Mới ngày hôm kia bà ta còn dự khiêu vũ, còn mỉm cười với tôi, vừa nhảy vừa ra hiệu cho tôi. Sao lại có thể như thế ? Sao lại có thể xảy ra như vậy được.   
" Tôi bịa ra một câu chuyện dài dòng. Ngay cả với anh ta, tôi cũng không tiết lộ điều bí mật. Những ngày tiếp đó, chúng tôi chuyện trò với nhau như hai anh em, nét mặt chúng tôi có thể nói là tràn ngập ánh sáng của thứ tình cảm đã gắn bó chúng tôi với nhau... mà chúng tôi không thể thú nhận với nhau; nhưng chúng tôi cũng không vì vậy mà kém phần cảm thông rằng toàn bộ cuộc đời của hai chúng tôi đều gắn bó với người đàn bà này... Đã nhiều lần lời nói ứ nghẹn ở cổ tôi, tôi thèm khát được nói hết với anh ta biết chừng nào; tuy nhiên, lúc đó tôi cắn chặt môi lại. Anh ta không hề biết bà ấy mang trong bụng đứa bé mà anh ta là người cha... rằng đứa con, đứa con thuộc về anh ta đó đáng lý ra tôi đã phải giết chết, và bây giờ bà ta đã mang nó xuống vực thẳm cùng với mình. Thế mà chúng tôi chỉ nói với nhau về bà ta suốt trong những ngày tôi phải tạm lánh ở nhà anh ta... bởi vì - tôi bỏ sót không kể với ngài điều đó - người ta đang lùng tôi... lúc chồng bà ta về đến nơi thì quan tài đã đậy nắp... lão ta không hề tin bản xác nhận... mọi người xì xào đủ thứ chuyện... và lão ta đi lùng tôi. Nhưng tôi không thể chịu đựng nổi việc gặp gỡ người đàn ông này, con người mà tôi biết rằng vì hắn bà ta phải đau khổ... Tôi ẩn náu... trong bốn ngày, không ra ngoài, cả hai chúng tôi đều không rời khỏi nhà... Để giúp tôi trốn thoát, người tình của bà ta đã đăng ký với một tên giả lấy vé tàu cho tôi... Như một tên ăn cắp, ban đêm tôi lén xuống boong tàu để không ai nhận ra tôi... Tôi bỏ lại hết những gì tôi có... nhà cửa, công việc trong suốt bảy năm ròng, toàn bộ tài sản của tôi, mặc cho bất kỳ ai muốn lấy gì thì lấy... và nhà cầm quyền chắc chắn đã xóa tên tôi trong sổ nhân sự vì tôi đã bỏ nhiệm sở không xin phép... Nhưng tôi không thể sống thêm nữa trong ngôi nhà ấy, trong thành phố ấy, trong cái xứ sở, nơi mà mọi cái đều gợi cho tôi, nhớ đến bà ta... Như một tên ăn cắp, tôi bỏ trốn giữa ban đêm, chỉ để trốn bà ta, chỉ để quên đi...   
" Nhưng lúc tôi xuống tàu... ban đêm... lúc nửa đêm... anh bạn sĩ quan tiễn chân tôi... lúc ấy... lúc ấy... vừa đúng lúc họ đang dùng một cần cẩu nhỏ, kéo cái gì... hình nhữ nhật và đen... chiếc quan tài của bà ta, ông nghe rõ chứ, chiếc quan tài của bà ta... Bà ta đã đuổi theo tôi đến tận đây, như tôi đã đuổi theo bà ta... và tôi đã chứng kiến cảnh tượng đó mà ngoài mặt phải vờ làm ra vẻ thờ ơ, bởi vì chồng bà ta ở đó... Hắn sẽ theo cỗ quan tài đến tận nước Anh, tôi nghĩ vậy... Có thể về đấy hắn sẽ cho khám nghiệm tử thi... hắn đã chiếm đoạt bà ta... bây giờ thì một lần nữa, bà ta lại thuộc về hắn... bà ta không còn là của chúng tôi nữa... của hai chúng tôi... Nhưng lúc nào tôi cũng ở đấy... tôi sẽ theo bà ta đến cùng... hắn sẽ không bao giờ khám phá được điều gì, nhất định phải làm như vậy... Tôi biết cách giữ gìn bí mật của bà ta, chống lại mọi mưu toan... chống lại tên vô lại mà bà ta đã phải trốn chạy hắn, tìm đến cái chết. Hắn sẽ không biết gì hết. Không hề biết tí gì..., bí mật của bà ta thuộc về tôi, chỉ mình tôi thôi...   
" Ngài có hiểu được không... hiểu được vì sao lúc này tôi không thể nhìn mặt mọi người... tôi không thể nghe tiếng cười của họ... những khi họ ve vãn nhau và quấn quít với nhau từng cặp... Quan tài bà ta đặt ở kia, trong đám hàng hóa, giữa những kiện chè và những quả dừa... Tôi không thể đến đấy được vì cửa khóa... nhưng tôi biết, mọi giác quan của tôi đều gào thét đòi nó lại cho tôi, và tôi không quên nó lấy một giây... ngay cả khi dương cầm réo rắt và tôi nghe thấy họ nhảy tănggô...   
Thật là ngu ngốc, biển cả cuộn sóng chứa đựng hàng triệu người chết, dưới mỗi tấc đất người ta dẫm lên đều có một xác chết thối rữa..., thế mà tôi không thể... không thể chịu nổi những buổi khiêu vũ mang mặt nạ và tiếng vang của những chuỗi cười dâm dật đến thế... Người đàn bà xấu số này, tôi vẫn nhìn thấy bà ta và biết bà ta đòi hỏi gì ở tôi... tôi biết lắm, tôi còn một nghĩa vụ phải làm tròn... tôi vẫn chưa hết nợ... bí mật của bà ta còn chưa được cứu thoát... bà ta còn chưa buông tha tôi.

\*   
\* \*

Một tiếng động vọng đến từ giữa con tàu, những bước chân kéo lê và lộp cộp : các thủy thủ bắt đầu rửa boong. Anh ta giãy nẩy lên như bị bắt quả tang : trên nét mặt căng thẳng lúc này hiện lên nỗi lo âu. Anh ta đứng lên và thầm thì :   
" - Tôi đi đây... tôi đi đây... "   
Thật đau lòng khi phải thấy cái nhìn tuyệt vọng của anh ta, cặp mắt anh ta sưng húp và đỏ ngầu do uống nhiều hay khóc nhiều : tôi cảm thấy trong vẻ hạ mình của anh ta có nỗi hổ thẹn, hổ thẹn quá chừng, vì đêm qua đã không kìm nén được mà đi thổ lộ với tôi điều bí mật mà anh ta mang trong lòng. Bất giác tôi nói với anh ta :   
" - Nếu anh cho phép, tôi sẽ đến thăm anh chiều nay tại căn buồng của anh... "   
Anh ta nhìn tôi - một cái nhếch mép nhạo báng, nghiệt ngã, trâng tráo làm môi anh ta mím lại rồi anh ta nói, có chút gì ma quái trong giọng nói của anh ta, khiến cho tiếng nào cũng sai lạc đi :   
" - A ha... cái nghĩa vụ cứu giúp trứ danh của ngài... a ha... với cái câu phương ngôn của ngài, ngài đã thôi thúc tôi phun ra hết. Nhưng tôi, thưa ngài, tôi xin cảm ơn ngài : Ngài đừng tưởng rằng nỗi đau khổ của tôi được nhẹ bớt khi tôi đã phơi bày hết tâm can trước mặt ngài. Đời tôi hỏng quá rồi, không ai còn có thể cứu được nữa... tôi đã phục vụ một cách vô tích sự cho chính phủ Hà Lan đáng kính... khoản phụ cấp của tôi mất trắng, tôi trở về Âu châu nghèo như con chó... một con chó rên rỉ theo sau một cỗ quan tài. Một Amok lao đầu chạy trong cơn điên không thể không bị trừng phạt. Cuối cùng, sẽ có người đánh quỵ hắn... và tôi cũng sắp đi đến điểm chót... Không, thưa ngài, tôi xin cảm ơn ngài nhã ý của ngài... Ở trong buồng, tôi còn có mấy bạn đồng hành... vài chai uytki ngon luôn luôn an ủi tôi và cả người bạn cố tri của tôi mà rủi thay tôi đã không quay trở về kịp thời với nó, đây là khẩu Brôninh chân thực của tôi; sự cứu giúp cuối cùng của nó còn công hiệu hơn mọi thứ chuyện phiếm... Tôi xin ngài, ngài đừng bận lòng... cái quyền duy nhất còn lại của con người phải chăng là được chết theo ý muốn... và hơn nữa, không phải chịu một sự giúp đỡ từ bên ngoài nó làm mình phiền muộn.   
Anh ta nhìn tôi một lần nữa, vẻ mỉa mai... thậm chí là khiêu khích nữa; nhưng tôi hiểu điều đó, đó chỉ là bề ngoài, cái bề ngoài che giấu sự tủi nhục, tủi nhục vô hạn. Rồi anh ta cúi đầu, quay lưng lại phía tôi, không chào, dáng đi nặng nề và rất chập chững, anh ta đi về phía các căn buồng, xuyên qua boong tàu lúc đó đã tràn ngập ánh sáng. Tôi không gặp lại anh ta nữa. Tôi đã hoài công tìm anh vào buổi chiều và ban đêm sau đó ở chỗ anh ta thường ngồi. Anh ta vẫn biệt tăm và tôi đã tưởng mình nằm mơ hay là ma quỷ hiện hình, nếu giữa lúc đó, một hành khách khác mang băng đen ở tay không làm tôi chú ý; đó là một thương gia lớn người Hà Lan có bà vợ, theo người ta nói, chết về bệnh nhiệt đới. Tôi thấy ông ta đi đi lại lại lánh xa mọi người, vẻ mặt nghiêm trang và phiền muộn; ý nghĩ rằng tôi biết rõ nỗi ưu tư, sâu kín nhất của ông ta đã gây cho tôi một nỗi sợ hãi bí hiểm; khi ông ta đi qua, tôi quay mặt đi để khỏi để lộ qua cái nhìn là tôi biết hơn ông ta về điều đang làm ông ta đau khổ.

\*   
\* \*

Ở bến cảng Naplơ lúc ấy xảy ra một chuyện kỳ lạ mà tôi tin là phải tìm sự giải thích trong câu chuyện người khách lạ đã kể với tôi. Phần đông hành khách đã rời bến, bản thân tôi cũng đến rạp hát và sau đó tới một quán cà phê sáng trưng của Via Roma. Khi chúng tôi đi canô về tàu, tôi ngạc nhiên thấy vài chiếc thuyền đốt đuốc và đèn đất đi vòng quanh tàu tìm kiếm, trong lúc ở bên trên, trong bóng tối của mạn tàu, những người hiến binh đi đi lại lại một cách bí ẩn. Tôi hỏi thủy thủ xem chuyện gì đã xảy ra. Anh ta lảng tránh câu hỏi của tôi bằng cách làm tôi hiểu ngay là anh được lệnh im lặng, và ngay cả ngày hôm sau, khi yên tĩnh đã trở lại và không còn một dấu vết gì về sự việc lôi thôi xảy ra, con tàu tiến về Giên, người ta cũng không biết gì hơn. Chỉ mãi về sau, tôi mới được đọc trong những tờ nhật báo nước Ý bài tường thuật hoang đường về cái gọi là tai nạn xảy ra ở bến cảng Naplơ. Báo chí nói rằng đêm hôm đó người ta phải chuyển từ tàu sang canô một chiếc quan tài của một mệnh phụ ở xứ thuộc địa của Hà Lan và người ta đã chờ đến lúc trên tàu hết náo nhiệt để tránh cho hành khách phải chứng kiến cảnh tượng đó. Trong lúc, trước mặt người chồng, cỗ quan tài trượt theo chiếc thang bằng thừng, một vật nặng từ tầng trên của con tàu bỗng rơi xuống biển, kéo theo cả chiếc quan tài, cùng những người phu khiêng và ông chồng. Một tờ báo cả quyết rằng một người điên đã từ tầng cao trên lan can nhảy xổ vào chiếc thang; tờ khác nói là sợi dây thừng chịu đựng một trọng lượng quá lớn đã bị đứt; dầu sao, công ty hàng hải hình như đã tìm mọi cách để giấu giếm sự thực. Nhờ những chiếc canô và không phải là không chật vật, người ta đã vớt được những người phu khiêng và chồng người đàn bà xấu số bình an vô sự; trái lại, chiếc quan tài bằng chì đã trôi tuột xuống đáy biển thì không thể kéo lên được.   
Một tin ngắn gọn khác cũng đồng thời được đăng trên báo cho biết người ta đã vớt được ở bến cảng xác một người đàn ông tuổi trạc tứ tuần. Tin này không hề làm dư luận quần chúng xôn xao. Không ai nghĩ rằng nó có thể liên quan với câu chuyện hoang đường về chiếc quan tài; còn về phần tôi, vừa đọc xong ghi nhanh đó, tôi thấy hình như đằng sau tờ báo của tôi hiện lên bộ mặt nhợt nhạt và cặp kính lóe sáng của một bóng ma.

---------------------------  
**Chú thích** :

(1) : Lady : bà quý phái - ND. (2) : Giáo dục tình cảm : tác phẩm của Flôbe. ND. (3) : All right : hoàn toàn tốt - ND. (4) : You remain here : Ông dừng lại ở đây - ND. (5) : Come quickly : Ông đến ngay, ND. (6) : Yes, sir : " Thưa ông, vâng " ND.

**Stefan Zweig**

Tuyển tập truyện ngắn Stefan Zweig

Dịch giả : PHÙNG ĐỆ - LÊ THI

**BỘ SƯU TẬP VÔ HÌNH**

Ở ga thứ hai sau Đretxđen, một người đàn ông đã đứng tuổi bước vào buồng toa xe của tôi. Ông ta lễ phép chào, đoạn ngồi xuống ngước nhìn tôi và gật đầu với tôi như với một người quen cũ. Ông mỉm cười vui vẻ nhắc lại tên mình khiến tôi nhớ lại ngay. Ông là một trong những nhà buôn đồ cổ có tiếng nhất ở Beclin. Thời bình tôi đã mua của ông ta, nhiều cuốn sách và bút tích cổ. Thoạt đầu chúng tôi trao đổi vài lời khách sáo. Bỗng nhiên, ông nói với tôi.   
  
" Tôi phải kể ông nghe tôi vừa ở đâu về. Câu chuyện tình cờ tôi sắp kể quả thật hết sức lạ kỳ, tôi chưa hề gặp suốt trong hơn ba mươi bảy năm trong nghề.   
  
" Hẳn ông cũng thừa biết hiện giờ hàng mỹ thuật bán chạy như thế nào kể từ khi đồng tiền mất hết giá trị. Bọn mới giàu nổi lên bỗng tỏ ra mê say những tranh tượng Đức Mẹ, những sách in cổ, những bức tranh cổ in tay. Bọn tôi không tài gì kiếm đủ hàng cho họ. Lại phải đề phòng không thì họ vét nhẵn cả cửa hàng. Nếu cứ để mặc họ thì có dễ họ sẽ cướp luôn cả mấy cái khuy măng xét và chiếc đèn bàn của chúng tôi. Thành thử chúng tôi thực khốn khổ vì cứ phải luôn luôn cung cấp cho họ những món hàng mới. Xin ông thứ lỗi vì đã dùng từ " món hàng " để gọi những vật mà chúng ta vẫn tôn trọng. Nhưng bọn họ đã làm chúng tôi quen nhìn nhận một cuốn sách in cổ quý báu tương đương với một món tiền bao nhiêu đô la đấy và một họa phẩm của Ghecxinô như một món tiền mấy tờ giấy bạc. Không còn cách nào chống lại nạn quấy rầy của bọn khách hàng điên cuồng đó.   
  
" Hàng bị bọn chúng lột hết nhẵn, tôi đành chỉ còn đóng cửa tiệm lại. Tôi xấu hổ khi thấy những gian hàng đã nổi danh từ thời ông nội tôi nay chỉ còn bày lăn lóc vài món đồ cũ mà không một anh bán hàng rong nào dám bày lên xe của mình.   
  
Trong lúc đang lúng túng như vậy tôi chợt nảy ra ý định duyệt lại danh sách những khách hàng cũ để cố tìm ra một vị nào mà tôi có thể mua lại của họ một vài món mà họ có hai. Những danh sách đó khi nào cũng là một thứ bãi tha ma, nhất là vào thời buổi này. Thực vậy, tôi đã chẳng tìm thấy gì đáng kể : phần lớn khách hàng cũ của chúng tôi đã qua đời hoặc đã bán hết những bộ sưu tập của họ từ lâu. Họa hoằn có người còn sống thì cũng rõ ràng là không đem lại hy vọng gì. Vừa lúc đó, tình cờ tôi đụng đến những bức thư của một khách hàng lâu đời nhất của chúng tôi. Từ hồi chiến tranh mới bùng nổ năm 1914 đến nay không thấy ông ta gửi đơn đặt hàng về nữa. Thư từ giao dịch của ông ta - điều này tôi không nói quá - đã bắt đầu từ sáu chục năm về trước. Ông đã có quan hệ với thân phụ và ông nội tôi. Tuy vậy, tôi nhớ là từ khi tôi quản lý cửa hàng này, chưa có lần nào ông ta bước vào. Tất cả những cái đó cho phép tôi có thể đoán đây là một con người kỳ dị, tính nết hơi buồn cười, cổ lỗ, một trong những người kỳ dị, độc đáo mà Menzen và Xpitvây đã khắc họa và đôi khi người ta vẫn còn gặp trong các tỉnh lẻ của chúng ta. Thư ông viết chữ nắn nót, những khoản tiền được gạch dưới bằng thước kẻ và nét mực đỏ. Để tránh mọi nhầm lẫn, mỗi con số ông ta viết hai lần và để tiết kiệm, ông đã sử dụng những tờ giấy trắng lọc ra từ các bức thư nhận được và tự tay làm lấy phong bì. Ngoài chữ ký của ông ta, những tài liệu kỳ dị đó còn mang hàng loạt những danh hiệu : cựu cố vấn kiểm lâm, trung úy dự bị, huân chương thập tự hạng nhất.   
  
Là cựu chiến binh của cuộc chiến tranh năm bảy mươi, nếu còn sống nay ông cũng phải tám mươi tuổi rồi. Mà người tiểu thị dân tằn tiện một cách kỳ cục đó có những phẩm cách khác thường của nhà sưu tập. Ông ta rất sành về tranh in nổi và tỏ ra có một khiếu thẩm mỹ tinh tế. Xem kỹ các đơn đặt hàng của ông ta, tôi nhận thấy vào cái thời buổi mà với một đồng tale người ta có thể mua được những bản tranh khắc gỗ đẹp nhất, con người tỉnh lẻ này đã góp nhặt dần và không ai ngờ ông ta đã thu thập được một bộ tranh khắc gỗ rất có thể cạnh tranh với những bộ sưu tập nổi tiếng nhất của bọn người mới giàu nổi lên. Quả thật, những bức tranh trước kia ông ta mua của chúng tôi với một số tiền rẻ rúng, vài đồng mác, giờ đây quý giá vô cùng. Hơn nữa, tứ đó có thể đoán được rằng chắc chắn ông ta cũng đã thành công như thế trong việc mua hàng ở các nhà buôn khác và đã không bỏ lỡ dịp trong những lần họ bán đấu giá. Thực ra thì từ năm 1914 chúng tôi không có tin tức gì về ông ta. Nhưng tôi quá tường tận về các cuộc giao dịch nên không thể có việc bán gộp cả một bộ sưu tập quan trọng như vậy mà tôi lại không biết. Do đó, tôi kết luận rằng nhà sưu tập kỳ lạ đó vẫn còn sống hoặc giả kho báu của ông vẫn nằm trong tay những người thừa kế.   
  
Rất bồn chồn, ngay hôm sau, tức là chiều hôm qua, tôi lên đường tới một trong những thành phố hẻo lánh nhất của xứ Xắcxông. Rời khỏi ga xép tôi uể oải đi theo đường phố chính của cái thành phố cổ. Tôi tưởng chừng trong những căn nhà lụp xụp này không thể lại có một ngôi nhà chứa đựng những bức tranh khắc đồng trác tuyệt nhất của Rămbrăng cùng những bức họa in khắc của Đurơ và Mantơnha, tất cả đều trọn bộ và được bảo quản tuyệt vời. Thật kinh ngạc xiết bao khi tại bưu cục tôi được biết rằng ngài cố vấn kiểm lâm vẫn còn sống. Thú thật, tôi rất xúc động khi quyết định đến nhà ông ta trước bữa ăn sáng. Tìm nhà không khó khăn gì. Ông ta ở tầng ba một ngôi nhà lụp xụp trong tỉnh, hẳn là tay thầu khoán đã cho xây vội vàng khoảng năm 1860. Ở tầng hai là một người thợ may. Ở tầng ba, cửa phía trái mang tấm biển để tên một nhân viên bưu điện. Cuối cùng, ở bên phải tôi thấy một tấm biển mang tên ngài cố vấn kiểm lâm.   
  
Tôi rụt rè bấm chuông. Lập tức, một bà già tóc bạc, đầu đội chiếc mũ trùm sạch sẽ xinh xắn ra mở cửa. Tôi đưa bà tấm danh thiếp của tôi và ngỏ ý muốn được gặp ngài cố vấn. Bà ta nhìn tôi vẻ ngạc nhiên và ngờ vực. Trong cái thị trấn tỉnh lẻ này và trong ngôi nhà tầm thường này, một cuộc viếng thăm hẳn phải là một sự kiện phi thường. Bà lão lễ phép xin tôi chờ cho một lát. Bà cầm tấm danh thiếp của tôi và biến vào căn phòng bên. Tôi nghe thấy tiếng bà thì thào. Đột nhiên, tiếng một người đàn ông kêu lên :   
  
- A ! Ông R... ở Beclin, nhà buôn tranh cổ nổi tiếng... mời ông ấy vào. Được ông đến thăm, ta mừng lắm !   
  
Bà lão chất phát trở lại, chân bước chầm chậm, bà mời tôi vào phòng khách. Treo mũ và can xong, tôi đi theo bà. Ở giữa căn phòng là một ông già to lớn, ria mép rậm rạp, chiếc áo mặc trong nhà bận sát người như người lính mặc đồng phục, ông đứng và thân mật chìa tay cho tôi. Cái cử chỉ niềm nở tự nhiên đó tương phản một cách lạ lùng với dáng điệu cứng đờ không động đậy của ông. Ông cố vấn không bước lại đón tôi. Hơi ngạc nhiên, tôi lại gần để nắm lấy tay ông. Khi tôi muốn nắm lấy tay ông, tôi nhận thấy bàn tay đó không hướng tìm tay tôi mà chỉ giơ ra chờ đợi. Lập tức, tôi đoán ra hết : ông này mù.   
  
Từ hồi thơ ấu tôi vẫn luôn luôn cảm thấy có phần lúng túng khi đứng trước một người mù. Tôi chưa bao giờ nén được tình cảm ngượng ngập khi nghĩ rằng một người có thể còn đang sống mà lại không nhìn thấy tôi như tôi nhìn thấy họ. Bởi vậy, tôi phải cố tự trấn tĩnh khi thấy đôi mắt đã tắt ngấm nhìn chăm chú vào khoảng không dưới cặp lông mày trắng bạc dày rậm.   
  
Ngay sau đó, ông ta đã khiến tôi hết lúng túng. Ông lắc mạnh tay tôi và thân ái chào mừng tôi.   
- Cuộc viếng thăm thật bất ngờ - ông vừa nói vừa cười - làm thế nào có thể tưởng tượng được một trong các ngài ở Beclin lại quá bước tới cái xó tỉnh lẻ của chúng tôi... Ồ ! Ồ ! Coi chừng ! Hẳn đây là một cuộc viếng thăm vụ lợi !... Chúng tôi thường nói rằng: " Hãy đóng cửa lại và coi chừng túi tiền của anh khi thấy đám người lang thang đến."... Mà phải ! Tôi đoán đúng vì sao ông đến thăm tôi... Công việc buôn bán tại nước Đức khốn khổ của chúng ta giờ đây gặp khó khăn. Khách mua hàng không có ! Thế là các ngài nhà buôn nhớ lại khách mua hàng cũ và đi tìm họ như tìm những con cừu lạc... Nhưng đến nhà tôi e rằng ông không đạt mục đích đâu. Bọn tôi, những người đã rút lui tội nghiệp có được miếng bánh trên bàn ăn là chúng tôi hể hả rồi. Chúng tôi không còn mua nổi thứ gì nữa với cái giá mà các ông đã nâng lên khủng khiếp như hiện nay... Chúng tôi đành chịu khoanh tay vĩnh viễn thôi.   
  
Tôi trả lời ông ta rằng ông đã đoán lầm về mục đích cuộc viếng thăm của tôi. Không phải tôi đến để bán cái gì cho ông. Nhân đi qua miền này, tôi không muốn bỏ lỡ dịp để tỏ lòng kính trọng đối với một trong những khách hàng lâu năm nhất của chúng tôi và một trong những nhà sưu tập lớn nhất của nước Đức.   
  
Nghe vậy, nét mặt ông già đổi khác hẳn, biểu lộ một niềm vui lớn và một niềm tự hào bất ngờ. Ông quay về phía mà ông đồ chừng là bà vợ ông đứng đó, như để nói : " Bà nó nghe thấy chứ ". Bỏ giọng gay gắt cứng nhắc lúc đầu, ông vui vẻ và cảm động nói với tôi :   
  
- Ông thật là có nhã ý... Tuy nhiên, ông sẽ không nhọc công vô ích. Tôi sẽ đưa ông chiêm ngưỡng những thứ mà người ta không trông thấy thường ngày, ngay cả ở cái thành phố Beclin phong phú của ông, những bức họa mà người ta không thể tìm được một phiên bản nào đẹp hơn, ngay tại phòng trưng bày Hoàng gia ở Viên hay Pari. Ấy là vì sau khi sưu tập sáu chục năm ròng thì, cuối cùng, người ta cũng thu thập được những thứ không thể tìm thấy ở vỉa hè, Luidơ, bà đưa chìa khóa tủ cho tôi.   
  
Vừa lúc đó một điều bất ngờ xảy ra. Bà lão nhỏ nhắn vẫn đứng phía sau ông cụ và từ nãy vẫn nghe chúng tôi nói chuyện với nụ cười kín đáo, lúc này vẫn giơ hai tay về phía tôi, vẻ cầu khẩn. Đồng thời bà lắc đầu lia lịa. Thoạt đầu, thứ ngôn ngữ câm lặng đó khiến tôi chẳng hiểu gì. Bà lại gần ông chồng, đặt tay lên vai ông và nói :   
  
- Nhưng này, Hecvác, mình không hỏi xem ngài đây có thời giờ để xem bộ sưu tập ngay bây giờ không. Sắp trưa rồi. Mà sau bữa ăn mình còn phải nghỉ một tiếng đồng hồ, thầy thuốc bắt buộc như vậy cơ mà. Có lẽ để sau bữa ăn mình hãy đưa cho ngài đây xem bộ sưu tập thì hơn. Ta sẽ dùng ly cà phê. Lúc đó Annơ Mari sẽ có nhà. Nó sành về việc này hơn tôi. Nó có thể giúp mình.   
  
Vừa nói xong bà lão lại làm điệu bộ cần khẩn qua vai ông chồng. Thế là tôi hiểu bà muốn gì. Tôi phải từ chối việc xem bộ sưu tập ngay lúc này.   
  
Tôi liền viện cớ đã có hẹn bữa ăn sáng ở một nơi khác. Được lưu lại đây là điều thích thú và một vinh dự đối với tôi, nhưng tôi có việc bận từ đây đến ba giờ chiều. Sau đó, tôi sẽ vui vẻ quay lại.   
  
Ông cụ tỏ vẻ bực bội như một đứa trẻ bị lấy mất thứ đồ chơi.   
  
- Đương nhiên - ông lầu bầu - các ngài ở Beclin bao giờ chẳng rất bận rộn. Nhưng lần này thì hẳn là ngài thu xếp được thời gian. Không phải là xem ba hay bốn bức tranh thường mà là hai mươi bảy tập tranh, mỗi tập là của một nghệ sĩ và tất cả đều trọn bộ... Thôi được, y hẹn vào ba giờ nhé, nhưng ngài phải đến đúng giờ đấy, nếu không thì không kịp xem hết đâu.   
Ông cụ lại giơ bàn tay quờ quạng về phía tôi và nói :   
- Rồi ngài sẽ được thích thú, hay nói là ngài sẽ ghen tị với tôi thì đúng hơn ! Ngài càng ghen tị tôi càng khoái. Bọn sưu tập chúng mình ai cũng vậy : chúng mình muốn có tất cả, còn người khác chẳng có gì hết.   
Ông thân ái lắc tay tôi. Bã lão nhỏ nhắn tiễn tôi ra tận cửa. Tôi nhận thấy bà có điều gì bứt rứt lúng túng, một nỗi lo ngại mà bà cố giấu tôi. Lúc sắp chia tay, bà lắp bắp, giọng nghẹn ngào : - Thưa, Anna-Mari, con gái tôi có thể tới khách sạn đón ngài được không ?... Như vậy tiện hơn... vì nhiều lẽ...   
- Được chứ ạ, tôi rất vui lòng. - Tôi đáp.   
  
\*   
\* \*  
  
Một giờ sau - lúc tôi vừa ăn xong tại một khách sạn nhỏ ở Khu Chợ - một cô gái đã luống tuổi ăn bận rất giản dị, bước vào phòng ăn và đưa mắt tìm tôi. Tôi đến gặp cô và nói tôi sẵn sàng theo cô về nhà để xem bộ sưu tập. Cô gái đỏ mặt và cũng lộ vẻ bối rối như bà mẹ lúc nãy, cô xin trước hết được nói chuyện với tôi. Mỗi khi toan nói, mặt cô lại đỏ ửng. Hai bàn tay cô vân vê nếp áo. Cuối cùng, cô bắt đầu ngập ngừng và càng bối rối hơn.   
  
- Mẹ tôi bảo đến tìm ngài... mẹ con chúng tôi muốn xin ngài... muốn nói để ngài biết trước khi ngài đến nhà tôi... Đương nhiên, cha tôi muốn khoe với ngài bộ sưu tập của ông cụ... Bộ sưu tập đó... không còn trọn bộ nữa... nó thiếu một số bản... chao ôi, thậm chí thiếu rất nhiều...   
  
Cô gái thở dài. Sau đó nhìn thẳng vào mặt tôi, nàng nói, giọng hổn hển.   
- Tôi phải thưa thật với ngài. Ngài cũng biết bây giờ thời buổi khó khăn; hẳn ngài sẽ hiểu tất cả... Hồi đầu chiến tranh, cha tôi bị mù... Trước đó, ông cụ đã bị đau mắt. Mặc dầu đã bảy mươi sáu tuổi, cụ vẫn cứ muốn ra mặt trận. Vì quân đội tiến không được nhanh như năm 1870, nên ông cụ bị xúc động mạnh và chỉ trong thời gian ngắn, sự xúc động đó đã cướp mất đôi mắt cụ... Ngoài cái tật ấy ra, cụ vẫn hoàn toàn khỏe mạnh. Mới gần đây thôi, ông cụ còn cuốc bộ đi xa. Nhưng, giờ đây, chấm dứt cả việc đi dạo chơi nữa. Ông cụ chỉ còn độc nhất một thú vui là bộ sưu tập. Ngày ngày, ông cụ ngắm nghía nó... hay nói đúng hơn, ông cụ không nhìn thấy nó nữa. Tuy thế mà chiều nào cũng vậy, ông cụ vẫn lấy các tập tranh ở ngăn tủ ra, đưa tay rờ rẫm từng bức, hết bức này đến bức kia, theo thứ tự ông cụ đã xếp đặt và thuộc lòng từ nhiều năm nay... Ông cụ chẳng còn quan tâm đến chuyện gì khác. Tôi phải đọc cho ông cụ nghe các tin tức bán đấu giá đăng trên báo. Giá càng lên cao, ông cụ càng sung sướng... Bởi vì, đấy mới là điều khủng khiếp : cha tôi không biết chút gì về giá cả hiện nay, cũng như thời buổi chúng tôi đang sống... Ông cụ không biết rằng chúng tôi đã mất sạch, rằng tiền lương hưu hàng tháng của ông cụ chỉ đủ cho chúng tôi sống không quá hai ngày... Than ôi, chưa hết... anh rể tôi chết trận đã để lại một vợ góa và bốn đứa con nhỏ... Cha tôi không hề biết những nỗi túng thiếu của chúng tôi. Mới đầu chúng tôi đã tằn tiện chi tiêu hơn trước. Chẳng được mấy nỗi. Rồi chúng tôi đã phải bán mấy thứ trang sức chúng tôi còn giữ lại được. Trời ơi ! Khoản đó chẳng được bao nhiêu, bởi vì cha tôi đã tiêu sạch số tiền chúng tôi ki cóp dành dụm được vào việc mua tranh. Cho đến một ngày chúng tôi chẳng còn gì nữa. Chúng tôi không còn biết xoay sở ra sao. Thế rồi... mẹ con tôi đã bán bức tranh đầu tiên của bộ sưu tập. Cha tôi không bao giờ cho phép làm điều đó. Ông cụ không biết thời buổi khó khăn đến thế nào và phải xoay sở dữ lắm mới có nổi miếng ăn. Ông cụ không biết ta đã bại trận. Chúng tôi không đọc tin thời sự cho ông cụ nghe để cụ khỏi buồn bực. Bức tranh chúng tôi đã bán là một bức tranh khắc đồng rất quý của Rămbrăng. Người lái buôn trả chúng tôi mấy ngàn mác. Chúng tôi hy vọng đỡ lo trong vài năm. Nhưng ngài biết đấy, giá trị tiền bạc bây giờ. Chúng tôi gửi tiền vào nhà băng. Hai tháng sau đã hết sạch. Chúng tôi phải bán bức tranh thứ hai, rồi một bức nữa. Và bao giờ chúng tôi cũng nhận được tiền rất chậm, khi đến tay chúng tôi số tiền đã mất giá một phần. Sau đó, chúng tôi đưa ra bán đấu giá. Nhưng ở đó, họ cũng đánh lừa chúng tôi, mặc dù số tiền họ trả rất lớn. Đến lúc thu về hàng triệu bạc thì chỉ còn là những mớ giấy lộn. Cứ như vậy, tất cả các bức tranh, trừ một hai bức, đã bị hy sinh hết chỉ vừa đủ cho chúng tôi sống tùng tiệm với những nhu cầu thiết yếu nhất. Và ông cụ tội nghiệp không hề biết. Vì thế mẹ tôi mới lo sợ đến như vậy khi ngài tới... Đến khi ông cụ khoe bộ sưu tập với ngài thì ngài sẽ biết hết. Chúng tôi đã luồn vào khung tranh cũ những phiên bản hoặc những tờ giấy trắng sờ cũng na ná như những bức tranh cũ để ông cụ khỏi nghi ngờ khi sờ lên các tờ tranh. Ông cụ nhớ đích xác thứ tự do cụ sắp xếp. Miễn là ông cụ có thể sờ mó và đếm được các bức tranh là ông cụ cảm thấy vui sướng như xưa kia nhìn ngắm chúng. Vả lại, trong cái tỉnh nhỏ của chúng tôi, không có ai là người mà cha tôi cho là xứng đáng chiêm ngưỡng cái kho báu của cụ. Ông cụ mê từng bức đến mức cụ sẽ chết vì sầu muộn nếu biết rằng tất cả đã biến mất. Từ ngày ông giám đốc phòng tranh ở Đretxđen qua đời, ngài là người đầu tiên được ông cụ mời xem tranh. Bởi vậy, tôi cầu xin ngài...   
Nói đến đây, người phụ nữ đáng thương giơ hai cánh tay về phía tôi nhìn tôi, mắt đẫm lệ...   
... Chúng tôi cầu xin ngài... ngài đừng làm cho ông cụ tôi đau khổ, ngài đừng làm mẹ con tôi đau khổ... ngài đừng phá vỡ cái ảo mộng cuối cùng của cha tôi. Ngài hãy giúp chúng tôi làm cho ông cụ tin rằng tất cả các bức tranh cụ sắp mô tả cho ngài xem vẫn thực sự còn đấy... Tôi dám chắc rằng nếu cụ mà ngờ vực thì ông cụ sẽ phiền muộn mà chết mất thôi. Có thể là mẹ con tôi đã có hành động không phải với ông cụ, nhưng chúng tôi không còn cách nào khác : trước hết, phải sống đã... và đời sống của bốn đứa trẻ mồ côi con chị tôi còn quan trọng hơn cả những tờ giấy đã bôi đen... cho đến giờ phút này chúng tôi chưa làm mất một niềm vui nào của ông cụ, chiều nào cụ cũng lần giở suốt ba tiếng đồng hồ các tờ tranh với niềm hạnh phúc trọn vẹn và nói chuyện với mỗi bức tranh như với một người bạn. Và hôm nay... có thể sẽ là ngày sung sướng nhất của ông cụ, vì từ bao nhiêu năm nay ông cụ vẫn mong đợi có dịp đưa cho một người am hiểu nghệ thuật xem ngắm cái kho báu của mình. Bởi vậy, tôi chắp tay van ngài, xin ngài đừng làm tan vỡ niềm hạnh phúc cuối cùng của ông cụ !   
Tất cả những điều đó cô ta nói với giọng thật xúc động đến nỗi tôi không sao diễn tả chính xác để ông thấy được. Hỡi ơi ! Tôi đã gặp biết bao nhiêu người khốn khổ bị nạn lạm phát làm mất hết tài sản quý giá nhất của tổ tiên để lại. Nhưng lần này, số phận đã cho tôi gặp một trường hợp có một không hai làm tôi xúc động sâu sắc. Cố nhiên là tôi hứa giữ kín và hết sức giúp đỡ những người đàn bà tội nghiệp đó.   
Chúng tôi cùng đi về nhà cô ta. Trên đường, tôi sửng sốt khi được biết số tiền quá ít ỏi, người ta đã trả cho mẹ con cô ta và người ta đã lợi dụng sự ngờ nghệch của họ như thế nào. Điều đó càng làm tôi quyết tâm giúp họ. Chúng tôi lên cầu thang. Vừa tới ngưỡng cửa đã nghe thấy tiếng nói vui vẻ oang oang của ông cụ : Mời vào ! Mời vào ! Hẳn là đôi tai thính của người mù đã nhận ra tiếng chân chúng tôi trên cầu thang.   
- Ông Hecvac nhà tôi hôm nay không ngủ được. Ông lão cứ thấp thỏm đợi để đưa cho ngài xem kho báu của ông - bà lão nhỏ nhắn vừa nói vừa mỉm cười.   
Cô con gái nháy mắt, thế là bà mẹ đoán ngay được là tôi đã thuận lòng làm theo ý họ. Trên bàn đã bày sẵn một chồng tranh. Vừa bắt tay tôi, ông cụ đã không chút câu nệ mời ngay tôi ngồi xuống.   
- Thế là được rồi, ta bắt đầu ! Nhiều tranh lắm mà... Các ngài ở Beclin thì chẳng khi nào có nhiều thời gian. Tập đầu tiên này là của nhà danh họa Đuyrơ, hầu như trọn bộ, rồi ông sẽ thấy đúng như vậy. Bức nào cũng đẹp, xin tự ông nhận xét.   
Ông cụ mở bức tranh đầu và nói : - Đây là con ngựa lớn.   
Hết sức thận trọng như sờ vào một vật dễ vỡ, ông cụ rút từ tập tranh ra một cái khung, trong khung là một tờ giấy trống trơn đã ố vàng. Ông cụ dè dặt lấy mấy đầu ngón tay nâng tấm khung tranh lên trước cặp mắt mù và ngắm nghía một cách hoan hỉ tuy không nhìn thấy gì. Khuôn mặt ông cụ bừng lên niềm cảm phục ngây ngất đến kỳ diệu. Đột nhiên, không rõ là phản chiếu của tờ giấy hay ánh sáng nội tậm, đôi nhãn cầu đã chết cứng của ông cụ lóe lên một tia sáng của một nhà tiên tri.   
- Thế nào, cụ nói - đã bao giờ ông thấy một phiên bản nào đẹp hơn không ? Rõ nét đến thế, mọi chi tiết nhỏ nhất đều hiện lên rất rõ. Tôi đã so bản này với bản ở Đretxđen. Bản ấy nom nhờn nhợt và mờ. Còn gốc gác của nó. Ông hãy coi đây.   
Ông cụ lật tờ giấy và lấy ngón tay chỉ cho tôi một chỗ ở mặt sau đến nỗi tôi phải cố nhìn xem có dấu hiệu thật hay không.   
- Đây là dấu hiệu của bộ sưu tập Natlơ, đây là của bộ sưu tập của Rêmi và Exđailơ. Các nhà sưu tập trứ danh đó đâu có ngờ những bức tranh của họ có ngày lại rơi vào căn phòng nhỏ bé này.   
Tôi rùng mình khi thấy ông cụ tán dương một tờ giấy trắng. Và khi ông cụ dùng mấy đầu ngón tay chỉ cho tôi một cách cực kỳ chính xác những dấu hiệu của các nhà sưu tập chỉ còn lưu lại trong trí tưởng tượng của ông cụ, tôi bỗng cảm thấy như đang dự một buổi diễn trò ảo thuật. Nghẹn ngào, tôi không biết trả lời ông cụ ra sao. Giữa lúc hoảng hốt, tôi đưa mắt về phía hai người đàn bà và lại bắt gặp cử chỉ cầu xin của họ. Thế là tôi tự trấn tĩnh và đóng vai mà họ giao phó cho tôi.   
- A ! Tôi kêu lên - một phiên bản tuyệt vời !   
Gương mặt ông cụ lập tức bừng sáng :   
- Cái đó chưa đáng kể - ông cụ đắc ý nói - tôi phải cho ông xem bức " U buồn " và bức " Say đắm ", một họa phẩm rực rỡ có một không hai. Coi thử, ông có nhìn thấy cái nét tươi mát, cái sắc điệu nồng nàn và mặt cát hoàn hảo hay không ?   
Những ngón tay ông cụ lại lần theo những đường nét tưởng tượng :   
- Các nhà buôn tranh và các vị giám đốc bảo tàng ở Beclin cứ mà vàng mắt mất thôi.   
Ông cụ cứ thao thao bất tuyệt một cách đắc ý như vậy suốt hai giờ liền.   
Không, tôi không thể miêu tả với ông hiệu quả ma quái của cái trò đem khoe hàng trăm tờ giấy lộn mà ông lão khốn khổ vẫn tưởng đâu là những bức tranh thực mê ly, đến nỗi ông cụ miêu tả với tôi hết bức nọ đến bức kia không chút ngập ngừng và không thiếu một chi tiết nhỏ. Bộ sưu tập vô hình đã từ lâu tản mát khắp bốn phương trời, nhưng đối với ông lão mù lòa này, con người bị lừa vì lòng trắc ẩn, nó vẫn còn nguyên vẹn. Cảm hứng do ảo tưởng của ông cụ có cái gì dễ lây truyền khiến tôi cũng bắt đầu tin theo. Chỉ có một lần thiếu chút nữa thì lòng tin chắc chắn của một người mộng du nơi ông phải lùi bước : Cụ vừa mới khoe cái tinh vi của nét vẽ trên bức Angtiôpơ của Rămbrăng, tác phẩm trước đây phải nói là vô giá. Đầu ngón tay nhạy cảm của cụ trìu mến lần theo đường nét của bức vẽ mà xúc giác tinh tế nơi ông lại không cảm thấy vết nhám trên giấy. Vầng trán ông cụ liền sa sầm, ông cụ lẩm bẩm giọng ngập ngừng :   
- Đây đúng là bức Angtiôpơ cơ mà ?   
Lập tức, trung thành với vai mình đang sắm, tôi cầm lấy tờ giấy trong khung và bắt đầu hăng hái miêu tả tỉ mỉ đến từng chi tiết nhỏ nhất bức tranh khắc đồng mà bản thân tôi vẫn nhớ như in. Lúc này nét mặt ông lão đang cau lại dãn hẳn ra. Tôi càng tán tụng kiệt tác đó thì những nét thô nhám và tàn tạ trên khuôn mặt ông cụ càng rạng lên niềm chân thành tươi tắn và niềm hoan hỉ sâu sắc.   
- Thế là cuối cùng cũng được gặp người hiểu biết đấy chứ, - ông cụ vừa nói vừa quay sang hai người đàn bà. - Rốt cuộc, cũng có người sành sỏi xác nhận với mình những bức tranh này là vô giá. Các người cứ trách tôi mãi là đã dốc hết tiền vào bộ sưu tập này. Tất nhiên là gay go rồi. Trong suốt sáu mươi năm trời, không bia, không rượu, không hút thuốc, không du lịch, không xem hát - chỉ có dành dụm cho bộ sưu tập ! Nhưng rồi các người sẽ thấy : khi ta nằm xuống các người sẽ giàu có, giàu nhất tỉnh này, giàu ngang với những nhà giàu nhất ở Đretxđen. Lúc đó các người sẽ cảm tạ cái tính điên cuồng của ta. Chờ đến lúc đó, chừng nào ta còn sống sẽ không một bức tranh nào được lọt ra khỏi nhà này. Người ta mang ta đi trước rồi mới đến bộ sưu tập của ta.   
Vừa nói bàn tay nặng nề của ông cụ vừa vuốt ve những tập tranh trống trơn như vuốt ve một người thân yêu. Cảnh tượng kinh hãi và xúc động ! Trong suốt những năm chiến tranh buồn thảm, chưa bao giờ tôi thấy một khuôn mặt rạng rỡ hạnh phúc lớn lao thuần khiết và trọn vẹn đến như vậy. Hai người đàn bà đứng bên ông cụ, vẻ thán phục như những thánh nữ ngất ngây trước mộ chúa phục sinh mà ta thường thấy trên những bức tranh in cổ. Niềm hạnh phúc của ông lão rọi sáng khuôn mặt nhăn nheo của họ, những cặp mắt tươi vui của họ nhòa lệ. Ông lão nghe những lời ca ngợi của tôi không biết chán. Ông không ngừng lật giở từng trang, khao khát uống từng lời tôi nói. Sau cùng, khi họ cất tập tranh giả mạo đi để bưng cà phê ra, tôi thở dài nhẹ nhõm. Còn ông cụ, niềm hân hoan bồng bột dường như làm cho ông trẻ ra đến ba chục tuổi. Ông kể cho tôi nghe nhiều giai thoại xung quanh việc mua tranh và những dịp may mắn của ông cụ. Say sưa vì hạnh phúc, chốc chốc cụ lại đứng dậy để sờ soạng cầm lấy một trong những bức tranh của mình. Cuối cùng, đến lúc tôi cáo từ, ông cụ hoảng hốt, giận dỗi và dậm chân như đứa trẻ.   
- Không được - ông cụ nói với tôi - ông mới chỉ được xem có một nửa kho báu của tôi. Ông cụ khăng khăng không chịu, hai người đàn bà phải khó khăn lắm mới can ngăn được, nói để ông cụ hiểu rằng không thể giữ tôi lại lâu hơn nữa, vì ở lâu thêm, tôi sẽ nhỡ chuyến tàu.   
Sau một cuộc kháng cự tuyệt vọng, ông cụ đành để tôi đi và nói với tôi bằng giọng hết sức xúc động. Cụ nắm lấy hai tay tôi, vuốt ve hai cánh tay tôi bằng những ngón tay nhạy cảm của người mù như muốn biết rõ về tôi hơn và muốn bày tỏ với tôi lòng yêu mến nhiều hơn mà lời nói chưa đủ.   
- Cuộc viếng thăm của ông mang lại cho tôi niềm vui quá lớn - ông cụ nói với giọng cảm động mà tôi không bao giờ quên được. - Được cùng với một người sành sỏi duyệt lại những bức tranh yêu quý của mình, tôi thấy là một nguồn an ủi quý báu. Nhưng ông cũng sẽ thấy, ông đến nhà một kẻ mù lòa khốn khổ không đến nỗi mất công toi. Tôi xin hứa với ông như vậy. Có bà nhà tôi đây làm chứng, tôi sẽ thêm vào chúc thư của tôi một khoản ủy quyền cho hãng buôn của ông sẽ đứng ra bán đấu giá bộ sưu tập của tôi. Chính hãng của ông được danh dự quản lý cái kho tàng chưa ai biết tới này cho tới ngày chúng sẽ tản mát đi khắp nơi. Xin ông hứa với tôi mỗi một điều là ông sẽ làm cho tôi một bảng mục lục thực đẹp. Nó sẽ là tấm bia mộ của tôi, tôi chẳng mong muốn gì khác.   
Tôi nhìn bà vợ và chị con gái ông cụ. Họ đứng nép chặt vào nhau. Thỉnh thoảng, cả hai cùng rùng mình như thể họ gắn liền thành một cơ thể đang run rẩy. Còn tôi, một nỗi xúc động huyền diệu khiến lòng tôi thắt lại khi ông lão tội nghiệp, không một chút ngờ vực, giao phó cho tôi việc bán một bộ sưu tập đã bay biến từ lâu. Cảm động, tôi hứa với ông cụ điều mà không bao giờ tôi thực hiện được. Cặp mắt đã tắt ngấm của ông cụ lại rạng lên. Những ngón tay ông cụ ve vuốt ép chặt tay tôi khiến tôi cảm thấy đó là tất cả linh hồn ông lão đã phó thác cho tôi.   
Hai người đàn bà tiễn tôi ra tận cửa. Họ không dám nói gì với tôi. Đôi tai thính nhậy của ông lão có thể nghe thấy cả những tiếng thì thào rất nhỏ. Nhưng những cặp mắt ngấn lệ của họ biểu lộ với tôi lòng biết ơn.   
Tôi xuống cầu thang bước lảo đảo như đi trong giấc mơ. Thâm tâm, tôi hổ thẹn. Tôi đã đến nhà mấy người nghèo khổ này như một thiên thần trong chuyện thần tiên. Tôi đã đem lại ánh sáng cho một người mù trong hai tiếng đồng hồ bằng cách chủ tâm nói dối và tôi đã góp phần vào sự gian trá một cách thành kính. Thực ra, tôi đến với ý đồ dùng mưu mua cho được vài bức tranh hiếm và quý. Nhưng cái tôi mang về được là cái này còn quý giá hơn nhiều : cái kỷ niệm về một tấm nhiệt tình sống động và thuần khiết, về một niềm hoan lạc tinh thần ngây ngất dành trọn vẹn cho nghệ thuật mà đã từ lâu người đời như không còn biết tới. Một niềm tôn kính sâu xa tràn ngập trái tim tôi. Tuy nhiên, tôi vẫn cảm thấy xấu hổ mà thực tình chẳng biết vì sao.   
Ra tới đường phố, tôi nghe tiếng cửa sổ bật mở tung ra và có tiếng gọi tên tôi. Ông cụ cố nhìn rõi theo tôi bằng cặp mắt mù. Ông nhoài người quá mức ra phía trước đến nỗi hai người đàn bà phái níu đỡ lấy ông. Ông cụ vẫy mù xoa và kêu lên với tôi bằng giọng trong trẻo tươi vui của một đứa trẻ : " Lên đường may mắn nhé ! ".   
Không bao giờ tôi quên được niềm hân hoan của con người ấy. Từ khung cửa sổ ông nhìn xuống đầu các khách qua đường đang bận rộn và đầy lo âu. Một thứ ảo giác đẹp đẽ giống như một đám mây mờ đã ngăn cách ông với thế giới thực tại cùng những xấu xa ô nhục của nó. Và tôi nhớ tới câu nói chí lý - hình như là của Gớt - " Những nhà sưu tập là những con người sung sướng ".

**Stefan Zweig**

Tuyển tập truyện ngắn Stefan Zweig

Dịch giả : PHÙNG ĐỆ - LÊ THI

**NGƯỜI NỮ GIA SƯ**

Lúc này chỉ còn hai đứa bé gái trong phòng. Đèn đã tắt. Bóng tối vây bủa xung quanh, chỉ còn thấy lờ mờ bóng trắng của hai chiếc giường. Tiếng thở của hai đứa trẻ rất êm nhẹ, tưởng chừng chúng đã ngủ yên.   
- Này, - một giọng nhỏ nhẹ, gần như sợ hãi cất lên trong bóng tối. Đó là tiếng con em mười hai tuổi.   
- Cái gì thế ? - Con chị ở giường bên hỏi lại. Nó chỉ hơn em có một tuổi.   
- Chị vẫn chưa ngủ, hay lắm, em có chuyện này muốn kể với chị.   
Không có tiếng trả lời. Chỉ thấy tiếng sột soạt trong giường. Con chị vùng dậy và tò mò nhìn sang phía em. Có thể thấy đôi mắt nó long lanh.   
- Chị biết không ?... Em muốn nói với chị... Nhưng trước hết chị hãy trả lời em đã. Mấy ngày gần đây chị không nhận thấy ở cô giáo chúng mình có cái gì lạ lùng à ?   
Con chị ngập ngừng ra chiều suy nghĩ.   
- Có chứ, nhưng không rõ là chuyện gì... Cô không nghiêm khắc như trước. Mới đây chị không làm bài tập liền trong hai ngày, thế mà cô chẳng nói gì cả. Rồi cô rất là... Chị chẳng biết nói thế nào... Chị cho rằng giờ đây cô chẳng buồn để ý đến chúng mình nữa, lúc nào cô cũng lánh riêng ra một chỗ và không chơi đùa với chị em mình như trước nữa.   
- Em cho rằng cô buồn mà không muốn để lộ ra. Ngay cả pianô, cô cũng không động đến.   
Hai chị em lại lặng yên.   
Con chị hỏi :   
- Em có chuyện gì muốn nói cơ mà ?   
- Ừ, nhưng chị không được hở ra với bất cứ ai cơ. Đúng thế nhé, kể cả mẹ và bạn chị.   
- Ừ, yên trí, nhất định rồi ! - Và nó sốt ruột gặng thêm : chuyện gì thế ?   
- Thế thì được. Ban nãy chúng mình đi ngủ, em sực nhớ ra là em đã quên không chúc cô ngủ ngon. Tuy đã tháo giày nhưng em vẫn cứ đi chân không sang phòng cô, đi rất nhẹ, định làm cô bất ngờ. Em mở cửa rất khéo. Thoạt đầu tưởng cô không có trong phòng. Đèn sáng mà em không nhìn thấy cô. Bỗng nhiên em sợ quá. Em nghe thấy tiếng người nào khóc, liền đó nhìn thấy cô nằm dài trên giường, mặc nguyên cả áo quần, vùi đầu vào gối. Cô khóc nức nở đến nỗi em giật mình, lòng se lại. Cô không nhìn thấy em, thế là em khép cửa lại thật nhẹ nhàng. Em phải đứng bên ngoài một lát vì em run quá đi mất. Qua cánh cửa, tiếng thổn thức vẫn còn một lần nữa nghe rõ mồn một. Rồi em về đây liền.   
Cả hai đứa đều im bặt, rồi một đứa nói rất khẽ : " Tội nghiệp cô giáo ! ". Tiếng nó run lên trong căn phòng như một âm thanh mơ hồ rồi chìm đi và tắt lịm trong im lặng.   
- Em muốn biết tại sao cô giáo khóc, con em nói tiếp. Mấy ngày vừa qua cô có xích mích gì với ai đâu ? Mẹ cũng đã để cô yên ổn, không luôn luôn bẻ học cô nữa. Còn chúng mình thì chắc chắn đã chẳng làm gì để cô phiền lòng. Phải không nào ? Thế thì vì sao cô khóc ?   
- Hình như chị đoán ra rồi. - Con chị nói.   
- Vì sao ? Chị nói em nghe. Vì sao nào ?   
Đứa lớn ngập ngừng, cuối cùng, nó nói :   
- Chị cho rằng cô đang có người yêu.   
- Yêu à ? - Con em rùng mình nói - Yêu à ? Nhưng người yêu là ai ?   
- Em không để ý gì sao ?   
- Anh Ot-tô phải không ?   
- Em đoán thế ư ? Chắc anh ấy cũng yêu cô giáo chứ nhỉ ? Không có thì vì sao trong ba năm trọ học ở nhà ta chưa bao giờ anh đi chơi với chúng ta, thế mà mấy tháng nay anh ấy luôn luôn cặp kè với bọn mình ? Thử hỏi khi cô giáo chưa đến ở nhà ta, có khi nào anh ấy tỏ ra trìu mến chị em mình ? Giờ đây, suốt ngày anh ấy cứ quanh quẩn với bọn mình. Chúng mình luôn luôn tình cờ gặp anh ấy. Tình cờ : ở công viên, ở vườn hoa tòa thị chính hay ở Pra-tơ, bất cứ chỗ nào khi chúng mình đi cùng cô giáo. Em không bao giờ lấy làm lạ về điều đó hay sao ?   
Con em hoảng sợ lắp bắp :   
- Có chứ... có chứ... Tất nhiên em có để ý, nhưng em chỉ nghĩ rằng...   
Nó nghẹn lời, không nói tiếp được nữa.   
- Thoạt đầu chị cũng tưởng như vậy. Thực vậy, bọn con gái chúng mình bao giờ cũng khờ khạo. Nhưng chị đã kịp nhận ra rằng chúng mình chỉ là cái cớ cho anh ấy mà thôi.   
Bây giờ cả hai đều im lặng. Câu chuyện tưởng như đến đấy là xong. Cả hai đều mải mê theo đuổi ý nghĩ riêng của mình hay đã chìm trong những giấc mơ.   
Lát sau, thấy vẫn chẳng hiểu gì, con em lại lẩm bẩm trong bóng tối.   
- Nhưng cớ gì cớ gì cô khóc mới được chứ ? Anh ấy cũng yêu cô cơ mà. Em vẫn cứ tưởng yêu nhau hẳn phải là cái gì đẹp lắm chứ ?   
- Chị không biết. - Con chị trả lời, nó đang hoàn toàn mơ mộng. - Chị cũng vậy, chị cũng nghĩ hẳn phải là cái gì rất đẹp.   
Rồi nhẹ nhàng như một hơi thở, từ đôi môi trĩu nặng vì buồn ngủ lại thốt lên một lần nữa với bao cảm thương ai oán :   
" Tội nghiệp cô giáo ! "   
Căn phòng chìm trong im lặng.

\*   
\* \*

Sáng hôm sau, hai chị em không nhắc lại chuyện đó, nhưng đứa nọ đoán mọi ý nghĩ của đứa kia cũng đang xoay quanh vẫn câu chuyện ấy. Đi sát cạnh nhau, chúng tránh né nhau, nhưng luồng mắt chúng vô tình vẫn gặp nhau, mỗi khi cả hai đứa cùng nhìn trộm cô gia sư. Ở bàn ăn, chúng chăm chú dò xét Ot-tô, người anh họ đã ở nhà chúng từ nhiều năm nay, như thể anh là người khách lạ.   
Chúng không nói chuyện với anh, nhưng dưới làn mi cụp xuống, chúng luôn luôn rình xem người anh họ có ra hiệu gì cho cô giáo hay không. Chúng khắc khoải bồn chồn. Trái với lệ thường, hôm nay chúng không chơi đùa và trong cơn nóng lòng sốt ruột muốn khám phá điều bí ẩn, chúng làm những việc vớ vẩn và không có mục đích...   
Buổi chiều, một đứa hỏi, nhưng giọng lạnh lùng như thể đấy là câu chuyện nó chẳng bận tâm gì cho lắm :   
- Em có nhận thấy thêm gì không ?   
- Không. - Đứa kia quay đi chỗ khác, trả lời - Cả hai đứa hình như sợ trò chuyện với nhau. Mấy ngày liền, hai đứa tiếp tục quan sát thầm lặng, khéo léo theo dõi, dò tìm dấu vết, lòng thấp thỏm bồi hồi, bất giác chúng cảm thấy mình đang đến gần một bí mật kinh hoàng.   
Cuối cùng, trong bữa ăn một đứa nhận thấy cô đưa mắt kín đáo ra hiệu cho Ot-tô và anh ta gật đầu đáp lại.   
Con bé xúc động đến run lên. Nó khẽ chạm vào tay chị dưới gầm bàn. Lúc con chị quay lại, con em nhìn chị chằm chằm bằng cặp mắt long lanh. Con chị hiểu liền và cũng xúc động ghê gớm.   
Bọn trẻ vừa mới đứng dậy khỏi bàn ăn, cô giáo bảo chúng :   
- Các em về phòng mình chơi một lát. Cô nhức đầu, muốn nghỉ khoảng nửa giờ.   
Hai đứa cúi nhìn. Chúng chạm tay nhau kín đáo như để thông báo cho nhau. Và cô vừa đi khỏi, con em nhảy bổ đến gần chị :   
- Này, chị sẽ thấy Ot-tô vào buồng cô giáo ngay bây giờ !  
- Tất nhiên rồi, chính vì vậy cô giáo mới bảo hai chị em mình về buồng riêng.   
- Chúng mình phải nghe trộm ngoài cửa mới được.   
- Ngộ có người tới thì sao ?   
- Ai cơ ?   
- Mẹ.   
Con em sợ hãi : Ồ ! Nếu thế thì...   
- Này nhé, chị thì chị sẽ đứng nghe ngoài cửa, còn em, em sẽ ở lại hành lang nếu có người đến em sẽ làm hiệu báo cho chị biết. Như vậy chị em mình chẳng sợ gì hết.   
Con em nhăn mặt :   
- Nhưng sau đó chị sẽ phải kể hết cho em nghe chứ ?   
- Ừ, kể hết.   
- Kể thật hết, không sót tí gì cơ !   
- Ừ, chị thề với em. Còn em, hễ nghe tiếng người đi tới, em sẽ ho một tiếng nhé.   
Chúng đứng đợi trong hành lang vừa run sợ vừa háo hức. Trống ngực đập dữ dội. Chuyện gì sắp xảy ra. Hai đứa nép sát vào nhau.   
Có tiếng chân bước, cả hai vội chạy lẩn vào xó tối. Quả nhiên, đúng là Ot-tô. Anh ta nắm lấy tay cửa và cánh cửa mở ra. Nhanh như cắt, con chị lao theo, đứng dán mình vào cửa, nín thở giỏng tai nghe. Con em nhìn theo, tiếc rẻ.   
Tính tò mò nung nấu ruột gan nó buộc nó rời chỗ đứng đã định. Nó rón rén lần về phía cửa, nhưng chị nó tức giận đẩy nó ra. Nó đành trở về đứng đợi trong hành lang, chỉ có vài ba phút mà nó cảm thấy dài vô tận. Nó nôn nóng, bồn chồn, hai bàn chân nhích bên phải nhích bên trái như thể đứng trên mặt đất nóng bỏng. Nó ấm ức gần như muốn khóc vì nghĩ rằng chị nó nghe hết, còn nó chẳng nghe được tí gì. Giữa lúc đó, ở bên cạnh, trong căn buồng thứ ba. Một cánh cửa khép lại. Con bé ho một tiếng và cả hai lập tức lủi về phòng mình. Chúng đứng ở đấy một lúc, nín thở, tim đập thình thịch.   
Rồi, háo hức muốn biết chuyện, con em giục :   
- Nào kể đi.   
Con chị có vẻ đăm chiêu. Đoạn lơ đãng như nói một mình, nó bảo :   
- Chị chẳng hiểu gì cả.   
- Sao ?   
- Kỳ lạ quá !   
- Sao. Cái gì kia ? - Con em hỏi, giọng hổn hển. Lúc này con chị cố nhớ lại. Con em áp sát vào chị để khỏi bỏ sót một tiếng.   
- Thật hết sức lạ lùng... hoàn toàn không như ta nghĩ. Chị tin rằng khi bước vào phòng, hẳn là anh ta đã muốn ôm chầm lấy cô giáo hoặc hôn cô, bởi vì cô giáo nói ngay : " Khoan, khoan, em có điều hệ trọng muốn nói với anh ". Chị không nhìn thấy gì hết vì cái chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa phía bên trong, nhưng chị nghe rất rõ từng tiếng Ot-tô hỏi lại : " Có chuyện gì vậy ? " Nhưng với một cái giọng lạ hẳn đi. Em biết đấy, thông thường anh ta vẫn thích ăn nói trơ trẽn và ầm ĩ, thế nhưng lần này anh ta nói rất rụt rè, đến nỗi chị đoán ra ngay anh ta có điều gì sợ sệt. Và cô giáo cũng vậy, hẳn là cô cũng nhận thấy thái độ giả dối của anh ta, bởi vì cô đành dịu dàng nói : " Anh biết rõ quá đi chứ ? " " Không, anh không biết gì hết " À ra thế ! - Lúc này cô giáo nói nghe mới buồn làm sao, buồn não ruột - Thế tại sao đột nhiên anh xa lánh em. Đã tám ngày nay, anh chẳng nói với em một lời, anh tìm mọi cách lẩn tránh, anh không đi cùng với bọn trẻ, anh không ra công viên nữa. Lẽ nào bỗng dưng em trở thành người xa lạ đối với anh. Ồ, anh biết quá rõ vì sao nên đột nhiên anh xa lánh em ". Ot-tô nín lặng. Lát sau hắn nói : " Anh sắp thi đến nơi rồi, có nhiều việc phải làm nên anh không có thời gian nghĩ đến điều gì khác ". Thế là cô giáo òa lên khóc, sau đó, vừa khóc cô vừa nói, nhưng vẫn rất dịu dàng và hiền hậu : " Anh Ot-tô ! Tại sao anh phải nói dối ? Anh hãy nói thật đi. Em đâu đến nỗi đáng cho anh đối xử như vậy. Em không đòi hỏi gì ở anh, nhưng dẫu sao chúng ta cũng phải nói với nhau về câu chuyện giữa chúng ta chứ. Em biết anh đã thừa rõ điều em cần nói với anh, cứ nhìn cặp mắt anh cũng đủ rõ ". " Cái gì vậy ". Ot-tô lắp bắp nói nhưng rất khẽ. Và cô giáo liền nói...   
Thốt nhiên con bé run lên, xúc động đến nỗi không kể tiếp được. Con em áp sát vào chị hơn nữa.   
- Sao, nói gì ?   
- Và sau đó cô giáo nói : " Anh biết rõ rằng em đã có con với anh ".   
Nhanh như một làn chớp, con em giật bắn mình :   
- Có con ! Có con ! Không thể thế được.   
- Nhưng cô giáo nói như vậy mà.   
- Chắc chị nghe nhầm.   
- Không, không thể lầm được. Cô giáo đã nhắc lại điều đó với hắn ta. Và cũng giống hệt như em, hắn giật bắn mình, kêu lên " Có con !... “ Cô giáo im lặng một lúc lâu, rồi sau đó, cô nói : " Làm thế nào bây giờ ? " và rồi...   
- Và rồi sao ?   
- Rồi, em ho lên một tiếng và chị đã phải lẩn đi.   
Con em nhìn trừng trừng về phía trước, bàng hoàng thảng thốt :   
- Có con ! Nhưng không thể thế được ! Thế thì cô để đứa bé ở đâu mới được chứ ?   
- Chẳng biết nữa. Chính cái đó là điều mà chị không sao hiểu được.   
- Có thể ở nhà, hay là... trước khi cô đến nhà ta. Đương nhiên, mẹ không cho phép cô giáo mang theo con, vì lẽ có bọn chúng mình.   
- Nói lạ, em thừa biết lúc đó cô giáo còn chưa quen Ot-tô !   
Chúng lại nín lặng, bối rối, nát óc suy nghĩ, rất đỗi hoang mang. Ý nghĩ về đứa con dày vò bọn trẻ. Con em lại nói :  
- Có con ! Hoàn toàn vô lý. Làm thế nào cô ấy có thể có con được ? Cô chưa lấy chồng, và chỉ những người có chồng mới có con, em biết rất rõ như vậy mà.   
- Biết đâu cô đã lấy chồng rồi thì sao ?   
- Đừng có mà ngốc ! Dứt khoát không phải chồng cô là Ot-tô rồi.   
- Thế thì là thế nào ?   
- Chẳng nghĩ được gì hơn, chúng nhìn nhau chằm chằm :   
- Tội nghiệp cô giáo ! - Một đứa nói, giọng thật là buồn.   
Câu nói ấy cứ luôn luôn lại buột ra từ miệng hai đứa trẻ, kèm theo tiếng thở dài thương cảm. Và tính tò mò cứ chốc chốc lại bùng cháy trong lòng chúng.   
- Em cứ tự hỏi, không rõ là con trai hay con gái ?   
- Ai mà biết được ?   
- Chị nghĩ sao, nếu như em hỏi cô... rất kín đáo thôi.   
- Đồ điên !   
- Sao vậy... Cô tốt với chúng mình lắm mà.   
- Sao lại nghĩ lẩn thẩn thế nhỉ ? Em thừa hiểu là không ai nói những chuyện ấy với bọn mình. Người lớn giấu chúng mình đủ chuyện. Thấy chúng mình vào phòng khách, đang nói chuyện, người ta ngừng ngay lại và họ nói với chúng ta những chuyện dớ dẩn, làm như chúng ta còn con nít, mặc dầu chị cũng đã mười ba tuổi rồi. Đã biết người lớn chỉ nói dối chúng mình mà lại còn định hỏi làm gì cơ chứ ?   
- Chỉ vì em muốn biết quá...   
- Thế em tưởng chị không muốn biết hay sao ?   
- Chị ạ, thực tình có điều em băn khoăn nhất là Ot-tô lại bảo là không hề biết chuyện này. Đáng lẽ có con thì phải biết, cũng như người ta ai cũng biết mình có cha mẹ chứ.  
- Hắn chỉ giả tảng thôi, tên xỏ lá. Lúc nào hắn cũng vờ vĩnh.   
- Nhưng không phải trong cái việc như thế này, hắn chỉ... hắn chỉ vờ vĩnh khi muốn che mắt bọn mình thôi.   
Đúng lúc đó cô gia sư bước vào. Cả hai đứa lập tức im lặng và làm như đang học. Nhưng chúng lén nhìn cô. Mắt cô giáo dường như đỏ, giọng nói trầm hơn và rung động hơn mọi khi. Hai đứa im thin thít.   
Bất giác chúng ngước nhìn cô giáo, trong lòng vừa kính nể vừa e sợ : " Cô giáo có một đứa con, chính vì vậy mà cô buồn " - Ý nghĩ ấy cứ lởn vởn trong tâm trí chúng.   
Dần dần, chúng cũng lây nỗi buồn của cô.

\*   
\* \*

Ngày hôm sau, ở bàn ăn, bọn trẻ nghe một tin đột ngột. Ot-tô bỏ nhà. Hắn thưa với ông chú rằng hiện nay hắn sắp bước vào mùa thi, phải học tập căng thẳng, mà ở đây không được yên tĩnh. Hắn đi tìm thuê một căn phòng ở đâu đấy để ở một hai tháng cho đến khi thi xong.   
Hai đứa trẻ hết sức bàng hoàng khi nghe tin này. Chúng cho rằng sự bỏ đi của Ot-tô chắc chắn có quan hệ mật thiết với cuộc chuyện trò giữa hắn và cô giáo tối qua. Với bản năng đã trở nên nhạy bén, chúng thấy đây là một hành động hèn nhát, lẩn trốn... Lúc Ot-tô muốn chia tay, bọn trẻ tỏ thái độ thiếu nhã nhặn, quay lưng đi. Nhưng chúng liếc nhìn về phía hắn khi thấy hắn đến trước mặt cô giáo. Môi cô run lên, nhưng cô lặng lẽ đưa tay từ biệt hắn, không nói một lời.   
Mấy ngày nay bọn trẻ đổi khác hoàn toàn. Chúng bỏ hẳn chơi đùa và trên môi vắng bóng nụ cười, mắt không còn ánh lên niềm vui vô tư lự như trước nữa. Nỗi lo lắng băn khoăn dày vò chúng. Một sự ngờ vực hoang rợ khiến chúng đối lập với tất cả mọi người xung quanh.   
Chúng không tin vào những điều người lớn nói với chúng. Chúng cảm thấy sau mỗi lời nói của họ đều chứa đựng sự giả dối và những ẩn ý. Cả ngày chúng quan sát, dò xét, chúng rình từng cử chỉ, đoán nhận từng cái nhún vai, từng sắc thái giọng nói của người lớn. Chúng đi lướt nhẹ như những chiếc bóng, hóng nghe từng lời bên các cửa buồng. Chúng giận dữ cố tìm mọi cách rũ bỏ cái mạng lưới âm u của những điều bí hiểm đang chụp lên đôi vai bồn chồn của chúng, hay ít ra cũng được ngó nhìn thế giới chân thực, dù chỉ là qua một mắt lưới. Lòng tin của trẻ thơ, một thứ mù quáng vui tươi hồn nhiên, đã biến mất. Thêm nữa, chúng linh cảm rằng bầu không khí nặng nề do những sự việc này sản sinh ra sẽ bùng nổ thành một cái gì chấn động và chúng sợ sẽ bỏ lỡ mất cái lúc ấy. Từ khi chúng biết chúng bị vây bọc trong sự giả dối, chúng trở nên lầm lì, đa nghi, ranh ma và trí trá. Ở bên cha mẹ, chúng rút vào cái vỏ thơ ngây giả tạo để rồi bất chợt lại thả mình theo tình cảm bồng bột. Chúng luôn ở trong trạng thái nóng nảy bồn chồn. Mắt chúng trước kia ánh lên vẻ dịu hiền và thanh thản thì nay chói sáng và sâu thẳm.   
Cùng rình mò và dò la liên tục như vậy, hai đứa cùng chung một tâm trạng phấp phổng đến nỗi chúng càng gắn bó mật thiết với nhau hơn. Đôi lúc, cùng cảm thấy bị bưng bít, nỗi thèm khát được âu yếm thốt nhiên trở nên dạt dào, khiến chúng ôm ghì lấy nhau một cách cuồng nhiệt hoặc cùng òa lên khóc.   
Cuộc sống của chúng bỗng dưng trải qua một cuộc khủng hoảng chẳng có duyên cớ rõ rệt.   
Trong vô vàn nỗi day dứt mà tình cảm đã khơi dậy trong lòng bọn trẻ, có một điều làm chúng khổ tâm nhất. Tự đáy lòng, không đứa nào bảo đứa nào, chúng cùng cố đem lại thật nhiều niềm vui cho cô giáo lúc này đang rất đỗi buồn khổ. Chúng làm bài vở cẩn thận và siêng năng. Chúng giúp đỡ lẫn nhau, tránh làm ồn ào, không làm điều gì đáng chê trách, đoán trước mọi ý muốn của cô để chiều theo. Nhưng cô không nhận thấy những đổi thay ấy, và chúng cảm thấy khổ tâm. Thời gian gần đây cô khác hẳn. Đôi khi, nếu một trong hai đứa hỏi cô, cô giật mình như vừa choàng tỉnh. Rồi luồng mắt của cô cứ như từ chân trời xa xăm nào trở lại và như tìm kiếm cái gì. Nhiều khi cô ngồi hàng giờ, mơ màng nhìn về phía trước. Những lúc đó, hai con bé đi lại rón rén để tránh làm phiền cô. Một tình cảm mơ hồ, bí ẩn khiến chúng đinh ninh rằng lúc nãy cô đang nghĩ đến đứa con ở nơi nào xa xôi lắm. Và từ nơi cùng thẳm của tâm hồn nữ giới đã bừng tỉnh, bọn trẻ càng yêu mến cô gia sư hơn : bây giờ sao mà cô dịu dàng và hiền hậu đến thế. Dáng đi của cô xưa kia lanh lẹ, linh lợi thì nay lừ đừ hẳn, cử chỉ của cô cũng dè dặt hơn. Qua tất cả sự đổi khác đó, chúng đoán được cô đang mang trong lòng một nỗi buồn thầm kín. Chúng chưa hề thấy cô khóc, nhưng mi mắt cô thường mọng đỏ. Chúng nhận thấy cô giáo muốn giấu chúng nỗi đau lòng của cô và chúng thất vọng vì chẳng giúp được gì cho cô.   
Một hôm, cô quay ra phía cửa sổ đưa mùi xoa lau mắt, con em bỗng đánh bạo nhẹ nhàng cầm lấy tay cô, nói :   
- Cô ơi, gần đây cô buồn thế. Không phải chúng em làm cho cô buồn chứ ạ ?   
Cô giáo cảm động nhìn em bé, vuốt nhẹ làn tóc mềm mại của nó, trả lời :   
- Không em ạ, không, nhất định không phải tại các em rồi.   
Và cô âu yếm hôn lên trán em.

\*   
\* \*

Hai đứa luôn luôn quan sát và dò xét, không bỏ qua một cái gì lọt trong tầm mắt chúng. Một lần đột nhiên bước vào phòng khách, con em thoáng nghe được một mẩu chuyện. Chỉ một câu thôi, bởi vì vừa thấy bóng nó là cha mẹ nó lập tức ngừng lời. Tuy nhiên, mỗi lời lúc này gợi cho hai đứa trẻ hàng ngàn phỏng đoán. " Em cũng thấy như thế, có chuyện gì lạ lắm, người mẹ nói - Em sẽ hỏi nó ".   
Thoạt đầu, con bé tưởng chuyện này liên quan đến nó. Gần như hốt hoảng, nó chạy tìm chị để hỏi ý kiến và cầu cứu. Nhưng đến trưa, hai đứa để ý thấy cha mẹ chúng chăm chú nhìn khuôn mặt mơ màng, lơ đãng của cô giáo, rồi luồng mắt hai người gặp nhau.   
Sau bữa ăn, bà mẹ nhẹ nhàng nói với cô giáo :   
" Mời cô đến phòng tôi, tôi có chuyện cần nói với cô ".   
Cô giáo khẽ nghiêng đầu đáp lại. Bọn trẻ hoảng đến phát run. Chúng đoán rằng sắp có chuyện gì đây.   
Cô giáo vừa vào phòng mẹ chúng là chúng đâm bổ theo ngay. Áp tai vào cửa, nép mình trong góc nhà nghe ngóng dò la, việc đó đã trở thành hoàn toàn tự nhiên đối với chúng. Chúng không cảm thấy như thế có gì xấu xa và liều lĩnh cả. Chúng chỉ có một ý nghĩ : khám phá mọi điều bí ẩn mà người lớn che giấu chúng.   
Chúng đón nghe, nhưng chỉ có những âm thanh thì thào lọt đến tai chúng. Chúng run lên vì bồn chồn. Chúng sợ rằng sẽ không biết được gì hết.   
Tiếng một người nói trong phòng nghe rõ hơn. Đó là tiếng bà mẹ. Giọng đay nghiến và độc ác, bà nói :   
- Cô tưởng thiên hạ mù cả hay sao mà không thấy được một chuyện như vậy. Ý nghĩ và tư cách của cô như thế thì tôi không thể tưởng tượng nổi cô có cách gì làm tròn bổn phận của cô. Có trời biết tại sao tôi lại phó thác các con tôi cho một người như cô dạy dỗ để rồi cô hoàn toàn bỏ mặc chúng nó !   
Hình như cô giáo cũng đáp lại điều gì. Nhưng cô nói nhỏ quá, bọn trẻ không nghe thấy.   
- Lầm lỡ, lại lầm lỡ ! Loại đàn bà nhẹ dạ thì kẻ nào cũng lầm lỡ cả. Hiến thân ngay cho gã đàn ông mới gặp lần đầu chẳng suy xét gì cả. Rồi sau thì phó mặc cho trời, có phải không ? Người như thế mà muốn đi làm cô giáo, dạy dỗ những đứa con gái à ? Thật không biết xấu hổ. Chắc cô không nghĩ là sự tình đến nước này mà tôi còn có thể giữ cô ở nhà tôi lâu hơn nữa chứ ?   
Bên ngoài bọn trẻ dỏng tai nghe. Một cảm giác ớn lạnh lan khắp toàn thân chúng. Chúng không hiểu hết, nhưng nghe giọng nói giận dữ của mẹ, chúng khiếp sợ và giờ đây đáp lời mẹ, chúng chỉ nghe có tiếng thổn thức nghẹn ngào của cô giáo. Mắt hai đứa bé ướt đẫm. Nhưng mẹ chúng hình như càng bực tức hơn :   
- Bây giờ các người chỉ biết khóc lóc thôi. Nước mắt cô không làm tôi động lòng. Tôi không có thương cái loại người như cô. Sau này đời cô ra sao, tôi không cần biết. Chỉ có cô mới biết bây giờ cô cần cầu van ai. Tôi không cần hỏi cô xem kẻ đó là ai. Tôi chỉ biết rằng tôi không thể chứa trong nhà tôi lấy một ngày nào nữa bất kỳ kẻ nào đã coi thường bổn phận một cách nhơ nhuốc như thế.   
Đáp lại chỉ có tiếng nức nở tuyệt vọng, cuồng dại, gần như một phản ứng sinh vật, làm cho bọn trẻ bên ngoài như lên cơn sốt. Chưa bao giờ chúng nghe thấy tiếng khóc như vậy. Chúng cảm thấy một cách mơ hồ rằng người nào đã khóc như thế thì không thể nào là người làm chuyện tầm bậy được. Lúc này, mẹ chúng lặng im, như chờ đợi. Rồi, đột nhiên, bà sẵng giọng, nói dứt khoát : " Đó là tất cả những gì tôi muốn nói với cô. Hôm nay cô sửa soạn đi. Sáng mai gặp tôi nhận tiền công. Thôi chào cô ".   
Bọn trẻ nhảy vội ra khỏi cửa, bỏ chạy về buồng mình. Thế là thế nào. Thật như sét đánh ngang tai. Cả hai đứa mặt mày tái nhợt, run rẩy. Đây là lần đầu tiên, chúng không tin một sự thật hiển nhiên. Và cũng là lần đầu tiên, trong tình cảm đối với mẹ, chúng dám có ý chống lại.   
- Mẹ nói năng với cô như thế thật là tàn tệ quá quắt, - con chị nói, môi mím chặt.   
Sợ hãi vì lời lẽ quá xấc xược của chị, con em khẽ nói bằng giọng rầu rĩ :   
- Nhưng chúng mình đã biết cô làm những gì đâu ?   
- Cô không làm điều gì xấu. Chắc chắn là như thế rồi. Cô không thể làm điều gì xấu : Mẹ không hiểu rõ cô đấy thôi.   
- Cô khóc mới não ruột làm sao ! Em nghe mà phát sợ lên được !   
- Ừ, khủng khiếp thật. Mà mẹ mắng cô cũng quá quắt lắm kia ! Thật là tàn tệ, chị dám nói với em vậy đấy. Thật là tàn tệ !   
Con chị dậm chân. Mắt mờ lệ. Đúng lúc đó cô giáo bước vào dáng bộ mệt mỏi.   
- Các em của cô, chiều nay cô bận. Các em tự thu xếp lấy công việc nhé. Cô có thể tin cậy ở các em được chứ ? Tối nay cô sẽ đến xem mọi việc có chu đáo không ?   
Cô quay ra, không để ý đến sự xúc động của hai đứa trẻ.   
- Em có thấy không ? Mắt cô sưng mọng lên. Chị không hiểu sao mẹ nỡ đối xử với cô như vậy.   
- Tội nghiệp cô !   
Mấy tiếng ấy lại buột ra, đầy thương cảm và đau xót. Hai đứa trẻ lòng dạ rối bời. Vừa đúng lúc mẹ chúng vào hỏi chúng có muốn ngồi xe đi chơi với bà không. Chúng không chịu đi. Bà đã làm cho chúng sợ.   
Hơn nữa, chúng bực tức về chuyện người ta đuổi cô giáo mà không nói với chúng một lời. Chúng thích ở lại một mình. Như hai con chim nhạn bị nhốt trong chiếc lồng chật hẹp, chúng đi đi lại lại, nghẹt thở trong bầu không khí dối trá và che đậy. Chúng tự hỏi có nên vào phòng tìm cô, hỏi cô và nói với cô về tất cả những gì đã xảy ra, xin cô ở lại và bảo mẹ rằng mẹ chúng làm như thế là sai trái. Nhưng chúng sợ sẽ chạm đến nỗi đau lòng của cô. Vả lại, chúng cũng xấu hổ nữa : tất cả những chuyện chúng biết đều là do nghe trộm ngoài cửa và rình mò mà nắm được. Chúng cần phải làm ra vẻ ngờ nghệch, ngờ nghệch như hai ba tuần trước đây. Chiều hôm ấy dài như vô tận, chỉ có hai đứa trẻ trong phòng, đầu óc rối bời và khóc lóc. Bên tai chúng vẫn văng vẳng những âm thanh đáng sợ ấy : giọng nói đay nghiến không chút xót thương của bà mẹ và tiếng thổn thức tuyệt vọng của cô gia sư.   
Buổi tối, cô vào phòng bọn trẻ, thăm chúng một thoáng và chúc chúng ngủ ngon. Bọn trẻ run lên khi thấy cô đi ra. Chúng rất muốn nói với cô một điều gì. Nhưng vừa ra đến cửa, cô đột nhiên quay lại lần nữa, như linh cảm thấy niềm mong mỏi âm thầm của hai đứa. Mắt cô long lanh ngấn lệ và chứa chất phiền muộn. Cô ôm chầm lấy hai đứa trẻ, cả hai đứa cùng khóc nức lên. Cô hôn chúng lần cuối cùng rồi vội vã rời khỏi phòng. Bọn trẻ vẫn đứng ngây ra, khóc sướt mướt. Chúng cảm thấy đây là lần vĩnh biệt.   
- Chúng mình không bao giờ còn gặp cô nữa, một đứa vừa khóc vừa nói. Đấy rồi xem, ngày mai chúng mình ở trường học về thì cô không còn đây nữa.   
- Có thể rồi đây chúng mình sẽ đến thăm cô. Khi ấy chắc hẳn cô cho chúng mình xem mặt con cô.   
- Ừ, cô giáo của chúng mình tốt quá.   
- " Tội nghiệp cô ! " Con bé lại thốt lên mấy tiếng lần này nghe như tiếng thở dài oán trách chính số phận của mình.   
- Chị có thể tượng tượng được bây giờ không có cô, chúng ta sẽ sống ra sao không ?   
- Chị không bao giờ ưng một cô giáo khác...   
- Em cũng thế.   
- Không ai tốt với chúng ta bằng cô. Với lại... Nó không dám nói hết câu, nhưng tình cảm của nữ giới tự nhiên khiến cho cả hai đứa đều kính trọng cô gia sư từ khi chúng biết cô có một đứa con.   
Cả hai đều luôn luôn nghĩ tới chuyện ấy, nhưng lần này không còn do tính tò mò trẻ con lúc đầu, mà bắt nguồn từ sự xúc động sâu xa và niềm thông cảm lớn lao.   
- Này, - một đứa nói.   
- Nói đi.   
- Chị ơi, em muốn làm vui lòng cô trước lúc cô ra đi. Làm như vậy để cô biết rằng chúng mình yêu mến cô, chúng mình không phải như mẹ. Chị có muốn thế không ?   
- Sao em lại có thể hỏi chị như vậy nhỉ ?   
- Em biết cô rất thích hoa hồng bạch, và em nghĩ thế này nhé : sáng sớm mai, trước khi học, chúng mình mua vài bông đem cắm trong phòng cô.   
- Cắm lúc nào ?   
- Buổi trưa.   
- Thế thì chắc cô đã đi rồi. Chị muốn đi mua hoa thật sớm không ai trông thấy. Sau đó mang đến phòng cô liền.   
- Ừ thế thì phải dậy thật sớm.   
Mỗi đứa mở hộp đựng tiền của mình, dốc hết số tiền để dành, góp chung lại. Bây giờ chúng lại vui vẻ vì biết rằng chúng còn có thể bày tỏ một bằng chứng thầm lặng về tình yêu thương gắn bó một lòng một dạ của chúng đối với cô.

\*   
\* \*

Chúng dậy từ lúc tinh mơ. Tay run run nâng niu những đóa hồng xinh tươi hé nở, bọn trẻ gõ cửa phòng cô giáo. Không có tiếng đáp. Chúng cho rằng cô đang ngủ nên bước rón rén vào. Nhưng căn phòng trống không, giường phẳng phiu chưa có người nằm. Xung quanh mọi vật đều lung tung, bừa bộn. Trên tấm khăn bàn màu sẫm, vài bức thư in hình mờ mờ.   
Hai đứa hốt hoảng. Có chuyện gì xảy ra thế này.   
- Chị đi gọi mẹ đây - Con chị nói, giọng cả quyết và thái độ cong cớn, mặt sầm tối, không hề sợ sệt, nó đến trước mặt mẹ, hỏi :   
- Cô giáo đâu rồi mẹ ?   
- Chắc là ở trong phòng, bà ngạc nhiên trả lời.   
- Phòng bỏ trống, giường vẫn y nguyên. Hẳn là cô đi từ tối hôm qua. Tại sao không ai nói gì cho chúng con biết cả.   
Bà mẹ không hề để ý đến giọng nói dữ tợn và khiêu khích của con bé. Mặt tái nhợt, bà đi tìm ông bố. Ông vội vã đến phòng cô giáo. Mãi vẫn chưa thấy ông trở lại. Con bé quan sát bà mẹ lúc này dường như rất bối rối. Cặp mắt nó nhìn mẹ chằm chằm, đầy giận dữ đến nỗi mẹ nó không dám nhìn thẳng vào mặt nó.   
Bố nó vừa quay về. Mặt ông xám ngắt, tay cầm một lá thư. Bố mẹ nó vào phòng khách, hai người nói chuyện thì thầm. Bọn trẻ đứng ngoài, và đột nhiên chúng không dám nghe nữa. Chúng khiếp sợ cơn giận xưa nay chưa từng thấy của ông bố lúc này.   
Bà mẹ từ phòng khách bước ra, mặt mọng đỏ và lộ vẻ hoảng hốt. Hai đứa trẻ, dường như bị thôi thúc bởi nỗi khắc khoải trong lòng, tự dưng chạy tới hỏi mẹ. Bà nói sẵng giọng : " Đi học ngay, muộn giờ rồi ". Hai đứa đành phải đi. Trong lớp học, chúng ngồi như mơ ngủ bốn năm giờ liền giữa các bạn mà không nghe lọt tai câu nào. Tan học, chúng vội vã về nhà.   
Ở nhà vẫn như thường, nhưng dường như tâm trí mọi người đều tràn đầy một ý nghĩ khủng khiếp. Không ai bàn tán gì, nhưng tất cả mọi người, kể cả kẻ ăn người làm, đều có ánh mắt khác thường. Bà mẹ ra gặp các con. Xem chừng bà định nói với chúng điều gì. Bà mở đầu : " Các con ơi, cô giáo sẽ không trở lại nữa, cô ấy đã... "   
Nhưng bà không dám nói hết câu. Mắt hai đứa trẻ nẩy lửa, dọi sâu vào mắt bà, đầy hăm dọa, hờn giận, khiến bà không dám nói dối chúng. Vì vậy, nói dở chừng bà quay ngoắt đi, bước vài bước rồi bỏ về phòng bà để tránh mặt.   
Đến trưa, Ot-tô ở đâu bỗng dẫn xác tới. Người ta cho gọi hắn về : Có lá thư của cô giáo gửi cho chính hắn. Mặt hắn cũng tái nhợt. Mắt nhìn ngơ ngác. Không ai nói với hắn một lời. Mọi người xa lánh hắn. Thấy hai đứa trẻ chúi vào góc nhà, hắn định chào hỏi.   
- Đừng có động đến chúng tôi - một đứa nói, rùng mình ghê tởm. Đứa kia nhổ toẹt một cái ngay trước mặt hắn.   
Hắn đi loanh quanh một lát, ngượng ngập và sượng sùng, rồi chuồn thẳng.   
Không ai nói với bọn trẻ lời nào, bản thân chúng cũng không trò chuyện. Mặt tái nhợt, ngơ ngác, hoảng hốt, chúng đi tha thẩn trong nhà như những con thú bị nhốt trong chuồng. Mỗi lần gặp nhau, chúng nhìn nhau đăm đăm, mắt đỏ mọng, chẳng nói chẳng rằng. Đến bây giờ chúng biết hết rồi, chúng biết người lớn nói dối chúng, mọi người đều có thể độc ác và hèn hạ. Chúng không yêu cha mẹ nữa, cũng chẳng tin những người sinh ra chúng nữa. Chúng biết rằng từ nay không thể tin bất cứ ai, từ nay tất cả gánh nặng của cuộc đời quái đản này đè lên đôi vai mảnh mai của chúng. Từ cõi yên vui trong trắng của tuổi thơ, chúng như rơi tuột xuống vực thẳm. Chúng vẫn chưa hiểu nổi tấn bi kịch khủng khiếp đã diễn ra xung quanh chúng, nhưng đầu óc chúng nỗ lực phi thường để cố hiểu cho được, và những ý nghĩ trong đầu có cơ làm chúng chết ngạt. Má chúng đỏ rực như lên cơn sốt, mắt đầy vẻ hằn học cáu kỉnh. Chúng tha thẩn đây đó như bị giá buốt trong nỗi cô đơn. Không ai dám nói chuyện với chúng, kể cả cha mẹ chúng. Ánh mắt chúng nhìn mọi người sao mà dữ tợn quá chừng. Thái độ đứng ngồi không yên của hai đứa trẻ bộc lộ tâm trạng bị kích động của chúng. Dù chẳng nói với ai lời nào, giữa chúng vẫn có một sự đồng cảm đáng sợ. Thái độ im lặng không hé răng nửa lời, không sao dò thấu được, nỗi đau đớn âm thầm, lì lợm, không kêu, không khóc khiến chúng trở nên xa lạ với mọi người và thật đáng gờm. Không còn ai gần gũi chúng. Nẻo đường dẫn vào thế giới nội tâm của hai đứa trẻ đã bị cắt đứt, có thể là trong nhiều năm. Bây giờ chúng là kẻ thù của cả thiên hạ - mọi người xung quanh đều cảm thấy thế, đó là những kẻ thù không thể lay chuyển, không bao giờ còn có thể tha thứ cho họ được nữa, bởi vì từ hôm qua chúng đã không còn là trẻ con nữa.   
Chỉ sau buổi trưa hôm ấy chúng đã già đi nhiều tuổi. Mãi đến buổi tối khi chỉ còn hai đứa với nhau trong bóng tối của căn phòng, trong lòng chúng mới đặt lên nỗi sợ của tuổi thơ, sợ cô đơn, sợ bóng ma người chết, nỗi sợ huyền bí trước những gì mông lung. Trong lúc cả nhà đều bối rối, mọi người quên đốt lò sưởi trong phòng. Lạnh run, chúng lên nằm chung giường, ôm chặt lấy nhau trong vòng tay trẻ thơ gầy guộc, và thân hình ẻo lả, chưa nảy nở của chúng ép sát vào nhau để tìm sự che chở chống lại nỗi sợ. Chúng vẫn chưa dám chuyện trò. Chợt con em òa khóc và con chị cũng nức nở như đứt hơi. Ôm ghì lấy nhau, chúng khóc, mặt chan hòa nước mắt của nhau. Những giọt lệ lúc đầu còn ngập ngừng rồi tuôn chảy dòng dòng. Ngực áp ngực, hai chị em cùng cảm nhận mỗi tiếng nấc của nhau để rồi biến nó thành cơn run rẩy. Hai cơ thể duy nhất, khóc nức nở trong bóng đêm... Chúng khóc không còn vì thương cô giáo, không phải vì giờ đây chúng coi như không còn cha mẹ nữa, chúng khóc vì một nỗi kinh hoàng bất ngờ đến với chúng từ cõi thế gian bí ẩn này, cái thế gian hôm nay chúng mới ngó nhìn lần đầu mà lòng đã đầy kinh hoàng, chúng sợ hãi cái cuộc đời hiện ra trước mắt chúng, tăm tối và rùng rợn như một cánh rừng mịt mù mà rồi đây chúng sẽ phải vượt qua.   
Nỗi khổ tâm e sợ mà chúng cảm nhận thấy mỗi lúc một mờ ảo về gần với cõi mơ, và tiếng nức nở mỗi lúc một lắng dần. Giờ đây nhịp thở của chúng hòa vào nhau, như ban nãy những dòng nước mắt đã hòa vào nhau.   
Lát sau, cả hai đứa cùng thiếp đi trong giấc ngủ.

**HẾT**

**Stefan Zweig**

Tuyển tập truyện ngắn Stefan Zweig

Dịch giả : PHÙNG ĐỆ - LÊ THI

**NGÕ HẺM DƯỚI ÁNH TRĂNG**

Con tàu gặp bão mãi đến tối khuya mới có thể cập một bến cảng nhỏ của nước Pháp, vì thế chúng tôi lỡ chuyến xe lửa đêm về Đức.  
Thế là bỗng dưng tôi phải chờ lại một ngày ở nơi xa lạ, qua một đêm không có gì hấp dẫn, ngoài " KHúc nhạc tình" u sầu trong một cuộc hoà nhạc ở ngoại ô hoặc một cuộc chuyện trò tẻ nhạt với những bạn đường hoà toàn ngẫu nhiên.   
Bầu không khí trong căn phòng ăn nhỏ của khách sạn đặc sệt hơi nhờn và mờ mịt khói khiến tôi không chịu nổi và sự dơ dáy hỗn độn của căn phòng lại càng làm cho tôi thêm ác cảm, bởi lẽ trên môi tôi còn giữ lại được chút hương vị tươi mát mằn mặn của gió biển trong lành. Tôi liền ra ngoài, bước hú hoạ trên con đường rộng rãi sáng sủa dẫn tới một quảng trường, ở đó ban nhạc thị trấn đang biểu diễn và tôi chìm ngập giữa làn sóng uể oải của những người đi dạo chơi đang ùn ùn kéo đến.  
  
Thoạt tiên, tôi cảm thấy thích thú vì vô tình bị cuốn hút vào dòng người trang phục theo lối tỉnh lẻ, những người không có chút quan hệ gì với tôi, nhưng liền sau đó, tôi khó chịu khi thấy bên cạnh tôi, kẻ qua người lại liên tiếp với những chuỗi cười cô cớ, những con mắt nhìn vào tận mặt tôi, vẻ ngạc nhiên lạ lùng hoặc ngạp báng , tôi khó chịu về những cuộc tiếp xúc đó, tuy bề ngoài như không nhận thấy mà thực ra nó đẩy tôi đi mỗi lúc một xa, khó chịu về hàng nghìn chấm sáng nhỏ bé lấp lánh và tiếng chân không ngớt của đám đông.  
Cuộc vượt biển sôi nổi vừa qua còn để lại trong máu tôi một cảm giác choáng váng và ngây ngất; tôi vẫn cảm thấy dưới chân tôi con tàu trường đi và tròng trành; tôi cảm thấy mặt đất phập phồng như một lồng ngưc đang thở và đường phố có vẻ như muốn vươn cao lên đến tận trời.  
  
Bỗng nhiên, tôi thất chóng mặt trước tất cả sự ồn ào quay cuồng đó và để thoát khỏi tình trạng này, tôi rẽ sang đường bên mà chẳng ngó lên đường, rồi ngoặt vào một hẻm, ở đó, tiếng huyên náo cuồng lạo tắt dần, và không chủ đích, tôi tiếp tục đi vào đám những người ngang ngõ tắt chi chít như những tĩnh mạch và mỗi lúc một tăm tối hơn. Khi tôi rời xa quảng trường chính, những đèn hồ quang- mặt trăng của các đại lộ- không chiếu sáng nơi đây nữa, và phía trên thứ ánh sáng lờ mờ, cuối cùng lại nhìn thấy được những vì sao và một bầu trời căng màu đen.  
Có lẽ tôi đang ở gần bến cảng, trong khu vực của các thủy thủ, vì ở đây có mùi cá ươn, có cái hơi bốc lờ lợ và mùi ủng rữa của rong biển bị nước triều đánh bạt vào bờ, có cái mùi đặc biệt của thứ hương thơm bị hỏng và của những căn buồng không thoáng khí- tất cả những gì vốn bao trùm một cách nặng nề lên các ngõ phố hẻo lánh này, cho đến khi một cơn bão lớn nổi lên thổi bay hết sạch.  
  
Thứ bóng tối chập chờn cũng như cái cô đơn bất ngờ này đem lại cho tôi một cảm giác dễ chịu. Tôi chậm bước, lúc này ngắm nhìn hết ngõ hẻm này đến ngõ hẻm khác, mỗi ngõ hẻm có một dáng vẻ khác nhau, chỗ này thì yên tĩnh, chỗ kia thì thanh lịch nhưng tất cả đều tối tăm với một thứ tiêng chói tai của nhạc và tiếng người nói vọng ra từ thế giới vô hình, từ trong lòng những căn hầm, bí ẩn đến nỗi khó đoán được nó vẳng ra tự nơi nào dưới mặt đất. Bởi vì tất cả các căn nhà đều đóng kín mít và ở đó chỉ nhấp nháy một ngọn đền ánh sáng đỏ quạch hoặc vàng vọt.  
Tôi thích những con đường hẻm trobg những thành phố xa lakj này, cái chợ ô uế của mọi đam mê, cái ổ bí mật chất chứa mọi sự cám dỗ đối với những thuỷ thủ mệt mỏi sau những đêm cô đơn trên mặt biển xa xôi và nguy hiểm để thoả mãn trong một giờ biết bao nhiêu thú vui nhục dục đã ấp ủ trong những ước mơ.  
  
Những ngõ hẻm này phải giấu mình đâu đó ở nơi sâu kín của một thành phố lớn, bởi vì chúng phơi bày với biết bao trâng tráo và phiền nhiễu cái mà những căn nhà sáng sủa, cửa kính sáng choang, nơi ở của giới thượng lưu, thường che đậy dưới hàng nghìn kiểu mặt nạ. Nơei đây, tiếng nhạc vang lên lôi cuốn người ta đến những gian nhà nhỏ, những rạp chiếu bóng với những tấm quảng cáo dữ dội dứa hẹn những pha đẹp mắt chưa từng thấy, những chiếc đèn lồng nhỏ vuông bốn mặt, lấp ló dưới những cánh cửa như là ám hiệu, như lời chào kín đáo, mời gọi rất rõ ràngk, qua khe cửa hé mở thấp thoáng tấm thân trần dưới tấm áo hở hang thêu kim tuyến.  
  
Trong những quán cà phê, vang ra tiếng người say rượu và tiếng cãi lộn của những tay cờ bạc. Gặp nhau ở đây, các thuỷ thủ cười nhạo nhau, cái nhìn rầu rĩ của họ tươi lên trước nhiều hứa hẹn, bởi vì nơi đây có đủ thứ, phụ nữ và bài bạc, say sưa và du hí, những chuyện phiêu lưu thấp hèn cũng như cao quý.  
Nhưng tất cả những thứ đó đều ở trong bóng tối, dều được giữ kín sau những cánh cửa sổ hạ thấp xuống một cách giả dối, tất cả những thứ đó chỉ diễn ra ở bên trong, khiến vẻ kín đáo bề ngoài ấy càng khêu gợi gấp bội vì sự quyến rũ của cái bí mật vì muốn thưởng thức cũng dễ dàng.  
  
Những đường phố đó ở Hămbuốc cũng như ở Côlôngbơ và Lahabana đều như nhau, chúng giống nhau ở khắp mọi nơi, cũng như những đại lộ nơi phơi bày cảnh sống xa ha giống nhau bởi vì những đỉnh cao cũng như đáy cùng của cuôịc đời, bề ngoài nom đều như nhau cả. Loại đường phố thiếu lịc sự đó làm người ta cảm động vì những điều chúng phơi bày ra và hấp dẫn vig những điều chúng che giấy. Đó là những tàn dư quái dị của một thế giới nhục dục phóng đãng, nơi mà những bản năng còn được thả lỏng một cách thô bạo, không hề bị kìm hãm, một khu rừng tăm tối của dục vọng, một bụi rậm đầy dã thú. Nơi đây những điều ao ước mặc sức tung hoành.  
  
Chính ở một trong những đường phố mà bỗng dưng tôi cảm thấy mình bị cầm tù. Ngẫu nhiên tôi bước theo hai kỵ binh đeo kiếm dài kéo lê kêu lách cách tren mặt đường lát gồ ghề. Trong một quá rượu mấy người phụ nhữ mời gọi. các ả cười, nói bô bô với mấy người lính những câu đùa tục tĩu. Một người trong bọn họ gõ vào cửa sổ, nhưng một tràng chửi rủa từ nơi nào không rõ tuôn ra, thế là họ tiếp tục đi. Những chuỗi cười xa dần và ngay sau đó tôi không nghe thấy tiếng của mấy người lính nữa.   
  
Đường phố lại câm lặng. Một vài khuôn cửa sổ lấp lánh mờ mờ trong ánh trăng suông nhợt nhạt. Tôi dừng bước và thấm hutváo mình cái yên lặng mà tôi cảm thấy là kỳ lạ, bởi bì phía sau là tiếng thì thầm của sự huyền bí, cái huyền bí của khoái lạc và hiểm nguy.  
Tôi cảm thấy rõ rệt cái cô quạnh này là giả dối và dưới làn hơi bốc lờ mờ của ngõ hẻm này vẫn âm ỉ ánh phát quang yếu ớt của sự hư hoạ của htế gian này. Nhưng tôi vẫn đứng đó, không nhúc nhích, nhìn vào khoảng trống. Tôi không có cảm giác mình đang ở tại thành phố này hay trong ngõ hẻm này, tôi không biết tên đường phố và cả tên mình nữa, tôi chỉ cảm thấy ở đây tôi lầ người xa lạ, lạc lõng một cách kỳ diệu trong cái chưa từng biết, rằng tôi không có mục đích nào, không có sứ mệnh nào, cũng như không có mối liên hệ nào với mọi cái quanh đây thế mà tôi vẫn cảm nhận được toàn bộ cuộc đời tăm tối ấy ở xung quanh tôi một cách toàn vẹn như cảm thấy máu đang chảy dưới làn da mình vậy. Tôi chỉ cảm thấy một điêù là không có cái gì xảy ra tại nơi dây là vì tôi, thế mà tất cả đều thuộc về tôi, đấy là cái cảm giác hoan hỷ được sống một cuộc sống sâu đậm nhất và chân thực nhất ở giữa những cái xa lạ này, cảm giác đó là một phần những nguồn sống động nhất của cõi lòng tôi và ở miền xa lạ này, nó lôi cuốn tôi như một thứ khoái cảm.  
Chính tôi đang nghe ngóng trong phố vắng như chờ đợi một cái gì sắp xảy ra, một cái gì lôi kéo tôi ra khỏi trrạng thái mộng du mơ màng trong cõi hư không., thì đột nhiên từ đâu đó vọng lại một khúc ca Đức hát ngêu ngao, tiếng hát đã yếu đi vì vọng lại từ xa hoặc bị chắn bởi một bức tường. Đó là bài hát múa quay vòng rất giản dị trong vở Freisehutz ( Vở ôpera nổi tiếng cuả nhà soan nhạc Đức xuất sắc Caclơ Marya Vebe (1786-1826)) " ôi vòng hoa xanh diễm lệ của các thiếu nữ".  
Thật ra giọng người phụ nữ hát rất dở, nhưng đối với tôi vẫn là một điệu hát Đức, một cái gì rất Đức trong cái xó xỉnh xa lạ trên cõi đời này, chính vì vậy , tiếng hát ấy có một âm điệu đặc biệt, thân thiết với tôi. Bất kể là tiếng hát từ đâu đến nhưng đối với tôi đó là lờ chào mừng, là tiếng nói đầu tiên báo hiệu quê hương từ nhiều tuần lễ này.  
Tôi tự hỏi: ai ai nói tiếng mẹ đẻ của tôi ở đây? Người nào có một kỷ niệm trong nội tâm thôi thúc đã làm vongk lên từ trái tim mình khúc hát chất phác ấy trong cái ngõ hẻm hẻo lánh và đồi bại này. Tôi tìm cách khám phá xem tiếng hát từ dâu đến, tìm kiếm từ nhà này sang nhà khác, những căn nhà đắm chìm trong giấc ngủ chập chờn, với những cửa sổ khép cánh và bên trong thấp thoáng một thứ ánh sáng quỷ quyệt và đôi khi là một bàn tay nào đó vẫy vẫy làm dấu hiệu kín đáo.  
Phía bên ngoài, tường dán đầy những tấm yết thị loè loẹt , những quảng cáo om sòm và những chữ: Rượu mạnh, Whisky, beer: chỉ rõ nơi đây là một tiệm bán rượu lậu, nhưng tất cả đều đóng kín, vừa xua đuổi lại vừa mời mọc khách qua đường. Và trong khi ở phía xa có tiếng chân bước trên đường, thì tiếng hát vẫn mỗi lúc một cất lên cao hơn, láy lại đoạn điệp khúc mỗi lúc một vang lên và không ngừng tới gần. Tôi đã nhận ra căn nhà có tiếng hát. Ngần ngừ một lát tôi tiến vào cái cửa trong có che một bức rèm trắng.  
Nhưng lúc quả quyết cúi xuống định bước vào, tôi bỗng thấy hiện ra một cái gì động đậy trong bóng tối hành lang, một bóng người rõ ràng là đang đứng rình mò ở đó, dán mình vào cửa kính, nó run rẩy vì khiếp sợ. Khuôn mặt người nhuốm đỏ của chiếc đèn lồng treo ở phía trên, thế mà vẫn tái nhợt đi vì sợ hãi, một người đàn ông nhìn xoáy vào mặt tôi, mắt mở to, anh ta thì thầm như xin lỗi và biến đi trong bóng tranh tối tranh sáng của đường phố.  
  
Cách chào ấy thật kỳ lạ. Tôi nhìn theo anh ta: trong bóng mờ xa thẳm của đường phố, hình dsáng anh ta như còn động đậy, nhưng không rõ nét. Phía trong nhà vẫn giọng hát đó vang lên và tôi thấy như còn trong trẻo hơn. Bị giọng hát lôi cuốn, tôi đẩy then cửa, bước nhanh vào.  
Lời cuối cùng của bài hát rơi vào im lặng như bị cắt nởi một nhát dao. Và tôi sợ hãi cảm thấy mình đứng trước một khoảng trống, trước sự câm lặng và thù nghich, hệt như chính tôi đã làm vỡ một vật gì. Tuy vậy dần dần tôi cũng nhận ra những thứ trong gian phòng hầu như trống rỗng này: một cái quầy hàng và một cái bàn, rõ ràng đây chỉ là phòng đợi của các căn phòng phía sau và những căn phòng ấy, với những cánh cửa hé mở, ánh sáng mờ tỏ của các ngọn đèn và những chiếc giường rộng, cũng đủ tiết lộ ngay công dụng thực sự của chúng.PHía trước, một cô nàng mặt đầy son phấn, mệt mỏi ngồi chống khuỷu tay lên bàn, phía sau, chỗ chiếc quầy mụ chủ thân hình lực lưỡng, một màu xám bẩn, ngồi với ả khác không đến nỗi xấu lắm. Lời chào của tôi nặng nề rơi tõm vào không gian, mãi một lúc lâu mới có tiếng đáp lại bằng giọng chán ngán. Tôi thấy lúng túng vì đã bước chân đến chốn quạnh hiu này trong bầu không khí căng thẳng và rầu rĩ đến như vậy và đã toan bỏ đi ngay. Nhưng trong lúc bối rối, tôi không tìm được cớ gì và thế là tôi đành nhẫn nhục ngồi chờ ở bàn phía trước.   
Cô gái lúc này nhớ đến nhiêmh vụ của mình, hỏi tôi muốn uống gì. Nghe thứ tiếng Pháp cứng quèo cô ta nói, tôi nhận ra ngay đó là một phụ nữ Đức/.  
Tôi gọi một cốc bia, nàng đi lấy và trở lại, dáng đi mệt mỏi biểu lộ rõ vẻ thờ ơ, còn hơn cả cái nhìn khô khốc của cặp mắt lờ đờ uể oải dưới làn mi nom như những tia sáng đang tắt lụi dần. Hoàn toàn như một cái máy, nàng đặt cho mình một cốc thứ hai bên cạnh cốc bia của tôi, theo lệ thường ở những chốn này.   
Khi nàng uống chú sức khoẻ tôi, cái nhìn trống rỗng của nàng lướt qua tôi, vì vậy tôi có dịp ngắm kĩ, khuôn mặt thực ra vẫn còn đẹp với những đường nét đều đăn, nhưng có lẽ vì trong người mệt mỏi thành thử nom hoá ra tầm thường và giống như chiếc mặt nạ; không có một chút sinh lực nào, mí mắt nặng trĩu, mái tóc buông xoã, đôi má loang lỗ vì thoa laọi phấn xấu và vì ướt, đã bắt đầu xệ xuống, buông thành những nếp nhăn rộng., lan đến tận miệng.  
  
Nàng vận chiếc áo dài một cách cẩu thả, giọng nói khàn khàn như bị đốt cháy vì thuốc và bia. Qua tất cả những nét đó, tôi đoán dây là một con người mệt mỏi chỉ còn sống theo thói quen như một chiếc máy. Với thái độ dè dặt pha lẫn klinh tởm, tôi hỏi nàng một câu. Nàng trả lời không nhìn tôi, giọng lãnh đạm và thờ ơ, hầu như không mấp máy môi. Tôi cảm thấy mình bị coi thường.  
Phía sau, mụ chủ ngáp, ả kia ngồi trong một góc nhìn tôi như có ý chờ được tôi gọi. Tôi toan bỏ đi nhưng cảm thấy không nhấc nổi mình lên, tôi ngồi đó, trong bầu không khí mờ đục và đông đặc, lảo đảo như hôn mê của những người lnhs thuỷ bị ràng buộc vởi tính tò mò cũng như sự ghê tởm, bởi vì cái vẻ thờ ơ đó cũng có mặ khêu gợi của nó.  
Bỗng nhiên tôi giật mình, hoảng sợ vì tiếng cười dữ dội nổi lên bên cạnh tôi. Cùng lúc đó, ngọn đèn lung linh: nhờ luồng gió lùa qua, tôi biết có người nào vừa mở cửa sau lưng tôi.  
" Lại vẫn là anh? Tiếng nói của người phụ nữ bên cạnh tôi, giọng nói giễu cợt tàn nhẫn và nói vằng tiếng Đức - Anh vẫn còn bò lê quanh cái nhà này, lão già keo kiệt? Thế thì vào đi, tôi sẽ không làm gì anh đâu"  
Đầu tiên tôi quay về phía người phụ nữ đã la lên những lời đó, tru tréo như thể nàng đang bốc lửa trong người, rồi tôi quay ra phía cửa.  
Tôi nhận ra cái bóng dáng run rẩy, nhận ra cái nhìn đầy vẻ quỵ lụy của người đàn ông lúc nãy nép mình ngoài cửa.  
Vẻ khiếp sợ, anh ta cầm chiếc mũ trong tay như một tên ăn xin, và run lên dưới những chuỗi cười vang dội, tiếng cười khiến cho thân hình nặng nề của người phụ nữ rung lên như trong cơn động kinh, trong khi ở phía sau, bên quầy, mụ chủ nói nhanh với ả kia bằng những lời nhỏ nhẹ.  
" Anh hãy đến ngồi vào kia, ngồi với Phơrăngxoa ấy- nàng ra lênh cho con người khốn khổ, khi anh ta lại gần nàng bươic đi rụt tè và trơn trượt- Anh thấy rõ là tôi đang có khách".  
Nàng quát lên câu đó với anh bằng tiếng Đức. Mu chủ và ả kia cười ròn rã mặc dầu chẳng hiểu nói gì, nhưng họ có vẻ biết rõ người mới đến.  
"Phơrăngxoa, lấy cho anh ta một chai sâm banh loại đắt tiền nhất" - nàng vừa la to vừa cười với cô bạn.   
Rồi nàng nói với anh ta, giọng mỉa mai:  
-" Nếu anh thấy là đắt quá thì hãy đứng ngoài, đồ keo kiệt khốn nạn. ANh muốn nhìn trộm tôi mà không mất tiền. Tôi thừa biết. ANh muốn tất cả đều không tốn tiền:  
Dưới tiếng cười độc ác đó, cái dáng hình dài nghêu như muốn gấp làm hai, lưng người đàn ông cuộn tròn lại như muốn làm con chó đang nằm, tay anh ta run rẩy cầm lấy cái chai và lóng ngóng rót đổ cả rượu ra bàn. Cặp mắt anh ta lúc nào cũng muốn ngước lên nhìn vào mặt người phụ nữ, nhưng lai không thể rời khỏi mặt đất và chỉ nhìn quanh quẩn trên nền nhà.  
Chính lúc ấy, lần đầu tiên dưới ánh đèn, tôi nhìn thấy rõ bộ mặt hốc hác, tiều tuỵ và nhợt nhạt đó, tóc ướt đẫm và thưa thớt trên cái sọ dừa xương xẩu ma khớp xương đã lỏng ra như gãy, một kẻ khốn cùng, không còn một chút sinh lực nào, nhưng tuy vậy, không phải là không có một vẻ tàn ác.  
Tất cả ở anh ta đều xiên xẹo, lệch lạc và bị méo mó đi. Trong cặp mắt mà cuối cùng anh ta cũng ngước lên được một lần, nhưng rồi lại sợ sệt cụp xuống vẫn ánh lên vẻ hằn học.  
" Ông đừng bận tâm về hắn- nàng nói với tôi như ra lệnh, bằng tiếng Pháp, và nàng cầm lấy cánh tay tôi một cách hung hãn như muốn xô ngã tôi-đó là chuyện cũ giữa hắn và tôi, không phải là chuyện hiện giờ..."  
Rồi hàm răng trắng lấp lánh như chực cắn, nàng lại quát lên với anh ta:  
" Này hãy nghe đây, lão già xảo quyệt. Mi muốn biết ta nói gì ư Ta đã nói là thà ta nhảy xuống biển còn hơn là về với mi"  
Lần này, mụ chủ nhà và ả kia lại cũng cười hô hố một cách đần độn. Hình như đối với họ, đó là một trò giải trí quen thuộc, một chuyện đùa cợt hàng ngày. . Đột nhiên, tôi ghê tởm khi thấy ả kia sán đến vuốt ve mơn trớn anh ta với vẻ âu yếm giả tao khiến anh ta run lên mà không đủ can đảm khước từ. Tôi cảm thấy rùng rợn khi mắt tôi bắt gặp cái nhìn ngập ngừng của anh ta, đầy sợ hãi, lúng túng và tự hạ mình. Tôi run lên khi thấy người phụ nữ ngồi bên tôi bỗng thoát khỏi trạng thái uể oải, mắt phóng ra những tia độc ác đến nỗi tay nàng run lên. Tôi ném tiền lên bàn, muốn bỏ đi nhưng nàng không cầm:  
" Nếu hắn ta làm ông khó chịu, tôi sẽ đuổi cổ hắn ra, con chó gìa đó. Nó ở đây là để nghe lời. Nào ông hãy uống với tôi một cốc nữa."  
Nàng xích lại gần tôi, đột nhiên tỏ vẻ âu yếm cuồng nhiệt, nhưng tôi hiểu ngay đó chỉ là giả vờ, để giày vò anh kia. Cứ mỗi cử chỉ, nàng lại liếc nhìn anh ta và thật là đau khổ cho tôi khi thấy mỗi cử chỉ vuốt ve của nàng đều làm cho người đàn ông khốn khổ ấy run lên như thể bị bệnh co giật chân tay. Tôi nhìn sững vào người anh đang sôi sục một cơn giận hung hãn, một sự ghen tức và thèm muốn say mê. , tất cả những cái đó biến đi liền mỗi khi nàng quay đầu về phía anh ta. Lúc này nàng đang ở sát cạnh tôi, tôi chạm vào thân thể nàng, tấm thân đang run rẩy vì niềm vui độc địa về trò chơi này. Khuôn mặt khô kệch của nàng bốc lên mùi phấn rẻ tiền cũng như cái mùi ủng nẫu của da thịt nàng làm cho tôi kinh tởm. Để xua đuổi cảm giác đó, tôi lấy một điếu thuốc và trong lúc mắt tôi nhìn khắp mặt bàn để tìm diêm, nàng ra lệnh cho người đàn ông một cách cục cằn:  
Kiếm lửa đây!  
Tôi còn xúc động hơn cả anh chàng kia trước sự đòi hỏi thô lỗ bắt anh ta phải phục dịch tôi như vậy, tôi liền tự tìm lửa châm thuốc hút. Nhưng bị thôi thúc bởi những lời nói đó như một ngọn roi quất vào người, anh ta loạng choạng tiến lên, chân run lẩy bẩy đặt chiếc bật lửa của mình lên bàn thật nhanh, như sợ rằng đụng vào thì bản thân bị thiêu cháy.  
Trong giây lát, tôi bắt gặp cái nhìn của anh ta, cái nhìn ánh lên một nỗi nhịn nhục câm nín và một cơn phẫn nộ sôi sục. Cái nhìn khuất phục đó khiến cho gã đàn ông và người anh em trong tôi phải động lòng. Tôi cảm thấy sự làm nhục do người đàn bà gây nên và tôi chia xẻ nỗi nhục ấy với anh ta:  
-Rất cảm ơn ông- Tôi nói bằng tiếng Đức, khiến anh ta rùng mình- Đáng ra ông không cần phải bận tâm.  
Tôi chìa tay cho anh ta. Anh ngập ngừng hồi lâu, rồi tôi cảm thấy chạm phải những ngón tay nhơm ngớp và xương xẩu, liền đó tôi cảm thấy cái xiết tay đột ngộ, bóp chặt như trong cơn co rút, biểu lộ niềm biết ơn.  
Trong giây lát, cặp mắt anh ta long lanh nhìn tôi rồi sau đó cụp xuống dưới làn mi mềm nhũn. Để thách thức nàng, tôi muốn mời anh ta ngồi lại gần chúng tôi và chắc chắn là cử chỉ mời mọc đó đã thể hiện ở bàn tay tôi, bởi vì nàng vội vàng bảo anh ta bằng giọng hách dịch:  
-HÃy quay lại ngồi đằng kia và đừng có quấy rầy chúng tôi.  
Đột nhiên, tôi thấy ghê tởm cái giọng nói chua chát và sự tàn nhẫn đó.   
Cái quán rượu ám khói này, ả gái điếm ghê tởm này, anh chàng ngu ngốc này, cái bầu không khí sặc mùi bia, thuốc lá và mùi son phấn mạt hạng này là cái quái gì đối với tôi?  
Tôi cần thoáng khí. Tôi trả tiền cho nàng, đứng dậy và quả quyết lui ra lúc nàng tiến lại gần tôi ve vãn.  
Tôi xấu hổ vì đã dự phần vào việc làm mất phẩm giá một con người, và bằng sự cự tuyệt dứt khoát của tôi, tôi tỏ rõ cho mọi người biết quyền lực của nàng đối với dục vọng của tôi chẳng có bao nhiêu.  
Thế là nàng lại điên tiết lên, một nếp nhăn thô kệch hằn quanh miệng, nhưng nàng đã kìm lại không thốt ra lời điều nàng nghĩ trong đầu. Hằn học không hề giấu giếm, nàng quay về phía anh chàng đúng lúc anh ta như đoán trước được sự chẳng lành sắp xảy ra, và kinh hoàng vì sự đe doạ của nàng, anh ta vội vàng cho tay vào túi và bằng những ngón tay run rẩy, rút ra một túi tiền.  
Anh ta sợ lúc này phải ở lại một mình với nàng, điều đó rõ như ban ngày và trong lúc hấp tấp, anh ta không cởi được miệng túi. Đó là một chiếc túi đan có đính những hạt cườm, loại túi mà người nông thôn và cánh tiểu thị dân thường mang. Dễ nhận ra anh ta không quen vung tay tiêu tiền, trái ngược hẳn với những tay thuỷ thủ quen vốc tiền quẳng loảng xoảng lên bàn. Rõ ràng là anh ta có thói quen đếm đi đếm lại và cân nhắc đồng tiền trên các ngón tay.  
- HẮn lo sợ cho những đồng tiền yêu qúy của hắn mới gớm chứ! không mở được à? Chờ một tí!- Nàng vừa mỉa mai vừa bước lại gần. ANh ta hoảng hốt lùi lại và nhận thấy vẻ kinh hoàng của anh ta nàng nhún vai, nhìn anh ta một cách chán ngán không thể ta được.  
- Tôi không lấy gì của anh đâu, tôi cứ nhổ toẹt vào tiền bạc của anh. Tôi thừa biết những đồng tiền nhỏ bé của anh đã được đếm kỹ và không một đồng nào lọt ra ngoài phí hoài. Nhưng trước hết- Bỗng nhiên nàng vỗ vào ngực anh ta- Là những mảnh giấy nho nhỏ mà anh đã khâu vào chỗ này để không ai ăn cắp được của anh!  
Quả nhiên, như một người đau tim bỗng lên cơn đau đột ngột, anh ta tái người đi và chần chừ, đặt tay lên ngực, mấy ngón tay sờ vào một chỗ trên ngực áo, bất giác nắn nắn vào cái tổ bí mật bên trong, rồi buông thõng xuống khi đã yên tâm.  
- Đồ biển lận!- nàng vừa nhổ bọt vừa nói.  
Thế là đột nhiên, khuôn mặt của con người khốn khổ bị hành hạ ửng đỏ, anh ta ném mạnh túi tiền cho ả điếm kia, thoạt tiên ả thốt lên một tiếng kêu sợ hãi rồi cười khanh khách, trong khi đó anh ta chạy qua trước mặt ả để ra cửa và chạy như tránh một đám cháy. Nàng còn đứng sững một lúc, mắt long lên đầy vẻ giận dữ và độc ác. Sau đó, hai mí mắt nàng rũ xuống , mềm nhũn và toàn thân nàng đang căng thẳng bỗng xỉu hẳn đi. Trong giây lát, trông nàng già hẳn đi và mệt lả. Có một cái gì lưỡng lự và mơ hồ làm cho cái nhìn cảu nàng lúc này hướng về tôi bớt phần nào sắc sảo.  
nàng đứng đó như một người đàn bà qua cơn say rượu vừa tỉnh lại, ngấm ngầm cảm thấy hổ thẹn.  
- Hắn ta sẽ than khóc, tiếc món tiền hắn đã vung ra; có thể hắn sẽ chạy đến báo cảnh sát, rằng tôi ăn cắp tiền của hắn...,và ngày mai hắn sẽ còn đến đây nhưng hắn sẽ không chiếm được tôi. Tôi ưng chịu bất cứ ai, chỉ trừ có hắn!...  
Nàng ra quầy ném những đồng tiền vào đó và nốc một hơi rượu mạnh. Một tia sáng độc ác lại loé lên trong mắt nàng nhưng lại nhòe đi vì những giọt nước mắt giận dữ và xấu hổ. Sự ghê tởm đối với nàng lấn át mất tình thương trong tôi.  
- Xin chào- Tôi nói bằng tiếng Đức và đi thẳng.  
- Xin chào- Mụ chủ nói bằng tiếng Pháp.  
Nàng chẳng buồn quay lại, chỉ cười ầm ỹ và đầy vẻ mỉa mai.  
Lúc tôi bước ra ngoài, đường phố tràn ngập bóng đêm, bầu trời tối đen và nặng nề, ánh trăng tự nơi xa thẳm toả xuống qua những đám mây. Tôi háo hức hít làn không khí ấm áp mà rất trong sạch đó. Nỗi kinh hoàng tôi cảm thấy lúc nãy nhường chỗ cho sự kinh ngạc lớn lao khi nghĩ tới số phận người ta thật không ai giống ai- tình cảm đó có thể khiến tôi sung sướng đến chảy nước mắt- tôi lại cảm thấy rằng đằng sau nỗi ô kính bao giờ cũng có một số phận đang rình rập, rằng mỗi cánh cửa tự mở ra trước vài biến cố nào đó của đời người, rằng nơi nào cũng đầy rẫy những cái khác biệt của thế gian này, rằng cái xó xỉnh ô trọc nhất cũng có thể cuồn cuộn sức sống mãnh liệt ngày cả trên sự mục rữa cũng cứ ngời lên ánh lấp lánh của con bọ hung.  
Cái cảm giác ghê tởm do cuộc gặp gỡđó gây nên cho tôi đã tan biến và sự căng thẳng mà tôi cảm thấy lúc nãy giờ dẫn đến cảm giác mệt nhọc dịu ngọt và sung sướng vì khao khát biến dổi hoạt cảnh đó thành một giấc mơ lý tưởng.  
Bất giác tôi đưa mắt băn khoăn nhìn quanh, tìm đường trở về giữa vô vàn ngõ hẻm quanh co này.  
Đúng lúc đó- hẳn là anh ta đã lén đến gần tôi rất nhẹ nhàng- một bóng người hiện ra bên tôi.  
- Xin tôn ông thứ lỗi- tôi nhận ra ngay giọng nói khiêm nhường- Tôi nghĩ rằng tôn ông không tìm ra phương hướng. Tôi có thể xin được... chỉ đường cho tôn ông hay không? Tôn ông ở....  
Tôi nói tên khách sạn tôi ở.  
- Xin được đi cùng tôn ông... nếu như ngài cho phép- Anh ta nói tiếp luôn,  
Tôi phát hoảng. Bước chân, lướt nhẹ như bước chân mà ngay cạnh tôi, rất gần mà không thể cảm nhận được, bóng tối trên đường phố của những thuỷ thủ và những điều tôi vừa chứng kiến dần dần nhường chỗ cho một cảm giác mộng mị và hỗn độn, không cưỡng lại nổi và không có chút gì rõ rệt. Tuy không nhìn, tôi vẫn cảm thấy cặp mắt người đàn ông ấy thể hiện và nhẫn nhục biết chừng nào. Và tôi nhận rõ môi anh ta run run. Tôi biết anh ta muốn bắt chuyện với tôi, nhưng tôi không hề biểu lộ chút gì tỏ ý khuyến khích hay ngặn chặn trạng thái trong người tôi như trong cơn mê, sự háo hức tò mò và sự tê cứng của cơ thể trộn lẫn vào nhau, luân phiên nhau lôi cuốn tôi, Anh ta đằng hắng ho mấy lần.   
Tôi nhận thấy anh ta cố tìm cách mở đầu câu chuyện mà không được. Nhưng một sự tàn ác nào đó- sự tàn ác đã lây lan một cách bí ẩn từ người đàn bà nọ sang tôi- lại khiến tôi thích thú được nhìn thấy ở anh ta cái giằng co giữa sự hổ thẹn và nỗi đau đớn về tinh thần, đáng lẽ giúp cho anh ta được thoải mái thì tôi lại để mặc cho sự im lặng tối tăm và nặng nề đè nặng giữa chúngt ôi. Và bước chân chúng tôi vang trên mặt đường lảt, bước chân anh ta lướt đi nhẹ nhàng như bước chân ông lão, bước chân tôi cố tình dậm chắc nịch và cục cằn để thoát khỏi cái thế giới bẩn thỉu này, cả hai tiếng bước chân hoà lẫn với nhau thành một tiếng vang mơ hồ.  
Mỗi lúc tôi càng cảm thấy sự căng thẳng giữa chúng tôi tăng thêm. Thứ lặng thinh nhức nhối và đầy tiếng la hét nội tâm này giống như một dây đàn vĩ cầm lên căng sắp đứt. Cuối cùng, tiếng anh ta, lúc đầu ngập ngừng vì e sợ, xé tan sự im lặng đó.  
- Tôn ông đã... Tôn ông đã.... thưa tôn ông... chứng kiến ở đó một cảnh tượng lạ kỳ.. xin tôn ông thứ lỗi... xin tôn ông thứ lỗi cho tôi...đã gợi lại với ngài chuyện đó.... nhưng chắc hẳn ngài thấy cô ta thật là quá ... và tôi thì rất là lố bịch.... Người đàn bà đó... quả thật là....  
Anh ta đứng lại. Có cái gì như xiết lấy họng anh ta làm anh ta nghẹt thở. Rồi tiếng anh ta nhỏ hẳn đi anh ta vội vã thì thầm:  
- Người đàn bà ấy ... thực ra là vợ tôi.  
Chắc hẳn tôi đã rùng mình vì kinh ngạc nên anh ra nhanh nhảu nói tiếp như muốn xin lỗi:  
- Nghĩa là,.... đó là vợ tôi... đã năm năm, bốn năm trước... ở Gierathem, mãi tận ở Het, gia đình tôi ở đó... Thưa tôn ông, tôi không muốn ngài nghĩ xấu về nàng.... không phaie xưa nay nàng vanx như thế.... Tôi đã làm khổ nàng, .... Tôi đã say mê nàng, mặc dầu nàng rất nghèo; ngay đến quần áo nàng cũng không có, không có gì, hoàn toàn không có gì.... mà tôi thì giàu có,,, nghĩa là sung túc, không giàu hay ít nhất xưa kia tôi đã giàu có.... và ngài biết không, thưa tôn ông., .. có lẽ tôi- nàng nói đúng- tôi có tính tằn tiện... nhứng đấy là ngày xưa, thưa tôn ông, trước khi xảy ra điều bất hạnh và tôi tự nguyền rủa mình về cái tính đó... Nhưng cha tôi và cả mẹ tôi đều như thế, mọi người đều như thế, đối với tôi một đồng xu cũng phải đỏ mồ hôi sôi nước mắt mới kiếm được.... Còn nàg thì nông nỗi, thích những đồ vật đẹp, mặc dầu nàng nghèo.... Tôi luôn trách móc nàng về điều đó... lẽ ra không nên làm như vậy, bây giwò tôi mới biết , thưa tôn ông vì nàng kiêu hãnh, rất kiêu hãnh. không nên cho rằng chỉ vì muốn ăn diện mà nàng đã bán mình... Sự thật chỉ vì muốn ăn diện mà nàng đã bán mình... Sự thật không phải như vậy.., nàng tự làm khổ mình, .... chẳng qua là... chỉ cốt đề làm khổ tôi, để giày vò tôi, bởi vì nàng hổ thẹn. Có thể nàng đã trở thành người xấu, nhưng tôi không tin như vậy, bởi vì thưa tôn ông, trước kia nàng là người rất tốt, rất tốt....  
Anh ta lau nước mắt và ngừng lời vì xúc động quá mạnh.  
Bất giác tôi nhìn anh ta, và bỗng nhiên nhận thấy anh ta không có gì là lố bịch, và tôi cũng không để tâm đến cái lối xưng hô đầy vẻ nô lệ của anh ta, cái tiếng Tôn ông mà ởĐức chỉ đám người hạ lưu mới dùng để thưa gửi với những người thuộc tầng lớp trên.  
Khuôn mặt anh ta nói lên rằng anh ta phải cố gắng như thế nào để thốt nên lời và lúcc này, khi đã lại gắng gượng bước đi một cách nặng nhọc lảo đảo, luồng mắt anh ta cứ dán xuống vỉa hè, tưởng chừng như nhìn thấy ở đấy, dưới ánh sáng lung linh, những lời anh đã đau đớn lắm mới thốt ra được từ cái cổ họng bị thắt nghẹn.  
-Vâng thưa tôn ông- ANh ta thở dài và nói bằng một giọng rầu rĩ, khác hẳn lúc trước, hình như nó xuất phát từ một niềm bớt khổ đau hơn trong thâm tâm anh ta-Nàng rất tốt, ngay cả đối với tôi, nàng rất biết ơn tôi đã cứu vớt nàng ra khỏi cảnh bần cùng... và tôi biết rằng nàng biết ơn, nhưng tôi... muốn nghe chính nàng nói ra điều đó... cứ muốn nghe lại nữa.... nghe lại mãi... Tôi thích thú được nghe nàng nói lên lòng biết ơn, ... Thưa ngài, thật là thích thú, thích thú vô chừng khi ta tưởng... tưởng rằng ta là người tốt nhất, trong khi, trong khi ta tự biết mình là người quá ư tồi tệ... -Tôi có thể cho hết tiền bạc của mình để được nghe nàng nhắc đi nhắc lại không ngừng những lời biết ơn... và nàng lại rất kiêu hãnh và càng không muốn bày tỏ lòng biết ơn khi nhận thấy tôi đòi hỏi điều đó. Chính vì thế, chỉ vì thế... Thưa tôn ông, mà tôi luôn luôn để nàng phải cầu xin.. mà tôi không tự nguyện cho nàng cái gì... Tôi sung sướng khi, vì mỗi chiếc áo, vì mỗi dải băng . nàng phải tìm đến tôi, và xin tôi như một con ăn mày... Trong suốt ba năm trời, tôi đã hành hạ nàng như vậy, mỗi ngày càng tệ hơn,... nhưng thưa tôn ông, chỉ vì tôi yêu nàng.. Lòng kiêu hãnh của nàng khiến tôi mê thích, thế mà tôi vẫn muốn là nhục lòng kiêu hãnh đó, thật là rồ dại, chính là cái thằng tôi! Và khi nàng tỏ ý ham muốn điều gì, tôi liền nổi giận, nhưng thưa tôn ông, trong thâm tâm, tôi không giận dữ gì đâu, tôi sung sướng mỗi khi có dịp làm nhụt bớt lòng kiêu hãnh của nàng bởi vì, bởi vì.... chính tôi cũng không biết tôi yêu nàng đến chừng nào...  
Anh ta lại ngừng lời,... Anh ta lại bước đi lảo đảo.  
Rõ ràng là anh ta đã quên sự có mặt của tôi, Anh ta nói như máy, như trong một cơn mê, giọng nói mỗi lúc một to:  
- Điều đó... tôi chỉ biết khi, lúc đó, ... vào cái ngày chết tiệt đó... tôi đã khước từ số tiền cho mẹ nàng chẳng có bao nhiêu, rrất ít thôi... nghĩa là tôi đã chuẩn bị tiền nong đầy đủ, nhưng tôi lại muốn nàng phải đến một lần nữa, để cầu xin tôi... vâng , lúc ấy tôi đã nói cái gì nhỉ?...  
" Vâng, tôi nhận ra điều đó vào buổi chiều lúc tôi về đến nhà và nàng đã ra đi, và trên bàn có một mẩu giấy...  
" Hãy giữ kỹ lấy đồng tiền chết tiệt của anh, tôi không cần gì ở anh nữa"... chỉ viết có thế, không còn gì hơn!  
" THưa tôn ông, suốt ba ngày ba đêm, tôi như một thằng điên. Tôi đã cho đi tìm khắp cả sông ngòi, rừng rú, bỏ ra hàng trăn quan tiền cho cảnh sát... tôi chạy khắp lượt các nhà bà con, nhưng họ chỉ chê cười và nhạo báng tôi... vẫn biệt vô âm tín... Cuối cùng có người từ làng bên cạnh mách tôi biết tin... họ đã gặp nàng ... trên chuyến xe lửa cùng đi với một người lính... Nàng đã đi Beclin.  
: Ngay ngày hôm đó, tôi bổ theo tìm nàng, ... bỏ cả công việc, mất đến hàng nghìn quan tiền,... chúng ăn cắp của tôi, viên quản lý của tôi, cả lũ....  
" Nhưng thưa tôn ông, tôi xin thề với ngài, chuyện tiền nong mất sạch không quan trọng đối với tôi...  
" Tôi ở Beclin phải đến một tuần lễ mới tìm thấy nàng trong đám người quay cuồng này... và tôi đến với nàng..."  
Anh ta thở hổn hển.  
" Thưa tôn ông, tôi thề với ngài... tôi không hề nói nặng với nàng lời nào... tôi khóc,... toi quỳ sụp xuống và dâng tiền biếu nàng... tất cả gia tài của tôi, chính nàng sẽ là người cai quản hết, bởi vì lúc đó tôi đã hiểu rõ... tôi không thể sống thiếu nàng. Tôi yêu nàng từng sợi tóc... cái miệng của nàng.... thân thể nàng... tất cả, tất cả... và chính là tôi, tôi đã đẩy nàng rơi xuống vực, chỉ tại tôi,...  
" Nàng tái nhợt đi như người chết khi tôi đột ngột bước vào"  
" Tôi đã mua chuộc mụ chủ của nàng, một con mụ ma cô, một con mụ xấu xa, một con đàn bà đê tiện... Nàng đứng ở đó, sát bức tường, trắng bệch... nàng nghe tôi nói.  
" Thưa tôn ông, tôi đã tưởng là nàng, vâng, nàng sẽ vui mừng khi trông thấy tôi,.. Nhưng khi tôi vừa nói đến tiền và tôi nói đến, tôi xin thề với ngài, chỉ cốt để chứng tỏ rằng tôi không thiết đến tiền bạc nữa, ... nàng liền nhổ toẹt nước bọt, và rồi.... bởi vì tôi chưa muốn bỏ đi, nàng gọi ngay người tình của nàng đến và cả hai bêu riếu tôi....  
" Nhưng, thưa tôn ông, hết ngày này qua ngày khác, tôi vẫn lui tới. Những người, thuê nhàđã kể hết cho tôi nghe... Tôi biết rằng tên vô lại nó đã bỏ rơi nàng và nàng lâm vào cảnh túng thiếu và sau đó tôi lại đến một laàn nữa... một lần nữa, nhưng thưa tôn ông nàng đã nhiếc mắng tôi và xé tan tờ giấy bạc mà tôi đã lén để trên bàn, và khi tôi trở lại lần sau thì nàng đã đi mãi....  
" Thưa tôn ông, còn thiếu điều gì tôi không làm để tìm lại được nàng kia chứ?  
" Trong suốt một năm trời, tôi thề với ngài như vậy, tôi không biết thế nào là cuộc sống nữa, tôi chỉ có việc đi tìm, tôi tung tiền thuê người đi dò la, cho đến lúc tôi được tin nàng ở mãi Achentina... trong,,, một nhà thổ....  
Anh ta ngập ngừng một lát, tiếng cuối cùng phát ra như một tiếng rên. Giọng nói của anh ta càng rầu rĩ hơn.  
" Lúc đầu tôi thất vọng nhưng sau đó tôi nghĩ rằng chính tôi đã xô đẩy nàng vào chốn ấy, chỉ tại tôi thôi... và tôi nghĩ nàng đã phải chịu đau khổ biết bao nhiêu, khổ thân nàng... bởi vì trước hết nàng là người kiêu hãnh... Tôi đi tìm luật sư, nhờ ông ta viết thư cho lãnh sự quán và gửi tiền ... mà không nói cho nàng biết là ai gửi cho... ông ta chỉ viết là mời nàng trở về...  
" Người ta điện cho tôi biết mọi sự đã thành công.. Tôi biết tên chuyến tàu... và tôi chờ nàng ở Amxtecdam.  
" Tôi đến sớm hơn những 3 ngày, ruột gan tôi như lửa đốt, ... Cuối cùng , phút chờ đợi cũng tới. Chỉ mới nhận thấy khói con tàu ở phía chân trời lòng tôi đã tràn đầy sung sướng, và tôi tưởng như không có cách gì chờ nổi con tàu buông neo, cập bến... chậm quá, chậm quá đi mất, rồi hành khách qua cầu tàu và cuối cùng là nàng... Tôi không nhận ra ngay,... nàng nom khác hẳn... tô son điểm phấn... như ngài đã thấy đấy.... Và khi nàng trông thấy tôi đứng chờ, mặt nàng tái hẳn đi.. hai người thuỷ thủ phải đỡ, nếu không nàng đã ngã từ cầu tàu xuống.....  
" Vừa đến bờ, tôi đã đến cạnh nàng... Tôi không nói câu nào,, họng tôi tắc nghẹn... nàng cũng không nói câu nào... Và cũng chẳng nhìn tôi.... Người khuân vác mang hành lý đi trước chúng tôi, và chúng tôi đi, đi mãi,... Thế rồi bỗng nhiên nàng ngừng lại và nói... Thưa tôn ông, những lời đó đó nàng nói mới não ruột làm sao! Những lời ấy làm tôi nhức nhối, giọng nàng nghe sao mà buồn đến thế..." Anh vẫn coi tôi là vợ anh ư? ngay cả bây giờ ư? ... Tôi nắm tay nàng.. nàng run rẩy nhưng không nói gì nữa.  
“ Lúc đó tôi cảm thấy rằng mọi chuyện điều ổn thỏa...Thưa tôn ông,tôi sung sướng biết bao nhiêu !Tôi nhảy nhót xung quanh nàng như một đứa trẻ, đến lúc chúng tôi ở trong buồng riêng,tôi sụp xuống chân nàng...Chắc hẳn tôi đã nói với nàng vô vàn điều rồ dại,vì thấy nàng cười trong nước mắt và nàng vuốt ve tôi...một cách rụt rè,lẽ tự nhiên là phải như vậy...  
“Phải,thưa tôn ông...lúc ấy tôi sung sướng biết bao...Trái tim tôi tan thành nước mắt.Tôi chạy lên chạy xuống thang gác, đặt một bữa ăn tối ở khách sạn...bữa tiệc cưới của chúng tôi...Tôi giúp nàng trang điểm...và chúng tôi xuống nhà,chúng tôi ăn,chúng tôi uống và chúng tôi sung sướng... Ôi ! nàng mãn nguyện biết bao,như một đứa trẻ,nồng nhiệt bao nhiêu,hồn hậu biết chừng nào,và nàng bàn chuyện nhà chuyện cửa của chúng tôi...nói về cách sắp đặt mọi việc sao cho đâu ra đấy...Thế rồi...”  
Giọng anh đột nhiên khàn lại và anh ta vung tay như muốn đập chết kẻ nào.  
“...Thế rồi... ở đó có một tên bồi bàn...một kẻ xấu xa,một tên khốn nạn...hắn tưởng tôi say vì tôi như điên như dại,tôi nhảy nhót,tôi cười lăn cười lộn...Thực ra chỉ là vì tôi quá vui mừng mà thôi... Ôi ! tôi hài lòng mãn ý biết bao,và đúng lúc...lúc tôi thanh toán tiền hắn trả lại tôi thiếu hai mươi quan tiền theo hoá đơn.Tôi mắng hắn té tắt và đòi số tiền còn thiếu,hắn bối rối và đặt đồng tiền vàng lên bàn...Thế là...bỗng nhiên nàng phá lên cười.;;Tôi nhìn sững vào nàng,nhưng nét mặt nàng thay đổi hẳn... đột nhiên trở nên mỉa mai,cứng cỏi và độc ác.  
“Lúc nào anh cũng bủn xỉn như vậy à,ngay cả trong ngày cưới của anh và tôi”,anh lạnh lùng nói,giọng gay gắt và...và đầy vẻ thương hại.  
“Tôi rùng mình và tự nguyền rủa tính chi li của mình,tôi cố gượng cười,nhưng niềm vui của nàng đã biến mất... đã chết...Nàng đòi một căn phòng riêng...có thứ gì mà tôi không chiều theo nàng?Và suốt đêm,tôi nằm một mình suy nghĩ đến những thứ sáng hôm sau sẽ mua cho nàng... đến những tặng phẩm tôi sẽ dành cho nàng... để tỏ cho nàng tôi sẽ không như thế nữa.Sáng hôm sau,tôi ra khỏi buồng rất sớm và khi bước vào buồng nàng...căn buồng đã... trống không...y như lần đầu tiên.Và tôi biết rằng trên bàn sẽ có một mẩu giấy...  
Tôi chạy thẳng đến,cầu trời cho chuyện đó đừng xảy ra...nhưng...nhưng...nó đã nằm sẳn đó rồi...và ở trên...”  
Anh ta ngập ngừng.Bất giác tôi dừng lại và nhìn anh.Anh ta cúi đầu xuống.Rồi thầm thì bằng một giọng khàn đục:  
“Trên tờ giấy có viết: “Hãy để mặc tôi.Anh làm tôi ghê tởm”.  
Chúng tôi đã ra đến bến cảng và bổng nhiên tiếng thở ầm ì của biển ở gần kề,vang lên trong im vắng.  
Với những cặp mắt long lanh,như những con thú đen ngòm,những con tàu nằm đó,cái ở gần,cái ở xa,có tiếng hát từ đâu đó vẳng tới.  
Không có gì rõ rệt,thế mà vẫn cảm thấy ở đấy có biết bao nhiêu sự việc, ở đấy có như là một giấc ngủ mông mênh và như giấc mơ nặng trĩu của một thành phố cuồn cuộn sức sống.Ngay bên cạnh,tôi vẫn thâý chiếc bóng của anh chàng,chiếc bóng run rẩy một cách quái dị ngay dưới chân tôi,lúc thì tỏa rộng ra,lúc thì co lại dưới ánh sáng chập chờn của những cây đèn lồng mờ đục.Tôi không thể nói điều gì,không một lời an ủi,không một câu hỏi,nhưng sự lặng im của anh ta bám lấy tôi,nặng nề và bứt rứt. Đúng lúc đó, đột nhiên anh ta run rẩy nắm lấy cánh tay tôi.  
“Nhưng tôi sẽ không rời khỏi nơi này mà không có nàng cùng đi.Sau bao nhiêu tháng trời đằng đẵng,tôi đã tìm thấy nàng...Nàng hành hạ tôi,nhưng tôi không hề nản lòng...Tôi khẩn cầu ngài,thưa tôn ông,ngài hãy nói với nàng rằng nàng phải là của tôi,xin ngài hãy nói với nàng điều đó...Tôi nói thì nàng không nghe đâu...Tôi không thể sống như thế này được...Tôi không thể nhìn thấy những người đàn ông đến với nàng được nữa...Không thể chờ ở bên ngoài,trước cửa nhà cho đến khi họ đi ra,say sưa và cười cợt...Cả phố đều biết tôi rồi...Họ cười khi thấy tôi chờ ... Điều đó làm tôi phát điên lên...Tuy vậy,chiều nào tôi cũng lại đến đó...Thưa tôn ông,tôi van ngài...xin ngài nói với nàng hộ tôi.Mặc dầu tôi không quen biết ngài,xin ngài giúp cho vì lòng yêu Chúa...xin ngài nói với nàng hộ tôi...  
Bất giác tôi tìm cách gỡ cánh tay ra.Tôi rùng mình. Nhưng anh ta cảm thấy tôi lẩn tránh nổi bất hạnh của anh ta,bổng nhiên,anh ta qùy sụp xuống giữa đường và ôm lấy chân tôi.  
“Tôi khẩn cầu ngài điều đó,thưa tôn ông,ngài cần phải nói với nàng...Cần phải như vậy,nếu không...nếu không sẽ xảy ra chuyện khủng khiếp...Tôi đã tiêu hết tiền để tìm nàng và tôi sẽ không để nàng ở lại đây...Không để nàng còn sống...Tôi đã mua một con dao...Tôi có một con dao,thưa tôn ông...Tôi không muốn nàng ở lại đây nữa...không để nàng sống...Tôi không thể nào chịu nổi khổ hình này nữa...Thưa tôn ông,xin ngài nói với nàng...”  
Anh ta lăn lộn như một thằng điên trước mặt tôi.Lúc đó hai người cảnh sát đi về phía chúng tôi trên đường phố .Tôi giật mạnh lôi anh ta lên.Trong chốc lát,anh ta nhìn tôi như một thằng loạn ốc.Rồi anh ta nói bằng một giọng khác hẳn,khô khan:  
“Ngài rẽ vào đường này.Rồi ngài sẽ đến khách sạn của ngài”.Một lần nữa anh ta nhìn tôi trừng trừng, đồng tử như ngập chìm trong một màu trắng và một khoảng trống đáng sợ.Rồi anh ta biến mất .  
Tôi khép kín áo măng tô.Tôi run lên,mệt mõi đến mụ người,một cảm giác choáng váng tê dại và đen tối,một trạng thái mộng du,một màu đỏ thẫm choáng ngập trong tôi.Tôi muốn suy nghĩ một chút,nghĩ kỹ về tất cả những điều đó,nhưng làn sóng đen ngòm của sự mệt mõi dấy lên trong tôi và lôi cuốn tôi đi.Tôi lần về khách sạn,buông mình xuống giường và thiếp đi trong một giấc ngủ nặng nề như một con vật.  
  
Sáng hôm sau,tôi không còn biết trong câu chuyện đã xảy ra phần nào là mơ,phần nào là thực và một cái gì đó trong tôi ngăn cản tôi không tự hỏi bản thân mình về điều đó.Tôi thức dậy muộn,cảm thấy mình là kẻ xa lạ trong một thành phố xa lạ,và tôi đi thăm một ngôi nhà thờ có những đồ thảm cổ nổi tiếng.  
Nhưng mắt tôi như nhìn trong khoảng trống.Những gì đã thấy đêm vừa qua cứ trở lại trong tâm trí tôi mỗi lúc một mạnh mẽ,và nó lôi cuốn tôi không sao cưỡng nổi, đến nỗi tôi đi tìm một con đường và căn nhà đêm qua...Như những đường phố kỳ lạ đó chỉ hoạt động vào ban đêm,ban ngày chúng ẩn dưới những mặt nạ xám ngoét và lạnh lùng,mà chỉ những kẻ thông thạo mới nhận ra được.Tôi đã mất công tìm mãi mà không thấy.Mệt mõi và thất vọng,tôi trở về khách sạn,vẫn bị săn đuổi bởi những khuôn mặt mà ảo giác hay hồi niệm khuấy động trong tôi.  
...Chuyến xe lửa của tôi khởi hành lúc 9 giờ đêm.Tôi miễn cưỡng rời thành phố.Người khuân vác tới mang hành lý của tôi,và anh ta đi trước tôi,chúng tôi đi về phía nhà ga.Bỗng nhiên, đến một đoạn đường rẽ,tôi cảm thấy có cái gì nhói lên trong lòng:tôi nhận ra con đường ngang dẫn đến căn nhà đó:tôi bảo người mang hành lý chờ tôi.Người này lúc đầu còn ngạc nhiên,sau đó anh ta cười với một vẻ thân thiện xấc xược—tôi đi để nhìn lại lần cuối cùng con đường nơi đã xảy ra câu chuyện lạ lùng nọ.  
Căn nhà kia rồi,trong bóng tối ảm đạm như hôm qua và dưới ánh trăng mờ,tôi thấy lấp lánh những ô cửa kính.Tôi muốn lại gần lần cuối cùng thì vừa lúc một bóng người lướt ra ngoài  bóng tối.Tôi rùng mình nhận ra người đàn ông nép bên ngưỡng cửa và ra hiệu cho tôi tiến lên.Nhưng chợt tôi rùng mình và tôi trốn chạy thật nhanh vì hèn nhát sợ mình bị dính líu vào một chuyện rắc rối nào đó và lỡ mất chuyến tàu .  
  
Tuy vậy, đi đến một góc phố,trước khi rẽ ngoặt,tôi còn nhìn lại phía sau một lần nữa.Khi cái nhìn của tôi bắt gặp người đàn ông,anh ta bật dậy,tôi thấy anh ta vội vã nhảy bổ vào cánh cửa và xô cửa đột ngột . Giữa lúc ấy, một ánh kim loại lóe lên trong tay anh ta; từ chỗ tôi đứng,tôi không thể phân biệt đó là anh đồng bạc hay ánh con dao,dưới ánh trăng,lóe lên một cách nham hiểm giữa những ngón tay.

**Stefan Zweig**

Tuyển tập truyện ngắn Stefan Zweig

Dịch giả : PHÙNG ĐỆ - LÊ THI

**MENĐEN, NGƯỜI BÁN SÁCH CŨ**

NGÕ HẺM DƯỚI ÁNH TRĂNG

Sau một cuộc viếng thăm vùng ngoại ô trở về Viên, tôi bất chợt gặp một trận mưa rào. Để tránh làn mưa như roi quất, khách qua đường dạt vào trú dưới các vòm cửa và các mái hiên. Tôi cũng phải tìm chỗ trú. May sao, ở Viên, góc phố nào cũng có một tiệm cà phê đón khách. Thế là, mũ ròng ròng nước, hai vai ướt sũng, tôi vào luôn một tiệm ngoại ô rất là Viên này. Ở đây không có nhạc jazz như ở các tiệm cà phê dập theo kiểu Đức ở trung tâm thành phố. Loại tiệm này đầy khách bình dân mải mê ngốn báo chí hơn là bánh ngọt. Không khí trong tiệm nặng nề dưới những làn khói xanh nhạt vằn vèo như đường vân. Tuy nhiên, ở đây vẫn có vẻ sạch sẽ với những chiếc sôpha bọc nhung và quầy bán hàng bằng nhôm. Vội bước vào, tôi không kịp đọc tấm biển ngoài cửa tiệm. Mà đọc làm gì kia chứ ? – Tôi đã có nơi trú mưa. Nóng lòng sốt ruột tôi nhìn qua các tấm cửa kính bám đầy hơi nước, chờ cho cơn mưa rào tạnh hẳn.   
Chẳng biết làm gì, tôi đã bắt đầu thả mình theo cái biếng nhác êm dịu tỏa ra tại bất cứ tiệm cà phê thực sự nào của Viên. Tự nhiên, tôi đưa mắt nhìn mặt các khách hàng : trong bầu không khí ám khói này, mắt họ như bị quầng thâm một cách lạ lùng dưới ánh đèn. Tôi quan sát cô bán hàng ở quầy đang phân phát đường, thìa cho bồi bàn, cử chỉ như cái máy. Tôi mơ mơ màng màng đọc những quảng cáo dán kín trên tường và trạng thái đê mê đó khiến tôi có cảm giác khoan khoái.   
Đột nhiên, tôi choàng tỉnh cơn mơ một cách hết sức lạ kỳ. Một cảm xúc mơ hồ tràn vào tâm hồn tôi, giống như một cơn nhức răng dữ dội, đột ngột, khiến ta không rõ đích xác là đau ở bên má phải hay bên má trái. Tôi có một cảm giác rất khó tả bởi vì – mà điều này chính tôi cũng không rõ duyên do vì đâu – tôi vừa nhận ra tiệm này đối với tôi không phải là xa lạ. Một hồi niệm lờ mờ ràng buộc tôi với những bức tường này, những chiếc ghế này, những chiếc bàn này.   
Nhưng tôi càng cố gắng nắm bắt cái kỷ niệm mơ hồ đó thì nó lại càng vượt thoát khỏi tôi để mà đắm chìm trong vực sâu của tiềm thức như một chiếc kim mất hút dưới đáy nước. Tôi chăm chú nhìn mọi vật xung quanh, nhưng vô ích. Quả vậy, chưa bao giờ tôi trông thấy cái két bóng nhoáng kia trên quầy bán hàng, cũng chưa từng nhìn thấy lớp ván bọc tường nâu bằng gỗ tử đàn giả. Thế mà lạ thay ! Tôi đã tới đây 20 năm trước hoặc lâu hơn nữa. Một mẩu tâm hồn xa xưa của tôi còn đọng lại đâu đây, ẩn kín như một cây ghim trong khe ván sàn. Giác quan tôi ra sức lục lọi mọi vật xung quanh và lục lọi trong chính bản thân mình. Không sao tìm lại được cái kỷ niệm cũ đã vùi sâu tận đáy trái tim tôi.   
Điều đó khiến tôi khó chịu vì một lần nữa phải thừa nhận rằng trí nhớ của chúng ta vẫn chưa đủ tốt và chưa hoàn hảo. Nhưng dẫu sao tôi vẫn chưa từ bỏ hy vọng khôi phục lại được kỷ niệm ấy. Tôi biết lắm, chỉ cần nắm bắt được một sự kiện, dù là rất nhỏ nhặt, bởi vì trí nhớ của tôi thật lạ kỳ, nó vừa tốt lại vừa tồi, nó thất thường, nhưng lại hoàn toàn tin cậy được. Nó thường chôn vùi thật sâu kín những sự kiện quan trọng nhất, hoặc những khuôn mặt tôi đã quan sát kỹ mà chẳng chịu trả lại theo ý muốn của tôi. Thế nhưng, chỉ cần một sự gợi lại hết sức nhỏ, một tấm bưu ảnh, vài nét bút trên chiếc phong bì, hoặc một trang báo đã ố vàng, là lập tức những kỷ niệm xưa quẫy lộn dưới bề mặt của tiềm thức bí hiểm, như con cá bị kéo bởi sợi dây câu. Lúc đó, tôi nhớ lại từng đặc điểm của một người quen cũ, tôi nhìn thấy lại cái miệng người đó, những chỗ răng sứt, tôi nghe thấy tiếng cười vang động, tôi nhìn thấy vẻ mặt vui tươi của anh ta. Tất cả đều hiện ra trước mặt tôi, hoàn toàn rõ nét và tôi nhớ lại được từng lời nhân vật đó đã nói với tôi. Muốn nhớ lại quá khứ bao giờ tôi cũng cần một sự kích thích giác quan, một sự việc cụ thể nhỏ xíu.   
Tôi nhắm mắt lại để hồi tưởng rõ hơn, để thả chiếc lưỡi câu thần kỳ đó. Chẳng ăn thua gì hết. Vẫn là quên lãng, vẫn bị chôn vùi. Tôi nổi giận với bộ máy kém cỏi nằm giữa hai thái dương, những muốn đập vào trán mình như người ta lắc một cách phũ phàng chiếc máy phân phối tự động khi nó không đưa lại cho ta thứ ta cần lấy.   
Không sao ngồi lâu hơn nữa. Tôi đứng lên để cử động đôi chút.   
Thật lạ kỳ ! Tôi vừa bước vài bước trong căn phòng thì một tia sáng chiều tà lóe lên trong tôi. Bên cạnh quầy – tôi nhớ ra rồi – là một cánh cửa dẫn vào gian buồng không cửa sổ, được chiếu bằng ánh sáng nhân tạo. Quả thật gian phòng cách biệt đó kia rồi, một phòng giải trí. Giấy bồi tường đã thay đổi, nhưng mọi kích thước vẫn như xưa. Theo bản năng, tôi tìm đồ đạc trong phòng. Các dây thần kinh trong tôi rung lên vui sướng, tôi cảm thấy sắp nhớ ra hết rồi. Hai bàn bi-a phủ những tấm thảm xanh lục như mặt nước ao tù. Tại các góc phòng trước kia, những ngài tham sự hoặc các vị giáo sư vẫn đến ngồi vào bàn và đánh cờ. Ngay gần lò sưởi, lối ra vào buồng điện thoại, có một chiếc bàn vuông. Thế là, như một làn chớp xuyên thấu toàn thân tôi, luồng ánh sáng toàn vẹn bừng lên trong tôi, nóng bỏng và làm tôi tỉnh táo. Trời ơi ! Phải rồi, đây chính là chỗ của Menđen, của người bán sách cũ Giacốp Menđen. Vậy là sau 20 năm, không ngờ tôi lại bước vào tổng hành dinh của ông : quán cà phê Gơlúc phố Ansec. Giacốp Menđen ! Làm sao tôi lại đã có thể quên được ông, con người phi thường đó, một hiện tượng, nhà học giả, nhà phù thủy, người bán sách cũ đầy sức cám dỗ đó, con người ngày nào cũng như ngày nào, đã ngồi suốt từ sáng đến tối ở chiếc bàn này, và đã làm vinh hạnh cho quán cà phê Gơlúc, làm cho nó nổi tiếng !   
Lần thứ hai tôi nhắm mắt lại để hình dung và lập tức nhìn rõ ông ta trên màn ảnh màu hồng của mí mắt tôi. Ông ta hiện ra trước mặt tôi bằng xương bằng thịt, ở chiếc bàn đá hoa chất đầy sách và giấy tờ. Ông ngồi đó, bất động như một tảng đá, mắt đeo kính nhìn đăm đăm vào một cuốn sách. Vừa đọc sách, ông vừa lẩm nhẩm, thỉnh thoảng lại đung đưa cả thân mình lẫn chiếc đầu hói, cái thói quen ông có từ hồi học ở các trường Do Thái. Chính ở chiếc bàn này và chỉ ở nơi đây ông đã đọc các thư mục và sách của mình. Ông khe khẽ hát và nhẹ nhàng lắc lư trong bộ áo thầy tu, theo kiểu người Do Thái đọc kinh Tanmút. Bởi vì những tín đồ Itxraen biết rằng khi thân mình đu đưa nhẹ nhàng, tâm trí người ta như đứa trẻ trong nôi sẽ được buông thả hơn trong trạng thái xuất thần huyền bí. Giacốp Menđen không nhìn thấy và không nghe thấy gì xảy ra quanh ông. Người ta chơi bi-a, những người đánh dấu đi qua đi lại, chuông điện thoại réo, có người lau sàn hoặc chất thêm củi vào lò. Tất cả những chuyện đó, ông đều không để ý. Một hôm, có hòn than hồng trong lò sưởi rơi xuống làm ván sàn bốc cháy ngay bên cạnh ông. Một khách hàng chạy tới dập tắt ngọn lửa mới bén. Khói trùm lấy quanh ông, vậy mà Giacốp Menđen vẫn không hay biết gì.   
Ông đọc sách như người ta cầu nguyện, như những con bạc đang mải mê ván bài hoặc như người say đang theo đuổi một ý nghĩ cố định. Tôi đã thấy ông đọc sách, tập trung tư tưởng hoàn toàn đến nỗi từ đó tôi có cảm giác rằng cách đọc sách của những người khác đều nông cạn và phàm tục. Có điều chắc chắn rằng người bán sách thảm hại xứ Galixi, Giacốp Menđen đã mở mắt cho một sinh viên trẻ tuổi như tôi thấy thế nào là tập trung tinh thần tuyệt đối, chỉ có ở người nghệ sĩ hay nhà bác học, ở người thông thái hay kẻ điên rồ, cái hạnh phúc hoặc nỗi bất hạnh huyền bí, khiến con người thực sự trở thành kẻ bị ám ảnh.   
Tôi quen ông nhờ những người bạn lớn tuổi và hơn tôi một chút. Thời kỳ ấy tôi đang nghiên cứu về về Metsme, người thầy thuốc và nhà thôi miên thuộc trường phái Paraxenxơ. Tôi tìm kiếm tài liệu rất vất vả. Những công trình nghiên cứu của các nhà chuyên môn thiếu rất nhiều. Khi tôi hỏi người giữ thư viện với thái độ tin tưởng ngây thơ, ông ta sẵng giọng trả lời rằng việc chỉ dẫn thư tịch không phải là nhiệm vụ của ông ta. Lúc đó, lần đầu tiên tôi được nghe người bạn tôi nhắc đến tên Menđen :   
- Mình sẽ dẫn cậu đến nhà ông ta – anh bạn bảo tôi. Ông ta biết hết và sẽ kiếm cho cậu đủ hết. Ông ta sẽ tìm cho cậu cuốn sách khó tìm nhất trong cửa hàng của người cuối cùng trong số những người bán sách cũ. Trong lĩnh vực này, ông ta là người rành nhất thành Viên. Một con người độc đáo, đại diện cuối cùng của loại người bán sách cũ thời thái cổ.   
Chúng tôi cùng đi tới quán cà phê Gơlúc. Menđen mặc đồ đen, mũi đeo kính, râu ria xồm xoàm lâu ngày không cạo, ngồi trong góc phòng, vừa đọc vừa lắc lư toàn thân như bụi cây trước gió. Chúng tôi lại gần. Ông ta không để ý thấy. Ông vẫn ngồi, nửa thân trên vẫn lắc lư như chiếc chuông. Phía sau ông, chiếc áo choàng đen, treo trên mắc rung rinh theo nhịp cử động, túi áo nhét đầy những tấm phích và tạp chí, anh bạn tôi đằng hắng để báo hiệu sự có mặt của bọn tôi. Nhưng Menđen vẫn chúi mũi vào đống sách không nghe thấy gì. Cuối cùng, anh bạn tôi gõ xuống mặt bàn hệt như người ta gõ cửa. Lúc ấy Menđen ngẩng lên và máy móc đẩy cặp kính thô kệch gọng thép lên vầng trán.   
Dưới cặp lông mày rậm lốm đốm bạc, hai con mắt ngạc nhiên nhìn chằm chằm vào chúng tôi, cặp mắt nhỏ sắc sảo, linh lợi và nhọn hoắt như lưỡi rắn. Anh bạn giới thiệu tôi với ông ta. Tôi trình bày mục đích cuộc viếng thăm của tôi, không quên tỏ vẻ bực bội với viên thủ thư đã không chịu chỉ dẫn cho tôi. Anh bạn tôi đã dặn đi dặn lại tôi làm cái mẹo đó khá chi tiết. Menđen tựa vào lưng ghế. Ông phá ra cười và trả lời tôi với cái giọng nói và tiếng lóng của người Do Thái xứ Galixi :   
- Hắn không chịu à ? Đừng nói vậy ! Cứ nói rằng hắn không làm nổi thì đúng hơn. Đó chỉ là một con lừa đẹp mã. Tôi biết rõ hắn ta, chu cha, có dễ đến hơn hai mươi năm nay. Suốt trong thời gian đó hắn không học thêm được cái gì. Điều duy nhất mà các ngài ấy biết làm là đút tiền lương vào túi ! Cứ cho bọn họ tính đi đẩy xe cút kít còn có ích hơn là để họ lo chuyện sách vở.   
Nhờ cách vào đề câu chuyện mạnh bạo như thế, chúng tôi lập tức trở nên thân tình. Ông nhã nhặn ra hiệu mời tôi ngồi. Tôi ngồi vào cái bàn chi chít những dòng ghi chép nguệch ngoạc, ngồi trước bàn thờ huyền bí của những mật khải thư mục.   
Tôi liền trình bày với ông những ước vọng của tôi là tìm những sách cũ nói về thôi miên cũng như những tác phẩm mới nhất và những bài phê bình ủng hộ hoặc công kích Metsme.   
Tôi vừa dứt lời, Menđen nheo mắt trái như người đang ngắm bắn. Thái độ tập trung đó chỉ trong giây lát. Liền ngay sau đó như đọc một bản mục lục vô hình theo trí nhớ, ông nêu tên đến hai hoặc ba tá tác phẩm, kể rành rọt tên tác giả, ngày tháng ấn hành cũng như giá cả ước chừng từng cuốn.   
Tôi ngẩn người ra. Quả thật là tôi đã được báo cho biết từ trước, nhưng tôi đâu có ngờ sự thể lại diễn ra như vậy. Sự ngạc nhiên của tôi khiến ông ta thú vị. Lập tức, ông bắt đầu bấm trên phím đàn trí nhớ của ông những câu trích dẫn kỳ lạ nhất thuộc đề tài được hỏi đến. Ông hỏi tôi có muốn tìm hiểu cả về bệnh mộng du, về những bước khởi đầu của thôi miên, về Gaxne, về thuật trừ tà, về khoa học cơ đốc và về bà Blavatxki hay không ?   
Thế là một loạt tên người và tên tác phẩm lại tuôn ra từ miệng ông rào rào như mưa đá. Chỉ đến bây giờ, tôi mới hiểu được cái hiện tượng độc nhất của trí nhớ kỳ tài đó. Giacốp Menđen là một bộ bách khoa toàn thư biết nói, một thư mục biết đi. Tôi ngây người thán phục con người phi thường đó trong bộ áo thầy tu nhờn mồ hôi của người bán sách cũ bình dị xứ Galixi. Ông vừa kể ra – như một tràng súng liên thanh - chừng tám mươi tên tác phẩm. Và bây giờ, thản nhiên như không, nhưng hài lòng vì đã mách bảo những điều gì mình biết được, ông lặng lẽ lau kính bằng chiếc khăn tay, trước kia có lẽ màu trắng.   
Để giấu nỗi ngạc nhiên của mình, tôi hỏi ông rằng trong số những tác phẩm đó, ông có thể tìm giúp tôi những cuốn nào.   
- Hừm ! Để còn xem, - ông lẩm bẩm. – Ngày mai ông trở lại đây : Menđen này chắc sẽ tìm cho ông được ít nhiều. Nơi này không có ta sẽ tìm nơi khác. Kẻ nào thính nhậy là kẻ đó có cơ tìm được.   
Tôi rất lễ phép cảm ơn ông, nhưng lại phạm phải một vụng về khá nặng : tôi khẩn khoản xin ông ghi lại tên những tác phẩm tôi muốn tìm. Anh bạn huých khuỷu tay vào tôi, chậm quá rồi ! Menđen đã ném ngay cho tôi một cái nhìn vừa đắc ý, vừa bực bội và mỉa mai, đầy vẻ bề trên, một cái nhìn oai vệ thực sự. Chắc là Macbet đã nhìn Macđup như thế khi Macđup khuyên ông ta hạ vũ khí đầu hàng. Ông cười gần như thể cố nuốt nhịn một câu nói thô tục mắc trong cái yết hầu nhô cao của ông. Kể ra ông có quyền trút lên đầu tôi tất cả những gì thô tục nhất, cái ông Menđen tốt bụng và ngay thẳng đó. Chỉ có người lạ, một người không biết ông mới đi yêu cầu ông ghi tên một cuốn sách, theo kiểu những người tập sự bán sách hay những nhân viên thư viện. Không cần ! Cái bộ óc vô song đó, bộ óc trong suốt như kim cương có bao giờ cần làm như vậy !   
Mãi sau này tôi mới hiểu rằng tôi đã làm một việc xúc phạm thiên tài hiếm hoi đó đến mức nào.   
Thực thế, con người Do Thái bé nhỏ xứ Galixi, vừa còi cọc, xấu xí lại cục cằn đó, có một trí nhớ hết sức phi thường. Đằng sau vầng trán rêu mốc và bẩn thỉu đó, một bàn tay mầu nhiệm vô hình đã khắc lên, như người ta khắc lên kim loại, hằng hà sa số tên sách. Về mỗi tác phẩm mới hoặc cũ, ông đều có thể không ngập ngừng đọc ngay tên tác giả cùng nơi xuất bản, giá bán sách mới hoặc giá cũ. Ông nhớ một cách rõ ràng kỳ lạ những bức tranh minh họa và những bản chụp lại. Về tất cả những cuốn sách, kể cả những cuốn ông mới chỉ thấy trong các cửa hàng, ông đều có cái nhìn sắc nét như nhà nghệ sĩ, bằng cái nhìn nội tâm, hình dung tác phẩm mình sắp sáng tác, chẳng hạn khi một cuốn sách được bán với giá 6 mác trong thư mục của người bán hàng ở Ratixbon, ông liền nhớ ngay một bản khác của cùng một tác phẩm đó đã đem bán đấu giá ở Viên 2 năm trước, với giá 4 cuaron và ông biết cả tên người đã mua. Thực ra Giacốp Menđen chưa bao giờ quên tên một cuốn sách hoặc con số ngày tháng. Ông biết từng ngôi sao, từng cái cây, từng con thảo trùng trong cái vũ trụ luôn chuyển vần và biến đổi của thư tịch học. Ông còn biết nhiều hơn tất cả những nhà chuyên môn. Ông biết kỹ các thư viện hơn cả những người cai quản thư viện, ông biết rõ những kho sách của các hãng buôn sách hơn cả chủ nhân những kho hàng đó, mặc dù họ nắm giữ đầy đủ mục lục và phiếu thẻ. Vậy mà ông không dùng cái gì khác ngoài pháp thuật vô song của ký ức. Trí nhớ kỳ diệu của ông được xây đắp và củng cố vững chắc chỉ là nhờ cái bí quyết vĩnh cữu của bất kỳ sự hoàn thiện nào : sự tập trung tư tưởng.   
Nhưng ngoài những cuốn sách, con người kỳ lạ đó bỡ ngỡ với mọi sự đời. Mọi sự trên đời đối với ông chỉ là có thực từ khi nó được thể hiện thành chữ in, được tập hợp và bảo tồn trên những trang sách. Nhưng về những cuốn sách đó, ông không xem kỹ nội dung. Duy có tên sách, tên tác giả, tên nhà xuất bản, giá tiền sách là có sức cuốn hút ông không sao cưỡng nổi. Cái trí nhớ chuyên biệt của Giacốp Menđen hoàn toàn không sinh lợi, nó chỉ là một bảng liệt kê vô tận những tên sách, tên người, in hằn vào phần mềm của bộ não, chẳng khác gì in hằn trên trang thư mục. Nhưng xét về sự hoàn thiện có một không hai đó, trí nhớ ấy có thể sánh ngang với tài nhớ của Napôlêông về diện mạo, tài nhớ của Mêdôphăngti về ngôn ngữ, tài nhớ của Laskê về nước cờ, tài nhớ của Budôni về âm nhạc. Đặt ông vào một trong những kho tàng công cộng, cái gọi là thư viện, bộ óc của ông sẽ chỉ dẫn và làm cho hàng ngàn sinh viên và các nhà bác học phải kinh ngạc và đem lại cho khoa học những ích lợi vô giá. Nhưng giới thượng lưu lại không thể dung nạp được người bán sách cũ nghèo nàn vô học, khá lắm, cũng chỉ được học kinh Tanmút là cùng. Bởi vậy cái tài năng kỳ quái đó chỉ được âm thầm biểu lộ trước chiếc bàn bí hiểm của tiệm cà phê Gơlúc. Nếu một ngày kia có nhà nghiên cứu lớn về tâm lý học phân định và xếp loại những hình thức chủng loại và sắc thái khác nhau của trí nhớ - như Búpphông đã làm với súc vật – thì ông ta phải nhớ đến Giacốp Menđen, bậc thầy thiên tài và vô danh của thư tịch học.   
Về danh nghĩa công khai và dưới con mắt những người không am tường, Giacốp Menđen chỉ là một người bán sách cũ nhỏ mọn. Mỗi chủ nhật trên tờ “ Báo mới tự do “ và tờ “ Tạp chí Viên “ có đăng mấy dòng cáo thị viết theo công thức như sau : “ Tôi muốn mua sách cũ, đến lấy tận nhà, trả giá cao, Menđen, phố Anxec “ số điện thoại kèm theo cáo thị đó là số điện thoại của tiệm cà phê Gơlúc. Menđen lục lọi tất cả các kho sách. Hàng tuần được người phu khuân vác có chòm ria mép giúp sức, ông chất chiến lợi phẩm vào kho của ông. Thế rồi ông lại giải phóng kho nhanh vì không có môn bài. Chính vì vậy ông vẫn cứ là người bán sách cũ nghèo nàn : Sinh viên đem bán cho ông những giáo trình cũ. Nhờ ông làm trung gian, những cuốn sách đó lại chuyền qua tay những học sinh nhỏ hơn. Ngoài ra, Menđen còn nhận tìm mua lại cho họ bất cứ cuốn sách nào với một món hoa hồng ít ỏi. Người ta có thể trực tiếp nhờ ông chỉ dẫn mà chỉ phải trả công rất ít. Tiền không giữ vai trò gì trong cuộc sống của ông. Lúc này ông cũng vẫn mặc một bộ áo quần cũ sờn ấy. Buổi sáng, xế trưa và buổi tối, ông uống một tách sữa và ăn hai chiếc bánh nhỏ. Buổi trưa người ta mang đến cho ông từ hiệu ăn phía đối diện một bữa lót dạ nhẹ. Ông không hút thuốc, không chơi bời. Thậm chí có thể chê bài rằng sống như ông không phải là sống. Ở ông, cái thực sự sống chỉ có cặp mắt ở phía sau đôi tròng kính bầu dục, cặp mắt ấy không ngừng nuôi dưỡng bộ não huyền bí và phì nhiêu của ông bằng những từ ngữ, tên tác phẩm, tên người. Bộ não háo hức hút lấy dưỡng chất dồi dào đó chẳng khác gì một cánh đồng cỏ hứng lấy hàng triệu giọt nước mưa. Ông không để ý đến ai. Trong tất cả những đam mê của nhân loại, ông chỉ say mê có một điều, thứ say mê thực ra có tính người nhiều nhất, đó là tính tự phụ. Khi có người đến nhờ ông chỉ dẫn, sau khi đã mất công tìm kiếm khắp nơi không xong, mà ông lại chỉ dẫn được cho họ ngay thì ông hết sức hể hả. Có lẽ ông vẫn lấy làm tự hào rằng ở Viên và nhiều nơi khác, có đến vài ba tá các ngài có danh tiếng hâm mộ sự hiểu biết của ông và cậy nhờ đến nó. Phải nói rằng họ hoàn toàn tin tưởng tìm đến quán cà phê Gơlúc khi có vấn đề đặc biệt nan giải. Trẻ tuổi và hiếu kỳ, tôi thực sự háo hức mỗi khi được tham dự các buổi hỏi ý kiến đó.   
Khi người ta đưa cho Menđen một cuốn sách vào loại tầm thường, ông gấp sập lại và lẩm bẩm “ Cuốn này đáng hai cuaron “. Ngược lại, đứng trước một cuốn sách là ấn phẩm còn lại duy nhất hoặc hiếm có, ông trân trọng lùi lại phía sau và nâng niu đặt nó lên một trang giấy trắng. Ông có vẻ hổ thẹn ra mặt vì mấy ngón tay bẩn, dây mực của mình. Sau đó, ông lật giở từng trang cuốn sách quý với thái độ sùng kính thật sự. Không ai có thể quấy rầy ông giữa lúc này, cũng như không ai quấy rầy được một người ngoan đạo đang mải mê cầu nguyện. Cái cách ngắm nghía, sờ, ngửi, nâng nhấc cuốn sách có phần nào tương tự như những nghi thức thiêng liêng của một buổi lễ tôn giáo. Tấm lưng còng lắc lư, miệng thốt ra những tiếng lầm rầm và hai tay vuốt vuốt mớ tóc rậm rạp. Ông thốt lên những tiếng kêu lạ kỳ, lúc thì tiếng “ a ! “ kéo dài, biểu lộ sự ngưỡng mộ say sưa; lúc thì tiếng “ úi chao ! “ hoảng hốt khi thấy thiếu một trang hoặc một chỗ bị gián nhấm. Cuối cùng, ông cung kính nhấc cuốn sách cũ ấy lên. Đôi mắt lim dim, ông hít mạnh mùi cuốn sách, sung sướng như một thiếu nữ tình tứ thưởng ngoạn một bông hồng. Trong khi ông tiến hành thứ thủ tục hơi chậm chạp và phức tạp đó, tất nhiên chủ nhân cuốn sách phải kiên nhẫn đợi chờ. Nhưng sau cuộc sát hạch kỹ lưỡng, Menđen liền chỉ bảo cho chủ nhân một cách hết sức vui vẻ và có thể nói là hào hứng. Ông không quên gắn vào đó những giai thoại lý thú và những chỉ dẫn có ích về giá bán những cuốn sách tương tự. Những lúc đó ông dường như trẻ ra, vui hẳn lên. Chỉ có một điều có thể làm ông bực tức : đôi khi một kẻ non nớt nào đó có lòng tốt muốn trả công giám định sách cho ông. Lúc đó, ông giật sững người, phật ý, giống như một người trông nom viện bảo tàng được một vị khách Hoa Kỳ biếu món tiền chè thuốc. Lật giở trang sách hiếm mang lại cho Menđen niềm hoan lạc có thể so sánh với niềm hoan lạc của gã đàn ông ve vuốt người tình. Những lúc đó là những đêm yêu đương lý tưởng của ông. Chỉ có sách chứ không phải tiền là có quyền lực với ông. Nhiều nhà sưu tập lớn, trong đó có vị sáng lập ra Đại học Pranhxơtông đã hoài công mời ông làm cố vấn hoặc làm mãi chủ, Giacốp Menđen luôn luôn từ chối. Ông không thấy ông ở đâu bằng quán cà phê Gơlúc. Vóc người nhỏ bé, gầy yếu, cằm lơ thơ một lớp lông tơ mềm mại, tóc xoăn tít, cách đây ba mươi ba năm ông rời tỉnh nhỏ của mình đến thành Viên với ý định học tập để trở thành giáo sĩ. Nhưng chẳng bao lâu ông đã nhanh chóng từ bỏ đức Giêbôva để phụng sự chủ thuyết đa thần giáo hấp dẫn của những cuốn sách. Lúc đó ông dọn tới quán cà phê Gơlúc, dần dần nơi đây trở thành phòng giấy, tổng hành dinh, trung tâm vũ trụ của ông. Cũng như nhà thiên văn quan sát vô vàn những vì sao qua cái lỗ nhỏ của kính viễn vọng, nghiên cứu quỹ đạo, vị trí của từng ngôi, ánh sáng khi bừng lên, lúc nhợt đi cũng chúng, Giacốp Menđen đeo kính ngồi bên chiếc bàn vuông, ngắm nghía qua đôi tròng kính một thế giới khác đang vận động và biến đổi, một thế giới cao hơn thế giới thực tế, thế giới sách vở.   
Cố nhiên Menđen được trọng vọng tại quán cà phê Gơlúc. Ngôi nhà này nổi tiếng là nhờ ở tòa giảng vô hình của người bán sách khiêm nhường hơn là vì nó mang tên nhà soạn nhạc thiên tài Crixtốp Vilibanđơ Gơlúc, người sáng tạo ra hai tác phẩm Anxestơ và Iphigiêni. Menđen là một bộ phận tài sản của quán cà phê cũng như chiếc quầy cũ kỹ bằng gỗ anh đào, cùng hai cái bàn bi-a vá víu và chiếc bình pha cà phê bằng đồng. Chiếc bàn của ông được chăm sóc như tòa chính điện. Cơ man nào là khách viếng thăm ông, và lần nào người ta cũng nhã nhặn mời họ dùng một món gì của tiệm, đến nỗi có thể nói rằng tiền lời thực tế do công việc của ông đem lại đã lọt vào cái túi bằng da của viên tửu bảo. Bù lại, Menđen cũng được ưu đãi đôi chút. Ông được dùng điện thoại không phải trả tiền, người ta nhận thư từ giao dịch cho ông và ông có nhờ việc gì họ cũng làm giúp. Bà lao công già tốt bụng vẫn thường chải măng tô, đơm lại cúc áo cho ông và hàng tuần bà ta đưa áo quần của ông ra tiệm giặt. Chỉ riêng ông là có quyền gọi đem đến cho mình bữa ăn mua ở tiệm ăn kề bên. Và tuần nào Xtănghacnơ - người chủ quán cà phê cũng thân chinh đến tận bàn để chào hỏi ông. Nhưng Menđen mê mải đọc sách, ít khi đáp chuyện.   
Cứ đúng tám giờ rưỡi, ông tới tiệm cà phê và buổi tối khi tắt đèn ông mới ra về. Không bao giờ ông bắt chuyện với khách hàng. Ông không hề đọc một tờ báo nào và không để ý đến bất cứ sự thay đổi nào xung quanh. Một hôm, ông Xtănghacnơ nhã nhặn hỏi ông rằng bây giờ những chiếc bóng điện thay cho những chiếc đèn hơi Auơ ánh sáng chập chờn thì ông đọc sách có tốt hơn không ? Ông ngơ ngác ngẩng đầu lên. Mặc dầu việc thay đổi hệ thống đèn diễn ra ồn ào tấp nập trong mấy ngày mà ông chẳng hay biết gì hết. Đôi tròng kính long lanh của ông hút những chữ in vào não ông như cuốn hút hàng tỉ con trích trùng. Mọi việc khác trên thế gian này không mảy may gây ra cho ông một cảm xúc gì. Cứ như vậy, suốt ba mươi năm, tại chiếc bàn này ông không ngừng đọc sách, đối chiếu, kết hợp, cách biệt với thế giới như trong một giấc mộng triền miên.

\*   
\* \*

Chính vì vậy, tôi cảm thấy như có luồng điện nhẹ truyền khắp người khi nhìn thấy, lóe lên trong ánh tranh tối tranh sáng, chiếc bàn đá hoa của Giacốp Menđen trần trụi như một tấm bia mộ. Chỉ đến bây giờ, khi đã đứng tuổi hơn, tôi mới hiểu được ý nghĩa của sự mất đi một con người như vậy. Trước hết, bởi vì những hiện tượng thuộc loại như thế này càng ngày càng hiếm hoi trong cái thế giới ngày càng được chuẩn hóa của chúng ta. Mặt khác, bởi vì ngay từ hồi còn trẻ măng, với bản năng tự nhiên, tôi đã mến yêu con người độc đáo đó. Tôi đã linh cảm thấy ở ông một bí ẩn lớn : tất cả mọi sáng tạo kỳ lạ và mãnh liệt của chúng ta đều là kết quả của một sự tập trung tư tưởng, của một chứng thác cuồng cao cả gần với bệnh điên. Còn hơn cả các thi nhân đương thời, người bán sách cũ tầm thường vô danh đó, bằng tấm gương của ông, đã chứng tỏ cho tôi thấy một cuộc sống tinh thần thuần khiết, sự tôn sùng một ý tưởng độc nhất, sự nhập tĩnh sâu xa ngang với một nhà Yôga Ấn Độ hay một thầy tu thời trung cổ, vẫn có thể có thực trong thời đại chúng ta, ngay cả ở bên một buồng điện thoại và dưới những chùm đèn chói lòa của một tiệm cà phê.   
Làm sao tôi lại đã quên được Giacốp Menđen ? Đành rằng chiến tranh nổ ra và tôi cũng say mê như ông ta, đã vùi đầu vào những công trình của bản thân. Bây giờ nghĩ đến ông, tôi vẫn cảm thấy chút ít ngượng ngùng, đồng thời với một lòng tò mò mãnh liệt.   
Ông ta đã ra sao ? Bấy nay ông ở đâu ? Tôi gọi bồi bàn và hỏi. Anh ta tỏ ý rất tiếc và cả quyết rằng chưa hề biết ông Menđen và cũng chưa ai có tên như vậy thường lui tới quán. Ngẫm nghĩ một lát, anh ta hỏi tôi có phải tình cờ tôi muốn nhắc đến ông Măngđơ, chủ một hiệu tạp hóa ở phố Xanhphơrôrian hay không ? Tôi bặm môi, cay đắng nghĩ đến cái hư ảo của mọi kiếp người. Sống để làm gì nếu gió cuốn đi mọi dấu vết của bước chân ta ? Trên ba mươi năm trời, một con người đã thở, đọc, suy tư, nói năng trong mấy mét vuông này; thế rồi một Pharaông mới lên ngôi, và chỉ cần ba hoặc bốn năm là người ta không còn nhớ đến Giacốp nữa. Tại tiệm cà phê Gơlúc, đến cái tên Giacốp Menđen mà người ta còn không biết tới ! Gần như nổi giận tôi hỏi người bồi bàn xem tôi có thể nói chuyện với ông Xtănghacnơ được không, hoặc là trong nhà còn người nào là nhân viên cũ của tiệm. Ông Xtănghacnơ đã bán lại tiệm cà phê từ lâu và đã chết. Còn viên quản lý cũ thì đã lui về ở một dinh cơ nhỏ gần Cơrem. Không còn ai để tôi có thể hỏi chuyện được. Tuy nhiên, có... bà Xpoocsin vẫn còn đấy, bà lao công làm công việc cọ rửa các buồng vệ sinh... mà người ta vẫn thường gọi là bà Sôcôla. Nhưng chắc là bà ta không nhớ được hết các khách hàng cũ.   
Tôi lại tự nhủ ngay rằng không ai có thể quên nổi một người như Giacốp Menđen và tôi nhờ gọi bà ta đến.   
Mớ tóc bạc rối bù, hai bàn tay đỏ và ướt, bà Xpoocsin nặng nhọc bước ra khỏi căn nhà ở dưới tầng hầm. Có lẽ bà vừa cọ sàn hoặc lau sàn cửa sổ. Bà ta cảm thấy choáng ngợp dưới ánh đèn chói lòa của tiệm cà phê. Dân chúng thành Viên nghĩ ngay đến cảnh sát mật vụ mỗi khi có người gọi họ ra để hỏi. Bởi vậy, lúc đầu, bà còn ngờ vực nhìn tôi bằng cặp mắt dè chừng và thâm hiểm. Bà ta không chờ đợi điều gì tốt lành. Nhưng khi tôi vừa hỏi thăm về Giacốp Menđen thì bà đứng thẳng lên và nhìn tôi bằng ánh mắt tươi sáng vì cái tên đó đã gợi lại cho bà những kỷ niệm xưa.   
Trời ơi ! Ông Menđen tội nghiệp !   
Còn có người nghĩ đến ông ấy ư ! Bà ta gần như khóc vì xúc động, như khi những người già nhớ lại thời son trẻ của mình.   
Tôi hỏi bà ông ta còn sống không.   
- Trời ơi, tội nghiệp ông Menđen ! Ông ấy chết từ năm, sáu hoặc bảy năm nay rồi ! Người đâu mà tử tế đến thế. Ờ, mà tôi quen biết ông ấy đã từ lâu lắm rồi – có dễ đến trên 25 năm nay – khi tôi vào làm ở nhà này thì ông ấy đã ở đây rồi.   
Mỗi lúc bà càng náo nức hơn và hỏi tôi có phải là người bà con của ông ta không. Chẳng có ai hỏi thăm ông ta cả. Ông có biết ông ta chết như thế nào không – bà hỏi tôi.   
- Không, tôi không biết gì hết – tôi đoán chắc với bà ta và xin bà ta hãy kể hết cho tôi nghe.   
Người đàn bà tốt bụng, rụt rè và lúng túng chùi hai bàn tay ướt vào tấm tạp dề bẩn. Tôi hiểu rằng bà ta không cảm thấy thoải mái trong tiệm cà phê. Thỉnh thoảng, bà quay lại nhìn xem có tên bồi bàn nào để ý nghe bà nói không.   
Tôi mời bà cùng đi với tôi vào căn phòng giải trí chỗ Menđen ngồi trước kia. Bà nhận lời, tỏ vẻ biết ơn và đi trước, chân bước đã hơi lập cập. Hai người bồi bàn ngạc nhiên nhìn theo, mấy vị khách quen cũng sửng sốt khi thấy một đôi không tương xứng đến như vậy.   
Và khi chúng tôi đã ngồi vào bên chiếc bàn của ông Menđen, bà lão kể lại cho tôi nghe cái kết thúc buồn thảm của Giacốp Menđen, người bán sách cũ (về sau này nhiều nguồn tin khác bổ sung thêm cho câu chuyện của bà) : “ Hồi đầu chiến tranh, bà lão kể với tôi, hàng ngày vào tám giờ rưỡi sáng, ông vẫn còn đến đây, ông ngồi vào bàn này như thường lệ và mê mải nghiên cứu suốt cả ngày. Người ta có cảm giác là ông không hề biết đến những gì đang xảy ra. Chẳng bao giờ ông rờ đến tờ báo và không hề nói chuyện với ai. Ngay cả khi trẻ bán báo lớn tiếng rao những số báo đặc biệt, ông cũng không quan tâm. Ông không để ý đến sự vắng mặt của Phrandơ, nhân viên đánh dấu, anh ta đã hy sinh ở gần Gooclixơ, ông không biết con trai của Xtănghacnơ đã bị bắt giam ở Zơmít. Không bao giờ ông phàn nàn một chút gì về chuyện bánh mì mỗi ngày một tồi tệ và về việc người ta đem cho ông thứ nước uống kinh tởm bằng quả vả thay vì cà phê sữa. Chỉ có mỗi một lần, một lần duy nhất, ông tỏ vẻ ngạc nhiên khi thấy con số sinh viên đến đây quá ít, có thế thôi ! Trời ! Con người tội nghiệp, ông ta chẳng thiết gì ngoài sách vở.   
“ Nhưng rồi một ngày tai họa đã xảy đến. Vào lúc mười một giờ sáng, một viên sen đầm và một nhân viên sở mật thám bước vào hỏi có tên nào là Giacốp Menđen hay lui tới quán cà phê. Người ta dẫn họ đến trước bàn người bán sách cũ. Ông ngây thơ tưởng họ muốn bán sách cho ông hoặc muốn xin ông một lời chỉ dẫn. Nhưng lập tức họ ra lệnh buộc ông phải đứng lên và đi theo họ.   
“ Đó là điều xấu hổ cho tiệm cà phê : tất cả các vị khách quen xúm quanh ông Menđen tội nghiệp. Ông nâng cặp kính lên trán và sửng sốt nhìn tên sen đầm, không hiểu họ muốn gì. Còn về phần bà ta, bà ta đã nói với tên sen đầm là chắc chắn có chuyện nhầm lẫn, một con người chân thực như ông Menđen không thể làm điều gì xấu, ngay cả làm hại một con ruồi. Nhưng tên nhân viên sở mật thám quát bà ta đừng có xen vào chuyện này. Thế rồi họ lôi ông đi. Khoảng chừng hai năm không ai gặp lại ông ta nữa. Cho đến lúc này, thật ra bà ta cũng không biết rõ người ta buộc cho ông tội gì.   
- “ Nhưng tôi xin thề - bà già tốt bụng nói – ông Menđen không có làm điều gì xấu. Tôi dám đoán chắc rằng các nhân viên cảnh sát lầm. Họ phải tội vì đã bắt một người vô tội ! “   
Bà già tốt bụng Xpoocsin nói đúng. Giacốp Menđen, bản chất ngay thực, không hề phạm một tội ác nào, mà chỉ mắc phải sự dại dột kỳ lạ trong thời kỳ nhiễu nhương đó, sự dại dột của ông duyên do chỉ vì ông không hề hay biết gì về mọi việc đang diễn ra xung quanh. Sự thể như thế này :   
Tại phòng kiểm duyệt theo dõi việc trao đổi thư từ với các nước trung lập, một hôm người ta vớ được một tấm bưu thiếp do một ông Giacốp Menđen nào đó viết và ký tên. Một chuyện không thể tưởng tượng nổi là nó lại gửi sang một nước thù địch, tới hiệu sách Giăng Labuốcđe tại cảng Grơnen gần Pari. Người gửi bưu thiếp phàn nàn rằng đã không nhận được tám số cuối của tờ tập san thư tịch học nước Pháp, mặc dầu ông ta đã đặt tiền mua trước cả năm nay. Nhân viên phòng kiểm duyệt, nguyên là một giáo sư trung học, chuyên nghiên cứu về la tinh, không tin ở mắt mình khi đọc lướt tấm bưu thiếp đó. Một trò đùa dại dột, anh ta tự nhủ. Hàng tuần anh ta đọc khoảng hai ngàn bức thư để tìm ra dấu vết của sự liên lạc ám muội hay hoạt động tình báo, nhưng chưa bao giờ thấy xảy ra một điều phi lý như thế này : một người gửi lời chân thực từ Áo sang Pháp, điềm nhiên bỏ tấm bưu thiếp vào hòm thư gửi sang đất nước thù địch, cứ như là các đường biên giới không hề rào dày đặc dây thép gai và hàng ngày các quốc gia Pháp, Đức, Áo và Nga không tiêu diệt lẫn của nhau vài ngàn nhân mạng ! Thoạt đầu, anh ta để tấm bưu thiếp đó vào ngăn kéo coi như vật kỳ quặc không trình báo gì cả. Nhưng sau vài tuần lại có một bưu thiếp mới, lần này gửi theo địa chỉ người buôn đồ cổ Giôn Anđrigơ, Luânđôn, Hônboóc Xquarơ. Vẫn nhân vật kỳ lạ mang tên Giacốp Menđen ký cả tên và yêu cầu họ gửi cho ông ta những số mới nhất của tờ *Angtiquarian (1)*. Vị giáo sư lắc đầu cảm thấy bị gò bó trong bộ đồng phục : liệu chừng có ẩn ý gì ở đây không ? Anh ta đứng dậy lấy tư thế quân nhân trước viên thiếu tá và đặt lên bàn trước mặt ông ta hai tấm bưu thiếp. Ông này tỏ vẻ ngạc nhiên và lẩm bẩm : kỳ lạ, kỳ lạ thật ! Trước hết ông ta ra lệnh cho cảnh sát truy tìm xem có ai tên là Giacốp Menđen thật không. Một giờ sau Menđen bị bắt, bị dẫn tới trước viên thiếu tá, bước đi lảo đảo vì kinh ngạc. Viên sĩ quan chỉ cho ông những tấm thiếp bí ẩn và hỏi ông có nhận là đã viết hay không. Điên tiết vì giọng hỏi hách dịch và bực mình vì bị quấy rầy trong khi đang đọc một mục lục quan trọng, Menđen đáp với giọng gần như cục cằn :   
- Đương nhiên là người ta có quyền đòi hỏi những số báo đã đặt tiền từ trước.   
Viên thiếu tá quay về phía người sĩ quan ngồi bàn bên. Họ trao đổi với nhau một cái nhìn như muốn nói : nhân vật này hơi khùng. Viên thiếu tá đắn đo một lát xem có nên chỉ khiển trách rồi đuổi lão về hay phải coi đây là chuyện hệ trọng. Khi một viên chức chưa biết nên quyết định như thế nào thì trước hết anh ta lập biên bản. Một bản tường trình khi nào cũng tốt. Nếu không có ích lợi gì thì dẫu sao cũng không phạm lỗi sơ sót, đó chỉ là một tờ giấy lộn chất thêm vào những mớ giấy lộn khác mà thôi.   
Tuy nhiên, trong trường hợp này, điều đó gây ra tại hại cho một kẻ khốn khổ. Thoạt tiên người ta lục vấn họ tên : Giacốp, đúng hơn là Gianhkép Menđen. Nghề nghiệp : bán báo (ông ta không có môn bài cửa hàng bán sách, chỉ có giấy phép bán rong). Câu hỏi thứ ba đưa đến thảm họa.   
- Sinh quán của ông ở đâu ?   
Giacốp Menđen khai một xóm nhỏ gần Pêtricô. Viên thiếu tá cau mày. Phải chăng là trên đất Ba Lan thuộc Nga, gần ngay biên giới ? Coi chừng có điều ám muội ở đây. Bởi vậy, từ đó việc hỏi cung chặt chẽ hơn :   
- Ông được phép cư trú tại Áo từ bao giờ ?   
Menđen ngạc nhiên nhìn viên thiếu tá, tỏ vẻ không hiểu.   
- Giấy tờ của ông, khai sinh của ông ở chỗ quái quỷ nào ?   
Ông ta chỉ có tờ giấy phép bán hàng rong.   
Viên thiếu tá mỗi lúc một nghiêm nét mặt :   
- Rút cuộc, ông hãy vui lòng nói cho chúng tôi rõ ông thuộc quốc tịch nào. Bố đẻ ông là người Áo hay người Nga ?   
- Tất nhiên là người Nga.   
- Và bản thân ông ?   
- Tôi, tôi vượt biên giới đã 33 năm nay để tránh quân dịch. Từ đấy tôi sống ở Viên.   
Lấy làm lạ, viên thiếu tá hỏi lại :   
- Ông được cấp giấy phép cư trú từ khi nào ?   
- Tôi không bao giờ bận tâm về những chuyện đó, Menđen đáp.   
- Vậy thì ông vẫn còn là Kiều dân Nga ?   
Cuộc hỏi cung tẻ nhạt đó làm cho Menđen ngán ngẩm, ông lạnh lùng trả lời :   
- Vâng, tôi cho là như vậy.   
Viên thiếu tá ngả người lên chiếc ghế bành một cách đột ngột khiến chiếc ghế kêu răng rắc. Sao lại có chuyện như vậy được ? Năm 1915, sau Tacnốp, sau trận tổng công kích, một người Nga đi dạo chơi ở Viên, thủ đô nước Áo, hơn nữa lại giao dịch thư từ với Pháp, với Anh và cảnh sát không hề bận tâm gì đến hắn ! Và bộ tham mưu của chúng ta lại ngạc nhiên vì mỗi cuộc hành quân đều lập tức bị bọn gián điệp báo tin cho người Nga.   
Viên sĩ quan nhỏm dậy và đứng thẳng trước bàn :   
- Cớ sao ông không khai ngay rằng ông là người ngoại quốc ?   
Menđen không ngờ vực gì hết, trả lời bằng giọng Do Thái trọ trẹ :   
- Tại sao tôi lại phải tự khai kia chứ ?   
Câu hỏi lại ngây ngô đó chọc tức viên thiếu tá.   
Bằng giọng hăm dọa y hỏi ông có đọc các thông báo của chính quyền và có theo dõi báo chí hay không ?   
- Không.   
Hai viên chức sững sờ một lát như đứng trước một hiện tượng lạ kỳ. Menđen mất bình tĩnh dần. Những giọt mồ hôi lấm tấm trên trán ông...   
Chuông điện thoại réo, tiếng máy chữ kêu lách tách, các tùy phái chạy lăng xăng.   
Giacốp Menđen bị tống vào nhà giam của một đồn binh để chờ đoàn xe áp giải sắp tới đưa sang một trại tập trung. Khi người ta ra lệnh cho ông đi theo hai tên lính đến tìm ông, ông có vẻ nghi hoặc. Ông chưa biết đích xác họ muốn gì ở ông. Người đàn ông đeo cấp hiệu và giọng nói cứng rắn này có những ý đồ gì ? Trong thế giới sách vở Menđen vẫn sống, không hề có sự hiểu lầm, chẳng có chiến tranh, chỉ có một ham muốn duy nhất : đó là ngày càng biết nhiều hơn những từ ngữ, những mốc thời gian, những nhan đề và tên gọi. Ông lặng lẽ bước xuống cầu thang, hai bên có lính đi kèm. Tại trạm cảnh sát, người ta rút hết sách ở túi ông ra, tịch thu cuốn sổ tay có hàng trăm tờ phiếu và địa chỉ. Lúc đó ông giằng co dữ dội. Người ta phải trấn áp. Cặp kính của ông, chiếc viễn vọng thần kỳ đã giúp ông tiếp xúc với thế giới trí thức văng ra và vỡ tan tành. Hai ngày sau, người ta giải ông, trên mình chỉ có chiếc măng tô mỏng mùa hè, đến trại tập trung tù dân sự người Nga gần Kômoocnơ.   
Chúng tôi không hề biết gì về những nỗi đau khổ tinh thần Menđen phải chịu đựng trong suốt hai năm trời ở trại giam. Bị dứt ra khỏi thế giới sách vở, sống giữa đám người thất học dửng dưng với thế giới tinh thần, ông như con phượng hoàng bị chặt cánh. Trong tất cả những hành động tội ác của cuộc đại chiến, không có hành động nào điên rồ hơn, vô ích hơn và thậm chí vô luân hơn là hành động tập trung và chồng chất bên trong hàng rào dây thép gai những người dân thường ngoại quốc đã quá tuổi quân dịch từ lâu, trong lúc họ còn đầy lòng tin tưởng ở lòng hiếu khách (điều mà ngay cả người Tungút và người Arôcăng cũng coi là thiêng liêng) do đó họ đã không trốn chạy kịp thời. Hỡi ôi, tội ác phản văn minh đó đã diễn ra hệt như nhau ở Pháp, ở Đức, ở Anh, ở bất cứ chỗ nào trên đất châu Âu điên loạn khốn khổ của chúng ta.   
Cũng như biết bao nhiêu người vô tội khác trong cái chuồng nhốt người đó, Giacốp Menđen nhất định sẽ hóa điên hoặc sẽ chết một cách thảm hại vì bệnh kiết lỵ, vì kiệt sức hay tuyệt vọng, nếu không có một sự tình cờ thình lình trả ông về môi trường tự nhiên của ông.   
Nhiều lần từ ngày ông biệt tăm, có nhiều thư của các nhân vật quyền quý gửi tới địa chỉ của ông. Bá tước Sơnbéc, cựu thống đốc xứ Xtyri, nhà sưu tập say mê những tác phẩm về huy chương học; cựu khoa trưởng khoa nghiên cứu viện thần học, ngài Xiếcghenphen, chuyên chú giải về thành Oguttanh; ngài bắc đẩu bội tinh Pixếc, thủy sư đô đốc về hưu, 80 tuổi đã nhiều lần viết thư cho Giacốp Menđen gửi về quán cà phê Gơlúc. Một số thư đó được chuyển gửi tiếp tới trại tập trung cho Menđen. Tại đây những bức thư lọt vào mắt viên đại úy tốt bụng, ông này ngạc nhiên về việc tên Do Thái nhỏ bé, bẩn thỉu, mù lòa dở, ngồi xổm trong một xó, câm lặng và xám xịt như con chuột chũi lại quen biết những nhân vật quyền quý như vậy. Con người quen biết những nhân vật như thế không thể là người tầm thường. Vì vậy, viên chỉ huy cho phép Menđen trả lời những bức thư đó và thỉnh cầu những người che chở cho ông can thiệp giúp. Các vị này, với tình cố kết thiết tha của tất cả những nhà sưu tập, đã không chậm trễ, dùng hết mọi ảnh hưởng để giải quyết cho ông. Nhờ sự giúp đỡ của họ, sau hai năm bị cầm tù, Menđen được trở vào Viên vào năm 1917, với điều kiện là hàng ngày phải tới trình diện cảnh sát. Dẫu sao đi nữa ông lại được đi lại tự do, ngụ tại căn gác xép, qua lại trước những gian trưng bày sách và ngồi tại quán cà phê Gơlúc.   
Bà Xpoocsin được chứng kiến ngày trở về của Menđen. Bà kể lại với tôi một cách xác thực theo bà nhớ như sau :   
- Một hôm, Giêsu Maria lạy chúa tôi, tôi không tin vào mắt mình nữa, cửa mở và ngài có biết thế nào không : vừa đúng để ông ta lọt qua. Và kìa, ông ta rón rén bước vào, ông Menđen tội nghiệp. Ông mặc một chiếc áo khoác nhà binh cũ xơ xác và đầu đội cái gì hình thù như cái mũ. Không cổ cồn, không cà vạt, tóc bạc phơ, thân hình gầy đét, mặt hốc hác xanh xao như cái xác chết moi ở dưới đất lên. Trông thấy ông ấy mà thương hại. Ông bước vào như không có chuyện gì xảy ra, không nói không rằng, ông cởi áo khoác ngoài và ngồi vào chiếc bàn của ông. Nhưng mọi cử động của ông không nhẹ nhàng như trước kia, mà rất khó nhọc, như người hết hơi. Túi áo ông không còn ních đầy sách như xưa, ông chỉ ngồi im, cặp mắt trống rỗng và đầy quầng thâm, nhìn như đóng đinh xuống bàn. Dần dần, chỉ sau khi chúng tôi mang ra cho ông cả một bó giấy tờ từ Đức gửi tới, ông mới bắt đầu đọc. Nhưng ông không còn là ông ngày xưa nữa.   
Không, ông không còn là ông ngày xưa nữa. Ông không còn là vị pháp sư thần thông quản đại, một cuốn thư mục sống nữa. Tất cả mọi người gặp lại ông hồi ấy đều nhận thấy như vậy. Có vẻ gì rối loạn trong cái nhìn bình thản và vững tin xưa kia của ông. Hẳn là chòm sao chổi đẫm máu khủng khiếp trong khi chuyển vần điên loạn đã va vào cái thiên thể yên lành và đơn độc trong thế giới sách vở của ông. Cặp mắt ông từ bao năm ròng chỉ quen với chữ in chi chít như chân muỗi đã phải chứng kiến những điều kinh khủng trong chốn địa ngục rào dây thép gai. Mí mắt ông sụp xuống đè nặng lên cặp đồng tử xưa kia linh lợi và châm biếm bao nhiêu. Cặp mắt xưa kia sắc sảo là thế mà nay lim dim gà gật, mọng đỏ sau đôi kính chằng buộc bằng sợi chỉ. Đáng sợ hơn nữa là trong lâu kỳ đài trí nhớ kỳ diệu của ông, cây cột cái đã lún xuống và thế là tất cả đã sụp đổ. Bộ não của người ta thật nhạy bén, cái bộ máy tinh xác đó cấu tạo bởi một chất liệu mỏng manh đến nỗi một tĩnh mạch nhỏ bị tắc, một sợi thần kinh bị rão, một tế bào làm việc quá sức cũng đủ khiến cho trí tuệ cấu tạo hài hòa nhất phải câm lặng. Trong trí nhớ của Menđen, những phím đàn vô song của trí tuệ đã ngừng hoạt động. Thỉnh thoảng có người đến xin ông chỉ dẫn, ông ngơ ngác nhìn chằm chằm vào họ; ông không bắt nhậy ý kiến của họ nữa và mau quên những điều họ nói với ông.   
Menđen không còn là Menđen nữa, cũng như thế giới không còn như trước. Khi đọc sách ông không đung đưa thân mình trong trạng thái trầm tư khoan khoái nữa, mà ngồi bất động, đôi mục kính chiếu vào sách như cái máy. Không biết ông đọc sách thật hay đang mơ. Nhiều khi ông gục đầu trên trang sách. Ông ngủ thiếp giữa ban ngày. Đôi khi ông đăm đăm nhìn hàng giờ ngọn đèn đất đầy khói trên bàn, trong cái thời buổi người ta thiếu thốn đủ thứ. Không, Menđen không còn là Menđen nữa. Ông không còn là nhân vật thần kỳ nữa, chỉ còn là một mảnh khốn khổ của kiếp người vương lại trên chỗ ngồi. Ông không còn là vinh dự cho quán cà phê Gơlúc nữa. Ông chỉ còn là một kẻ quấy rầy, một kẻ ăn bám nhớp nhúa và đáng ghê tởm.   
Ít ra đó cũng là ý kiến của chủ tiệm mới, ông Gutnơ. Ông ta không thể chấp nhận việc người ta choán chỗ cả một chiếc bàn từ sáng đến tối mà chỉ dùng có hai bát sữa và bốn chiếc bánh nhỏ. Thế là ông ta tìm cách đẩy ông già Do Thái xứ Galixi đi cho nhanh. Dịp may chẳng mấy chốc đã đến. Menđen bị lâm vào cảnh cùng quẫn, số tiền dành dụm cuối cùng đã đi đời theo đà quay của *máy in tiền (2),* khách hàng của ông tản mát hết. Ông không còn hơi sức leo lên cái tầng lầu, qua hết cửa này sang cửa khác để mua sách nữa. Ông cạn hết mọi nguồn thu nhập. Điều đó lộ rõ qua mọi biểu hiện. Họa hoằn lắm ông mới ăn một bữa, có khi suốt cả ba tuần ông không trả nổi tiền sữa và bánh mì. Viên quản lý muốn đuổi ông ra cửa, nhưng bà Xpoocsin tử tế đã can thiệp và đối đáp hộ ông. Đã nhiều lần tên bồi bàn nhận thấy lần nào thanh toán hắn cũng bị hụt. Có những chiếc bánh nhỏ biến mất không được trả tiền. Hắn ngờ cho Menđen. Hắn rình ông và chẳng bao lâu hắn bắt được quả tang. Đứng nấp sau lò sưởi, hắn thấy Menđen đứng dậy, sang phòng bên nhón lấy hai chiếc bánh và nhai ngấu nghiến. Khi người ta đòi ông trả tiền hai chiếc bánh đó, ông lão khốn khổ quả quyết là ông không hề ăn. Điều bí mật đã sáng tỏ. Tên bồi mách với ông Gutnơ. Ông này mừng rỡ về khám phá đó, nhục mạ Menđen trước mặt mọi người, gọi ông là quân ăn cắp và dọa gọi cảnh sát. Rồi ông ra lệnh cho Menđen phải cuốn xéo ngay và từ nay cấm cửa không cho đến nữa. Giacốp Menđen run rẩy, nhưng chẳng đáp lại câu nào đứng dậy và đi ra.   
- Trông ông lão thật tội nghiệp, bà Xpoocsin nói với tôi. Không bao giờ tôi quên được cảnh tượng ấy. Cặp kính ghếch lên trán, ông đứng dậy, xám ngoét như miếng dẻ, ông không kịp mặc áo khoác giữa tiết tháng giêng. Ông để quên cuốn sách trên bàn. Sau đó tôi thấy ngay, định chạy theo để đưa cho ông. Nhưng ông đã ra ngoài và tôi không dám chạy theo ông trên vỉa hè, vì ông Gutnơ chửi rủa ông và mọi người xúm đông lại. Thật là xấu hổ ! Thời ông Xtănghacnơ, không khi nào người ta đuổi ai vì tội ăn vụng chiếc bánh nhỏ. Menđen có thể ăn bánh không mất tiền cho đến chót đời. Nhưng xem đấy, bây giờ người ta không còn lòng thương người nữa. Đuổi người khách hàng đã hơn 30 năm trời ngày nào cũng đến đây ! Thật là nhục nhã ! Tôi không muốn phải trả lời việc đó trước Thượng đế.   
Bà già tốt bụng Xpoocsin xúc động ghê gớm, bà không ngừng nhắc đi nhắc lại theo cách nói của những người già : “ Không, ông Xtănghacnơ chắc chắn là không xử sự như vậy “. Cuối cùng, tôi hỏi bà sau đó bà có gặp lại Menđen không và ông ta rồi ra sao. Lúc ấy cố trấn tĩnh lại, bà bảo tôi :   
“ Hàng ngày mỗi khi đi qua bàn của ông lão, xin ngài hãy tin tôi, tôi cứ nẫu cả ruột gan. Tôi thường tự hỏi Menđen nay ở đâu, ông Menđen tội nghiệp. Nếu tôi biết chỗ ở của ông lão, tôi đã mang lại cho ông chút gì. Bởi vì chắc chắn ông không có gì để sưởi ấm, không có gì ăn. Cuối cùng, mãi chẳng có tin tức, tôi đã nghĩ rằng chẳng bao giờ còn gặp ông lão nữa, ông đã chết rồi. Có lúc tôi tự hỏi có nên làm lễ cầu hồn cho ông hay không. Ông lão tốt quá đi và chúng tôi quen biết nhau lâu như thế.   
“ Nhưng một buổi sáng, còn sớm lắm, mới tám giờ rưỡi vào dạo tháng hai – tôi đang đánh bóng quả đấm cửa sổ - thì ơ kìa, cánh cửa mở ra và Menđen bước vào ! Tôi không tin ở mắt mình nữa. Ông biết đấy, bao giờ ông ấy cũng đi vào bằng bước đi lén lút và vẻ mặt bối rối. Nhưng lần này khác hẳn.   
“ Ngay lập tức tôi đoán rằng ông bị một ý nghĩ ám ảnh xưa khiến ông đến đây. Mắt ông long lanh. Trời ơi, bộ dạng ông thật thảm hại ! Chỉ còn da bọc lấy xương ! Thoạt đầu, tôi lấy làm lạ ! Rồi tôi hiểu : con người khốn khổ này không còn biết gì nữa, ông đi giữa ban ngày như đi trong cơn mê, ông đã quên hết, quên cả việc người ta đã đuổi ông ra khỏi cửa. May thay ông chủ vắng nhà và tên hầu bàn đang ăn lót dạ. Tôi chạy đến, giải thích với ông lão là không nên ở lại đây, nếu không con người thô lỗ nọ sẽ xua ông ra khỏi cửa “.   
Nói đến đây bà Xpoocsin lo ngại nhìn quanh và nói thêm :   
“ Tôi muốn nói là ông Gutnơ “.   
Rồi bà kể tiếp :   
“ Tôi gọi Menđen bằng chính tên ông. Ông ngước mắt nhìn tôi. Lạy chúa, lúc ấy thật là kinh khủng, ông sực nhớ ra hết. Ông giật nẩy mình và run bắn toàn thân. Rồi ông lảo đảo bước ra ngoài cửa và ngã xuống bất tỉnh nhân sự. Người ta gọi dây nói cho những người Samarin, họ tới và mang ông đi. Ngay chiều hôm ấy ông chết vì chứng sưng phổi. Bác sĩ bảo chúng tôi rằng con người khốn khổ không biết mình đang làm gì khi quay lại quán cà phê. Có cái gì xui khiến ông như một kẻ bị quỷ ám. Chắc là khi   
người ta đã ngồỉ tại một chiếc bàn 36 năm trời thì người ta trở lại đó như một con chiên trở về với giáo đường.

\*   
\* \*

Chúng tôi còn nói chuyện dài về ông, hai người cuối cùng còn lại đã quen biết con người kỳ lạ đó; tôi là người được ông mở mắt cho thấy sự phong phú, mặc dầu điều kiện sinh sống hết sức đạm bạc đi nữa; bà ta, một người đàn bà nghèo nàn đã chải áo khoác và đơm cúc áo cho ông suốt 25 năm trời. Chúng tôi rất hiểu nhau trước cái bàn bỏ trống của ông, cảm thông với nhau nhờ hình bóng của ông mà chúng tôi gợi lại. Bởi vì hồi niệm bao giờ cũng khiến người ta xích lại gần nhau, nhất là những hồi niệm của tình thương mến. Đang nói, bỗng nhiên bà lão chợt nhớ ra :   
- Giêsu Maria lạy chúa tôi, tôi thật lú lẫn ! Tôi còn giữ cuốn sách của ông lão để quên trên bàn. Làm thế nào tôi trả ông ấy được ? Hồi sau này vì không có ai đòi lại, tôi nghĩ rằng có thể giữ lại làm kỷ niệm. Tôi làm như vậy không có gì xấu chứ, phải không ?   
Bà liền đi tìm cuốn sách trong căn lều nhỏ của bà. Định mệnh bao giờ cũng ngạo ngược, đôi khi trớ trêu, luôn luôn pha lẫn những cái khôi hài vào những chuyện thương tâm nhất. Bà Xpoocsin đưa cho tôi hai cuốn : “ Bibiotheca Germanorum *erotica et curiosa “ (3)* của Hain, cuốn sách văn chương hoa tình mà các nhà yêu sách ai cũng biết. Định mệnh muốn rằng cuốn sách tục tĩu ấy – *habent sua fata libelli (4)* – rơi vào đôi tay nhăn nheo và vô tội của con người chưa hề bao giờ lật giở trang sách nào ngoài sách thánh kinh. Tôi mím chặt môi để nén một nụ cười. Bà lão bối rối hỏi tôi đây có phải là cuốn sách quý không và bà có thể giữ nó hay không.   
Tôi nắm tay bà, lòng đầy cảm mến :   
- Bà hãy giữ lấy cuốn sách này mãi mãi ! Ông bạn già Menđen của bà sẽ sung sướng khi biết rằng trong vô số người mà ông đã sưu tầm sách cho họ, có một người vẫn nhớ đến ông.   
Rồi tôi ra về, thầm cảm phục bà già tội nghiệp vẫn một lòng chung thủy với người đã chết, niềm chung thủy chất phác và nhân ái biết bao. Với tấm lòng thành, bà sùng kính gìn giữ cuốn sách để luôn luôn nhớ đến ông bạn già. Thế mà tôi, tôi đã quên bẵng Menđen nhiều năm ròng. Tuy nhiên, tôi biết rằng những cuốn sách được làm ra để liên kết người ta với nhau vượt ra ngoài cái chết và để bảo vệ cho chúng ta chống lại kẻ thù ác nghiệt nhất đời : đó là sự lãng quên.   
***Chú thích :***  
*(1) Người sưu tập đồ cổ (tiếng Anh) ND chú thích.   
(2) Ý nói : theo nạn lạm phát (ND).   
(3) Tủ sách Đức về tình dục và tính tò mò.   
(4) Những cuốn sách có số phận của nó.*

**HẾT**

**Stefan Zweig**

Tuyển tập truyện ngắn Stefan Zweig

Dịch giả : PHÙNG ĐỆ - LÊ THI

**MỘT TRÁI TIM TAN NÁT**

NGÕ HẺM DƯỚI ÁNH TRĂNG

Muốn giáng cho trái tim một đòn chí tử không phương cứu chữa, định mệnh chẳng cứ phải tốn công dùng đến một sức mạnh tàn bạo và đột ngột; dường như cái ý chí tạo hóa bất kham của nó lại cảm thấy thích thú đặc biệt khi tàn phá trái tim người với những duyên cớ không đâu. Trong ngôn ngữ mờ tối của loài người, ta gọi sự chạm trán đầu tiên không có gì là quan trọng với số mệnh ấy là nguyên nhân ngẫu nhiên, và ngạc nhiên so sánh cái biểu hiện bề ngoài không mấy quan trọng của nó với những hậu quả thường là khủng khiếp do nó gây nên.   
Cũng như một căn bệnh không phải khởi đầu vào lúc chẩn đoán bệnh, số phận một con người cũng không khởi đầu vào lúc nhận ra nó hoặc vào lúc nó thành sự việc hiển nhiên. Bao giờ cũng vậy, định mệnh tác động ngấm ngầm bên trong, trong tâm trí và trong huyết quản người ta từ rất lâu trước khi nó biểu hiện ra ngoài. Tự biết được mình đã là tự vệ được, nhưng thông thường chỉ là vô ích.

\*   
\* \*

Ông lão có tên là Salômônsôn. Ở địa phương ông, ông có thể hãnh diện với danh vị ngài “ Ủy viên hội đồng cơ mật “. Nhân dịp lễ Phục sinh, ông cùng gia đình đến nghỉ tại khách sạn vùng Gácđô này. Đang đêm ông tỉnh giấc vì một cơn đau dữ dội đột ngột. Toàn thân ông như bị những mảnh ván thùng ép chặt và hơi thở phải khó nhọc lắm mới thoát khỏi lồng ngực bị nén căng. Ông lão hốt hoảng vì lâu nay ông hay bị những cơn đau vùng mật. Mặc dầu thầy thuốc khuyên ông nên chữa bệnh ở Cacbát, ông đã chiều ý gia đình đến nghỉ ở phía Nam. Đã tưởng lại là cơn đau của cái bệnh quái ác ấy, ông lão lo lắng sờ nắn tấm thân phì nộn của mình. Tuy cơn đau vẫn còn, nhưng ông cảm thấy nhẹ hẳn đi khi biết rằng ông chỉ bị đầy hơi, có lẽ do món ăn Ý chưa hợp khẩu vị, hoặc do bị một thứ nhiễm độc nhẹ như nhiều du khách ở vùng này thường mắc phải.   
Ông lấy lại hơi và bàn tay run rẩy của ông duỗi ra, nhưng cơn đau vẫn kéo dài làm ông khó thở. Lúc này, vừa rên rỉ ông vừa nặng nề cất mình rời khỏi giường để vận động một chút. Quả nhiên, khi ông đứng dậy và nhất là khi ông cất bước, cơn đau có bớt. Nhưng căn buồng lúc này hoàn toàn chìm trong bóng tối và chỉ có một khoảng trống rất hẹp. Hơn nữa, ông cũng ngại làm thức giấc bà vợ đang ngủ trên chiếc giường kê sóng đôi ngay bên cạnh, và làm bà lo lắng vô ích. Nghĩ vậy ông liền khoác chiếc măng tô mặc đêm, xỏ chân không vào đôi giày cao su và dò dẫm thận trọng, ông ra ngoài hành lang đi lững thững chút ít cho dịu cơn đau.   
Lúc ông đẩy cửa ra ngoài hành lang tối om, tiếng chuông đồng hồ trên tháp, vọng qua các khung cửa sổ rộng mở vừa điểm bốn tiếng, tiếng chuông lúc đầu vang mạnh, rồi ngân nga tỏa trên mặt hồ và yếu dần : đã bốn giờ sáng.   
Hành lang dài tối đen như mực. Nhờ ký ức lúc ban ngày, ông nhớ rất rõ là nó thẳng tắp và khá rộng. Cho nên không cần ánh đèn, ông cứ đi từ đầu nọ đến đầu kia, vừa đi vừa thở mạnh. Làm vậy nhiều lần, ông thích thú nhận thấy cái cảm giác đè nặng trên ngực ông dần dần nhẹ đi.   
Ông đã sắp trở về phòng, cơn đau gần như khỏi hẳn nhờ sự vận động thoải mái, thì một tiếng động làm ông đứng sững lại, sợ hãi. Một tiếng động ? Đúng hơn là tiếng rì rầm ở gần đâu đây, trong bóng tối. Ông không thể nhầm lẫn được, dẫu rằng tiếng rì rầm rất nhỏ. Có tiếng lắc rắc trong một khung cửa, có cái gì thầm thì, động đậy và chỉ trong một giây vệt ánh sáng lọt qua khe cửa hé mở xuyên vào bóng tối dầy đặc. Cái gì vậy ? Bất giác ông lão đứng thu mình vào một góc không phải vì tò mò, mà chỉ vì cảm thấy xấu hổ nếu bất chợt người ta bắt gặp ông đi lang thang trong đêm tối, kỳ cục như thế này (cảm giác xấu hổ đó cũng dễ hiểu thôi).   
Tuy nhiên, chỉ trong khoảng một giây đồng hồ, lúc tia sáng lướt qua hành lang, hầu như vô tình ông tưởng như nhìn thấy từ căn phòng có ánh đèn, một bóng phụ nữ mặc đồ trắng luồn ra, vẻ rất dè dặt và biến mất ở đầu kia lối đi. Quả thực, ở phía đó, một trong mấy cánh cửa cuối hành lang có tiếng then cửa gài rất nhẹ. Thoáng sau, tất cả lại chìm sâu trong bóng tối và yên lặng.   
Đột nhiên, ông lão loạng choạng như bị đâm một nhát dao vào tim. Đằng ấy, ở đầu hành lang, chỗ then cửa vừa gài mà ông phát giác được, ở đấy... ở đấy, chỉ có mấy căn buồng của gia đình ông, căn nhà ba gian do ông và vợ con ông thuê để nghỉ. Vợ ông ư ? Ông vừa rời khỏi phòng vài phút trước đây lúc bà đang ngủ say, vậy không thể nhầm lẫn được. Thế thì cái bóng phụ nữ vừa dấn thân vào cuộc phiêu lưu như vậy, cái bóng phụ nữ vừa rời khỏi căn buồng người lạ không thể là ai khác ngoài Ecna, con gái ông vừa tròn mười chín tuổi.   
Nỗi kinh hoàng làm ông lão lạnh buốt cả người và toàn thân ông run lên, Ecna, đứa con gái của ông trong trắng và sôi nổi... Không, không thể được, chắc ông nhầm. Vậy thì nó làm cái trò gì ở đó, trong căn buồng của người lạ,   
nếu không là... Ông cố xua đuổi chính cái ý nghĩ của bản thân mình như xua đuổi con thú dữ, nhưng hình ảnh ma quái ám ảnh của chiếc bóng chạy trốn nó cứ bám chằng chằng lấy hai bên thái dương ông. Ông không làm sao rũ được nó đi, không làm sao thoát khỏi nó. Ông cần biết chắc thực hư ra sao.   
Ông vừa thở vừa lần theo hành lang đến trước cửa phòng cô con gái, ngay sát phòng ông. Và thật là khủng khiếp, đúng chỗ này, đúng tại cánh cửa trong hành lang này, cánh cửa độc nhất này, một tia sáng nhỏ run rẩy lọt qua khe và qua lỗ khóa nổi rõ một điểm trắng đáng ngờ vực : Bốn giờ sáng mà trong phòng con gái ông còn sáng đèn, và lại thêm một chứng cớ nữa, vừa vặn bên trong phòng tiếng công tắc đèn kêu và lập tức tia sáng trắng tắt lịm trong đêm tối. Không, không tự gây ảo tưởng cho mình làm chi cho hoài công. Đúng là Ecna, con gái ông, vừa rời khỏi giường người lạ giữa ban đêm để trở về giường mình.   
Ông già run bắn lên, phần vì kinh hoàng, phần vì nhiễm lạnh, trong lúc đó mồ hôi toát ra đầm đìa khắp người ông. Ý định đầu tiên của ông toan đẩy cửa xông vào dần cho con bé nhơ nhuốc đó một trận nhừ tử. Nhưng hai chân ông loạng choạng dưới tấm thân đẫy đà. Khó khăn lắm ông mới lần về đến cửa buồng mình và lê vào giường. Ông vật mình trên gối, hoàn toàn mê man, y như một con vật vừa bị hạ sát.

\*   
\* \*

Ông lão nằm dài bất động trên giường, mắt nhìn chằm chằm vào bóng tối. Bên cạnh, ông vẫn nghe thấy nhịp thở vô tư lự và thỏa thuê của bà vợ. Ý định đầu tiên của ông là dựng bà dậy, báo cho bà biết câu chuyện khủng khiếp ông vừa khám phá ra, vừa hét lên cho thỏa cơn giận đang tràn ngập lòng ông. Có điều, làm sao có thể lớn tiếng nói lên bằng lời được cái điều ghê sợ đó ? Không, không bao giờ những tiếng đó có thể thốt khỏi miệng ông. Vậy phải làm gì ? Phải làm gì ?   
Ông cố ngẫm nghĩ, nhưng ý nghĩ của ông cứ luẩn quẩn, chấp chới, loạng quạng như những con dơi. Thật là quái đản : Ecna, đứa con gái thơ dại của ông, được giáo dục chu đáo là thế, có cặp mắt dịu dàng là thế... Mới ngày nào, mỗi lần về đến nhà, ông còn thấy nó mải mê đọc quyển sách giáo khoa, ngón tay nhỏ hồng khó nhọc lần theo những chữ đậm nét. Mới ngày nào cứ tan học là ông dắt nó đến cửa hàng bánh ngọt, nó mặc chiếc áo dài xanh nhạt và môi còn dính đầy đường, nó thơm ông cái thơm thơ trẻ. Phải chăng những điều đó mới xảy ra ngày hôm qua ? Không, cách đây đã nhiều năm. Nhưng mới ngày hôm qua đây thôi, đúng là ngày hôm qua, với giọng nhỏ nhẹ, thơ ngây, nó đã vòi ông mua cho nó cái áo len xanh xanh vàng vàng trong tủ kính, mặt hàng màu sắc rực rỡ nổi bật biết bao. “ Ba thân yêu, con xin ba, con xin ba ! “ vừa nói nó vừa chắp hai bàn tay, nó cười, tiếng cười vui tươi tự tin mà chưa bao giờ ông cưỡng nổi. Thế mà bây giờ, bây giờ, chỉ cách phòng cha mẹ có một gang tay, đang đêm nó luồn vào giường của một người đàn ông lạ, cuồng nhiệt, lõa lồ... Trời hỡi trời ! Ông lão bất giác thở dài. Nhục nhã làm sao ! Nhục nhã làm sao ! Con tôi, đứa con gái dịu dàng của tôi, đứa con gái được cưng chiều rất mực lại đi lằng nhằng với trai... Với đứa nào ? Nhưng với đứa nào cơ chứ ? Mình mới đến Gácđôn có ba ngày và trước đây nó có hề quen biết đứa nào trong số những tên hợm hĩnh ăn mặc bảnh bao ấy đâu : Không phải lão bá tước Ubanđi mặt choắt, không phải gã sĩ quan người Ý, mà cũng không phải cái anh chàng phong lưu mã thượng người Mêcklembua nữa. Chỉ sang ngày thứ hai, chúng nó mới làm quen nhau trong lúc khiêu vũ, vậy mà con bé đã chơi với một đứa trong bọn chúng... Không... có thể đây không là lần đầu tiên. Chuyện này hẳn đã phải xảy ra từ lâu rồi, thế mà ta không biết gì hết, ta không nghi ngờ gì hết, ta khờ quá, phải, khờ ơi là khờ ! Nhưng nói cho đúng ra, ta đã hiểu gì về vợ con ta ?   
Suốt ngày ta còng lưng làm việc cho vợ cho con, ta ngồi mười bốn giờ liền trong phòng giấy, thời gian cũng lâu như hồi xưa ta đi lang thang với chiếc vali hàng mẫu trong tay. Ta chỉ nghĩ đến chuyện kiếm tiền cho vợ con... nhiều tiền, thật nhiều tiền... để vợ con được giàu sang, có được những chiếc áo dài đẹp, và rồi đến chiều khi ta về đến nhà nhọc mệt rã rời thì vợ con đã biến cả : nào xem hát, nào đi nhảy hoặc đàn đúm ở những chốn thượng lưu. Vậy thử hỏi ta biết gì về vợ con ta ? Biết gì về những việc chúng đã làm trong suốt cả ngày. Thế là đến bây giờ ta chỉ biết mỗi một điều đó là con gái ta, với tấm thân trong trắng nõn nà, đi tìm đàn ông trong đêm tối như một con điếm ngoài đường. Ôi, nhục nhã thay !   
Ông lão thở dài không ngớt. Mỗi ý nghĩ mới đến lại khoét sâu thêm vết thương lòng. Ông tưởng như đầu mình vỡ toang ra, đẫm máu và có những con sâu đỏ lòm đang gậm nhấm bên trong.   
Nhưng tại sao ta phải dằn lòng chịu đựng ? Tại sao ta có thể nằm im mà lại tự hành hạ mình trong khi con gái ta nó ngủ thoải mái với tấm thân nhơ nhuốc ? Tại sao ta không nhảy bổ ngay vào buồng nó để cho nó hay rằng ta biết hết việc làm nhục nhã của nó ? Tại sao ta không dần xương nó ra ? Chỉ vì ta yếu, chỉ tại ta hèn... Lâu nay bao giờ ta cũng tỏ ra hèn yếu đối với vợ con. Bao giờ cũng nhượng bộ đủ mọi thứ. Ta đã hãnh diện biết bao vì đã làm cho vợ con được sống nhàn nhã trong khi cuộc sống của ta tàn tạ... Bằng chứng những móng tay của mình, ta thu vén nhặt nhạnh từng đồng xu, ta sẵn sàng chịu đựng cho thịt bàn tay bị rứt ra từng miếng, chỉ cốt để vợ con được hài lòng. Thế mà vừa gây dựng cho chúng giàu có, chúng đã cảm thấy xấu hổ vì ta... Với chúng, ta là người thiếu hào hoa phong nhã... lại thiếu cả học thức... Thử hỏi ta đào đâu ra học thức ? Mới mười hai tuổi đầu, ta đã phải thôi học, phải đi kiếm sống, lúc nào cũng bận kiếm lời, chỉ có việc kiếm lời.   
Xách va-li hàng mẫu đi chào từ làng này sang làng khác, rồi từ tỉnh này sang tỉnh nọ, với tư cách là anh đại diện nhà buôn, trước khi gây dựng mở được cửa hàng buôn bán riêng của mình. Thế mà vừa mới leo lên được cao trên bậc thang xã hội, là vợ con đã khó chịu về cái tên ngày xưa lương thiện của ta, tên của một con người chân thực. Ta đã phải mua các danh vị : “ Ủy viên hội đồng, ủy viên cơ vụ “ để thiên hạ không gọi trần trụi là “ bà Salômônsôn “ nữa, để vợ con ta có thể đi lại chơi bời với những kẻ quyền quý ! Vợ con ta đã cười nhạo ta khi ta bảo chúng phải coi chừng bộ mặt giả tạo của bọn đó, coi chừng cái xã hội “ cao nhã “ mà chúng vẫn thường lui tới, khi ta kể cho chúng nghe về mẹ ta (xin Thượng đế phù hộ cho linh hồn bà !) đã sống cuộc đời một người nội trợ lặng lẽ và khiêm nhường, chỉ lo lắng cho chồng, cho con như thế nào... Họ coi ta là lỗi thời. “ Ba lạc hậu rồi, ba yêu quý ạ “. Lúc nào nó cũng nhạo bố nó như vậy. Ừ thì lạc hậu, đã là sao ! Và bây giờ, con gái tôi, đứa con độc nhất của tôi nó đi lang chạ với gã đàn ông lạ, trong chiếc giường lạ ! Ôi, nhục ơi là nhục, nhục ơi là nhục !   
Nỗi đau đớn làm ông lão thở dài mạnh đến nỗi bà vợ thức giấc. “ Cái gì thế ? “ Bà ta hỏi, giọng còn ngái ngủ.   
Ông lão không động đậy và nín hơi, cứ nằm bất động như vậy cho đến sáng, trong chiếc quan tài tăm tối của nỗi khổ tâm của mình, để cho những ý nghĩ của mình cứ như những con sâu nó đục khoét.

\*   
\* \*

Sáng hôm sau, ông là người đầu tiên xuống bàn ăn điểm tâm. Ông thở dài ngồi xuống. Nhìn các món ăn, ông kinh tởm.   
- Lại một mình, ông nghĩ bụng, lúc nào cũng một mình. Buổi sáng khi ta đến bàn giấy, chúng còn ngủ thỏa thuê, uể oải sau những cuộc vui tại các rạp nhảy, rạp hát. Buổi chiều, lúc ta đi làm về, vợ con đã đi cả, chạy theo các thú vui, các cuộc thù tiếp : ở đó, chúng không cần đến ta. Ôi, đồng tiền, đồng tiền khốn kiếp đã làm vợ con ta hư hỏng. Chính đồng tiền đã làm ta mất vợ con. Thật là điên rồ, chính ta đã tích cóp tiền nong một cách ti tiện, và gậy ông lại đập lưng ông, kết quả là ta chỉ làm cho ta thêm khốn khổ và vợ con ta thêm xấu xa. Suốt năm mươi năm, ngu xuẩn, ta đã làm việc đến kiệt lực, bản thân ta không có lấy một ngày nghỉ ngơi và bây giờ...   
Càng nghĩ ông càng bực bội thêm.   
- Tại sao lúc này con bé vẫn chưa xuống ? Ta muốn nói chuyện với nó. Ta phải báo cho nó biết... Gia đình ta phải rời khỏi nơi đây ngay lập tức. Tại sao nó chưa xuống ? Có thể nó hãy còn mệt mỏi. Nó thì đánh một giấc ngon lành, lương tâm yên ổn, còn ta, ta rồ dại, ta vò xé trái tim ta. Mẹ nó thì phải mất hàng giờ để trang điểm : bà ấy phải tắm, phải sửa soạn, phải đánh móng tay, và phải uốn tóc, bà ấy không thể xuống đây trước mười một giờ được. Như vậy thì có gì đáng ngạc nhiên ? Hoàn cảnh sống như thế thì đứa con gái sẽ ra sao ? Ôi đồng tiền, đồng tiền khốn kiếp !   
Sau lưng ông bỗng có tiếng chân bước nhè nhẹ làm sàn nhà kêu cót két.   
- Chào ba thân yêu, ba ngủ có ngon không ?   
Có cái gì nhẹ nhàng cúi xuống bên ông và một chiếc hôn lướt nhẹ trên vầng trán nặng trịch của ông lão. Bất giác ông né đầu, mùi nước hoa nặng nề và lờ lợ làm ông tởm lợm. Và rồi...   
- Ba thân yêu, ba làm sao vậy ? Ba lại bực bội cáu kỉnh rồi. Hầu bàn đâu, mang cà phê, dăm bông và trứng ra đây ! Ba lại mất ngủ hay có chuyện gì không vui ?   
Ông lão cố nén lòng. Ông cúi đầu xuống, lặng thinh không còn đủ sức để nhìn con. Ông chỉ nhìn thấy bàn tay con gái trên bàn, đôi bàn tay thân yêu. Những ngón tay uể oải và trau chuốt đang đùa nghịch trên chiếc thảm trải bàn trắng tinh giống như những con chó bé tí xíu xinh xắn được nuông chiều. Ông run lên. Mắt ông rụt rè lướt nhìn hai cánh tay trắng nõn mềm mại, cánh tay trẻ thơ mà ngày xưa đã bao lần ôm lấy ông khi đến giờ đi ngủ. Ông nhìn làn cong mềm mại của bộ ngực phập phồng theo nhịp thở dưới chiếc áo nịt len mới bó sát vào người. “ Thân hình lõa lồ, nó đã lăn lộn với một người đàn ông xa lạ “, ông phẫn uất nghĩ thầm : “ thằng đàn ông đã vồ lấy nó, đã sờ mó, mơn trớn, đã thưởng thức toàn bộ tấm thân nõn nà đó, vui thú với tấm thân đó. Máu thịt tôi ! Con tôi ! Cái tên vô lại nào ! Ôi ! Ôi ! “.   
- Có điều gì vậy ba, ba thân yêu. Vừa nói cô gái vừa chạy vội lại với ông, vẻ trìu mến.   
- Có điều gì ư ? - Ông cảm thấy mình đang rủa thầm – ta có đứa con gái đĩ thỏa, vậy mà không dám nói thẳng vào mặt nó như thế !   
Ông đành lắp bắp : “ Không có, không có gì cả “. Và ông vội cầm lấy tờ báo, mở rộng ra để che chắn cái nhìn dò hỏi của con gái, mỗi lúc ông càng thấy không thể nhìn thẳng vào mắt con ông được nữa, tay ông run rẩy.   
- Lúc này chính là lúc ta phải bảo cho nó biết, trong lúc chỉ có hai cha con – ông đau đớn nghĩ như vậy – nhưng ông vẫn không thể thốt nên lời và cũng không có đủ sức nhìn thẳng vào mặt con.   
Bỗng nhiên, ông đột ngột đẩy chiếc ghế ra phía sau và bước đi nặng nhọc, bỏ ra vườn, vì ông cảm thấy một giọt nước mắt lớn tự dưng lăn trên má. Ông không thể để con gái nhìn thấy ông khóc.   
Ông lão đi vơ vẩn trong vườn với đôi chân ngắn ngủi, mắt đăm đăm nhìn mặt hồ. Cố cầm nước mắt mà không được, mắt nhòe lệ gần như không nhìn thấy gì; tuy vậy ông vẫn không thể không nhận thấy phong cảnh ở đây đẹp biết bao : phía sau làn ánh sáng trắng bạc mỏng manh, những quả đồi ánh lên màu sắc êm dịu, dập dờn như những lượn sóng xanh lục điểm những đường gạch bóng của những ngọn cây trắc bách diệp mảnh dẻ. Xa xa là dãy núi sừng sững đứng chiêm ngưỡng, nghiêm trang nhưng không ngạo nghễ, cái vẻ mặt đáng yêu của mặt hồ, chẳng khác gì những người lớn tuổi đứng nhìn trò chơi phù phiếm của lũ trẻ thân yêu. Cảnh tượng đó trải rộng ra trước mắt ông mới êm đềm, chân thực, sinh động và thân thiết làm sao ! Nụ cười vĩnh cửu, siêu nhiên mà Thượng đế ân thưởng cho dải đất phương Nam này như lời mời gọi con người sống tốt đẹp và hạnh phúc ! “ Hạnh phúc “ : Ông già bối rối, lắc lắc cái đầu đã trở nên quá nặng.   
- Ở đây người ta có thể sống hạnh phúc. Chính ta, ta cũng muốn một lần có cuộc sống hạnh phúc đó; ta muốn được một lần chính mình cảm thấy thế nào là vẻ đẹp của thiên nhiên, khi trong lòng không bợn chút lo âu. Sau năm mươi năm lăn lộn với sổ sách, với tính toán, với cái trò cò kè bớt một thêm hai, buôn bán bần tiện, ta muốn một lần được thưởng thức vài ngày tươi sáng. Một lần, một lần, chỉ cần một lần thôi, trước khi ta nhắm mắt. Vào tuổi ta, tuổi 65, lạy Chúa, thần chết đã đặt một bàn tay lên gáy, tiền bạc cũng như thuốc men chẳng còn giúp ích được gì cho ta nữa.   
Xưa ta cũng muốn thở hít thoải mái đôi chút, muốn hưởng thụ chút ít, dù chỉ một lần thôi... Nhưng người cha đáng thương của ta đã chẳng bảo rằng : “ Những thú vui ở đời không phải dành cho chúng ta, chúng ta sẽ mang gánh nặng còng lưng cho đến lúc xuống mồ... “ Ngày hôm qua ta đã là một con người sung sướng - cứ cho là như vậy đi - ta đã hoan hỉ về sắc đẹp trong trắng của con ta, ta hoan hỉ trước niềm vui của nó... Thế rồi Thượng đế đã trừng phạt ta, đã tước đoạt của ta tất cả... Bởi vì bây giờ, thế là hết, vĩnh viễn hết. Ta không thể nói gì với đứa con ruột thịt của ta được nữa... Không thể nhìn thẳng vào cặp mắt nó, ôi, ta hổ thẹn biết bao ! Dẫu ở nhà, ở phòng giấy hay ban đêm nằm trên giường, ta phải luôn luôn tự hỏi : “ Lúc này nó ở đâu ? Nó đã làm gì ? “ Chẳng còn bao giờ ta có thể yên tâm trở về nhà trông thấy con ta ngồi đấy, thấy nó nhảy vội lại với ta, và thấy lòng ta hớn hở trước vẻ trẻ trung và xinh đẹp của nó... Khi nó ôm hôn ta, ta sẽ tự hỏi hôm qua đứa nào đã hôn lên đôi môi của nó... Ta sẽ sống trong nỗi lo âu khắc khoải khi nó xa ta và ta sẽ luôn luôn xấu hổ khi nhìn thấy cặp mắt của nó. Không, không thể sống như thế này được, không thể sống như thế này được.   
Ông lão bước lảo đảo, miệng lẩm bẩm như người say. Ông cứ nhìn cảnh hồ không dứt và nước mắt không ngừng tuôn chảy ướt cả chòm râu. Ông buộc phải tháo kính kẹp mũi ra, và với cặp mắt cận thị nhòa lệ, ông đứng ngay trên dải đường hẹp, coi bộ lúng túng đến nỗi một người thợ làm vườn chợt đi qua phải dừng lại, ngạc nhiên, phá lên cười rất to, buông vài câu tiếng Ý chế giễu ông lão đang bối rối. Điều đó làm ông sực tỉnh, thoát khỏi cơn choáng vì đau lòng. Ông lão đeo lại kính kẹp mũi, lảng ra chỗ khác, đến bất cứ chỗ nào, trên một chiếc ghế nào đó, tránh khỏi tầm mắt mọi người.   
Nhưng vừa đến gần một góc cuối vườn, thì phía bên trái ông có tiếng cười khiến ông hốt hoảng : Tiếng cười này đối với ông quá thân quen mà bây giờ đang làm ông tan lòng nát ruột. Tiếng cười nhẹ nhàng, tràn đầy niềm vui của con gái ông, tiếng cười ấy suốt mười chín năm qua đã là tiếng nhạc của đời ông. Chỉ vì tiếng cười ấy mà bao đêm ròng rã ông đã phải ngồi tàu hỏa toa hạng ba, tới tận Hunggari, Ba Lan để kiếm tiền về cho vợ con. Chính thứ đất mùn mạ vàng ấy đã làm nở ra tiếng cười nhí nhảnh vô tư này. Chỉ vì tiếng cười đó mà ông đã sống, đã tự đầy ải mình trong công việc nặng nhọc, trong những lo toan, để rồi bị đau mật, chỉ cốt để tiếng cười đó luôn luôn vang lên ròn rã từ cái miệng thân yêu nóng bỏng đang cứa nát ruột gan ông.   
Tuy vậy, dẫu không muốn, ông vẫn cứ quay lại nhìn con gái ông đang chơi quần vợt, cánh tay để trần vung cây vợt, quăng vút lên không bằng một cử động mềm mại để nô giỡn, rồi lại giơ tay bắt lấy. Trong lúc cây vợt quay lượn trên không tiếng cười ròn rã cũng bay vút lên nền trời xanh thẳm. Cả ba gã đàn ông ngắm cô gái với vẻ thán phục : Bá tước Ubanđi mặc áo quần vợt màu hoa cà, tay sĩ quan trong bộ đồng phục bó sát lấy sườn, gã du khách thượng lưu mặc quần cưỡi ngựa loại hảo hảng. Cả ba khuôn mặt đàn ông, với đường nét nhìn nghiêng rất rõ, đứng ngây ra như ba pho tượng vây quanh lấy người nữ cầu thủ tuồng như đang bay lượn chẳng khác nào cánh bướm.   
Ông lão nhìn trò chơi và bản thân ông cũng thấy mê mẩn tâm thần. Lạy Chúa ! Con gái ta mới lộng lẫy làm sao trong chiếc áo ngắn màu nhạt và ánh nắng rắc bụi vàng trên mái tóc hung nhạt của nó. Khi cất bước, lúc bật nhảy, taychân nó nhẹ nhàng đầy sức trẻ và tràn trề hạnh phúc, biểu lộ sự say sưa khiến người xem cũng ngây ngất vì vẻ ung dung thoải mái và nhịp nhàng của những động tác.   
Lúc này nó vung tay kiêu hãnh vụt quả bóng trắng bay lên, rồi quả thứ hai, quả thứ ba liên tiếp. Thật là tuyệt vời được ngắm cái thân hình mảnh dẻ của cô gái cúi xuống đón những quả bóng, lắc lư rồi rướn lên, nhạy như chiếc lò xo để đón quả cuối cùng. Ông lão chưa nhìn thấy con gái ông bừng bừng ngọn lửa ham mê như thế bao giờ. Toàn thân nó hệt như một ngọn lửa sáng trắng, thấp thoáng bập bùng, cùng với làn mây khói ánh bạc của tiếng cười tỏa ra từ nhiệt tâm hừng hực của cơ thể : một tiên nữ trẻ măng hiện lên, vị thần Mục đồng từ bụi trường xuân trong khu rừng phương Nam và từ mặt nước hồ gương xanh dịu này. Chưa bao giờ tấm thân nhỏ nhắn và nhạy bén trong lúc ham chơi mê mải lại căng ra với sự cuồng nhiệt của một vũ khúc sinh động đến như vậy. Phải, chưa bao giờ ông nhìn thấy con gái ông như vậy, ở cái thành phố buồn tẻ của gia đình ông, chật chội trong những bức tường bao quanh. Dù là ở nhà hay ngoài đường phố, chưa bao giờ ông nghe thấy giọng nó như thế, như tiếng hót của sơn ca, thoát khỏi sự gò bó trần tục nở tung ra thành một làn điệu trong trẻo, rung động. Chưa bao giờ nó xinh đẹp như vậy. Ông lão hân hoan trố mắt ngắm nhìn cô con gái. Ông quên hết mọi chuyện, chỉ thấy ngọn lửa sáng trắng, bập bùng. Và ông sẽ đứng mãi ở đó để thưởng ngoạn vẻ đẹp của con ông bằng cái nhìn đắm đuối, nhưng kìa, cô gái đã thở dốc và nhảy vọt lên với động tác mau lẹ bắt quả bóng cuối cùng trong những quả bóng mà cô chơi trò tung hứng, rồi cô ôm chặt quả bóng vào ngực, nhìn mọi người xung quanh với cái cười đầy kiêu hãnh, lúc đó cô thở không ra hơi và nóng toát mồ hôi.   
“ Hoan hô, hoan hô ! “ Ba anh chàng đã mê thích xem trò tung hứng khéo như làm xiếc của cô gái, vừa reo lên vừa vỗ tay, như sau khi xem một màn ôpêra. Những tiếng reo hò ồm ồm đó đã kéo ông lão ra khỏi trạng thái sững sờ. Ông nhìn trừng trừng vào mặt họ với vẻ giận dữ : “ Chúng nó đây rồi, quân ăn cướp “ - tiếng tim ông đập gấp thầm nhủ vậy. Chúng nó đây rồi... nhưng đứa nào trong bọn này ? Đứa nào trong ba đứa này đã chiếm hữu con gái ta ? Quân ăn không ngồi rồi này, sao mà chúng ăn mặc thanh nhã, thơm tho và mày râu nhẵn nhụi đến như thế. Vào tuổi chúng, mình đã phải ngồi ở bàn giấy, quần vá chằng vá đụp, và đã lê vẹt cả gót giày đi chào hàng... Chưa biết chừng hiện nay cha chúng cũng đang phải làm lụng như vậy, làm việc đến bật máu móng tay vì chúng. Còn chúng thì đi chơi nhởn nhơ khắp đó đây hết ngày ấy sang tháng khác với những bộ mặt nâu xạm vô tư lự, những cặp mắt sáng trơ tráo. Sống như vậy làm gì mà không vui tươi, hể hả, chỉ cần buông vài lời đường mật với đứa con gái ưa nịnh là đã đủ để nó luồn ngay vào giường... Nhưng nó là đứa nào trong bộ ba này ? Nhất định một trong ba đứa này đã nhận ra thân thể trần truồng của con bé dưới tấm áo và chặc lưỡi tự bảo : “ ta đã được biết tấm thân ấy “. Hắn đã ôm thân hình trần truồng nóng bỏng của con bé trong vòng tay và bây giờ có thể nó nghĩ rằng : “ Tối nay nó lại thuộc về ta “. Và hắn nháy mắt ra hiệu cho con bé... Ôi quân chó mà... Ước gì ta có thể lấy roi ngựa mà quật chết con chó đểu ấy !   
Đám người kia đã nhận ra ông. Con gái ông vung cây vợt chào ông và mỉm cười với ông. Bọn đàn ông ngả mũ chào. Nhưng ông không trả lời. Ông vẫn nhìn sững vào cái miệng vui tươi của con gái bằng đôi mắt đỏ ngầu đầy giận dữ :   
- Làm sao mày còn có thể cười được như vậy, hở con đĩ trơ tráo kia ?... Nhưng thằng kia, cái thằng đang đứng trước mặt nó có thể cũng cười thầm trong bụng mà nghĩ : “ Lão già Do Thái ngốc nghếch kia, suốt đêm lão nằm ngáy trên giường nếu như lão mà biết được, thằng già điên này ! “. “ Phải, tao biết chúng bay cười tao, chúng bay xéo lên tao như xéo một đống đờm... Con gái tao khêu gợi và xinh đẹp, nó nhẹ dạ nên nhảy vội vào giường chúng bay. Còn mẹ nó thì đã hơi xề, lại cũng hơi quá đỏm dáng và phấn son, nhưng dẫu sao khi được mời mọc, cũng có thể đánh liều làm vài điệu nhảy... Phải, chúng bay có lý, quân chó má, chung bay có lý nếu bọn đàn bà động cỡn, bọn đàn bà đốn mạt còn bám lấy chúng bay. Chúng bay cần gì khi có người tan nát trái tim về chuyện này. Miễn là chúng bay tìm được sự vui thú ở họ. Miễn là bọn đàn bà vô liêm sỉ kia tìm được thú vui với chúng bay. Phải đánh cho chúng bay sặc máu ra. Phải bắn chết hết bọn bay đi. Nhưng chúng bay còn có lý chừng nào chưa ai đụng đến chúng bay, chừng nào người ta còn cam tâm nuốt giận như con chó nuốt cái nó vừa mửa ra. Phải, chúng bay còn có lý nếu người ta hèn nhát đến mức này, sự hèn nhát đáng ghê tởm. Nếu như người ta không đến nắm lấy cánh tay con bé trơ tráo, dùng sức mạnh lôi nó ra khỏi vòng tay chúng bay... Nếu người ta chịu đứng đấy mà ngậm đắng nuốt cay, ngậm miệng một cách hèn nhát, hèn nhát...   
Ông lão thấy cần phải dựa vào lan can, cơn giận dữ bất lực làm ông sa sầm mặt mày. Đột nhiên, ông nhổ toẹt xuống cạnh chân và lảo đảo bước ra ngoài khu vườn.

\*   
\* \*

Ông lão nặng nề bước đi trên đường phố của cái thành phố nhỏ, bỗng dừng lại trước một tủ bày hàng : có đủ thứ cần dùng cho khách du lịch, áo sơ mi và lưới đan, áo blu và những dụng cụ đi câu, cà vạt, sách và bánh ngọt, vật nọ xếp cạnh vật kia rất tùy tiện, chất thành những khối Kim tự tháp và thành nhiều tầng sặc sỡ. Nhưng ông lão chỉ chú ý đến một vật như bị rẻ rúng nằm trơ trọi giữa đám những hàng hóa trang nhã này : đó là chiếc gậy của người leo núi. Chiếc gậy dày, to, đầu bịt sắt, cầm khá nặng tay, chống mạnh xuống nền thì dội lên tiếng va đập ghê gớm. “ Đập chết nó đi, đập chết nó đi, quân chó má “, ý nghĩ này nhấn chìm ông lão trong một cơn choáng váng mơ hồ gần như khoái trá : chính vì ý nghĩ ấy mà ông đã vào cửa hàng để sắm cây côn đó với số tiền chẳng đáng bao nhiêu. Trong tay vừa nắm cái vật nặng trịch, lợi hại và nguy hiểm đó, ông cảm thấy mình mạnh hẳn lên : bao giờ cũng vậy, vũ khí làm cho con người có thể chất yếu đuối trở nên vững tâm hơn. Chỉ mới chạm vào cán gậy là ông lão đã cảm thấy cơ bắp mình săn lại, mạnh mẽ hơn. “ Đập chết nó đi, đập chết nó đi, quân chó má ! “, ông lẩm bẩm nói một mình. Bước chân ông lúc trước lảo đảo, nặng nề thì nay bỗng trở nên vững vàng, chắc chắn và nhẹ nhàng hơn mà ông không biết. Ông đi đi lại lại dọc bờ hồ, thậm chí cất bước chạy, thở hổn hển, mình đẫm mồ hôi, nhưng đấy là vì cơn phẫn nộ bùng ra hơn là vì rảo bước. Quả vậy, tay ông nắm chắc lấy cán gậy mỗi lúc một hăm hở hơn. Có vũ khí trong tay, ông đi vào gian phòng lớn ngợp ánh sáng xanh dịu mát của khách sạn, phóng luồng mắt tìm kẻ thù vô hình của mình.   
Quả nhiên bọn chúng đã có mặt cả ở đây rồi. Chúng ngồi trên những chiếc ghế bành mềm mại tết bằng rơm ở một góc phòng, hút rượu uytki pha sô-đa bằng những ống sậy nhỏ và đang vui vẻ tán gẫu một câu chuyện của những kẻ phong lưu nhàn tản, vợ ông, con gái ông, và cả ba ông bạn đều không thể thiếu được.   
- Hắn là đứa nào ? Hắn là đứa nào ? - Ông thầm hỏi, tay nắm chặt lấy đầu chiếc gậy nặng trịch. Ta sẽ phải phang vỡ sọ đứa nào trong bọn này, đứa nào ?   
Nhưng Ecna hiểu lầm vẻ mặt lo âu, dò xét của ông, đã chạy vội đến trước mặt ông : Ba đây rồi. Ba thân yêu. Chúng con đi tìm ba khắp nơi. Ba xem : ông Mếtuydơ mời bọn con cùng đi chiếc fi-át của ông vòng quanh cả bờ hồ đến tận Điendarô - vừa nói, cô vừa âu yếm đẩy ông về phía bàn, làm như ông còn phải cảm ơn hắn về lời mời đó.   
Bọn đàn ông lễ phép đứng dậy và đưa tay ra bắt. Ông lão run lên. Nhưng ông cảm thấy con gái áp vào cánh tay mình, sự có mặt của nó như một cái gì ấm áp dịu dàng, như một chất ma túy làm ông nguôi hẳn đi. Quyết tâm của ông tan thành mây khói. Ông lần lượt bắt tay mọi người, yên lặng ngồi xuống, rút ở trong túi ra một điếu xì-gà và hai hàm răng cắn chặt, ông nhai nỗi giận của mình trong sợi thuốc mềm. Phía trên đầu ông, câu chuyện vừa bị ngắt quãng lại tiếp tục sôi nổi, họ nói tiếng Pháp và nổi hơn cả là những chuỗi cười giòn tan.   
Ông lão ngồi im lặng, cúi đầu, ông cắn điếu thuốc mạnh đến nỗi nước thuốc màu nâu ứa đầy chân răng.   
Chúng có lý, chúng có lý - ông nghĩ - Người ta có thể nhổ toẹt vào ta. Đến bây giờ mà ta còn bắt tay hắn, đúng thế, bắt tay cả ba đứa mà ta biết chắc rằng trong ba đứa có tên vô lại. Và ta ngồi điềm nhiên ở đây, chung một bàn với hắn. Ta không nghiền nát hắn, phải, đáng lẽ nghiền nát hắn, ta lại lễ phép bắt tay hắn ! Chúng có lý, hoàn toàn có lý, hoàn toàn có lý, nên chúng cười nhạo ta. Và trong câu chuyện của chúng, liệu chúng có để ý đến sự có mặt của ta ở đây hay không ? Hay là chúng coi ta như người đã nằm dưới đất rồi ?   
Vậy mà mẹ con nó, con Ecna và mẹ nó, đã biết rõ là ta không biết một câu tiếng Pháp nào. Cả hai đều biết điều đó, thế mà không đứa nào nói với ta một tiếng để giữ thể diện cho ta, duy nhất chỉ để cho ta khỏi trở nên lố bịch, lố bịch đến kinh khủng như vậy. Đối với mẹ con nó, ta chỉ là một cái gì vớ vẩn, một vật vô tích sự... một vật thừa khó chịu, một vật đáng ngán gây vướng víu, chỉ làm cho người ta xấu hổ, và nếu người ta không vứt nó đi cho khuất mắt, thì chỉ là vì nó kiếm được tiền. Tiền ! Tiền ! Với đồng tiền khốn nạn, dơ bẩn, ta đã làm cho chúng hư hỏng. Đồng tiền trời chu đất diệt.   
Mẹ con nó không nói với ta một lời, vợ ta, con gái ta đẻ ra. Chúng chỉ chú ý đến bọn lười biếng ấy, lũ hợm hĩnh mặt nhẵn thín, áo quần bảnh bao. Hai mẹ con nó cười với chúng, cười ngặt nghẽo như bị cù nôn, y như có bàn tay của bọn táo tợn này rờ rẫm vào da thịt... Còn ta, ta đã bỏ qua tất cả. Ở đây, ta ngồi cạnh chúng, nghe chúng cười, chẳng hiểu chúng cười gì, chẳng hiểu tí gì về những điều chúng nói, vậy mà ta cứ ngồi ì ra đó, trong khi đáng lẽ phải đấm nát mặt chúng ra, đạp vỡ sọ chúng ra. Đúng là phải đánh cho chúng nhừ tử bằng cây gậy của ta, cưỡng bức chúng phải rời xa nhau trước khi chúng lăng nhăng với nhau ngay trước mặt ta. Ta đã cho phép tất cả, ta ngồi đây, câm lặng, ngu ngốc, hèn nhát, hèn nhát.   
- Xin ông cho phép ? - Vừa nói bằng tiếng Đức lơ lớ, tên sĩ quan người Ý cầm lấy bao diêm.   
Đang day dứt với những ý nghĩ phẫn khích, ông lão giật mình và giận dữ nhìn gã kia, nhưng gã không hề nghi ngờ gì cả. Cơn giận của ông vẫn còn bừng bừng. Tay ông co quắp nắm chặt lấy chiếc gậy và hầu như ngay lúc đó miệng ông méo xệch đi, nhưng vẻ nhăn nhó đó biến ngay thành một tiếng cười ngây dại.   
- Ồ, tôi cho phép - ông nói, giọng đầy vẻ châm chọc, nhất định là tôi cho phép. Hà, hà... Tôi cho phép tất cả, các người muốn làm gì cũng được. Tất cả những gì tôi có há chẳng phải thuộc quyền sử dụng của các người đó sao ? Với tôi, người ta có thể tùy tiện muốn làm gì thì làm.   
Viên sĩ quan ngạc nhiên nhìn ông. Không sành tiếng Đức, hắn không hiểu hết. Nhưng tiếng cười gằn và vẻ mặt nhăn nhúm của ông làm hắn chột dạ. Vị Nam tước người Đức bất giác bật dậy và lúc ấy, mặt hai người đàn bà trắng bệch. Không khí phút chốc trở nên căng thẳng và mọi người như ngừng thở, giống như khoảnh khắc ngắn ngủi giữa làn chớp lòe và tiếng sấm nổ. Nhưng vẻ nhăn nhúm dữ tợn trên khuôn mặt ông biến đi, cây gậy tuột khỏi bàn tay co quắp của ông. Như một con chó bị đòn, ông lão co mình lại, đằng hắng ho, đầy vẻ bối rối, hoảng sợ vì vẻ táo tợn của mình.   
Để phá tan tình trạng căng thẳng nặng nề đó, Ecna vội vàng nối lại câu chuyện bỏ dở. Gã Nam tước người Đức vui vẻ trả lời, nhưng rõ ràng còn gượng gạo. Chỉ vài phút sau dòng lời lẽ ào ạt vừa bị ngăn chặn lại tiếp tục tuôn chảy.   
Ông lão ngồi giữa đám người đang trò chuyện mà hoàn toàn ngoài cuộc. Có thể tưởng rằng ông ngủ. Chiếc gậy to gộc tuột khỏi tay ông, lủng lẳng giữa hai chân ông, không còn dùng làm gì. Đầu ông cúi gập mỗi lúc một thấp vào lòng bàn tay. Nhưng chẳng ai để ý đến ông nữa. Vượt lên trên sự yên lặng của ông, câu chuyện vẫn ồn ào như sóng vỗ và đôi khi một chuỗi cười giòn tan tóe lên như bọt sóng lấp lánh vì một câu bông đùa hóm hỉnh. Ông lão vẫn ngồi bất động bên dưới những tiếng ầm ĩ đó, đắm mình trong bóng tối vô tận, chìm ngập trong tủi nhục và đau buồn.

\*   
\* \*

Ba gã đàn ông đứng dậy. Ecna hối hả theo chân, mẹ cô đi thong thả hơn. Theo lời đề nghị hấp dẫn của một vị, họ kéo sang phòng nhạc kế bên. Không ai thấy cần thiết phải mời ông lão cùng đi. Ông lão vẫn ngồi đó, nặng nề rũ người xuống. Sự trống rỗng bỗng chốc vây quanh ông làm ông tỉnh lại như người đang ngủ ban đêm chợt thức dậy hốt hoảng vì chăn đắp tụt khỏi giường và luồng gió lạnh luồng vào cơ thể. Bất giác, ông nhìn chằm chặp vào những chiếc ghế bỏ trống. Nhưng ngay gần đấy, trong phòng nhạc, một điệu jazz giật gân và quyến rũ đã nổi lên mạnh mẽ, ông nghe thấy những chuỗi cười và những tiếng reo hò khích lệ. Họ đang nhảy ở phòng bên. Hừ, nhảy, lúc nào cũng nhảy, chỉ có nhảy là giỏi thôi. Lúc nào cũng kích thích dục tình, lúc nào cũng cọ sát vào nhau một cách khêu gợi cho đến lúc toại nguyện. Nhảy, nhảy buổi chiều, buổi tối, giữa ban ngày, chính đó là thủ thuật mà bọn ăn không ngồi rồi, bọn lười biếng này dùng để câu đàn bà con gái. Giận dữ, ông lão lại cầm chiếc gậy to đùng tiến về phía bọn họ ở phòng bên. Ông dừng lại ngay trên ngưỡng cửa.   
Lão du khách quý tộc người Đức ngồi đàn dương cầm, quay nửa người để có thể vừa đàn vừa xem mọi người nhảy. Hắn bấm phím đàn không cần bản nhạc, chơi tùy hứng một điệu nhạc Mỹ thịnh hành. Ecna nhảy với tên sĩ quan. Bà mẹ phục phịch và khỏe mạnh đu đưa về phía trước và phía sau một cách nhẹ nhàng, nhưng không phải không vất vả trong tay tên bá tước Ubanđi cao cẳng. Nhưng ông lão chỉ chú ý tới Ecna và người cùng nhảy với nó. Con chó săn này đặt nhẹ hai bàn tay ve vuốt của hắn lên đôi vai mềm mại của con bé nom mới khéo làm sao, cứ như con bé hoàn toàn là của hắn. Toàn thân cô gái đu đưa và đắm đuối, đầy vẻ hứa hẹn, áp sát vào tấm thân của hắn mới khắng khít làm sao ! Ngay trước mắt ông, hai tấm thân hầu như hòa làm một lộ rõ một vẻ mê say không còn che giấu được ! Phải, chính hắn, bởi vì hai tấm thân đang uốn éo này bộc lộ rõ rệt ngọn lửa tình gắn bó, sự nồng nàn cảm thông lẫn nhau đã thấm vào máu thịt chúng rồi. Phải, chính hắn, chỉ có thể là hắn thôi. Ông đọc được điều đó trong đôi mắt con gái ông, lim dim nhưng long lanh ngời sáng đang sống lại trong nhịp điệu đu đưa gần như bay bổng này, kỷ niệm đã qua của một niềm hoan lạc say đắm hơn nhiều. Phải, chính hắn, thằng ăn trộm đêm qua đã cuồng nhiệt ôm ấp và lén lút chiếm đoạt tất cả những gì lúc này đang được che nửa kín nửa hở dưới tấm áo mỏng manh và gợn sóng - Con gái ông, con gái ông ! Bất giác, ông lừ đừ đi tới để lôi con gái ra khỏi tay gã đàn ông, nhưng cô con gái không để ý điều đó. Mọi cử động của cô đều buông theo nhịp nhảy, theo đà đưa đẩy của anh bạn nhảy - đứa quyến rũ, đã sai khiến được cô mà cô không hề hay biết. Đầu ngả về phía sau, đôi môi ướt hé mở, hoàn toàn say sưa và mê mẩn, cô lướt nhẹ nhàng trong làn sóng nhạc hoan lạc, không còn cảm thấy không gian xung quanh, không còn ý thức về thời gian, cũng không thấy cả sự có mặt của ông lão, con người run rẩy, thở dốc, mắt đỏ ngầu đang trân trân nhìn cô trong cơn cuồng giận. Cô chỉ cảm thấy có bản thân mình, chân tay đầy sức trẻ của cô cử động thoải mái theo nhịp ngắn của điệu nhảy háo hức quay cuồng. Cô chỉ cảm giác có bản thân, cảm thấy rằng hơi thở của người đàn ông đang thèm muốn mình, một cánh tay cứng cáp đang siết chặt lấy mình, trong sự đung đưa mềm mại này, cô phải cố hết sức mới khỏi ngã vào lòng hắn mà hiến thân với cặp môi say đắm và lửa tình nóng bỏng. Như có phép thần, ông lão cảm thấy rõ tất cả những điều ấy trong chính máu mình, bầu máu đang hoàn toàn nổi loạn. Mỗi khi điệu nhảy đưa Ecna ra xa ông, luôn luôn ông có cảm giác rằng con ông đã biến mất mãi mãi vào vực thẳm.   
Bỗng như có một sợi dây đang rung lên bị đứt, tiếng nhạc ngừng giữa nhịp. Tay Nam tước người Đức nhảy chồm lên :   
- Các vị chơi thế đủ rồi - hắn vừa cười vừa nói - Bây giờ đến lượt tôi nhảy.   
Ông lão đã trấn tỉnh lại. Đã đến lúc phải lên tiếng, chứ không thể đứng ngây ra ở đây, lúng túng khốn khổ như thế này. Vừa lúc đó bà vợ đi qua trước mặt ông, hơi thở còn gấp vì phải dốc sức trong cuộc khiêu vũ, nhưng vẫn hừng hực đầy vẻ mãn nguyện. Cơn giận bỗng làm ông nảy ra một quyết định đột ngột. Ông lại gần vợ và nói bằng một giọng khàn khàn nóng nảy : “ Lại đây, tôi có chuyện cần nói với bà “.   
Bà ngạc nhiên nhìn ông : Những giọt mồ hôi long lanh trên vầng trán xanh xao, mắt bà nhớn nhác. Ông ta muốn gì vậy ? Tại sao lại chọn đúng lúc này đến đây làm phiền mình ? Miệng bà mấp máy đã toan thoái thác. Nhưng thái độ của ông chồng cau có và đầy vẻ hăm dọa đến nỗi bà chợt nhớ tới cơn bùng nổ ban nãy, nên bà miễn cưỡng đi theo ông. Trước khi đi bà ta nói một câu bằng tiếng Pháp : “ Xin lỗi các vị, các vị chờ cho một lát “, vừa nói vừa quay về phía bọn đàn ông với vẻ mặt lịch thiệp.   
Đấy, lại đi xin lỗi họ - ông chồng phật ý nghĩ thầm - ban nãy chúng kéo nhau đi có đứa nào nghĩ đến chuyện xin lỗi ta đâu. Đối với bọn chúng, ta chỉ là một mảnh thảm để chúng dẫm dưới chân. Nhưng chúng có lý, chúng còn có lý nếu ta dung thứ cho chúng điều này.   
Bà đứng chờ, lông mày cau lại một cách nghiêm nghị. Còn ông lão, ông đứng đó, trước mặt bà, như một cậu học trò đứng trước mặt thầy, đôi môi run rẩy.   
- Chuyện gì ? - Cuối cùng bà hỏi, giọng hách dịch.   
- Tôi không muốn, tôi không muốn - ông lắp bắp đầy thất vọng - tôi không muốn mẹ con bà... mẹ con bà giao du với những người ấy.   
- Những người nào ? Bà ta hỏi lại, làm ra bộ chưa hiểu, rồi bà ngước mắt lên đầy phẫn nộ, y như là ông đã xúc phạm đến bà.   
- Bọn kia kìa - ông vừa nói vừa hất hàm về phía phòng nhạc - tôi không ưa, tôi không muốn như thế.   
- Tại sao vậy ?   
“ Lúc nào cũng vẫn cái giọng tra vấn ấy - ông giận dữ nghĩ thầm - cứ làm như ta là đầy tớ của nó “.   
Phẫn khích, ông lắp bắp :   
- Tôi có lý của tôi... có lý hẳn hoi... điều đó tôi không ưa. Tôi không muốn Ecna chuyện trò với lũ ấy. Tôi không cần phải giải thích gì hết.   
- Nếu vậy thì tôi rất lấy làm tiếc - bà từ chối một cách kênh kiệu, không chiều theo ý chồng - tôi cho rằng ba vị này là những người hết sức đứng đắn. Họ là những người bạn tốt hơn nhiều so với những người vẫn lui tới nhà ta.   
- Những người bạn tốt !... Lũ ăn không ngồi rồi này, lũ, lũ...   
Cơn giận làm ông nghẹn cổ không chịu nổi.   
Chợt ông dậm chân :   
- Tôi không muốn... Tôi cấm... Bà hiểu chưa ?   
- Không được - bà lạnh lùng trả lời - tôi không hiểu gì hết. Tôi không biết vì sao tôi lại phải làm hỏng thú vui của con gái tôi ?   
-Thú vui của nó !... Thú vui của nó !...   
Rồi như bị đòn giáng, ông loạng choạng, mặt đỏ dừ và trán đẫm mồ hôi. Bàn tay ông quờ quạng tìm chiếc gậy để chống hoặc để vung lên. Nhưng ông đã quên khuấy mất nó. Nhờ vậy ông trấn tĩnh lại. Ông tự kiềm chế : Một làn hơi nóng chợt lướt qua tim ông. Ông bước lại gần vợ như muốn nắm lấy tay bà. Giọng ông nhỏ hẳn đi, gần như van lơn :   
- Bà... Bà không hiểu đấy thôi. Tôi không muốn cái gì cho bản thân tôi cả. Tôi xin bà điều đó chỉ để... Đấy là lời cầu xin đầu tiên của tôi từ nhiều năm nay. Chúng ta hãy đi khỏi đây ngay, đi Phơlorăng, đi Rôma, đến bất cứ nơi nào mẹ con bà thích. Tôi ưng thuận trước mọi điều. Mẹ con bà có thể sắp đặt mọi việc theo ý thích. Chỉ có điều là chúng ta hãy đi khỏi đây, tôi xin bà. Đi, đi, ngay hôm nay. Tôi không thể chịu đựng tình cảnh đó lâu hơn nữa. Tôi không thể...   
- Ngay hôm nay ? - Bà hỏi lại, trán cau lại vẻ ngạc nhiên và tỏ ý từ chối - Bỏ đi ngay hôm nay ? Nghĩ gì mà kỳ khôi vậy ?... Mà chỉ vì ông không có cảm tình với họ ? Có ai bắt ông phải giao du với họ đâu ?   
Ông lão đứng đó, hai tay giơ lên như van xin.   
- Tôi không thể chịu nổi điều đó, tôi đã nói với bà rồi. Tôi không thể... Tôi không thể... Bà đừng hỏi tôi thêm điều gì nữa, tôi van bà. Và xin bà hãy tin tôi, tôi không thể chịu nổi, tôi không thể. Bà hãy làm cho tôi vừa lòng một chút, một lần, chỉ một lần thôi... Vì tôi...   
Ở đằng kia chiếc dương cầm đã lại làm bật lên những âm thanh giật giọng. Bà nhìn ông, bất giác cảm động vì tiếng kêu xé ruột, xé lòng trong lời lẽ của ông. Nhưng ông lão phì nộn này nom lố bịch quá chừng, mặt mũi đỏ gay như thể ông ta sắp bị chết giấc, cặp mắt dữ dằn và sưng húp, bàn tay thò ra khỏi ống tay áo ngắn cũn cỡn giơ lên run run trong khoảng không. Thật là thương tâm khi nhìn thấy ông trong bộ dạng thảm hại như vậy. Một chút tình cảm ái ngại mới nhen lên trong lòng bà đã tắt ngấm bởi những lời lẽ quyết liệt như sau :   
- Không thể được. Chúng tôi đã nói là ngày hôm nay chúng tôi sẽ đi chơi với họ. Hơn nữa, ngày mai đã đi khỏi đây trong khi ta thuê phòng những ba tuần lễ cơ mà ? Chúng ta sẽ thành trò cười cho thiên hạ... Tôi thấy không có lý do gì mà bỏ đi cả. Tôi ở lại và Ecna cũng vậy...   
- Còn tôi, tôi có thể ra đi một mình phải không ? Ở đây tôi chỉ làm rầy... cản trở... thú vui... của các người !   
Những lời khàn khàn như tiếng thét đã ngắt đôi câu nói cuối cùng của bà vợ. Thân hình nặng nề và lom khom của ông lão vươn thẳng lên : Bàn tay ông nắm lại và trên trán ông, đường mạch máu giận dữ nổi lên giật nhằng nhằng đầy vẻ hăm dọa. Một cái gì còn muốn thoát ra khỏi người ông, hoặc lời nói, hoặc cú đấm... Nhưng đột nhiên, ông quay phắt đi và lảo đảo chạy mỗi lúc một nhanh hơn về phía cầu thang bằng đôi chân nặng nề và ông leo lên bậc thang y như có người đuổi ở sau lưng.

\*   
\* \*

Ông lão vừa thở hồng hộc vừa vội vã leo lên cầu thang. À, miễn là bây giờ ông có thể về đến phòng mình, một mình một bóng để trấn tĩnh lại, nén giận, không làm điều gì điên rồ ! Vừa tới tầng lầu thứ nhất ông đã cảm thấy như có một chiếc vuốt nhọn nóng bỏng đâm thấu vào người ông, xé ruột xé gan ông. Mặt trắng bệch như vôi, ông phải dựa vào tường, người lảo đảo. Ôi ! Cơn đau dữ dội đang nghiền nát ông, nuốt chửng lấy ông như một ngọn lửa. Ông phải nghiến chặt răng để khỏi kêu thành tiếng. Và trong lúc ông rên rỉ, tấm thân tàn của ông gập lại.   
Lập tức ông hiểu ngay : đây là cơn đau mật, một trong những cơn đau ghê gớm thường hành hạ ông thời gian gần đây, nhưng chưa bao giờ lại ác liệt như lần này. “ Cần hết sức tránh sự kích động “, thầy thuốc khuyên như vậy. Và lúc này, giữa cơn đau, ông nhớ lại lời khuyên đó, và giữa cơn đau, ông còn giận dữ đay nghiến :   
- Nói thì dễ “ tránh mọi kích động “... nhưng thưa ông giáo sư, có lẽ lúc nào đó xin ông cho tôi biết người ta phải làm thế nào để khỏi bị xúc động, khi người ta...ồ...ồ...   
Chiếc vuốt nhọn hành hạ cơ thể ông làm ông lão bật lên tiếng rên. Khó nhọc lắm ông mới lết được đến cửa phòng khách, đẩy cửa vào và ngã lên tấm ghế đi-văng, răng cắn vào đệm ghế. Ông vừa nằm xuống, cơn đau dịu đi chút ít, những chiếc vuốt lửa không còn cắm sâu vào ruột gan đầy thương tích của ông một cách hung bạo như lúc trước nữa.   
- Lẽ ra phải áp gạc vào chỗ đau - ông nghĩ - Mình phải uống mấy giọt, bởi vì mỗi lần uống như vậy ta cảm thấy dễ chịu hơn.   
Nhưng không có ai ở đây để đỡ đần ông. Chẳng có ai cả. Còn bản thân ông, ông không đủ sức lê sang gian bên hoặc chỉ đến chỗ bấm chuông.   
- Không có một ai - ông bực bội nghĩ thầm - Ngày nào đấy, ta sẽ chết như một con chó, bởi vì ta biết không phải là cơn đau mật hành hạ ta, mà là cái chết đang phát triển trong ta... Ta biết rõ lắm, ta đến lúc tận số rồi. Và không một giáo sư chuyên khoa nào, không phương thuốc nào có thể cứu được ta nữa. Ở tuổi 65 thì không còn chữa chạy gì được nữa. Ta biết rằng cái đang gặm nhấm ta, đang làm ta hao mòn đi, chính là cái chết. Và một vài năm còn lại của đời ta không thể gọi là cuộc sống nữa, mà chỉ là cơn hấp hối... Tuy nhiên, ta đã sống bao giờ chưa ? Sống vì ta, cho bản thân ta ? Ta đã sống cuộc đời như thế nào chứ, chỉ lo kiếm tiền, kiếm tiền, kiếm tiền... Bao giờ cũng sống vì người khác và bây giờ cuộc sống ấy có ích gì cho ta ? Ta đã có một người vợ, ta đã lấy nàng khi nàng còn trẻ và nàng đã cho ta một đứa con. Hết năm này sang năm khác ta cùng chung nhịp thở, cùng nằm một giường, và bây giờ, bây giờ nàng ở đâu ? Ta không còn nhận được mặt nàng, không nhận ra tiếng nói của nàng nữa. Nàng nói với ta như nói với người xa lạ và không bao giờ nghĩ đến cuộc sống của ta, những gì ta đã gặp phải, những gì làm ta đau khổ, những gì ta suy nghĩ băn khoăn. Đã bao nhiêu năm rồi, nàng trở nên hoàn toàn xa lạ với ta. Vì đâu nên nông nỗi ấy ? Đâu là quá khứ của nàng và ta. Ta đã có một đứa con. Ta đã trông thấy nó lớn lên : những tưởng rằng một cuộc đời thứ hai của ta bắt đầu, sáng sủa hơn, hạnh phúc hơn cuộc đời và bản thân ta đã sống, và thế là trên thế gian này, ta không chết hoàn toàn...   
Vậy mà bao đêm đứa con đó rời xa cha mẹ nó để lăn vào vòng tay những gã đàn ông... Ta sẽ chỉ chết đối với riêng ta, đối với riêng ta... Bởi vì đối với mọi người, hiện nay ta đã chết rồi. Trời ơi ! Trời ơi ! Chưa bao giờ ta cô đơn như lúc này.   
Đôi khi chiếc vuốt khủng khiếp cắm sâu vào ruột gan ông một cách tàn bạo, rồi lại nhả dần ra. Nhưng có nỗi đau đớn khác mỗi lúc một sâu thêm cứ đập mạnh vào thái dương ông... Những nỗi suy tư - những viên sỏi rắn đanh, sắc nhọn, ác nghiệt, và cháy bỏng gây nhức nhối đầu óc ông. A ! Đừng suy nghĩ nữa, đừng suy nghĩ nữa ! Ông lão hăm hở cởi cúc áo khoác và áo ghi-lê. Tấm thân béo tròn của ông, giống như một khối dị hình nặng nhọc run lên dưới áo sơ mi căng phồng. Ông dè dặt ấn tay vào chỗ đau.   
- Ta chỉ còn là một khối thịt đau đớn - ông cảm thấy như thế - chỉ còn là như vậy, chỉ là một tấm da cháy bỏng mà thôi. Và chỉ có cái đó gặm nhấm sự sống của ta, chỉ riêng cái đó còn thuộc về ta, đó là bệnh tật của ta, cái chết của ta. Ta không còn là cái gì khác. Thân phận ta hiện nay không có gì giống với địa vị “ Ủy viên hội đồng “ của ta trước kia. Ta không còn gì cả, không vợ, không con, không tiền bạc, không nhà cửa, không còn việc buôn bán. Cái mà ta cảm giác thấy ở những ngón tay ta, ở cơ thể ta, sự cháy âm ỉ trong cơ thể đang làm ta đau đớn, chỉ có cái đó đối với ta là hiện thực. Mọi cái khác đều là điên rồ, là vô nghĩa... Bởi vì cái làm ta đau thì chỉ mình ta cảm thấy đau... điều làm ta lo lắng thì chỉ mình ta lo lắng thôi... Không ai hiểu ta nữa, mà ta cũng chẳng còn hiểu được ai...   
“ Ta chỉ có một mình đối diện với chính mình, chưa bao giờ ta thấu hiểu điều đó như bây giờ. Nhưng đến lúc này ta mới biết điều đó, lúc này ta nằm đây và cảm thấy cái chết đã lan rộng trong bản thân ta, lúc này muộn quá rồi, ở tuổi 65 của ta, trong lúc ta sắp chấm dứt cuộc đời một cách thảm hại, thì cũng đúng lúc này, vợ con ta đang nhảy nhót, đi dạo hoặc đú đởn, những mụ đàn bà vô sỉ ấy, và lúc này, ta chợt thấy rằng trước đây ta chỉ sống vì họ, mà họ thì hoàn toàn vô ơn bạc nghĩa và chưa bao giờ, chưa một giờ nào ta sống   
cho bản thân ta... Nhưng vì sao bao giờ ta cũng lo lắng cho họ ?... Họ còn có cái gì chung với ta không ?... Vì sao ta nghĩ đến họ, mà họ chẳng khi nào đoái hoài đến ta ?... Thà chết rụi như một con vật còn hơn đón nhận lòng thương của họ... Thử hỏi ta còn có cái gì cùng với vợ con ta nữa hay không ?... “   
Dần dần, cơn đau lui từng bước và dứt hẳn : Bàn tay quái ác không còn thọc ngoáy trong cơ thể bị hành hạ của ông như chiếc vuốt sắc nóng bỏng nữa. Chỉ còn lại một cái gì âm ỉ không đáng gọi là sự đau đớn, một cái gì kỳ lạ đè nặng lên ông và tuồng như đang đào khoét một đường ngầm bên trong cơ thể ông.   
Ông lão nằm phủ phục ở đó, mắt nhắm nghiền; tất cả sức chú ý của ông tập trung vào cái nó đang xâu xé ông, tiêu hủy ông một cách từ tốn như vậy : Ông tưởng như một sức mạnh kỳ lạ và chưa hề biết đục khoét cơ thể ông, lúc đầu bằng dụng cụ sắc nhọn và hiện giờ bằng một dụng cụ còn hơn nhiều. Ông cảm thấy hình như có cái gì tan rã và tuột ra từng sợi ở phía bên trong không sao nhìn thấy được của cơ thể ông. Cái đó không cấu xé ông dữ dội nữa, không làm ông đau đớn nữa. Tuy nhiên ở đó có cái gì âm ỉ đang lặng lẽ tàn phá cơ thể ông, có cái gì bắt đầu chết lịm.   
Tất cả những gì ông đã sống, tất cả những gì ông hằng yêu mến đều qua ngọn lửa âm ỉ mà cháy đen và bốc khói trước khi rã ra, biến thành than và lả tả rơi xuống trong đống tro ấm của sự dửng dưng. Có cái gì đang hoàn tất khi ông nằm đấy giận dữ ôn lại đời mình. Có cái gì sắp chấm dứt. Chuyện gì đã xảy ra vậy. Ông đang ở đây mà chờ đợi, mà rình rập bản thân mình.   
Và dần dần, trái tim ông bắt đầu tàn tạ.

\*   
\* \*

Ông nằm đó, mắt nhắm nghiền, ông lão già trong căn phòng tràn ngập bóng hoàng hôn. Ông vẫn còn nửa thức nửa ngủ. Và trong lúc nửa thức nửa ngủ như vậy, ông mơ hồ cảm thấy những ấn tượng kỳ lạ : Ông cảm thấy từ đâu đó (từ một vết thương không đau đớn mà ông không hề hay biết), có cái gì ươn ướt, có cái gì nong nóng đang nhẹ nhàng chảy không một tiếng động vào trong nội tạng ông. Ông thấy hình như có máu chảy trong chính máu ông. Sự tràn chảy vô hình ấy rất yếu ớt, không làm ông đau đớn. Như những giọt nước mắt chảy từ từ, âm ấm lúc chảy lúc ngừng, những giọt máu cũng rơi xuống như vậy và mỗi giọt lại rơi đúng vào trái tim ông. Nhưng trái tim, trái tim đắm chìm trong bóng tối không gây nên một tiếng động nào, nó yên lặng hấp thụ làn sóng xa lạ đó. Nó hấp thụ như miếng bọt bể hút nước, trở nên nặng hơn và mỗi lúc một nặng thêm nhiều, đến lúc nó căng phồng lên, đến lúc nó sưng vù lên trong lồng ngực chật hẹp của ông. Dần dần trái tim đầy ứ và nặng quá mức, nó bắt đầu sa xuống, kéo căng các dây chằng, làm giãn các bắp thịt căng thẳng. Nó luôn luôn đau đớn, đè ép và trĩu nặng thêm, trở nên to đùng và chúi xuống theo sức nặng của chính nó. Và lúc này (đau đớn làm sao !) bộ phận nặng nề đó tuột ra, bắt đầu tuột xuống, không một cử động, không bị giằng xé, trái tim ông từ từ tuột khỏi dây chằng của các bắp thịt, nó rơi rất chậm, không rơi như viên đá, không như quả chín rụng ? Không phải vậy, như một miếng bọt bể thấm đầy ứ chất lỏng, nó sà thấp xuống, mỗi lúc một thấp hơn trong cái gì âm ấm và trống rỗng, ở đâu đó, trong một không gian không có tên gọi, ở ngoài bản thân ông, và giống như đêm tối mênh mông, vô tận. Và đột nhiên một sự yên lặng rùng rợn phát sinh ở chính nơi mà vừa ban nãy hãy còn trái tim nóng hổi và máu chảy từng giọt : ở đó có một chỗ rạn nứt, một khoảng trống bất trắc và băng giá. Không còn nghe thấy tiếng nhịp đập, không còn nghe thấy tiếng giỏ giọt : phía bên trong đã trở nên hoàn toàn câm lặng và chết hẳn. Và, lồng ngực ông, đen tối, trống rỗng như chiếc quan tài, run rẩy, căng phồng, bọc lấy khoảng không câm lặng, huyền bí.   
Cảm giác mơ màng mà ông đắm chìm trong đó khá mạnh và nỗi hoảng loạn sâu sắc, đến nỗi lúc tỉnh dậy, ông lão đưa tay lên ngực xem trái tim mình còn hay mất. Nhưng ơn trời ! Hãy còn nhịp đập trầm đục dưới ngón tay ông, nhưng dường như đó chỉ là tiếng đập nghẽn tắc vang lên trong khoảng trống, còn trái tim ông hình như không còn nữa. Quả vậy, thật là kỳ quái, ông có cảm giác rằng cơ thể của ông lại vùng thoát khỏi bản thân ông. Không còn cơn đau nào dày vò ông nữa, không còn hoài niệm nào làm cho cái thần kinh vốn đã rệu rã của ông đau đớn nữa. Tất cả trong cơ thể ông đều câm lặng, cứng đờ và trở nên chai đá.   
- Thế là thế nào ? - Ông nghĩ - chỉ một lát trước đây ta đã bị giày vò đau đớn đến như thế. Toàn thân ta bốc lửa, bị đè ép, mọi thớ thịt trong cơ thể ta rung động nhức nhối. Cái gì đã xảy đến với ta ?   
Ông nghe ngóng, như nghe bên trong một cái gì trống rỗng để xem còn thấy cái gì động đậy như lúc nãy hay không. Nhưng tiếng tràn chảy và tiếng động đó, tiếng giỏ giọt và tiếng đập đó đã mất hẳn. Ông lắng nghe, nghe mãi, không còn có tiếng gì vang lên nữa. Không còn gì day dứt ông nữa, không còn cái gì đau đớn nữa : chắc chắn là toàn thân ông giờ đây đang trống rỗng và đen tối như một khoảng rỗng của thân cây đã cháy thành than... và bỗng nhiên ông cảm thấy mình đã chết hoặc là có cái gì trong ông đã chết. Cái im lặng do máu ngừng chảy mới khủng khiếp làm sao ! Cơ thể ông giá lạnh như một thây ma và ông sợ không dám đặt bàn tay nóng lên mình ông nữa.

\*   
\* \*

Ông lão nghe ngóng mãi bên trong bản thân mình : ông không nghe thấy tiếng chuông điểm giờ trên mặt hồ vọng vào phòng ông như mọi khi, mỗi tiếng chuông đổ hồi đều mang theo một chút bóng hoàng hôn. Xung quanh ông bóng đêm đã tràn khắp, bóng tối đã xóa đi mọi vật trong không gian và bản thân không gian cũng nhòa dần cho đến mảng trời sáng mờ trong ô cửa cũng tắt hẳn trong đêm tối. Ông lão không để ý đến quang cảnh ấy. Tất cả sức chú ý của ông tập trung vào cái vật màu đen trong người ông, ông chỉ dỏng tai nghe khoảng trống trong cơ thể ông, giống như ông tự nhốt kín trong cái chết của bản thân mình.   
Cuối cùng, trong phòng bên có tiếng cười nói vui vẻ, ánh đèn dọi vào ở bên cạnh, tia sáng lọt qua cánh cửa chỉ khép hờ. Ông lão hoảng hốt : vợ ông, con gái ông ! Họ sắp nhìn thấy ông nằm nghỉ trên giường và sẽ hỏi han. Ông cài nhanh cúc áo khoác và áo gi-lê : Họ cần gì phải biết việc ông vừa bị một cơn đau ? Điều đó có bận gì đến họ ?   
Nhưng hai người đàn bà không tìm ông : rõ ràng là họ khá vội : chuông báo bữa ăn chiều đã giục đến lần thứ ba. Cả hai có lẽ đang trang sức : ông lão dỏng tai rình nghe từng tiếng cử động của vợ con ông lọt qua cánh cửa hé mở. Họ mở ngăn kéo, tháo nhẫn, tiếng nhẫn để lên bàn nghe rất nhẹ, liền đó tiếng dép quệt nhẹ trên sàn, và trong suốt thời gian trang điểm, họ trao đổi chuyện trò, ác một nỗi từng lời từng lời vẫn cứ như rót vào tai ông lão, nghe rõ mồn một.   
Lúc đầu họ nói về mấy ông bạn nhảy, chế giễu bọn chúng và về vài chuyện bất ngờ vặt vãnh trong cuộc đi dạo bằng xe.   
- Ba đâu rồi nhỉ ? - Ecna hỏi, cô gái lấy làm ngạc nhiên về việc đã không nghĩ đến cha sớm hơn.   
- Mẹ biết đâu đấy ? - Tiếng bà mẹ đáp, rõ ràng là bực bội khi phải trả lời câu hỏi đó - Có lẽ ông ấy chờ mẹ con mình ở dưới nhà, trong phòng lớn; trong lúc ngồi đợi có dễ ông ấy đọc đến lần thứ một trăm bản tin thị trường chứng khoán trong tờ “ Frăng pho nhật báo “ bởi vì ngoài điều đó ra, không có gì làm ông ta hứng thú hết. Con có tin là ông ta đã có lần nào ngắm mặt hồ không ? Ông ấy nói với mẹ trưa nay là ông không thích ở đây nữa. Ông ấy còn muốn cả nhà đi khỏi đây ngay ngày hôm nay.   
- Đi ngay ngày hôm nay ! Vì sao vậy ? - Tiếng Ecna hỏi lại.   
- Mẹ không biết. Ai mà biết được ông ấy nghĩ cái quái quỉ gì. Các ông bạn của mẹ con ta không vừa ý ông ấy, rõ ràng là ông ta có ác cảm với họ. Cũng có thể ông ta tự thấy mình lạc điệu giữa bọn họ. Quả thật là xấu hổ về cách ăn mặc của ông già, áo quần lúc nào cũng nhầu nát, cổ áo thì quăn queo... Con phải nhắc và khuyên ông ấy nên ăn mặc cẩn thận hơn một chút, ít nhất là vào buổi tối, bởi con nói ông già còn chịu nghe. Lại còn sáng nay nữa chứ... mẹ chỉ muốn chui xuống đất cho khỏi ngượng, lúc ông ta chửi bới ầm ĩ chỉ vì ngài sĩ quan hỏi mượn ông bao diêm...   
- Vâng, nhưng thế là thế nào hở mẹ ? Con định hỏi lại ba xem, lúc đó ba làm sao thế nhỉ ? Chưa bao giờ con thấy ba như vậy, con hoảng quá.   
- Ôi dào ! Bực bõ cái gì đấy thôi. Có thể là giá hối đoái hạ xuống; cũng có thể do chúng mình nói chuyện với nhau bằng tiếng Pháp cũng nên. Cứ thấy người khác vui vẻ là ông ta không chịu nổi. Con không thấy ư, trong lúc chúng ta nhảy, ông ấy đứng trên ngưỡng cửa cứ như là tên sát nhân nấp sau một thân cây. Đi ! Đi khỏi đây ngay lập tức ! Mà chỉ vì đột nhiên ông ta nổi cơn hâm thế thôi. Nếu ông ta không thích ở đây thì cũng chẳng phải vì thế mà mẹ con ta phải chịu bỏ thú vui tiêu khiển của mình. Nhưng thôi, ông ta lẩm cẩm thì mặc ông ta. Cứ kệ cho ông ấy muốn nói gì thì nói, muốn làm gì thì làm.   
Câu chuyện ngừng lại. Có lẽ vì trong lúc chuyện trò, họ đã trang điểm xong để đi ăn bữa chiều. Quả vậy, cánh cửa bật mở và lúc này họ ra khỏi phòng. Có tiếng “ tách “ của công tắc điện và đèn tắt. Ông lão ngồi lặng ngắt trên ghế đi văng. Ông đã nghe rõ từng lời, nhưng lạ một nỗi, ông không hề cảm thấy đau đớn chút nào. Trong ngực ông cái chuyển động quái ác như máy đồng hồ ban nãy còn vang lên đều đều trong ngực ông và cấu xé ông, bây giờ đã câm bặt. Có lẽ máy đã vỡ tan rồi. Câu chuyện ông vừa bất chợt nghe được không làm ông rung động một chút nào nữa...   
Không chút giận dữ, không chút hận thù. Không còn gì hết. Ông yên lặng cài cúc áo quần, cẩn thận bước xuống cầu thang và ngồi vào bàn ăn bên cạnh vợ con, y như họ là những người xa lạ.   
Tối hôm ấy ông không nói một lời. Hai mẹ con không hề để ý đến sự yên lặng đó, nó như một quả đấm hăm dọa hằn học.   
Không chào, không hỏi, ông trở về buồng mình, nằm lên giường và tắt đèn. Khuya lắm vợ ông mới trở về sau cuộc chuyện trò vui vẻ, đoán là ông đã ngủ, bà thay quần áo trong bóng tối. Lát sau, ông đã nghe thấy hơi thở nặng nề và đều đều của bà. Ông lão nằm trơ trọi một mình, mắt đăm đăm nhìn vào khoảng không vô tận của đêm tối. Bên cạnh ông, một vật gì lù lù nằm trong bóng tối và thở sâu. Ông cố gắng lắm mới nhớ lại được cái thân thể cùng thở một bầu không khí trong cùng một căn buồng với ông là cái thân thể mà ông đã biết từ khi nó còn trẻ trung và nồng nhiệt đã cho ông một đứa con, một tấm thân đã gắn với ông bằng mối liên hệ bí hiểm và sâu xa nhất của máu huyết. Ông lại phải cố gắng nữa mới nghĩ được rằng cái con người ấm áp và mềm mại đang nằm bên cạnh ông, tay ông có thể sờ thấy được, đã từng là một cuộc đời trong đời ông. Nhưng kỳ lạ thay, kỷ niệm đó không hề gợi lên trong ông một tình cảm nào. Và tiếng thở của bà đối với ông không khác gì tiếng rạt rào của những gợn sóng lăn tăn dội vào đá sỏi bên bờ hồ mà ông nghe vọng qua cửa sổ. Tất cả trở nên xa xôi và vô nghĩa đối với ông; nó chỉ còn là một cái tình cờ, bất thần và xa lạ. Thế là hết, mãi mãi hết rồi.   
Tuy nhiên, ông lại rùng mình một lần nữa : cánh cửa buồng con gái ông ở phòng bên có tiếng mở nhẹ nhàng và vụng trộm : “ Thế là nó lại bắt đầu ! “ Và ông cảm thấy trái tim ông mà ông tưởng là đã chết lại nhói lên một cái đau nhức nhối. Ở đó, trong một giây, có cái gì rung lên như một sợi thần kinh trước khi hoàn toàn tê liệt. Cảm giác đó cũng qua đi ngay tức khắc.   
- Thôi, mặc nó muốn làm gì thì làm. Có bận gì đến ta nữa đâu ?   
Và ông lão lại ngã vật xuống gối. Bóng đêm nhè nhẹ ve vuốt hai bên thái dương nhức nhối của ông và có cái gì xanh mát tràn vào máu ông đem lại sự bình yên. Rồi giấc ngủ nhẹ nhàng đưa mọi giác quan đã mòn mỏi của ông chìm trong đêm tối.

\*   
\* \*

Sáng hôm sau lúc thức dậy, bà vợ đã thấy ông mũ áo chỉnh tề.   
- Ông làm gì vậy ? - Bà hỏi, giọng còn đang ngái ngủ.   
Ông không quay lại và thản nhiên tiếp tục xếp quần áo ngủ vào va-li.   
- Bà biết rồi, tôi thu xếp đi về. Tôi chỉ mang theo những thứ cần thiết, còn lại thứ gì bà gửi sau về cho tôi.   
Vợ ông phát hoảng. Thế là thế nào ? Chưa bao giờ bà nghe thấy ông nói với cái giọng như vậy : mỗi lời ông nói ra đều giá băng và rít lên giữa hai hàm răng. Bà đứng vội lên và nói :   
- Ông chưa đi chứ ? Hãy khoan, đợi mẹ con tôi cùng đi. Tôi đã bảo con Ecna rồi.   
Nhưng ông lắc đầu quầy quậy :   
- Không... không... khỏi phiền bà.   
Và không ngoái lại, ông lần từng bước ra phía cửa. Muốn xoay núm cửa, ông phải đặt va-li xuống sàn nhà một lúc. Trong giây lát rung động ấy, ông nhớ lại có đến hàng ngàn lần, ông đã phải đặt va-li hàng mẫu xuống như thế này ở cửa nhà người ta trước khi đi ra, vồn vã cúi gập người chào khách hàng, khúm núm đề nghị lần sau khách cần gì xin cứ vời đến mình. Nhưng ở đây, không có gì phải cầu xin và cũng không cần phải chào ai cả. Không nhìn lại, không nói một lời, ông nhấc cái túi du lịch lên, kéo cánh cửa nhưkéo tấm rào ngăn cách giữa ông và quãng đời quá khứ của mình.

\*   
\* \*

Bà mẹ và cô con gái không hiểu hết sự tình, nhưng việc ông lão bỏ đi đột ngột, lạ kỳ như vậy, làm cả hai mẹ con lo ngại. Liền sau đó, họ viết cho ông những bức thư thanh minh dài dòng, cho rằng có sự hiểu lầm, lời lẽ trong thư khá là âu yếm; họ ân cần hỏi han ông đi ra sao, về đến nhà thế nào, và đột nhiên họ ngỏ ý sẵn sàng trở về bất cứ lúc nào. Ông không trả lời. Họ lại viết thư tha thiết hơn, họ đánh điện cho ông : vẫn tuyệt nhiên không có hồi âm. Họ chỉ được phòng giấy của ông gửi đến cho số tiền mà họ hỏi xin trong một bức thư. Đó là ngân phiếu đóng dấu của hãng buôn, không một lời giải thích, không một câu thăm hỏi nào kèm theo.   
Tình thế khó hiểu và nhục nhã như vậy khiến cả hai nhanh chóng trở về. Mặc dầu họ đã đánh điện báo tin ngày về, nhưng chẳng ai ra ga đón họ, ngay cả tại nhà cũng chẳng chuẩn bị gì để đón họ cả : theo gia nhân kể lại, ông lão lơ đãng để bức điện trên bàn và bỏ đi không một lời dặn lại.   
Buổi tối, hai mẹ con đã ngồi vào bàn ăn thì có tiếng cửa mở. Cả hai nhảy bổ đến trước mặt ông. Ông ngạc nhiên nhìn họ, rõ ràng là ông quên khuấy bức điện, nhưng vẻ mặt ông không biểu lộ chút tình cảm đặc biệt nào. Ông dửng dưng để con gái hôn và đưa ông sang phòng ăn, tại đấy, ông mặc cho họ nói, không hỏi lại câu nào. Ông yên lặng hút thuốc, đôi khi trả lời nhát gừng, nhưng thường không để ý đến câu hỏi của họ, cũng không để tâm đến lời họ nói; có thể cho rằng ông ngủ trong khi mắt vẫn mở. Rồi ông ì ạch đứng dậy, đi về buồng riêng. Những ngày sau đó, cũng vẫn như vậy.   
Bà vợ lo ngại tìm cách bắt chuyện với ông, nhưng vô ích, bà càng gợi chuyện thì ông càng lảng tránh. Có cái gì trong ông đã khép kín lại rồi, không có cách nào mở được. Nẻo đường dẫn vào tâm hồn ông đã bị chặn lấp. Ông vẫn tiếp tục ăn uống với vợ con. Khi có khách đến chơi, ông vẫn ngồi đó một lát, đắm chìm trong suy tưởng. Ông không quan tâm gì hết và giữa câu chuyện, bất chợt có người nhìn vào mắt ông, họ cảm thấy bứt dứt khi bắt gặp cái nhìn đờ đẫn như mắt người chết của ông lướt qua họ mà có vẻ không nhận ra ai.   
Ngay cả những người xa lạ nhất cũng nhận thấy ông lão mỗi ngày một thêm kỳ quặc. Những người quen biết ông khi gặp ông ngoài đường phố đã bắt đầu kín đáo huých tay nhau : ông già, một trong những người giàu nhất thành phố, đi dọc theo bờ tường như thằng ăn mày, mũ nhàu nát, đội lệch, áo khoác đầy tàn thuốc lá lần từng bước loạng choạng đến lạ kỳ và thường khi lẩm bẩm một mình. Có ai chào, ông ngước nhìn hoảng hốt; có ai hỏi, ông nhìn trừng vào mắt họ như không hiểu người ta nói gì với mình và ông quên giơ tay ra bắt. Lúc đầu có người cho rằng ông lão bị điếc và họ gào to, nhắc lại lời họ vừa nói. Nhưng không phải ông điếc, bao giờ ông cũng mất một lúc để ra khỏi giấc ngủ nội tâm mà ông đang triền miên trong đó, và nhiều khi ngay cả lúc đang nói chuyện, ông lại rơi vào trạng thái ngây dại đặc biệt. Lúc đó, đột nhiên ánh mắt ông tắt lịm, ông vội vàng cắt đứt câu chuyện và lảo đảo bỏ đi, không để ý đến sự chưng hửng của người đối thoại với mình. Lúc nào ông cũng như vừa thoát khỏi giấc mơ mịt mù hoặc vừa dứt ra khỏi nỗi bận tâm u ám của riêng mình. Người ta thấy đối với ông, mọi người xung quanh không còn tồn tại nữa. Ông không hỏi thăm tin tức của ai hết. Ngay trong nhà ông, ông không để tâm đến sự thất vọng rầu rĩ của bà vợ, cũng không quan tâm đến những câu hỏi băn khoăn của cô con gái. Ông không hề đọc bất cứ tờ báo nào, không để tai nghe bất cứ câu chuyện nào. Không một lời nói, không một câu hỏi nào có thể phá tan tấm màn rầu rĩ của sự thờ ơ bao phủ quanh ông, dù chỉ trong chốc lát. Ngay cả cái giới xã hội mà ông quan tâm nhất - giới thương mại - đối với ông cũng trở nên xa lạ.   
Đôi khi ông còn đến ngồi bàn giấy lãnh đạm ký giấy tờ. Nhưng một giờ sau, khi người thư ký vào nhận lại giấy tờ giao dịch, anh ta vẫn thấy ông lão ngồi đúng tư thế như lúc anh đi ra, đang mơ màng, với cái nhìn trống rỗng bên trên đống giấy mà ông không buồn đọc. Cuối cùng, ông tự thấy mình là người hoàn toàn vô ích và ông không tới làm việc nữa.   
Nhưng điều lạ lùng nhất, làm cả thành phố ngạc nhiên : ông lão chưa bao giờ là tín đồ ngoan đạo của giáo khu, bỗng trở nên con người sùng tín. Trong khi ông tỏ ra thờ ơ với mọi sự đời và luôn luôn sai giờ ăn, trễ giờ hẹn, thì ông lại không hề vắng mặt buổi nào ở nhà thờ vào giờ nhất định : Ở đó, đội mũ lụa đen, khoác trên vai áo choàng cầu nguyện, bao giờ ông cũng ngồi ở một chỗ nhất định, đúng chiếc ghế, vừa lắc lư, vừa tụng thánh kinh. Tại đây, ở cái nơi   
nửa hoang vắng này, nơi mà những lời cầu nguyện vang lên dị thường và u buồn quanh ông, ông cảm thấy dễ chịu hơn cả, một mình với chính mình và những lúc đó sự bằng an tỏa xuống tâm trí rối loạn của ông, hòa hợp tốt lành với bóng tối trong lồng ngực của chính ông. Nhưng nếu người ta đọc kinh cầu hồn cho người chết, và khi ông không thấy cha mẹ, con cái, bạn bè thân thích của người quá cố xúc động vì trách nhiệm mình đã làm tròn với người đã khuất, và họ nghiêng mình làm lễ cầu xin Thượng đế khoan dung cho người xấu số, mắt ông thường tối sầm lại : ông tự biết ông là người cuối cùng. Sẽ không có ai cầu nguyện cho ông một lời. Và thế là ông thầm thì cầu kinh một cách sùng kính cùng mọi người, nhưng vừa làm ông vừa nghĩ đến bản thân như nghĩ đến người đã chết.   
Có lần, đã khuya, ông vừa đi lang thang đâu về, trời bắt đầu mưa. Như mọi ngày, ông quên mang ô. Chỉ cần ít tiền là ông có thể thuê được xe về, hoặc chỉ cần đứng trú chân dưới một cánh cổng hay một mái che nào đó, chờ cơn mưa rào tạnh hẳn, nhưng ông lão kỳ quặc này vẫn thản nhiên tiếp tục chân nam đá chân chiêu bước đi dưới trời mưa. Trên chiếc mũ dúm dó đọng lại một vũng nước, chảy xuống, còn từ cánh tay áo ướt đẫm, nước xối xuống chân như suối. Ông không để ý, cứ tiếp tục lật đật bước đi một mình trên đường phố vắng tanh. Toàn thân ông ướt sũng, nước chảy ròng ròng, giống như một tên du đãng hơn là chủ nhân một biệt thự đồ sộ, nơi ông sắp trở về. Vừa đến cổng nhà thì đúng lúc một chiếc ô tô rọi chùm ánh sáng đèn pha ra phía trước, dừng lại ngay cạnh ông và lùi lại, làm bắn tung tóe nước bùn vào người khách bộ hành lơ đễnh.   
Cửa xe bật mở và từ trong xe có điện sáng, bà vợ ông nhanh nhẹn bước xuống, theo sau là ông khách sang trọng cầm dù che cho bà, rồi đến một ông nữa. Họ chạm trán nhau đứng trước cửa nhà. Bà vợ nhận ra ông và hoảng sợ khi thấy quần áo ông sũng nước, trông không còn ra hình thù gì nữa, giống như một gói đồ vừa vớt dưới sông lên. Bất giác bà quay đi. Ông lão hiểu ngay : bà ta xấu hổ vì ông trước mặt bọn khách. Và không xúc động, không một chút đắng cay, lại muốn tránh cho bà khỏi phải giới thiệu ông với khách, ông dấn thêm mấy bước như một người lạ, đi lối cửa phụ (1) và lặng lẽ vào nhà.   
Từ hôm ấy ngay trong nhà mình, ông lão chỉ đi lại bằng cửa phụ : ở đấy, ông chắc chắn là không gặp ai, ở đấy ông không làm phiền ai, mà cũng không ai làm phiền ông cả. Ông cũng thôi không ăn ở bàn ăn chung nữa. Đến bữa, một bà giúp việc mang đồ ăn đến buồng riêng cho ông. Một vài lần, khi bà vợ hoặc cô con gái thử lân la vào gần ông, ông cằn nhằn, đẩy họ ra bằng những cử chỉ lúng túng nhưng kiên quyết. Cuối cùng, họ để mặc ông một mình. Họ mất cả thói quen chăm sóc ông, và ông cũng thôi không bận tâm gì đến mọi việc xảy ra trong nhà nữa. Thường thường qua cái vách ngăn, tiếng ồn của những chuỗi cười và đàn địch từ các căn buồng vẫn lọt đến tai ông, nhưng bây giờ đã trở nên xa lạ đối với ông. Ông nghe thấy ở bên ngoài tiếng xe tiến đến trước cửa, rồi lại ầm ĩ kéo đi, cứ như thế cho đến tận một giờ sáng. Nhưng ông dửng dưng với tất cả mọi chuyện, chẳng buồn ngó qua cửa sổ bao giờ. Điều đó có quan hệ gì đến ông nữa. Chỉ có con chó đôi khi còn đến gần ông và nằm ngay trước giường của con người bị bỏ quên.

\*   
\* \*

Trái tim đã chết của ông không còn cảm thấy gì đau đớn nữa. Nhưng trong cơ thể ông, con chuột chũi đen thui vẫn tiếp tục đào bới và cắn xé hung dữ làn da thịt còn máy động của ông. Những cơn đau cứ nhiều thêm từ tuần này sang tuần khác : Cuối cùng cực hình trở nên quá lớn đến nỗi ông phải nghe lời năn nỉ của thầy thuốc mời một bác sĩ chuyên khoa thăm bệnh. Sau khi thăm bệnh, vị giáo sư vẻ mặt nghiêm trọng. Với thái độ dè dặt khôn khéo, giáo sư tuyên bố cần phải giải phẫu. Nhưng ông lão không hề hoảng sợ. Ông chỉ buồn bã mỉm cười : Ơn trời, đã đến lúc sắp sửa kết thúc, kết thúc cơn hấp hối. Bây giờ, giải pháp tốt nhất đã đến : Cái chết. Ông yêu cầu thầy thuốc không nói gì cho gia đình ông biết. Ông hỏi ngày giờ và sửa soạn sẵn sàng.   
Một lần cuối cùng, ông đến phòng giấy (ở đây không ai đợi chờ ông nữa và mọi người đã coi ông như một người xa lạ). Ông ngồi một lần nữa vào chiếc ghế bành cao, cũ kỹ, bọc da đen mà trong ba mươi năm qua ông đã ngồi ở đó hàng nghìn, hàng nghìn giờ, ông bảo lấy quyển ngân phiếu và viết vào một trang. Ông mang tờ ngân phiếu đến ông thị trưởng làm ông ta phát hoảng vì tổng số tiền quá lớn. Số tiền này dùng cho công việc từ thiện và cho việc xây dựng mộ ông. Để tránh mọi lời cảm ơn, ông vội vã cáo lui, bước loạng choạng đến nỗi đánh rơi cả mũ, nhưng ông cũng chẳng buồn cúi xuống nhặt nữa. Và đầu để trần, mắt nhìn buồn bã, khuôn mặt nhăn nhúm và vàng vọt vì bệnh tật, ông lật đật (mọi người ngạc nhiên nhìn ông) đi đến nghĩa trang, nơi có mộ cha mẹ ông. Tại đây, một vài kẻ ăn không ngồi rồi lại ngạc nhiên lần nữa : ông thầm thì thật lâu với những phiến đá trên mộ đã bị xói mòn như nói chuyện với người đang sống. Không biết ông báo tin cho song thân ông biết ông sắp đi theo họ, hay là ông cầu xin các người phù hộ cho ông... Không ai nghe rõ ông nói gì : chỉ thấy trong lúc ông cầu nguyện, cặp môi mấp máy không thành tiếng, và đầu ông đung đưa, cúi gầm mãi xuống. Khi đi ra, những người ăn xin vốn biết rõ ông, chạy vội đến xúm xít quanh ông. Ông vội vàng móc túi lấy ra những đồng tiền và những tờ giấy bạc cho họ. Vừa lúc ông đã phân phát hết tiền thì một bà già mặt mũi nhăn nheo cũng đến xin ông. Bà ta đến chậm vì chân khập khiễng. Bối rối, ông lục hết các túi mà không còn gì. Nhưng ở ngón tay ông còn cảm thấy vướng víu một vật lạ, nằng nặng : chiếc nhẫn cưới của ông. Một kỷ niệm thoáng qua. Ông vội vàng tháo nhẫn và đưa cho người đàn bà làm bà ta sững sờ.   
Thế là, không còn lại một chút gì cho bản thân mình, hoàn toàn trắng tay và trơ trọi một mình, ông lão bước lên bàn mổ.

\*   
\* \*

Khi ông lão tỉnh lại lần cuối, thoát khỏi tình trạng gây mê, các thầy thuốc thấy tình hình nghiêm trọng, cho gọi vợ con ông đến. Lúc ấy, vợ và con gái cũng đã biết tin. Con mắt ông khó nhọc lắm mới nhấc nổi cặp mi viền quầng xanh.   
- Tôi ở đâu thế này ? - Hình như ông nói vậy, mắt đăm đăm nhìn thẳng vào màu trắng xa lạ của căn phòng mà ông chưa thấy bao giờ.   
Lúc ấy con gái ông cúi xuống toan đưa tay vuốt ve gương mặt tàn tạ đáng thương của ông thì bỗng nhiên đồng tử lờ đờ như mắt người mù động đậy, dường như nó nhận ra con người đứng đó. Có ánh sáng, một chút ánh sáng hé lên trong con ngươi. Đúng là nó đấy, con gái ông, đứa con gái dịu dàng và xinh đẹp. Từ từ, rất từ từ, cặp môi cay đắng của ông hé ra : một nụ cười, một nụ cười rất nhỏ nhẹ rụt rè thoáng hiện trên cái miệng mím chặt của ông đã mất thói quen cười từ lâu. Và thực sự xúc động trước nỗi vui mừng cực nhọc đó, Ecna cúi nữa xuống để hôn cặp má nhợt nhạt của cha.   
Nhưng bỗng nhiên - không biết vì mùi thơm nhàn nhạt của nước hoa làm ông nhớ lại, hay là bộ óc đã gần tê liệt làm ông nhớ lại cái giờ phút phũ phàng mà ông đã lãng quên - nét mặt ông một lát trước đó còn rạng lên niềm hạnh phúc, đột nhiên biến đổi một cách đáng sợ. Đôi môi nhợt nhạt co dúm lại đầy hận thù dữ dội trong khi bàn tay ở dưới chăn đang cố gắng nhấc mạnh lên như để xua đuổi một vật gì ghê gớm và toàn thân bị thương tổn của ông run lên vì giận dữ.   
- Lùi ra... lùi ra... cặp môi nhợt nhạt của ông lão lắp bắp những âm thanh rời rạc nhưng rõ ràng.   
Và nỗi ghê tởm biểu lộ dữ dằn trên nét mặt co giật của ông lão mà ông không kìm giữ được nữa đến nỗi thầy thuốc lo ngại phải gạt hai người đàn bà ra.   
- Ông già mê sảng rồi - thầy thuốc nói nhỏ nhẹ - và bây giờ tốt hơn hết là các bà để ông ấy nằm một mình.   
Hai người đàn bà vừa ra khỏi thì nét mặt co dúm của ông bỗng giãn ra, bất động trong trạng thái đờ đẫn vô hồn. Vẫn còn tiếng thở, tiếng thở khò khè, mỗi lúc một sâu hơn hắt ra từ lồng ngực, đang tìm cách hút lấy cái không khí nặng nề của sự sống. Nhưng chẳng bao lâu tiếng thở ấy cũng chán cả việc hút lấy cái thức ăn cay đắng của loài người.   
Và khi người thầy thuốc thận trọng đặt tay lên thi thể ông, trái tim tan nát của ông đã ngừng đập, giải thoát cho ông lão khỏi đau khổ.   
  
***Chú thích :***  
*(1) Cửa ra vào của người giúp việc.ND*

**HẾT**

**Stefan Zweig**

Tuyển tập truyện ngắn Stefan Zweig

Dịch giả : PHÙNG ĐỆ - LÊ THI

**THIÊN TÀI CỦA MỘT ĐÊM**

Năm 1792, đã hai ba tháng nay Quốc dân nghị hội lưỡng lự không biết quyết bề nào : tuyên chiến chống lại liên minh các vua và các hoàng đế hay duy trì hòa bình. Bản thân Lu-i XVI cũng do dự, ông ta sợ nguy cơ sẽ đến nếu những người cách mạng thắng lợi, nhưng ông ta cũng e ngại hậu quả bất lợi nếu như cách mạng thất bại. Các đảng phái cũng phân vân. Bọn Girôngđanh thúc đẩy tham chiến để duy trì chính quyền. Rôbetxpie và những người thuộc phái Giacôbanh đấu tranh cho hòa bình để có cơ hội dành chính quyền. Tình thế mỗi ngày một căng, báo chí làm rùm beng, các câu lạc bộ tranh cãi, tin đồn lan truyền mỗi ngày một thêm ghê sợ kích động dư luận quần chúng. Bởi vậy, cuối cùng, ngày 20 tháng tư khi vua Pháp đoạn tuyệt ngoại giao với nước Áo và nước Phổ, quyết định của nhà vua khiến cho mọi người đều cảm thấy nhẹ nhõm – trong những trường hợp tương tự thì bao giờ cũng vậy.   
Sự căng thẳng trước cơn bão đè nặng lên Pari trong những tuần lễ dài lê thê này thật nặng nề và đầy khắc khoải, nhưng nỗi xúc động bao trùm lên các thành phố, biên giới còn nhức nhối và khủng khiếp hơn. Các đội quân đóng ngoài trời; trong mỗi khu phố; mỗi làng xã, người ta trang bị các đội quân tình nguyện vào các đội vệ quốc; khắp mọi nơi các công sự được sửa sang lại, nhất là ở Andatxơ là nơi mà người dân biết rằng trong bất cứ cuộc xung đột Pháp - Đức nào, địa phương họ cũng sẽ là nơi diễn ra những trận giao chiến đầu tiên. Trên bờ sông Ranh, không giống như ở Pari, quân thù, đối phương không còn là một cái gì trừu tượng, mơ hồ và thê thảm trong những lời nói của những nhà hùng biện, mà là một hiện thực nhìn thấy được, sờ mó được. Thực vậy, từ đầu cầu đã được bố phòng, cũng như từ đỉnh cao tháp nhà thờ Xtratbuốc, nhìn bằng mắt thường đã có thể thấy những trung đoàn quân Phổ tiến lại gần. Ban đêm, trên dòng sông lạnh lùng, lấp lánh dưới ánh trăng, gió đưa tới cả tiếng xe kéo pháo của quân thù, tiếng lách cách của vũ khí, tiếng kèn đồng. Ai nấy đều biết rõ rằng chỉ cần một sắc chỉ đơn giản, một tiếng đơn giản là sấm vang chớp giật phóng ra từ họng pháo đang còn câm lặng của quân Phổ và cuộc dành giật lâu đời giữa Đức và Pháp lại tiếp diễn, lần này, một bên nhân danh tự do, và bên kia bảo vệ trật tự cũ.   
Còn có ngày nào có thể so sánh được với ngày 25 tháng tư năm 1792, ngày mà những người phu trạm mang từ Pari đến Xtratbuốc cái tin chiến tranh đã được tuyên bố. Từ khắp các đại lộ, từ khắp các hẻm phố, nhân dân lập tức đổ ra các quảng trường. Toàn bộ quân đồn trú mặc trang phục chiến dịch đi diễu hành, trung đoàn nọ nối tiếp trung đoàn kia trong một cuộc duyệt binh lần cuối. Trên quảng trường lớn, ông thị trưởng Điêtric đứng chờ đoàn quân, giải băng màu tam tài đeo chéo trước ngực, tay cầm mũ đính phù hiệu, vẫy chào đoàn quân. Nhạc kèn và trống nổi lên, im lặng trở lại. Ở quảng trường này, rồi khắp quảng trường khác, Điêtric đọc toàn văn bản tuyên chiến bằng tiếng Pháp và tiếng Đức. Khi ông đọc xong, quân nhạc cử bài “ Đi tới “, khúc hát chiến tranh đầu tiên, quốc ca tạm thời của cách mạng, một dạng nhạc nhảy, vui tươi, hóm hỉnh, lôi cuốn được các trung đoàn đang cất bước, truyền cho một nhịp điệu hùng dũng. Sau đó quần chúng giải tán và mang theo về các đường phố và các gia đình niềm phấn khích cuồng nhiệt. Trong các câu lạc bộ, trong các tiệm rượu, người ta diễn thuyết say sưa, người ta đưa ra những lời tuyên bố kiên quyết : Hỡi các công dân ! Hãy cầm lấy vũ khí, cờ chiến đấu đã giương lên rồi “. Hiệu lệnh đã ban bố ! Báo chí, áp phích, các diễn giả chỉ lặp lại những lời kêu gọi nồng nhiệt cùng một loại : Hỡi các công dân, hãy cầm lấy vũ khí, hãy làm cho bọn bạo chúa đội vương miện run sợ ! Tiến lên, hỡi những người con của tự do ! “   
Quần chúng bao giờ cũng hoan hỉ reo hò vang dậy hưởng ứng lời tuyên chiến, nhưng trong những lúc như thế, cũng có những tiếng nói khác, nhẹ nhàng hơn, lẻ loi hơn : nỗi lo lắng, sợ hãi cùng bừng dậy trong những phút này. Có điều những ý nghĩ đó người ta chỉ nói rất khẽ ở chỗ kín đáo, sau những tấm cửa đóng kín, hoặc giả là không hé răng nửa lời, những cặp môi nhợt nhạt mím chặt. Bao giờ cũng vậy và ở khắp mọi nơi vào giờ phút đó, có những bà mẹ tự hỏi rằng liệu binh lính địch có chọc tiết con cái họ hay không, có những người nông dân run sợ cho ruộng đất, gia súc, mùa màng, những túp lều tranh của mình. Tuy nhiên, ông thị trưởng Xtratbuốc, bá tước Friđeric Điêtric, chắc chắn là một nhà quý tộc, cũng như nhiều người khác của giới quý tộc Pháp hết lòng trung thành với lý tưởng mới, chỉ muốn nghe những lời nói lạc quan : ông chủ tâm biến vùng này thành một ngày vui chung. Giải băng đeo chéo ngang ngực, ông ta chạy từ nhóm này sang nhóm khác để cổ vũ dân chúng. Ông cho phân phát rượu vang và lương thực cho binh sĩ lên đường và chiều đến, ông mời các tướng tá, sĩ quan và quan chức cấp cao đến dự một tiệc chia tay tại dinh cơ rộng rãi của ông ở quảng trường Brôgơli, trong bữa đó, niềm hân hoan đã sớm mang tính chất lễ mừng chiến thắng. Các vị tướng tin chắc vào chiến thắng cũng như mọi vị tướng trên đời đóng vai chủ trì bữa tiệc. Các sĩ quan trẻ thấy trong chiến tranh ý nghĩa cuộc đời họ được thực hiện, lúc này mặc sức nói năng thoải mái. Người ta tán tụng lẫn nhau, người ta vung gươm lên, người ta ôm chầm lấy nhau. Người ta chạm cốc và một loại rượu vang hảo hạng khiến cho những lời diễn thuyết càng thêm say sưa. Trong những bài diễn thuyết ngắn ngủi ấy, những lời kêu gọi sôi động của báo chí và những lời tuyên cáo được nhắc đi nhắc lại : Hỡi các công dân, hãy cầm lấy vũ khí... cờ chiến thắng đã giương cao, đã tới ngày đưa lá cờ tam tài tung bay phấp phới trên khắp thế giới ! Vì nhà vua, vì lá cờ, vì nền tự do, hãy hiến dâng những gì tốt đẹp nhất trong ta !”. Đó chính là tiếng nói của dân tộc, tiếng nói của cả đất nước đang mong mỏi sự đoàn kết thiêng liêng trong niềm tin chiến thắng và trong khát vọng đấu tranh cho tự do.   
Đột nhiên giữa những cốc rượu mừng, giữa những diễn từ, ông thị trưởng quay về phía viên đại úy công binh tên là Rugiê ngồi cạnh ông. Ông ta nhớ rằng viên sĩ quan nhũn nhặn và dễ mến, nếu không gọi là trang nhã này, sáu tháng trước đây, nhân dịp bản tuyên ngôn quốc ước đã sáng tác một ca khúc rất thú vị ca ngợi Tự do, lập tức nó được ông Plâyen, nhạc công quân đội phối âm cho dàn nhạc. Tác phẩm khiêm nhường đó đã được xác nhận là nghe khá lọt tai, ban nhạc và ban đồng ca quân đội đã tập luyện và biểu diễn trên quảng trường. Việc tuyên chiến và xuất chinh này sao không có thể là một dịp long trọng như vậy ? Với giọng nói bình thản như nhờ người bạn giúp cho một việc, Điêtric đề nghị Rugiê đờ Lilơ (tên anh chỉ là Rugiê và anh đã tự gán cho mình cái họ quý tộc) hãy nhân những sự kiện khơi gợi lòng yêu nước lúc này mà sáng tác một cái gì, giả dụ một ca khúc chiến đấu cho quân đội sông Ranh ngày mai lên đường đi chống quân thù.   
Rugiê, con người bình thường nhũn nhặn, chưa bao giờ nghĩ rằng mình là một nhà soạn nhạc lớn, tuy vậy cũng tự biết mình có thể viết nhanh được những ca khúc kịp thời. Anh nhận lời để làm vui lòng vị quan cao cấp đồng thời là người bạn tuyệt vời của mình. Phải, anh sẽ làm thử. “ Hoan hô Rugiê “ một viên tướng reo lên ngay trước mặt anh, nâng cốc uống mừng sức khỏe anh và xin anh gửi ngay ra mặt trận cho ông bài ca của anh sau khi làm xong, bởi vì quân đội miền sông Ranh có thể sẽ rất cần một khúc quân hành yêu nước và lôi cuốn. Trong lúc đó có người lên tiếng. Người ta lại bắt đầu nâng cốc và nói chuyện ồn ào. Cuộc trao đổi ngắn ngủi ngẫu nhiên đó bị chìm ngập trong làn sóng nhiệt tình chung. Bữa tiệc mỗi lúc một thêm huyên náo, những lời nói mỗi lúc một hăng say, và mãi đến rất khuya khách khứa mới rời nhà ông thị trưởng ra về.

\*   
\* \*

Đã quá nửa đêm từ lâu. Ngày 25 tháng tư, một ngày vô cùng xúc động của thành phố Xtratbuốc đã kết thúc và ngày 26 bắt đầu. Bóng đêm vẫn còn trùm trên các mái nhà, nhưng là bóng tối lừa dối, bởi vì thành phố vẫn bừng bừng phấn khích. Trong các trại lính, binh sĩ chuẩn bị lên đường, giữa lúc đó, ở bên trong các cánh cửa, không ít thị dân khôn ngoan cũng sẵn sàng khăn gói. Các trung đội kéo đi nườm nượp ngoài đường, chốc chốc, tiếng vó ngựa vang dội của những người truyền tin lại làm rung chuyển cả phố phường rồi đến một đoàn pháo binh kéo qua ầm ầm như sấm động. Sau cùng là tiếng gọi đều đều của những người lính canh vang lên không ngừng từ trạm này qua trạm khác. Quân thù đã đến gần. Thành phố ở trong tâm trạng quá lo lắng, quá xúc động, ngủ làm sao được trong cái thời điểm nghiêm trọng như thế này.   
Rugiê vừa leo chiếc thang xoắn ốc lên tới căn phòng nhỏ xoàng xĩnh của mình. Anh cũng cảm thấy trong lòng rạo rực khác thường. Anh không quên lời hứa thử sáng tác trong thời gian sớm nhất một hành khúc, một bài hát ra trận cho quân đội sông Ranh. Anh bứt rứt đi đi lại lại trong căn phòng chật hẹp. Mở đầu thế nào, ừ mở đầu thế nào đây ? Những lời cổ vũ bốc lửa của những bản tuyên bố, những diễn từ, những lời chúc mừng khi nâng cốc còn vang lên lộn xộn bên tai anh : Hỡi các công dân, hãy cầm súng lên... Tiến lên, hỡi những người yêu Tự do ! Hãy đập tan bạo quyền !... Cờ chiến đấu đã giương cao ! ”. Nhưng anh cũng nhớ lại những mẩu câu khác nữa đã đập vào tai anh ngoài đường phố. Tiếng nói của những người phụ nữ run sợ cho con trai của mình, của những người e sợ các đội quân của nước ngoài sẽ đến tàn phá nước Pháp và làm cho trái đất này ngập máu. Chính trong trạng thái gần như vô thức, anh viết những đoạn đầu tiên, nó chỉ lặp lại hoàn toàn, chỉ là tiếng vọng của những lời kêu gọi mà anh đã nghe thấy :

*Hỡi các con yêu của Tổ quốc   
Ngày vinh quang đã tới nơi rồi !*

Sau đó, anh ngừng lại và suy nghĩ. Tạm được. Mở đầu tốt. Bây giờ phải tìm nhịp cho đúng, tìm nhạc điệu cho hợp với lời. Anh lấy viôlông ra kéo thử. Ồ, kỳ diệu làm sao ! Ngay từ những nhịp đầu tiên, nhạc đã hoàn toàn hợp với lời ca. Anh vội vàng viết tiếp, cao hứng vì một sức mạnh chợt đến, lôi cuốn anh. Và, bỗng nhiên, mọi tình cảm bùng lên trong giờ phút này - niềm căm hờn bọn bạo chúa, lòng tin vào thắng lợi, lòng yêu tự do, tất cả, dồn dập đến với anh. Rugiê chẳng cần phải sáng tạo, hư cấu gì nữa. Anh chỉ việc đặt thành thơ những câu mà trong cái ngày duy nhất này, vẫn bay từ miệng người này sang người khác. Và như vậy anh sẽ nói, sẽ diễn đạt, và sẽ hát lên tất cả những gì mà cả dân tộc đang cảm thấy tự đáy lòng mỗi người. Anh cũng không cần sáng tác nhạc bởi vì nhịp điệu của đường phố, của giờ phút nghiêm trọng đến với anh qua những cảnh cửa sổ mà anh đóng kín, cái nhịp điệu kiêu hãnh và thôi thúc đó, nổi lên trong nhịp bước đều của binh lính, trong tiếng kèn trôngpet vang dội, trong những tiếng ầm ầm của những cỗ pháo kéo qua. Có lẽ không phải chính tại anh, không phải chính anh đã nghe thấy những cái đó, mà tinh thần của thời điểm này, đêm nay đã nhập vào anh. Và nhạc điệu mỗi lúc càng ngoan ngoãn tuân theo cái nhịp mạnh mẽ đanh thép và khoái hoạt, nó là nhịp đập của trái tim cả một dân tộc. Rugiê viết thành hàng những câu thơ, và nốt nhạc mỗi lúc một nhanh, như chép theo lời người khác đọc vậy - một cơn bão táp mà tâm hồn cạn hẹp và trưởng giả của anh chưa hề biết tới, đã ập đến với anh. Một sự hứng khởi, một niềm hăng say vốn không phải của bản thân anh, mà là một sức mạnh thần kỳ cô đọng trong phút bùng nổ ấy đã nâng anh chàng chơi nhạc nghiệp dư xoàng xĩnh lên cao hàng trăm sải tay trên tầm vóc thật sự của anh và phóng anh ta như một quả pháo thăng thiên – ánh sáng và ngọn lửa lóe lên trong giây lát - tới tận các vì sao. Trong một đêm, viên đại úy Rugiê đờ Lilơ được phép đứng vào hàng những người bất tử. Ngôn từ sáng tạo thức tỉnh trong anh nhờ vay mượn những lời kêu gọi ngoài đường phố và trên báo chí, nó vút lên thành một tiết thơ bất hủ, về chất thơ cũng như về âm điệu :

*Yêu tổ quốc, tình yêu thiêng liêng   
Hãy dẫn dắt nâng đỡ những cánh tay phục thù của chúng tôi   
Ôi, Tự do, Tự do yêu quý   
Hãy chiến đấu cùng với những chiến sĩ bảo vệ Người*

Một vài câu thơ nữa và bài ca bất tử được sáng tạo liền một mạch, thấm nhuần một cảm hứng hào hùng duy nhất, phối hợp hoàn hảo lời và nhạc, đã hoàn tất trước lúc rạng đông. Rugiê tắt đèn và nằm vật xuống giường. Cái minh mẫn vừa qua của giác quan nhường chỗ cho sự kiệt sức ủ ê. Anh ngủ say li bì, say như chết. Và thực sự nhà thơ, người sáng tạo thiên tài đã chết trong anh. Nhưng tác phẩm đã làm xong vẫn còn đấy, độc lập với người đang ngủ, người đã được giao cho sứ mệnh làm nên cái kỳ tích đó trong một cơn say mê thần thánh. Chưa bao giờ trong suốt lịch sử các dân tộc, một bài ca lại được sáng tác nhanh và hoàn hảo đến như thế.

\*   
\* \*

Như mọi buổi sáng, chuông nhà thờ báo giờ cầu nguyện. Chốc chốc, gió tây từ phía sông Ranh thổi về lại đưa đến tiếng nổ của một loạt súng. Những cuộc giao chiến đầu tiên đã bắt đầu. Rugiê thức dậy. Phải khó nhọc lắm anh mới ra khỏi giấc ngủ say. Anh mơ hồ cảm thấy có chuyện gì đã xảy đến với mình, chuyện gì còn lưu lại cho anh một hồi ức lộn xộn. Vừa lúc đó, anh chợt nhận ra trên mặt bàn những mảnh giấy chi chít chữ vừa mới viết. Ơ này, những câu thơ ! Anh viết vào lúc nào nhỉ ? Lại cả những dòng nhạc nữa ? Đúng là nét chữ của anh ! Anh đã sáng tác những dòng nhạc đó khi nào nhỉ. Khỉ quá, đó là ca khúc hôm qua anh bạn Điêtric đã yêu cầu anh sáng tác, bài hành khúc cho quân đội vùng sông Ranh. Rugiê đọc những dòng thơ của anh, rồi khẽ hát theo điệu nhạc, nhưng cũng như tất cả những người sáng tạo đứng trước tác phẩm mình vừa hoàn thành, anh vô cùng lưỡng lự. Anh có người láng giềng là một người bạn cùng trung đoàn, anh đưa cho anh bạn xem và hát ca khúc của anh cho anh bạn nghe. Bạn anh có vẻ hài lòng và chỉ đề nghị vài sửa đổi nhỏ. Sự tán thưởng đầu tiên ấy khiến Rugiê vững dạ hơn. Nôn nóng như mọi tác giả và tự hào vì đã thực hiện lời hứa của mình nhanh đến thế, anh chạy ngay lại nhà ông thị trưởng, đúng vào lúc ông ta đang đi dạo buổi sớm trong vườn, vừa đi vừa ngẫm nghĩ một bài diễn văn mới. Thế nào, anh đấy à, Rugiê ? Ca khúc của anh đã xong rồi ư ? Nào, ta thử coi liền xem sao ! Họ trở vào phòng khách. Điêtric ngồi vào pianô và đệm đàn cho Rugiê hát. Bị lôi cuốn bởi cuộc hòa nhạc buổi sớm mai khác thường này, phu nhân ngài thị trưởng bước vào phòng. Bà hứa chép lại tác phẩm mới và với tư cách là một nữ nhạc sĩ điêu luyện, bà viết luôn nhạc đệm cho khúc hát để đem trình diễn trong chương trình buổi chiêu đãi mà họ mời bạn bè thân thiết ngay chiều hôm đó. Điêtric tự hào về giọng têno hay của mình, quyết tâm học thuộc ca khúc. Và ngày 26 tháng tư, ngay buổi chiểu trong ngày được thảo xong, khúc hát được trình bày ngay trong phòng khách nhà ông thị trưởng, trước một cử tọa nhiều tầng lớp khác nhau.   
Hình như thính giả đã nồng nhiệt vỗ tay hoan nghênh và không tiếc lời tán dương tác giả. Nhưng đương nhiên, các vị khách của khách sạn Brôgơli không hề ngờ là trước mắt họ, bài ca bất tử vừa cất cánh bay lên bằng đôi cánh vô hình. Những người đương thời của một tác phẩm hay một nhân vật rất hiếm khi nhận ra ngay được sự vĩ đại của tác phẩm hay nhân vật đó. Bức thư của phu nhân ngài thị trưởng viết cho người em trai, trong đó bà hạ thấp một kỳ tích xuống hàng một chuyện tiếp tân bình thường, chứng tỏ bà đã đánh giá thấp cái thời khắc thần kỳ đó đến mức nào : “ Cậu biết rằng anh chị đón tiếp rất nhiều khách khứa và phải luôn luôn nghĩ ra những trò tiêu khiển mới. Chồng chị chợt nảy ra một ý nghĩ cần có một ca khúc kịp thời. Viên sĩ quan công binh Rugiê đờ Lilơ, một thi sĩ và nhạc sĩ duyên dáng đã nhanh chóng soạn lời và nhạc cho một ca khúc chiến đấu. Chồng chị có giọng têno hay đã hát ngay ca khúc rất hấp dẫn và không thiếu phần đặc sắc đó. Bài hát tập trung được những gì ưu tú nhất của Gơluc, nhưng sinh động hơn và hấp dẫn hơn. Về phần chị, chị đã sử dụng năng khiếu hợp tấu của chị và đã soạn bè cho dương cầm và các nhạc cụ khác. Vì thế chị làm việc khá vất vả. Ca khúc đã trình diễn ở nhà chị, được mọi người rất thích thú “.   
“ Mọi người rất thích thú “. Sự đánh giá đó đối với chúng ta ngày nay có vẻ quá ư lạnh lùng. Nhưng cái ấn tượng thuận lợi đó, sự thành công có mức độ đó có thể giải thích rất rõ : mới nghe lần đầu, bài Macxây chưa thể bộc lộ hết sức mạnh của nó. Thực vậy, bài Macxây không phải là một tác phẩm dùng cho giọng têno nhẹ, nó không phải soạn ra để đơn ca trong phòng khách tư sản, giữa một bản tình ca và một đoản khúc. Một bài hát mỗi lúc một hùng dũng, dần dần tới mức như búa nện, nhịp điệu truyền cảm mạnh như luồng điện giật : “ Cầm lấy vũ khí, hỡi các công dân “ là để nói với đám đông, với quần chúng và sự hợp tấu đích thực của nó là ở trong tiếng loảng xoảng của vũ khí, trong tiếng kèn ầm vang, trong tiếng ồn ào của các trung đoàn hành quân. Nó không phải để trình diễn cho một cử tọa trầm tĩnh và chăm chú, mà cho những người đang hành động, đang chiến đấu. Nó không phải được viết ra cho một giọng nữ kim duy nhất, cho một giọng nam kim duy nhất, mà cho hàng ngàn giọng gào thét của đám đông. Đó là khúc quân hành giàu ý nghĩa tượng trưng, khúc khải hoàn ca, bài ca bi tráng, quốc ca, bài ca yêu nước của cả một dân tộc. Chỉ riêng nhiệt tình làm nảy sinh ra bài hát đó đã đem lại sức mạnh cho tác phẩm của Rugiê. Khúc ca chưa làm bừng lên ngọn lửa trong trái tim của dân tộc, âm hưởng kỳ diệu của lời ca của điệu nhạc chưa thấu đến trái tim ấy, quân đội chưa biết tới khúc quân hành chiến thắng của mình, Cách mạng cũng chưa biết tới khúc khải hoàn ca bất tử của mình.

\*   
\* \*

Cũng như mọi người khác, con người có sứ mạng hoàn thành phép lạ đó cũng không nghĩ tới tầm cỡ lớn lao của cái mà anh đã sáng tác trong cơn thụy du, theo cảm hứng của một thiên tài không vững chắc. Dĩ nhiên, nhà nghệ sĩ nghiệp dư đáng yêu và dễ gây thiện cảm ấy lấy làm thích thú về những lời khen ngợi nhã nhặn và những tràng vỗ tay rộn rã vang lên quanh anh, các tân khách nhà ông thị trưởng hoan nghênh thành công của anh... Vả lại, chính anh cũng tìm cách khai thác thành công trong môi trường nhỏ bé của mình theo kiểu đó. Anh hát tác phẩm mới của anh trong quán cà phê trước các chiến hữu, anh cho chép lại tác phẩm và gửi cho các tướng lĩnh quân đội sông Ranh. Giữa lúc ấy, theo lệnh của ông thị trưởng và yêu cầu của các quan chức trong quân đội, ban nhạc Vệ quốc quân thành phố Xtratbuốc phải tập “ Bài ca chiến đấu cho quân đội sông Ranh “ và bốn ngày sau trình diễn hành khúc mới tại quảng trường lớn nhân một dịp xuất quân. Xúc động bởi tình cảm yêu nước, một nhà xuất bản của thành phố nhận in không công tác phẩm này, có ghi lời tác giả kính cẩn đề tặng cấp trên của mình là đại tướng Luychne. Nhưng không một viên tướng nào của đoàn quân sông Ranh thực sự nghĩ đến chuyện cho tấu nhạc hoặc hát bài hát đó vào lúc hành quân. Và cũng như tất cả, mọi tiểu phẩm trước kia của Rugiê, thành công của *“ Tiến lên hỡi các con yêu của Tổ quốc “,* hình như chỉ ngày hôm sau là không ai biết đến nữa, nó sẽ chỉ là một sự kiện tỉnh lẻ, vì vậy bị quên lãng nhanh chóng.   
Tuy nhiên, sức mạnh tự nhiên của một tác phẩm rút cuộc bao giờ cũng bộc lộ ra. Một kiệt tác rất có thể bị thời gian lãng quên, người ta có thể cấm đoán hoặc chôn vùi nó, nhưng bao giờ cái trường cửu nhất định cũng thắng cái phù du. Trong một, hai tháng, người ta không nghe nhắc tới bài hát nổi tiếng đó nữa. Những bản chép tay và những bản in đã lọt vào hoặc chuyển qua tay những con người hờ hững. Nhưng chỉ cần một người thực sự nhiệt tình với một tác phẩm là đủ để kéo nó ra khỏi lãng quên, bởi vì mọi nhiệt tâm chân thành đều là một yếu tố sáng tạo. Ở đầu kia của nước Pháp, tại Macxây, ngày 22 tháng 6, câu lạc bộ những người bạn của Quốc ước tổ chức một bữa tiệc tiễn những người tình nguyện lên đường. Mặc đồng phục liên minh quân cách mạng, sáu trăm chàng trẻ tuổi hăng hái ngồi quanh một chiếc bàn rộng mênh mông. Cũng như những người Xtratbuốc ngày 26 tháng tư, họ bừng bừng như trong cơn sốt, nhưng cơn sốt này còn nóng bỏng hơn và say sưa hơn nhiều do khí chất người phương nam của họ. Tuy nhiên, lần này người ta không còn tỏ ra tin tưởng huênh hoang vào chiến thắng như những giờ đầu nữa. Thực ra, những đoàn quân cách mạng đã không vượt qua được sông Ranh, không được dân chúng tiếp đón thân tình, như những viên tướng đã cam kết một cách khoác lác; trái lại, quân thù đã tiến khá sâu vào đất nước, nền tự do bị đe dọa, chính nghĩa đang lâm nguy.   
Bỗng nhiên, giữa bữa tiệc, có một người, ngài Mirơ nào đó, bác sĩ y khoa trường Đại học Môngpenliê, cầm cốc đứng dậy, mọi người im lặng nhìn ông. Họ chờ đợi một bài diễn văn, một cuộc chạm cốc. Nhưng thay vì làm như vậy, con người tuổi trẻ đó dang tay phải ra và hát một bài hát mới không ai biết mà anh ta đã học được không biết bằng cách nào : *“ Hỡi các con yêu của Tổ quốc !... “* Tia lửa đã bắt vào thuốc súng. Tình cảm đã gặp nhau.   
Tất cả những chàng trai trẻ đó trong vài ngày nữa sẽ phải lên đường, đang nóng lòng chiến đấu cho tự do và sẵn sàng chết cho Tổ quốc, họ cảm thấy ý chí sâu sắc nhất của họ, tư tưởng riêng tư nhất của họ được thể hiện qua lời của bài hát đó. Nhịp điệu của bài ca dựng họ vùng lên không sao cưỡng nổi trong niềm hân hoan cuồng nhiệt. Mỗi đoạn lại được hoan hô, phải hát lại hai, ba lần. Mọi người thuộc ngay bài ca, nâng cốc đồng thanh hát lại điệp khúc, gào đến vỡ họng : *“ Cầm lấy vũ khí, hỡi các công dân. Hãy thành lập các tiểu đoàn “.* Những người tò mò từ ngoài đường phố chạy đến để biết vì sao họ cuồng nhiệt đến thế và lập tức hát cùng với họ. Cả ngày hôm sau, mọi người đều hát bài đó. Nó, được in ra hàng ngàn bảng và ngày mồng 2 tháng 7, ngày lên đường, nó theo những người tình nguyện trong suốt cuộc hành trình của họ. Trên đường đi, lúc mệt nhọc, khi chân họ lê bước nặng nề, chỉ cần một người trong bọn cất tiếng hát, là nhịp điệu lôi cuốn của bài ca lại cổ vũ họ truyền thêm sức mạnh cho họ. Có lúc hành quân qua một làng, những người nông dân ngạc nhiên tụ tập lại, hòa giọng hát với đoàn quân. Bài ca ấy trở thành bài hát của Liên minh cách mạng thành phố Macxây mà không ai biết nó vốn là bài hát soạn cho đoàn quân sông Ranh. Không ai biết tác giả, cũng không ai biết nguồn gốc của nó. Họ đã thừa nhận nó và coi nó là biểu tượng lòng tin của mình. Nó là của họ, cũng như lá quân kỳ, và họ hăm hở muốn đem truyền bá ra khắp mọi nơi trên thế giới.   
Thắng lợi to lớn đầu tiên của bài Macxây (chẳng bao lâu về sau bài hát của Rugiê đờ Lilơ được mang cái tên như vậy) là ở Pari. Ngày 30 tháng bảy, đoàn quân đi vào các vùng ngoại ô, dẫn đầu là quốc kỳ. Trong các phố xá hàng ngàn người chờ đón những người Macxây để hoan hô họ và khi sáu trăm con người tiến lên, vừa đi vừa hát hoàn toàn hòa hợp với nhịp bước bài ca mà họ hát đi hát lại không mệt mỏi thì đám đông dỏng tai nghe. Bài ca kỳ diệu làm nức lòng người mà những người Macxây kia hát là bài gì vậy ? Câu *“ Cầm lấy vũ khí hỡi các công dân ! “* nghe như lời kêu gọi bằng kèn, kèm theo tiếng trống rền vang làm rung động mọi con tim. Hai, ba giờ sau, điệp khúc lan ra khắp các phố phường. Bài *“ Đi lên ! “* bị quên đi, những bài quân hành cũ, những khúc đoạn cổ hủ của nó cũng bị quên đi : cách mạng đã nhận ra tiếng nói của mình, cách mạng đã khám phá ra bài ca của mình.   
Bài ca được truyền đi nhanh như chớp, thắng lợi của nó không gì cưỡng lại nổi. Người ta hát bài ca trong các bữa tiệc, trong các rạp hát, trong câu lạc bộ, và cả trong nhà thờ. Vài tháng sau, bài Macxây trở thành bài ca của quân đội, của toàn dân. Xecvan, ông Bộ trưởng thứ nhất bộ chiến tranh nước Cộng hòa nhận ngay thấy tính năng nổ, sức cổ vũ của bài ca dân tộc phi thường như vậy. Ông đã nhanh chóng cho phân phát hàng trăm ngàn bảng tới tất cả các binh đoàn và chỉ trong hai, ba ngày, bài hát vô danh đã trở nên quen thuộc hơn tất cả các tác phẩm của Môlie, Raxin, và Vônte. Không có ngày hội nào không kết thúc bằng bài Macxây. Không có trận đánh nào mà ban nhạc của các trung đoàn lại không cử bài ca của tự do. Ở Giơmappơ và ở Phlơrut, các đoàn quân tập trung để tiến hành một cuộc xung phong quyết định đã đồng ca bài hát đó. Và những viên tướng bên địch vốn chỉ biết động viên binh sĩ bằng một cách cổ điển là tăng gấp đôi khẩu phần rượu mạnh, đã kinh hãi nhận thấy rằng họ không thể chống đỡ nổi sức mạnh kinh hồn của bài ca “ khủng khiếp “ đó, khi nó được phát ra cùng một lúc từ giọng ồm ồm của hàng ngàn người, ngân vang và rung động diệu kỳ như đợt sóng ào tới trùm lên đầu binh sĩ của họ. Bây giờ bài ca đã bay lượn khắp các chiến trường, bài Macxây, như Nikê, nữ thần chiến thắng có cánh đã thôi thúc biết bao con người hân hoan lao vào cuộc tử chiến.

\*   
\* \*

Trong lúc đó Rugiê, người sĩ quan công binh vô danh vẫn ở trong cái trại lính nhỏ tại Humingơ và kiên trì tiếp tục vẽ sơ đồ xây dựng những thành lũy bố phòng. Có thể anh đã quên bài ca chiến đấu của đoàn quân sông Ranh mà anh đã sáng tác trong cái đêm 26 tháng tư năm 1792 xa xưa ấy, và anh không hề ngờ rằng bài ca chiến trận đã chinh phục trái tim Pari mà báo chí nói đến, bài Macxây vinh quang ấy và bài ca anh sáng tác chỉ là một. Bởi vì – cái trớ trêu của định mệnh mới khoảnh ác làm sao – chính người làm ra bài ca vang động khắp gầm trời và thấu tới các vì sao ấy vẫn chỉ là người lính thường như trước. Chẳng có người nào ở nước Pháp bận tâm đến viên đại úy Rugiê đờ Lilơ. Cái vinh quang vĩ đại xưa nay chưa bài ca nào có được, mãi mãi dừng lại nguyên vẹn ở chính bài ca đó, tuyệt nhiên không đem lại mảy may vinh dự cho tác giả. Tên của anh không được ghi trên các bản nhạc bè và bản thân anh sẽ hoàn toàn không được các chủ nhân đương thời biết đến nếu như tự anh không làm cho họ phải tức giận anh. Bởi vì - chỉ lịch sử mới biết tạo ra cái trò ngược đời thiên tài – người làm ra bài ca cách mạng không phải là người cách mạng. Trái lại, chính anh, người đã giục giã cách mạng mau đến bằng bài ca bất tử của mình thì bây giờ lại muốn ra sức ngăn cản cách mạng. Khi dân chúng Pari hát bài Macxây xông lên tấn công điện Tuylơri và phế truất ngôi vua, Rugiê đờ Lilơ không thừa nhận cách mạng nữa. Anh từ chối tuyên thệ với nền Cộng hòa và cho rằng thà rời bỏ quân ngũ còn hơn là phục vụ bọn Giacôbanh. “ Nàng tự do thân yêu “ mà anh gợi ra ở một trong những đoạn của bài ca không phải là tiếng nói suông đối với con người chân thực ấy. Anh chống lại những người cầm đầu quốc hội lập hiến của nước Pháp không kém chống lại những bạo chúa mang vươn miện ở bên kia trận tuyến, và anh công khai tỏ thái độ ác cảm đối với Ủy ban an ninh quốc gia khi Điêtric, bạn thân của anh, người cha đỡ đầu của bài Macxây, viên tướng Luychne mà anh đề tặng bài ca, những sĩ quan và những nhà quý tộc là những người lần đầu tiên được nghe bài ca trong cái đêm 26 tháng tư đáng ghi nhớ ấy bị đưa lên máy chém. Lập tức xuất hiện một tình thế nực cười : Nhà thơ ca ngợi cách mạng bị cầm tù vì phản cách mạng. Có lẽ chỉ nhờ ngày 9 Tecmiđô, ngày Rôbatxpie bị lật đổ và các nhà tù được mở cửa, cách mạng nước Pháp mới không giao nhà thi sĩ đã sáng tác bài ca bất ca bất diệt cho lưỡi dao cạo quốc gia. Dù sao, nếu sự thể có đến nỗi như thế đi nữa thì đấy cũng là một cái chết anh hùng chứ không phải là sự chôn vùi thê thảm trong bóng tối đang chờ đợi Rugiê. Thực vậy, con người bất hạnh ấy còn sống thêm hơn bốn chục năm kể từ ngày duy nhất thật sự sáng tạo của đời mình. Người ta thu hồi quân phục của anh, anh không được lĩnh hưu bổng nữa, các bài thơ, sách vở, nhạc kịch của anh không được in, không được biểu diễn, hoặc không đem lại lợi lộc gì cho anh cả. Định mệnh đã không tha thứ cho người nghệ sĩ nghiệp dư đã dám bước vào hàng ngũ những người bất tử. Các-nô đã thử giúp anh, nhưng vô ích. Sự tàn ác của số phận đã làm anh trở thành một thiên tài, tôn anh lên bậc thánh nhân trong vài giờ để rồi lại quẳng anh vào cõi hư vô, làm cho tính nết anh đâm ra đổ đốn không phương cứu chữa. Anh cãi nhau, gây lộn với mọi người có quyền thế. Khi đã lọt được vào một chức vụ ngoại giao, anh viết cho Bônapactơ những bức thư thống thiết và xấc xược. Anh khoe ầm lên là đã bỏ phiếu chống ông ta. Điều đó buộc anh phải rời nhiệm sở và tiếp đó anh bị cảnh sát thường xuyên theo dõi, và lại còn bị tình nghi là có âm mưu làm loạn nữa. Mệt mỏi, anh ẩn mình ít lâu ở tỉnh lẻ. Rồi anh trở về Pari, nhưng ở đấy sự khốn cùng đang chờ anh, đến nỗi anh lại phải vào tù vì mắc nợ Xăngtơpêlagi một phiếu khoán không trả được tiền. Trong lúc Rugiê đờ Lilơ giẫy giụa giữa bao nhiêu lo lắng phiền muộn, bài ca vẫn tiếp tục vận mệnh của nó : trước hết những đoàn quân chiến thắng đưa bài ca đi xuyên qua cả châu Âu, rồi Bônapactơ lên ngôi hoàng đế liền gạch bỏ nó ra khỏi mọi chương trình vì tính chất quá ư cách mạng của nó, tiếp đến triều đại Buốcbông cấm hẳn bài ca. Ngạc nhiên biết bao cho ông già khổ não ấy, khi thấy bài ca sống lại mười lăm năm sau trên các chiến lũy của cách mạng tháng bảy và ông lại nhận được giải băng đỏ với danh nghĩa tác giả bài ca cùng với một số tiền trợ cấp nhỏ do Lu-i Philip, ông vua công dân ban cấp. Con người bị bỏ rơi không tăm tiếng cứ tưởng mình nằm mơ : Người ta hãy còn nhớ đến ông ! Nhưng đó chỉ là một hồi tưởng nhạt nhẽo và khi ông chết ở Soadilơroa năm 1836, thọ 76 tuổi, không ai nhắc đến ông nữa, cũng không ai biết đến tên ông. Nhiều thế hệ đã nối tiếp nhau. Mãi đến trong chiến tranh thế giới khi âm điệu sôi nổi của bài Macxây - từ lâu đã trở thành quốc ca vang dội trên khắp mặt trận Pháp - người ta mới ra sắc lệnh đưa di hài viên đại úy tầm thường Rugiê vào mai táng cạnh di hài viên thiếu úy bé nhỏ đảo Coocxơ trong Viện Phế binh. Và con người sáng tạo nên bài ca bất hủ mà tên tuổi vẫn chìm trong bóng tối, cuối cùng đã được yên nghỉ trong hầm mộ danh dự của Tổ quốc : Đấy là niềm an ủi cao cả nhất cho cái số phận hẩm hiu vì đã chỉ là thi sĩ trong có một đêm.

**Stefan Zweig**

Tuyển tập truyện ngắn Stefan Zweig

Dịch giả : PHÙNG ĐỆ - LÊ THI

**CHINH PHỤC NAM CỰC**

(Thuyền trưởng Xcốt, 90 độ vĩ Nam ngày 16 tháng giêng năm 1912)   
Thế kỷ 20 hạ tầm mắt nhìn xuống một thế giới không có gì là bí ẩn. Mọi xứ sở đều đã được khảo sát, tàu bè đã đi lại dọc ngang khắp các vùng biển xa xôi nhất. Những miền cách đây tám chục năm còn chìm trong bóng tối cũng đã phải phục vụ cho nhu cầu của châu Âu. Những con tàu chạy bằng hơi nước ngược dòng lên tận ngọn nguồn bao lâu nay chưa ai tìm thấy của sông Nin. Những ngọn thác hồ Victoria mà người châu Âu mới khám phá nửa thế kỷ nay đã trở thành kho dự trữ than trắng. Những khu rừng bí hiểm vùng Amadôn đã trở nên quen thuộc. Tibê, vùng đất cuối cùng chưa có vết chân người, cũng đã bị xâm nhập. “ Terra incognita “ (1) trên những tấm bản đồ cũ, và các quả địa cầu đã bị xóa bỏ bởi bàn tay các nhà bác học. Con người của thế kỷ hai mươi biết rõ tình hình của mình. Lòng say mê khám phá đã tìm thấy những con đường mới thâm nhập vào giới động vật kỳ quái dưới lòng đại dương sâu thẳm hoặc trong không gian bao la của bầu trời.

\*   
\* \*

Sự thực thì trái đất e thẹn vẫn còn giấu diếm một điều bí ẩn cuối cùng. Hai bộ phận nhỏ trên cái cơ thể trái đất đã bị mầy mò, làm tình làm tội, vẫn thoát được sự thảm sát của những đứa con của nó : Bắc cực và Nam cực, hai điểm quá nhỏ gần như đông cứng, hai đầu của cái trục mà hàng vạn năm nay trái đất vẫn quay quanh nó, hai điểm đó vẫn chưa hề bị xâm phạm. Một hàng rào băng không cho ai bén mảng tới, mùa đông vĩnh cửu đứng gác, nhất mực ngăn cản mọi kẻ hiếu kỳ.   
Những cuộc thám hiểm nhằm tiến sâu vào những khu vực chết người này kế tiếp nhau trong nhiều năm. Ngày nay, sau ba mươi ba năm, ở một nơi nào đó người ta mới tìm thấy xác của hai người thám hiểm người Thụy-Điển Ăngđrê trong cỗ quan tài bằng băng của ông : con người dũng cảm nhất trong những người dũng cảm, con người đã thử bay trên bắc cực bằng khí cầu và không bao giờ trở về. Mọi mưu toan đều tan vỡ trước những bức thành trắng của băng giá mùa đông.   
Tuy nhiên, thế kỷ 20 đầy sức trẻ lại hết sức nôn nóng. Nó đã rèn những vũ khí mới trong các phòng thí nghiệm, phát minh những áo giáp hộ thân chống nguy nóng. Nó đã rèn những vũ khí mới trong các phòng thí nghiệm, phát minh những áo giáp hộ thân chống nguy hiểm, và những trở lực gặp phải chỉ làm nó tăng thêm tính hiếu kỳ mà thôi. Nó muốn biết toàn bộ sự thật. Chỉ riêng thập kỷ đầu tiên nó đã quyết tâm thực hiện bằng công cuộc chinh phục ở những nơi mà người ta đã thất bại hàng ngàn năm về trước. Sự cạnh tranh giữa các quốc gia tiếp thêm lòng can đảm cho các cá nhân. Họ không chỉ đấu tranh chinh phục địa cực, mà còn đấu tranh cho lá cờ đất nước họ phất phới bay đầu tiên trên những miền chưa ai biết tới. Một cuộc thập tự chinh của các chủng tộc và các dân tộc bắt đầu, nhằm khám phá các miền đất đã trở nên thiêng liêng nhờ sự cuồng nhiệt đầy hứng khởi mà những miền đó đã gây nên cho họ. Những cuộc tiến công lại tái diễn từ khắp mọi nơi trên trái đất. Nhân loại lên cơn sốt; người ta hiểu rằng đây là vấn đề khám phá ra điều bí ẩn cuối cùng của địa cầu. Ở châu Mỹ, Piry và Cốc chuẩn bị lên Bắc cực, trong khi ở châu Âu, hai con tàu sửa soạn tiến về Nam cực : một do người Na-uy tên là Amunsen chỉ huy, một tàu nữa do thuyền trưởng Xcốt người Anh chỉ huy.

**XCỐT**

Xcốt : Một thuyền trưởng của hải quân Anh. Một người có mặt ngay từ buổi đầu. Tiểu sử của anh với biểu thăng trật là một. Anh làm việc được thượng cấp rất hài lòng. Sau đó anh đã tham gia cuộc viễn chinh Saclơtông. Không có một hành động hiển hách nào báo hiệu anh sẽ là một anh hùng trong tương lai. Bức hình chụp của anh cho thấy một khuôn mặt người Anh điển hình : lạnh lùng, cương nghị, thản nhiên, có thể nói là đanh lại bởi một nghị lực tập trung, đôi mắt màu xám thép, đôi môi mím lại, không có một nét lãng mạn, không một ánh tươi vui trên gương mặt, mà tất cả chỉ là ý chí và tinh thần thực dụng. Chữ viết của anh : kiểu chữ bất kỳ của người Anh nào, không bay bướm, viết nhanh và rắn rỏi. Văn phòng của anh : sáng sủa, hợp cách, có sức thuyết phục vì tinh thần thực tế của nó : nhưng khô khan như văn viết báo cáo. Xcốt viết tiếng Anh như Taxít viết tiếng Latin, tức là bằng chất liệu thô. Người ta cảm thấy đây là một con người hoàn toàn thiếu trí tưởng tượng, một kẻ cuồng tín của chủ nghĩa thực nghiệm. Tóm lại, đó là một con người dòng giống Anglô-Xacxôn, ở những người này thiên tài cũng phải phục tùng việc hoàn thành nghĩa vụ cao cả. Những mẫu người như vậy thường xuất hiện trong lịch sử nước Anh. Chính những con người đó đã chinh phục Ấn Độ và vô số dân trong quần đảo Acaipen, đã biến châu Phi thành thuộc địa và giao chiến với toàn thế giới, lúc nào cũng vẫn cái nghị lực sắt thép đó, cái ý thức tập thể đó, cái vẻ mặt lạnh lùng và kín đáo đó.   
Xcốt có một ý chí sắt đá : người ta dự cảm thấy điều đó ngay từ trước khi hành động diễn ra. Anh ta muốn hoàn thành những điều mà Saclơtông đã khởi đầu. Anh chuẩn bị một cuộc thám hiểm, nhưng anh không có đủ phương tiện. Điều đó không làm anh chùn bước. Anh hy sinh gia tài của mình và đi vay nợ, niềm tin chắc là mình sẽ thành công ở anh thật là mạnh. Người vợ trẻ đã cho anh một đứa con trai : đó là bé Hécto của thời đại mới. Anh chẳng ngần ngại từ giã nàng Ăngđrômác của mình. Chẳng bao lâu anh đã tìm được những người bạn cùng đi. Trên đời này không có gì làm lung lay được ý chí của anh. Terra Nôva là tên gọi của con tàu phi thường sẽ đưa anh đến những miền tận cùng của Đại dương băng giá. Phi thường vì con tàu có hai loại trang bị, một phần giống con tàu Nôê chở đầy súc vật sống, phần kia là một phòng thí nghiệm hiện đại chứa đủ mọi dụng cụ khoa học và sách vở. Bởi vì cần phải mang theo mọi thứ cần thiết cho cơ thể và trí tuệ trong những vùng hoang vắng đó; những phương tiện tự vệ thô sơ của người nguyên thủy, những bộ da lông thú đi kèm với những trang bị hiện đại tinh vi nhất. Hơn nữa, chuyến đi mang hai tính cách cũng lạ kỳ như con tàu : đây là một cuộc mạo hiểm, nhưng lại được nghiên cứu như một chuyến đi buôn, một mưu toan táo bạo được chuẩn bị thận trọng hết mức - một chuỗi vô tận những tính toán chính xác từng cái một, chống lại chuỗi vô tận những rủi ro bất ngờ còn nhiều hơn nữa.   
Ngày mồng một tháng 6 năm 1910, Xcốt cùng đồng đội rời nước Anh. Vào dịp này trong năm, miền thôn quê nước Anh đang ở thời kỳ đẹp nhất. Những cánh đồng cỏ xanh tươi mượt mà, những tia mặt trời nóng bỏng đã xóa tan mây mù. Những nhà thám hiểm xúc động nhìn bờ biển mờ dần : mọi người đều biết rõ họ chào tạm biệt hơi ấm và ánh sáng trong nhiều năm, đối với một số có thể là vĩnh viễn. Nhưng quốc kỳ nước Anh phấp phới đằng mũi tàu và họ tự an ủi rằng một biểu tượng của nền văn minh cùng đi với họ tới một miền duy nhất của trái đất cho đến nay còn chưa có người làm chủ.

**“ UNIVERSITASANTARCTICA “ (2)**

Sau một cuộc dừng chân ngắn ngủi ở mũi Êvan tại New Zealand, tháng giêng họ đi vào ngưỡng cửa của vùng băng giá vĩnh cửu và dựng một căn nhà để sống qua mùa hè, bởi vì đó là những tháng duy nhất mà mỗi ngày mặt trời chiếu sáng vài tiếng đồng hồ trên một bầu trời trắng đục màu kim loại. Những bức tường của cái lô cốt cũng bằng gỗ như trong những cuộc thám hiểm trước, nhưng bên trong thể hiện rõ hơn sự tiến bộ. Nếu trước đây những bậc tiền bối của họ phải dùng những ngọn đèn dầu khói um và hôi hám, ánh sáng tù mù, vì vậy các vị đành phải ngồi không, trong cảnh tranh tối tranh sáng, mệt mỏi vì sự tẻ nhạt của những ngày không có ánh sáng, thì con người của thế kỷ 20 có tất cả khoa học của thế giới thu nhỏ lại trong bốn bức tường ván. Một thiết bị thắp sáng bằng đất đèn tỏa ra ánh sáng trắng và ấm. Để giải trí họ, những máy chiếu bóng chiếu những cảnh tượng các xứ sở xa xôi, những cảnh nhiệt đới rất mực êm dịu. Một máy pianôla (3) chơi nhạc cho họ nghe; một chiếc máy hát giúp họ nghe thấy tiếng nói của con người; một tủ sách cung cấp cho họ những tri thức của thời đại. Chiếc máy chữ lách cách trong một gian phòng. Một gian khác dùng làm buồng tối để rửa phim và những bản âm kính màu. Nhà địa chất thí nghiệm tính phóng xạ của khoáng vật; nhà động vật khám phá những ký sinh trùng mới trên những con chim cánh cụt mà họ bắt được. Những quan sát khí tượng xen kẽ với những thí nghiệm vật lý. Người ta đã ấn định cho mỗi người một việc trong những tháng sống trong bóng tối và trong một hệ thống sắp đặt khéo léo làm cho những tìm tòi riêng lẻ biến thành công cuộc nghiên cứu tập thể. Bởi vì cả hai mươi nhà thám hiểm tối nào cũng họp mặt trao đổi, những lớp học đại học thực sự được tổ chức ở giữa vùng băng giá địa cực. Nhà chuyên môn từ bỏ thói kiêu ngạo, mỗi người đều cố gắng truyền bá khoa học của mình cho người khác và kiến thức chung của họ, không ngừng tăng lên trong các cuộc trao đổi hăng say. Biệt tịch trong hiu quạnh vô biên giữa một thiên nhiên nguyên thủy, họ trao đổi với nhau những kết quả mới nhất của thế kỷ 20. Trong căn nhà chẳng những người ta cảm thấy từng giờ trôi qua, mà còn cảm nhận được từng phút của chiếc đồng hồ vũ trụ. Thật là cảm động khi nhìn thấy vẻ hoan hỉ trên nét mặt của những con người nghiêm trang lúc họ vui với cây Nôen trong giờ nghỉ, lúc họ thích thú với những chuyện khôi hài nho nhỏ trong tờ “ Tin tức Nam cực “, tờ báo hài hước do họ “ xuất bản “. Họ biến một chuyện tình cờ nhỏ nhặt nhất thành một sự kiện - một con cá voi nổi lên, một con ngựa con quỵ ngã - Thế mà những hiện tượng lớn lao nhất - một địa cực quang chói lọi, một đợt lạnh rùng người – thì họ lại xem là những việc vô nghĩa và tầm thường.   
Đôi khi họ cũng thử ra ngoài trời chốc lát. Họ thử những chiếc xe trượt tuyết gắn máy, họ tập đi ski trượt tuyết và luyện đàn chó. Họ lập một cái kho dự trữ chuẩn bị cho một cuộc hành trình lớn. Nhưng đối với họ, còn lâu lắm mới đến mùa hè (tức là đến tháng chạp). Lúc đó một con tàu sẽ vượt qua băng giá mang thư từ đến với họ. Để dày dạn với giá rét, ngay từ lúc này nhiều nhóm nhỏ đã làm lều ra ngoài trời nhiều ngày giữa lúc mùa rét dữ nhất. Mang lều trại của mình ra dùng thử, kinh nghiệm của họ càng thêm vững vàng. Không phải bao giờ cũng thành công, mà những khó khăn kích thích họ thêm can đảm. Sau mỗi cuộc viễn du thử sức trở về, mệt lả và tê cóng, họ được đón tiếp bằng ánh sáng ấm áp của lò sưởi và tiếng reo hoan hỉ của các bạn đồng hành. Sau những ngày thiếu thốn, nhà nhỏ đầy đủ tiện nghi ở vĩ độ 77 0 đối với họ chẳng khác nào như một thiên đường.   
Nhưng một hôm, có đội thám hiểm từ phía Tây trở về mang đến một tin làm mọi người sửng sờ : Đoàn này đã gặp trên đường đi những căn nhà chống rét của Amunsen : Đột nhiên Xcốt hiểu rằng ngoài giá rét và nguy hiểm, anh còn một kẻ địch khác đang tranh giành với anh niềm vinh quang khám phá ra điều bí mật của mảnh đất tàn ác này : đó là nhà thám hiểm Na-uy. Anh ta xem bản đồ. Và người ta đoán được nỗi thất vọng của anh khi anh nhận thấy trại của đối phương đã ở gần cực trái đất hơn trại của anh một trăm mười kilômét. Anh choáng váng nhưng không hề bỏ cuộc. “ Hãy đứng thẳng lên vì danh dự tổ quốc “, anh tự hào viết điều đó trong cuốn nhật ký của mình.   
Đó là lần duy nhất cái tên Amunsen xuất hiện trong sổ ghi chép của anh. Sau đó, không bao giờ người ta còn thấy nhắc đến nữa. Nhưng người ta cảm thấy từ ngày đó một bóng lo âu đè nặng trên căn nhà mất hút giữa các tảng băng, và không một giờ nào cái tên đó không ám ảnh anh ta, kể cả trong giấc ngủ.

**TRÊN ĐƯỜNG TỚI ĐỊA CỰC**

Cách căn lều một dặm, trên quả đồi quan sát, họ đặt một chòi quan sát không ngừng nghỉ. Một cỗ máy dựng trên gò đất cao thẳng dốc nom như một khẩu đại bác nhắm vào một kẻ thù vô hình : nó dùng để ghi lại các hiện tượng nhiệt xuất hiện trước lúc mặt trời mọc. Các nhà thám hiểm rình mò sự xuất hiện của mặt trời nhiều nguy hiểm. Ánh phản chiếu của mặt trời tạo nên một bình minh rực rỡ nhiều màu huyền ảo. Nhưng chiếc đĩa rực lửa vẫn chưa ló lên khỏi chân trời. Cái bầu trời tràn đầy một thứ ánh sáng kỳ diệu lúc mặt trời sắp nhô lên ấy, cái ảo ảnh ấy làm cháy bừng trái tim rạo rực của họ. Cuối cùng, họ vui mừng nghe tiếng điện thoại reo trên mái nhà lôcôt : Mặt trời vừa mới mọc, và đây là lần đầu tiên từ nhiều tháng nay, nó xua tan bóng tối của mùa đông trong một giờ. Ánh nắng yếu ớt và nhợt nhạt làm cho không khí đỡ giá buốt được tí chút và gây được một hiệu quả thấy được trên máy điện thoại. Nhưng chỉ riêng bóng dáng của nó cũng đã gây phấn khởi. Họ hối hả chuẩn bị chuyến đi để không bỏ phí một chút những thời khắc ngắn ngủi có ánh sáng bao gồm cả mùa xuân, mùa hạ và mùa thu. Nhưng đối với thân thể chịu rét kém của chúng ta, nó vẫn là một mùa đông khủng khiếp. Những cỗ xe trượt tuyết có gắn động cơ đi trước. Theo sau là những chiếc xe do những con ngựa nhỏ vùng Xibia và những con chó kéo. Họ đã thận trọng chia cuộc hành trình thành nhiều chặng, cứ hai ngày đường họ lại dựng một kho dự trữ, để khi trở về có quần áo thay, có lương thực và một thứ còn quý giá hơn nhiều là dầu hỏa, nhiệt lượng cô đọng ở giữa nơi băng giá. Đoàn người lên đường đầy đủ : họ sẽ trở về từng nhóm riêng biệt, để cho phân đội cuối cùng, những người trực tiếp chinh phục địa cực có được dự trữ lương thực tối đa, những con vật kéo xe sung sức nhất và những cỗ xe trượt tuyết tốt nhất.   
Kế hoạch được chuẩn bị một cách quy mô, ngay cả những sự cố cũng được dự liệu trước hết sức tỉ mỉ. Và những sự cố thì chẳng phải chờ đợi lâu la gì. Sau hai ngày hành trình, những xe trượt tuyết gắn máy bị hỏng : họ bỏ lại như những vật cồng kềnh. Đàn ngựa không dai sức như họ tưởng. Tuy nhiên ở nơi này, loài vật so với máy móc lại hơn nhiều : những con vật mà họ bắt buộc phải hạ sát đã cung cấp cho lũ chó thức ăn tươi và bổ để tăng thêm sức lực.   
Những cuộc khởi hành riêng biệt bắt đầu ngày mồng một tháng mười một năm 1911. Nhờ những bức ảnh, chúng ta thấy đoàn lữ hành kỳ lạ lúc đầu có ba chục người, rồi hai chục, một chục và cuối cùng là năm người mạo hiểm xuyên qua vùng sa mạc trắng xóa của cái thế giới không sinh khí này. Một người đi đầu toàn thân bọc kín trong bộ da lông thú và len, một thứ người mọi rợ mà chỉ chòm râu và đôi mắt là lộ ra khỏi khối da và len bọc ngoài. Bàn tay anh ta đi găng da lông, cầm cương một con ngựa kéo xe trượt tuyết chất nặng. Một nhân vật thứ hai cách ăn mặc và dáng dấp tương tự, đi theo sau. Rồi một người thứ ba : tất cả hai mươi cái chấm đen tạo thành một chuyển động trong màu trắng chói lòa của một không gian vô tận. Ban đêm họ chui trong lều vải, dựng lên những bức tường bằng tuyết để chắn gió cho ngựa, và sáng hôm sau, họ lại tiếp tục cuộc hành trình chán ngắt và đơn điệu xuyên qua bầu không khí giá buốt mà lần đầu tiên có con người hít thở kể từ ngày khai thiên lập địa.   
Nhưng những nỗi lo âu cứ ngày càng chồng chất. Thời tiết xấu dai dẳng. Đôi khi mỗi ngày họ chỉ vượt qua được ba mươi kilômét, mà dự định là phải đi bốn mươi. Và đối với họ, một ngày là quý giá kể từ khi họ biết rằng một địch thủ vô hình đi từ phía khác cùng nhằm đến một đích với họ. Ở chốn này, một việc bất ngờ nhỏ nhặt nhất cũng biến thành điều nguy khốn : Một con chó sổng mất, một chú ngựa biến ăn, chừng ấy sự việc kinh khủng, bởi vì ở giữa vùng cô quạnh này, mọi vật đều trở nên quý giá khác thường. Những vật dụng thiết yếu cho sự sống thì vô giá : không có gì thay thế được. Sự bất tử có khi tùy thuộc vào bốn miếng sắt vó ngựa : bầu trời u ám báo trước cơn giông bão có thể chôn vùi sự nghiệp vinh quang. Đồng thời sức khỏe của các nhà thám hiểm bắt đầu sa sút, một số bị lóa mắt vì ánh phản xạ của tuyết, số khác bị tê cóng chân tay; ngựa phải ăn hạn chế theo khẩu phần dần dần kiệt sức và cuối cùng ngã quỵ ngay trước sông băng Biếcmo. Các nhà thám hiểm phải rầu lòng hạ sát những con vật dũng cảm mà giữa chốn cô quạnh này và sau hai năm chung sống, đã trở thành những người bạn được tất cả bọn họ vuốt ve trìu mến. Họ gọi chốn u buồn này là “ kho chứa thịt ướp lạnh “. Ở đấy, một bộ phận của đoàn thám hiểm tách ra và quay trở về, những người còn lại chuẩn bị dốc hết nỗ lực vượt qua cái thành lũy mà chỉ có ý chí nồng nhiệt và hăng say của con người mới có thể vượt qua nổi.   
Họ tiến lên từng chặn ngắn dần, bởi vì ở chỗ này tuyết rắn đanh lại, lớp vỏ ngoài lổn nhổn. Xe trượt tuyết không lướt đi được nữa, người phải kéo nó đi. Tuyết rắn đến nỗi cứa đứt cả giày trượt băng, chân họ chảy máu khi đi trên những tinh thể di động đó. Nhưng không cái gì cản bước họ được. Ngày 30 tháng mười một, họ tới vĩ tuyến 870, điểm tột cùng của đoàn thám hiểm Saclơtông. Chính tại nơi đây họ lại phải tách nhóm lần cuối : chỉ có năm người đi tới cực. Xcốt chọn người. Những người khác không dám cưỡng lời anh, nhưng họ không khỏi đau lòng vì buộc phải trở về giữa lúc đã sát gần tới đích, nhường lại cho bạn đồng hành niềm vinh quang của công cuộc khám phá. Nhưng việc đã quyết định rồi. Họ siết chặt tay nhau lần cuối cùng và dằn lòng nén nỗi xúc động, rồi toán người tách nhau ra. Hai hàng người thưa thớt, nhỏ xíu lên đường, một nhắm hướng Nam, một hướng Bắc, trở về Tổ quốc. Chốc chốc từ hai phía, họ ngoảnh lại để một lần nữa thấy rõ ràng người bạn của mình vẫn còn kia, bằng xương bằng thịt. Chẳng bao lâu, bóng dáng cuối cùng của mỗi nhóm người đã biến hút. Và cả năm người được chọn : Xcốt, Baoơ, Oát, Uynxtơn, và Êvan tiếp tục con đường cô đơn và bí ẩn của họ.

**NAM CỰC**

Nỗi lo lắng ngày càng tăng bộc lộ rõ trong những ghi chép vào những ngày cuối cùng, khi chiếc kim la bàn màu xanh quay cuống cuồng theo đà tới địa cực. Ta đọc thấy : “ Biết bao nhiêu thời gian, những hình bóng bắt đầu quay xung quanh chúng tôi, nó lướt đi từ phải sang trái trước mặt chúng tôi với nhịp độ mới chậm làm sao “. Nhưng đôi khi ta cũng thấy ở đó lóe lên một tia hy vọng. Xcốt ghi lại những khoảng cách còn phải vượt qua với tâm trạng ngày càng nôn nóng. “ Còn một trăm năm mươi kilômét, chúng tôi sẽ không chịu nổi đến cùng nếu tình trạng này còn tiếp tục ! “. Sự mệt nhọc làm anh thốt lên như vậy. Hai ngày sau : “ Chỉ còn một trăm ba mươi bảy kilômét, nhưng gian nan quá chừng ! “. Rồi đột nhiên, bằng một giọng gần như đắc thắng : “ Còn chín mươi tư kilômét nữa là đến Nam cực, nếu chúng tôi không đến tận nơi được thì cũng là gần kề “. Ngày 14 tháng giêng hy vọng chuyển thành niềm tin chắc chắn : “ Chỉ còn bảy mươi kilômét, mấy bước nữa là chúng tôi đến đích “ và hôm sau, một tiếng reo vui chiến thắng : “ Chỉ còn có năm mươi kilômét khốn khổ ! Phải đến nơi bằng bất cứ giá nào ! “. Đọc những dòng chữ vội vàng này, ta có cảm giác sâu xa rằng lòng mong đợi làm căng thẳng thần kinh của các nhà thám hiểm, rằng tim họ rung lên vì sốt ruột. Thắng lợi đã gần kề, bí ẩn cuối cùng của trái đất đã nằm trong tay họ. Một cố gắng cuối nữa là tới đích.

**16 THÁNG GIÊNG NĂM 1912**

Nhật ký ghi : “ Giây phút long trọng “. Họ khởi hành từ sáng sớm. Lòng ham muốn biết được điều bí ẩn kỳ diệu đã lôi họ ra khỏi túi ngủ sớm hơn thường lệ. Cả năm con người gan dạ bước nhanh xuyên qua sa mạc trắng và đi được bốn kilômét trong buổi sáng. Lúc này thành công đã chắc chắn, cái kỳ tích mà nhân loại phải khâm phục có thể nói là đã hoàn thành. Bỗng Baoơ, một trong những bạn đồng hành của Xcốt cảm thấy lo lắng. Mắt anh nhìn sững vào một chấm đen nhỏ giữa bãi tuyết mênh mông. Anh không dám trao đổi mối ngờ vực của anh với người khác, nhưng cũng ý nghĩ khủng khiếp đó dằn vặt mọi người : liệu đó có phải là cọc mốc do bàn tay con người trồng. Họ cố gắng tự dối mình để được vững lòng. Cũng như Rôbinxơn đã hoài công tự thuyết phục mình. Họ tự an ủi rằng đó là vết băng nứt hoặc chỉ là một ảo ảnh. Họ run rẩy tiến lại gần, vẫn còn cố gắng gây ảo tưởng lẫn cho nhau, mặc dầu mọi người đều đã đoán ra sự thực, đều biết rằng nhà thám hiểm Na-uy đã đến trước họ ! Hy vọng cuối cùng của họ đã tiêu tan trước sự thật không sao chối cãi được : Một lá cờ treo ở cột trụ xe trượt tuyết đứng đúng bên trên những vết tích còn lại của một láng trại bỏ hoang, đồng thời người ta nhận thấy nhiều vết chân chó : Địa cực đã hàng bao nghìn năm không có vết chân người và tự thuở khai thiên lập địa có lẽ chưa từng có con mắt người trần nào được ngắm nhìn nay đã bị khám phá hai lần trong một thời gian quá ngắn ngủi, có hai tuần lễ. Họ chậm mất một tháng mặc dù ba mươi ngày có nghĩa lý gì so với hàng ngàn năm về trước – nhưng họ chỉ là kẻ thứ nhì trong một thế giới mà kẻ đi đầu là tất cả, còn kẻ thứ nhì cũng bằng không !   
Thế là, suốt bao nhiêu tuần lễ, ròng rã bao nhiêu tháng trời, những cố gắng của họ thật công toi, những thiếu thốn của họ thật lố bịch, những hy vọng của họ thật hão huyền ! “ Vì sao chúng tôi đã chịu đựng những cực hình đó ? - Xcốt viết trong nhật ký của anh - Chỉ vì những ước mơ bây giờ đã tiêu tan “. Mắt họ ứa lệ, đêm tiếp theo họ không ngủ được mặc dầu ai nấy đều mệt mỏi hết sức. Hoang mang, tuyệt vọng như những kẻ bị kết án tử hình, họ vượt nốt chặng đường cuối cùng mà trước đây họ đã tưởng là sẽ đưa họ đến quang vinh. Không ai còn tìm cách an ủi người khác, họ lê bước nhọc nhằn, chẳng nói chẳng rằng. Ngày 18 tháng giêng, Xcốt và các bạn đồng hành tới cực. Bởi vì cái vinh quang được là người đầu tiên (điều mà trước đây anh xiết bao hy vọng) không còn quyến rũ anh nữa, anh dửng dưng nhìn cảnh tượng hoang vu này : “ Chốn này chẳng có gì là thú vị, chẳng có gì xua tan được sự đơn điệu của những ngày cuối cùng “ – anh ghi như vậy. Đó là tất cả những gì anh đã tả về Nam cực. Điều lạ lùng duy nhất mà họ nhận thấy không phải là công trình của tạo hóa, mà lại là bàn tay của địch thủ. Đó là cái lều vải của Amunsen và lá cờ Na-uy phấp phới bay ngông nghênh đắc thắng trên pháo đài mà ông ta đã chinh phục được. Một lá thư của người đi chinh phục chờ đợi một người không quen biết đó chuyển bức thư đến tay nhà vua Hắc-kông nước Na-uy. Xcốt thầm hứa sẽ làm tròn sứ mệnh nặng nề là xác nhận với thế giới rằng một người khác đã làm nên cái chiến công mà chính bản thân anh tha thiết muốn thực hiện.   
Họ buồn bã cắm lá cờ “ Liên bang Giắc “ đến muộn bên cạnh biểu tượng chiến thắng của Amunsen. Rồi họ rời bỏ “ chốn đã phản bội tham vọng của họ “. Một cơn gió lạnh thổi sau lưng. Khắc khoải về một tình cảm chẳng lành, Xcốt viết trong nhật ký của mình : “ Lượt trở về làm tôi hoảng sợ “.

**TIÊU TAN**

Cuộc trở về nguy hiểm bội phần. Lúc ra đi, la bàn chỉ đường cho họ. Lần này, trong nhiều tuần lễ, họ phải hết sức chú ý để khỏi mất dấu vết, để đừng đi chệch hướng – dù chỉ một lần thôi - rời khỏi con đường có những kho dự trữ. Ở đó họ có thức ăn, quần áo và nhiệt lượng cô đọng trong các thùng dầu hỏa. Bởi vậy họ lo lắng mỗi khi cơn gió tuyết làm họ lóa mắt, vì chỉ cần nhắm hướng là họ đi thẳng đến chỗ chết. Ngoài ra cơ thể họ cũng không được khoan khoái như trước, nó mất hẳn sự linh hoạt lúc khởi đầu cuộc hành trình, lúc ấy họ còn được nuôi dưỡng bằng thực phẩm dồi dào, giàu nhiệt lượng.   
Thế rồi cái lò-xo ý chí của họ gãy hẳn. Lúc ra đi, niềm hy vọng của cả một thế hệ khiến cho họ tràn trề nghị lực. Ý thức hoàn thành một kỳ công bất tử đã tiếp cho họ sức mạnh siêu phàm. Lúc này, họ chỉ còn vật lộn để cứu lấy mạng mình, cứu lấy sự sống còn thể chất để trở về. Cuộc trở về không chút vinh quang mà trong thâm tâm có lẽ họ sợ nó hơn là mong muốn.   
Phần tường thuật về những ngày này là những trang bi thảm. Thời tiết ngày càng xấu, mùa đông bắt đầu sớm hơn thường lệ, tuyết dính bết vào đế giày cản bước chân đi của họ. Giá rét làm hao mòn những tấm thân tiều tụy vì mệt mỏi. Bởi vậy mỗi lần tới được một kho dự trữ sau những ngày chán nản và thất vọng, họ cũng có chút niềm vui; và một tia mỏng manh của lòng tin vẫn thoáng hiện trong nhật ký của họ. Không có bằng chứng nào vĩ đại hơn về tinh thần anh hùng của nhóm người mất hút giữa nơi hoang vu mênh mông trắng toát này bằng hình ảnh nhà bác học Uynxơn đã gần kề cái chết mà vẫn theo đuổi những quan sát khoa học và mang theo về trên xe trượt tuyết của mình ngoài trọng tải cần thiết, mười tám kilôgam khoáng vật hiếm.   
Nhưng lòng can đảm của con người nhụt dần trước sự toàn năng của thiên nhiên hình như đã tung ra hết mọi sức mạnh tàn phá tích tụ từ bao nhiêu ngàn năm nay để chống lại năm con người táo bạo này : gió, rét và tuyết. Chân họ đã loãng máu từ lâu và thân thể họ không được hồi sức đầy đủ vì chỉ được ăn một bữa nóng duy nhất, lại còn phải hạn chế khẩu phần nên càng suy yếu và bắt đầu kiệt sức. Một hôm, họ kinh hoàng nhận thấy Êvan, người lực lưỡng nhất trong bọn có những hành động thác loạn. Anh dừng lại phía sau, luôn miệng lảm nhảm về những nỗi đau có thực và tưởng tượng. Anh nói năng kỳ quặc đến nỗi họ hiểu ngay rằng con người bất hạnh này đã phát điên sau một lần ngã hoặc do quá đau khổ. Giải quyết với anh như thế nào đây ? Bỏ rơi anh giữa sa mạc băng giá này ư ? Mặc khác phải đến được ngay kho dự trữ không chậm trễ, nếu không thì... bàn thân Xcốt cũng không dám viết điều gì sẽ xảy tới. Ngày 17 tháng hai khoảng một giờ sáng, Êvan con người khốn khổ thở hơi cuối cùng ở một nơi chỉ cách “ kho thịt ướp lạnh “ chưa đến một ngày đường, ở đấy họ tìm thấy nguồn thực phẩm dồi dào hơn nhờ những con ngựa mà họ giết chết tháng trước.   
Bốn người lại lên đường. Nhưng, than ôi ! Họ thất vọng cay đắng khi đến kho dự trữ tiếp theo, chẳng còn bao nhiêu dầu hỏa : vậy là phải dè sẻn chất đốt, nó là thứ cần thiết nhất. Phải tiết kiệm nhiệt, mặc dầu đó là vũ khí độc nhất chống rét có hiệu quả. Đêm giá buốt, khắc khoải vì lo âu dằn vặt. Buổi sáng thức dậy, lòng đầy chán nản : phải gắng gượng lắm họ mới đủ sức xỏ được đôi giày nỉ. Tuy vậy, họ vẫn lê bước tiến lên, ngay cả Oat mà hai chân đã tê cóng. Gió dữ dội hơn bao giờ hết. Ngày 2 tháng ba, khi đến một kho dự trữ khác, lại vẫn nỗi thất vọng ghê gớm chờ đợi họ : thiếu chất đốt.   
Nỗi sợ hãi bắt đầu len vào nhật ký. Có thể đoán rằng Xcốt đã cố nén lo âu, nhưng một chuỗi những tiếng kêu thất vọng vẫn lộ ra qua sự bình tĩnh giả tạo của anh : “ Không thể cứ như thế này mãi “, hay là : “ Xin thượng đế cứu giúp chúng tôi ! Những cố gắng đó vượt quá sức chúng tôi “. Hoặc nữa : “ Sự nghiệp kết thúc một cách bi thảm “. Và, cuối cùng, lời thú nhận kinh khủng : “ Xin thượng đế cứu giúp chúng tôi, lúc này chúng tôi không còn trông đợi gì ở con người nữa ! “. Nhưng họ vẫn tiếp tục tiến lên, không hy vọng, răng cắn chặt. Oat bám theo mỗi ngày một khó khăn, anh là gánh nặng hơn là chỗ dựa cho bạn đồng hành. Họ đành phải dừng lại vì thời tiết – 420 và con người bất hạnh đó cảm thấy mình là mối nguy cho các bạn. Họ sắp chết. Họ yêu cầu Uynxơn trao cho mỗi người mười viên Moóphin để chết cho nhanh khi cần thiết. Họ còn cố gắng đi một ngày nữa với người ốm. Rồi con người khốn khổ đó van vỉ mọi người bỏ anh ta nằm lại trong cái chăn túi của mình và đừng ràng buộc số phận của họ với số phận của anh. Mọi người kiên quyết từ chối đề nghị đó, mặc dầu họ hoàn toàn hiểu rằng như thế có lợi cho họ hơn. Lảo đảo với đôi chân tê cóng, người ốm còn đi theo họ mấy cây số nữa đến lúc dừng chân ban đêm. Anh ngủ với mọi người đến sáng : Một cơn gió bão điên cuồng.   
Bỗng nhiên Oát đứng dậy : “ Tôi ra ngoài, - anh nói với các bạn – có thể tôi sẽ vắng mặt một lát “. Mọi người rùng mình. Ai nấy đều đoán được hành động đó có ý nghĩa gì. Nhưng không ai dám giữ anh lại. Không ai có đủ can đảm đưa tay ra vĩnh biệt anh. Lòng tôn kính khiến họ ngây ra, tất cả đều cảm thấy La-vrăng-xơ Z.E.Oat, đại úy trong kỵ binh Innixkilinh đón gặp cái chết như một người anh hùng.   
Ba sinh vật yếu ớt, kiệt sức, thất vọng lê bước qua sa mạc băng giá khắc nghiệt. Chỉ còn bản năng sinh tồn nâng đỡ bước đi lảo đảo của họ. Thời gian thật đáng sợ, mỗi kho dự trữ lại dành cho sự thất vọng mới : quá ít dầu lửa, quá ít nhiệt lượng. Ngày 21 tháng ba họ chỉ còn cách kho dự trữ hai mươi kilômét, nhưng gió táp dữ dội đến nỗi họ không thể rời khỏi lều. Mỗi buổi chiều họ hy vọng ngày mai là đến đích. Trong thời gian ấy thực phẩm mỗi ngày một khan dần và hy vọng cuối cùng của họ cũng tiêu tan theo. Chất đốt đã hết và nhiệt kế đã chỉ âm 400. Không còn trông mong vào đâu được nữa, họ chỉ còn cách lựa chọn : hoặc chết đói, hoặc chết rét. Dưới mí lều vải nhỏ bé dựng giữa chốn giá rét trắng xóa của thế giới nguyên thủy này, ba người đàn ông vật lộn tám ngày với số mệnh tàn khốc. Ngày 28 tháng ba họ tin chắc rằng không còn phép lạ nào cứu họ được nữa. Bởi vậy họ quyết không dấn thêm bước nào nữa đến đón gặp định mệnh và chịu đựng cái chết cũng dũng cảm như chịu đựng bất cứ tai họa nào. Họ chui vào chăn túi và không một tiếng kêu hấp hối nào của họ vọng đến tai vũ trụ.

**NHỮNG BỨC THƯ CỦA NGƯỜI HẤP HỐI**

Trong khi bão tố lay chuyển dữ dội lớp vải mỏng của gian lều, trước cái chết vô hình như lại rất gần, thuyền trưởng Xcốt nhớ đến tập thể của mình. Ở giữa chốn yên lặng này, nơi mà tiếng nói của con người chưa bao giờ xuyên qua được, anh dũng cảm nghĩ đến những mối dây ràng buộc anh với đất nước anh và với cả nhân loại. Một ảo ảnh của trí tuệ làm hiện lên trong bãi sa mạc trắng này hình ảnh tất cả những người anh yêu mến và anh nói với họ. Đến lúc chết, thuyền trưởng Xcốt, bằng bàn tay tê cóng, đã viết cho tất cả, những người thân yêu đang còn sống.   
Những bức thư đó thật đáng khâm phục. Cái chết khủng khiếp gần kề đã loại trừ ra khỏi chúng mọi điều tẹp nhẹp. Ánh trong suốt như pha lê của bầu trời hoang vu như đã thấm vào các bức thư. Thư viết cho vài người, nhưng lại nói với cả nhân loại. Thư liên quan đến một thời kỳ, mà lại nói với vĩnh cữu.   
Anh viết cho vợ. Anh xin chị hãy chăm sóc đến di sản quý báu nhất của anh - đứa con trai, anh dặn dò chị làm thế nào đừng để cho con nhiễm thói hèn yếu và khi nói về một trong những chiến công cao cả nhất của lịch sử, anh thú nhận : “ Em biết đấy, anh đã phải cố gắng để trở nên can đảm. Trước kia anh vẫn hay lười biếng “. Trên ngưỡng cửa vào cõi chết, Xcốt vẫn hài lòng về quyết định của mình mà không hề hối tiếc : “ Anh có thể kể gì với em về cuộc hành trình của anh ? Tuy nhiên, anh cho rằng như thế còn hơn là ngồi ru rú trong xó nhà “ êm ấm “.   
Rồi bằng một giọng thảm thiết anh viết cho vợ và mẹ của những người đã chết bên cạnh anh, nói lên hành vi anh hùng của họ. Con người sắp giã từ cuộc đời này an ủi bà con của các bạn đồng hành, truyền cho họ ý thức sâu sắc và gần như siêu phàm về sự cao cả của giây phút này, về quang vinh của cái chết mà những người thân của họ đã phải gánh chịu.   
Tiếp theo, anh viết cho các bạn thân. Với thái độ khiêm tốn khi nhắc đến bản thân mình, nhưng anh nói về đất nước Anh với lòng kiêu hãnh thanh cao, đất nước mà giờ phút này anh cảm thấy mình là người con xứng đáng : “ Tôi không biết tôi có phải là nhà thám hiểm lớn hay không, - anh thú nhận – nhưng cái chết của chúng tôi chứng tỏ rằng lòng can đảm và chí kiên cường vẫn chưa mất hẳn trong nòi giống chúng ta “. Và chỉ cái chết mới moi được ở anh lời thú nhận tha thiết sau đây mà tính cương nghị của nam nhi và sự trinh tuyên về đạo đức không cho phép anh nói ra lúc sinh thời : “ Trong đời tôi, tôi chưa hề gặp một người nào mà tôi thán phục và yêu quý như anh - Xcốt nói với người bạn tốt nhất của mình như vậy – Nhưng tôi chưa bao giờ bộc lộ cho anh biết tình bạn của anh đối với tôi có ý nghĩa như thế nào, bởi vì anh đã cho tôi rất nhiều, mà tôi thì không có gì tặng lại cho anh cả “.   
Bây giờ anh viết lá thư cuối cùng, lá thư hay nhất viết cho nước Anh, tổ quốc của mình. Anh tự cho là có bổn phận biện bạch cho các bạn của mình trong cuộc đấu tranh liên quan đến danh dự của đất nước.   
Anh lần lượt kể lại những cảnh ngộ đã cố tình chống lại anh và với giọng mang âm vang dội lên từ dưới mồ khiến nó trở nên bi tráng lạ thường, anh cầu xin tất cả mọi người Anh đừng bỏ rơi những người thân yêu của anh. Ý nghĩ cuối cùng của anh tự nó đã phó mặc số phận của bản thân mình. Những lời cuối cùng của anh không đả động đến cái chết của anh mà đến cuộc sống của những người khác. “ Vì lòng yêu Thượng đế, xin hãy chăm sóc tất cả những người mà chúng tôi để lại “.   
Thuyền trưởng Xcốt đã ghi nhật ký đến giây phút cuối cùng, đến tận lúc các ngón tay anh tê cứng lại, và cây bút chì tuột khỏi tay anh. Niềm hy vọng rằng người ta sẽ tìm thấy trên xác anh những trang giấy đó chứng tỏ tất cả những gì anh đã làm, chứng tỏ lòng can đảm của dân tộc anh đã cho anh sức mạnh phi thường ấy. Bàn tay đã lạnh cứng của anh còn kịp vạch những chữ nguệch ngoạc nói lên lòng ham muốn tột bậc này : “ Hãy giữ cuốn nhật ký này cho vợ tôi ! “. Nhưng lúc ấy, tin chắc rằng cái kết thúc ác nghiệt sẽ đến với mình, anh xóa “ vợ tôi “ và viết lên trên mấy chữ khủng khiếp này : “ Người vợ góa của tôi “.

**HỒI ÂM**

Những người đồng hành của Xcốt không được vinh dự theo anh đến tận cùng đã chờ nhà thám hiểm nhiều tuần lễ trong căn lều của họ. Lúc đầu tin tưởng, sau hơi lo lắng, tiếp đó nỗi lo lắng ngày càng lớn dần. Hai lần liên tiếp, họ cho những đoàn đi cứu, nhưng bão táp buộc họ phải quay trở lại. Đoàn quân không người cầm đầu đã ru rú trong lều suốt cả mùa đông không làm nên công chuyện gì. Một thứ linh cảm đau buồn tràn ngập trái tim mọi người. Trong thời gian đó, tuyết và sự im lặng chôn vùi chiến công và tính mạng của thuyền trưởng Xcốt.   
Đến tận ngày 29 tháng mười, mùa xuân Nam cực, nhiều người trong bọn họ mới đi tìm kiếm Xcốt và các bạn. Ngày 12 tháng mười một, họ tới căn lều và tìm thấy xác của những con người gan góc chết cóng trong những chăn túi. Xcốt ôm lấy Uynxơn một cách thân thiết trong lúc chết. Họ tìm thấy những bức thư và tài liệu để lại. Họ đào một ngôi mộ để chôn cất những người anh hùng chết bi thảm đó. Một cây thập tự đen giản dị ở giữa sa mạc trắng, cho đến ngày nay vẫn còn vươn cao trên đỉnh gò tuyết, lưu giữ mãi bí mật việc làm oanh liệt đó của con người.

\*   
\* \*

Ồ không ! Kỳ công của họ lại được tái sinh một cách bất ngờ, kỳ lạ. Phép lạ của kỹ thuật hiện đại. Các bạn của Xcốt mang theo về những tấm kính âm bản và những cuộn phim. Rửa ảnh, người ta lại nhìn thấy nhà thám hiểm đi giữa các bạn đồng hành và quan cảnh địa cực mà Amunsen chỉ ngắm riêng được có một mình. Điện tín truyền đi tập nhật ký và các bức thư của Xcốt làm thế giới thán phục. Trong nhà thờ của vương quốc Anh, nhà vua quỳ gối tưởng nhớ người anh hùng. Thế là cái kỳ tích tưởng như vô dụng đã trở thành sức mạnh động viên, sứ mệnh không hoàn thành biến thành một lời kêu gọi tha thiết, thúc giục nhân loại tập hợp lực lượng đến nơi chưa ai từng tới được. Do một điều trái ngược thần kỳ, cái chết sản sinh ra sự sinh tồn siêu việt, một thất bại làm nảy sinh ra khát vọng đạt tới cái vô cùng. Bởi vì một thắng lợi tình cờ, một thành công dễ dãi chỉ nhen lên lòng tham vọng, trong khi đó, không làm gì cho trái tim trở nên cao cả bằng sự thất bại trước uy quyền toàn năng của định mệnh. Đó là cái lớn lao nhất trong tất cả các bi kịch, đôi khi do thi ca sáng tạo ra, nhưng cuộc sống còn sáng tạo ra những bi kịch loại đó nhiều hơn gấp bội.   
***Chú thích :***  
*(1) Đất chưa biết (ND).   
(2) Trường Đại học Nam Cực. ND   
(3) Loại Pianô tự động chơi những bản nhạc nhất định. ND*

**Stefan Zweig**

Tuyển tập truyện ngắn Stefan Zweig

Dịch giả : PHÙNG ĐỆ - LÊ THI

**BẢN BI CA MARIENBAT**

*(Ngày 5 tháng chín năm1823)*

Ngày 5 tháng chín năm 1823, một chiếc xe ngựa lăn bánh chậm chạp trên đường từ Cacbat đến Egi ê. Buổi sáng hôm ấy trời có vẻ đã sang thu, hơi lành lạnh. Gió nhởn nhơ lướt trên những cánh đồng đã gặt, bầu trời xanh vẫn trải rộng khắp cảnh trí bao la. Trong cỗ xe có ba người : ngài cố vấn cơ mật của đại công tước xứ Xắcvâyma, Phôn Gớt (trong danh sách các tân khách đến thành phố Cacbat người ta hãnh diện gọi nhà thơ bằng cái danh hiệu như vậy) và hai người thân tín của ông : Stađeman, người lão bộc và Giôn, viên thư ký, người đã chép lại bản thảo của hầu hết các tác phẩm của ông từ đầu thế kỷ. Không ai nói câu nào, bởi vì ông chưa hề hé răng lần nào từ lúc rời Cacbat, nơi rất nhiều thiếu phụ trẻ và những thiếu nữ đã đến chào hoặc ôm hôn nhà văn nổi tiếng. Ông ngồi im lặng, cặp mắt nhìn trong suy tưởng. Tới trạm nghỉ đầu tiên, ông xuống xe, hai người đồng hành thấy ông ghi nhanh vài chữ trên mảnh giấy.   
Suốt dọc đường đến tận Vâyma, cảnh tượng đó lặp lại nhiều lần. Lúc vừa tới Juôtau, rồi ngày hôm sau ở lâu đài Hactăngbe, ở Egi ê, rồi ở Pốctanếch, nơi nào cũng vậy, mối quan tâm đầu tiên của ông là ghi lại những gì đã nghiền ngẫm trong đầu óc trên đường đi. Cuốn nhật ký của ông ghi vắn tắt : Làm thơ (6 tháng 9), tiếp tục làm thơ (chủ nhật, 7 tháng 9); xem lại bài thơ lần nữa (12 tháng 9). Tới Vâyma, tác phẩm đã hoàn thành. Đó là *Bản bi ca Marienbat*, một bài thơ của tuổi già, bài thơ thâm thúy nhất, sâu kín nhất và cũng là bài thơ ông yêu thích nhất, một lời vĩnh biệt hào hùng, một bước ngoặt vinh quang.   
Trong một cuộc chuyện trò, Gớt đã gọi bài thơ đó là : “ Nhật ký của cõi lòng thầm kín “, quả vậy, có lẽ không một trang nào trong nhật ký của ông lại thố lộ một cách chân thực bằng bài thơ vừa băn khoăn đau xót, vừa than vãn bi thảm này, chưa có lần nào trong những năm tuổi trẻ của ông mà nguồn thơ trữ tình lai láng lại trực tiếp tràn ra từ chính đời ông như vậy, không một tác phẩm nào của ông mà ta có thể nhìn thấy sự hình thành rõ rệt đến như vậy - từng giòng từng giòng một, từng giờ từng giờ một – như trong áng thơ sâu thẳm và chín mọng nhất này (của ông già bảy mươi tư tuổi) - một trái cây muộn màng thắm đỏ sắc thu. Như tác giả đã viết cho Eckecman về bài thơ này : “ Đấy là sản phẩm của một niềm say đắm đến tột đỉnh, áng thơ đã kết hợp được sự điêu luyện thần tình về hình thức với chiều sâu và tính chân thực của nội dung. Cho đến ngày hôm nay, một thế kỷ đã trôi qua, chẳng có gì mất đi, tất cả vẫn còn sống động trong những trang diễm lệ này, trên đó lấp lánh vì sao của sự hồi xuân.   
*Bản bi ca Marienbat* báo hiệu một hóa thân trong đời nhà thơ. Tháng hai năm 1822, Gớt bị một trận ốm thập tử nhất sinh, những cơn sốt dữ dội và đột ngột hành hạ thể xác ông, khiến ông nhiều lần bất tỉnh và những tưởng ông không qua khỏi. Các thầy thuốc không tìm ra một triệu chứng nào rõ rệt và chỉ thấy tình thế rất hiểm nghèo, đành chịu bó tay. Nhưng bỗng nhiên bệnh lui cũng đột ngột như lúc nó đến. Tháng sáu Gớt đến Marienbat, sắc diện hoàn toàn thay đổi, mọi người hầu như cho rằng cơn sốt vừa qua chỉ là dấu hiệu một cuộc hồi xuân trong bản thân ông, một “ kỳ dậy thì mới “. Lần đầu tiên từ mấy thập kỷ nay, con người dè dặt, khắc nghiệt, lạnh lùng mà năng lực thi ca hầu như đã biến đổi thành sự uyên bác, giờ đây chỉ sống trong thế giới tình cảm. Âm nhạc “ xé “ lòng ông, ông không thể nghe dương cầm mà nước mắt không đầm đìa, nhất là khi người chơi đàn lại là một thiếu phụ đẹp như Dimanốpska. Ông có khuynh hướng bị hút về giới trẻ khá sâu sắc và các bạn ông xiết bao ngạc nhiên thấy ông già bảy mươi xuân lượn quanh đám phụ nữ đến tận nửa đêm, lại còn khiêu vũ nữa, cái mà ông đã bỏ từ nhiều năm nay. Ông kiêu hãnh kể lại rằng khi thay đổi cặp nhảy, những cô gái đẹp nhất đã rơi vào vòng tay ông. Cơ thể đông cứng của ông như tan mềm một cách kỳ lạ trong suốt mùa hè và tâm hồn trở lại tươi trẻ của ông bị lôi cuốn không sao cưỡng lại nổi bởi niềm hân hoan vĩnh cữu. Cuốn nhật ký của ông ghi : “ Những giấc mộng hiền hòa “, chàng Vecte ngày xưa thức giấc trong lòng ông. Sự tiếp xúc với nữ giới gợi cho ông những bài thơ nho nhỏ, thôi thúc ông buông những lời bỡn cợt, chòng ghẹo như nửa thế kỷ trước khi ông giao du với Lili. Sự lựa chọn của ông còn chưa dứt khoát : thoạt đầu là nữ nhạc sĩ Ba Lan xinh đẹp, sau đó là thiếu nữ Unric-phôn Lêvetzốp đã làm trái tim trẻ lại của ông hồi hộp. Mười lăm năm trước đó ông đã yêu bà mẹ, cách đây một năm ông còn như người cha đùa cợt với cô “ cháu gái “, nhưng đột nhiên tình mến thương biến thành nỗi đắm say. Đó là một cơn bệnh mới chế ngự và dày vò ông còn điêu đứng hơn bất cứ một chuyện gì đã dày vò ông từ trước tới nay. Ông si tình như một chàng trai trẻ. Vừa nghe thấy giọng nói mến yêu trên lối đi dạo chơi là ông bỏ cả công việc, tay không cầm can, đầu không đội mũ, vội vàng chạy đến với cô cháu tươi cười đang gọi ông. Cuối cùng, ông cầu hôn như một chàng trai và người ta chứng kiến một cảnh tượng lố bịch và phảng phất đôi nét của thần đồng áng trong tính bi kịch của nó. Sau khi bí mật bàn bạc với thầy thuốc riêng của mình, Gớt tâm sự với người bạn già nhất của ông, ngài đại công tước, nhờ ngài giúp ông đến cầu xin bà Phôn Lêvetzốp gả cô con gái Unricke cho ông. Ông bạn già nhớ lại biết bao đêm truy hoan cùng Gớt năm mươi năm trước đây, có lẽ cười thầm con người mà cả nước Đức và châu Âu sùng kính như một nhà thông thái nhất trong số những nhà thông thái, một đầu óc chín chắn và sáng suốt nhất của thời đại. Nhưng ngài vẫn đeo huân chương và trịnh trọng đến xin bà mẹ gả cô con gái cho ông lão bảy mươi tư. Người ta không biết đích xác câu trả lời ra sao, nhưng hình như đó chỉ là một kế trì hoãn. Vì vậy Gớt không nắm chắc được gì, ông đành bằng lòng với vài cái hôn thoáng qua mà ông đã nhận được, với những lời dễ thương dành cho ông, trong khi nỗi thèm muốn ngày càng mãnh liệt làm ông khổ sở : thèm muốn được chiếm hữu và được ôm trọn trong vòng tay cái tuổi thanh xuân mang một dáng vẻ quyến rũ như thế. Một lần nữa, con người mãi mãi nôn nóng ấy đấu tranh cho cái mà ông coi là ân huệ cao nhất lúc đó. Trung thành với mối tình của mình, ông đã theo người yêu dấu từ Marienbat đến Cacbat, nhưng ở đó cũng không có cái gì chắc chắn và mùa hè dần qua đi thì nỗi đau khổ của ông cũng lớn dần lên. Đã đến lúc sắp lên đường, ông sẽ phải ra đi không có một lời hẹn ước. Khi xe bắt đầu lăn bánh, con người vĩ đại có trực giác mạnh mẽ ấy đã cảm thấy rằng một cái gì lớn lao trong đời mình vừa chấm dứt. Nhưng người bạn đồng hành vĩnh cữu của mọi đau khổ sâu sắc, người khuyên giải cao tuổi đã có mặt trong những giờ phút ưu buồn, thiên tài đã cúi xuống con người đang đau khổ, và con người không tìm thấy nguồn an ủi trên cõi thế liền cầu cứu Thượng đế. Một lần nữa Gớt trốn chạy vào thi ca và để tỏ lòng biết ơn Thượng đế về ân huệ đã được ban phát lần cuối cùng cho mình, ông ghi nổi bật lên trên bản bi ca mà ông sáng tác, những câu thơ này trong tập Torquato Tasso của ông.

*Nhưng nếu con người câm lặng trong đau khổ   
Thì thần linh ban cho tôi cái quyền được nói lên những gì tôi đau khổ*

Ngồi trong xe, ông già suy nghĩ chán nản hoang mang vì những câu hỏi ông tự đặt ra. Mới sáng nay thôi Unricke còn cùng chị nàng tới dự cuộc ra đi náo nhiệt của ông. Đúng vào lúc chia tay, cô đã đặt lên môi ông cái miệng dịu dàng và yêu dấu. Nhưng là chiếc hôn của tình yêu, hay của cô cháu gái ? Liệu nàng có thể yêu ông không ? Có quên ông hay không ? Rồi Gớt nghĩ đến con trai, con dâu ông đang nóng lòng chờ hưởng thụ cái gia tài kếch xù mà ông phải để lại cho họ. Chúng có chấp nhận việc cưới xin này không ? Liệu ông có tránh khỏi những lời đàm tiếu của thiên hạ hay không ? Sang năm sau, đối với nàng, ông vẫn không già chứ ? Và khi gặp lại nàng, ông có thể hy vọng gì ?   
Những câu hỏi dồn dập lo âu. Đột nhiên, câu hỏi chủ yếu hiện ra dưới dạng một câu thơ, một khổ thơ, đau khổ trở thành thi ca. Thần linh đã cho thi sĩ cái quyền được nói lên điều ông đau khổ. Thẳng tuột, thành thực, không che đậy, tiếng kêu quằn quại thấm sâu vào bản thi ca, một sự bồng bột mạnh mẽ của nỗi rung động nội tâm :

*Giờ đây ta có thể ước vọng chi trong ngày tái ngộ ?   
Uớc vọng chi nơi đóa hoa ngày nay còn đang phong nhị ?   
Thiên đường, địa ngục mở ra trước mặt ta,   
Nỗi phân vân lay động trái tim ta biết mấy !*

Từ tâm trạng rối bời, nỗi đau khổ đuợc chắt lọc một cách kỳ diệu cháy thành những khổ thơ trong vắt như pha lê. Giữa lúc đang phiêu lưu qua mọi cực hình bấn loạn của “ trạng thái tinh thần “, đắm mình trong bầu “ không khí nặng nề “, tầm mắt nhà thơ ngẫu nhiên ngước nhìn phong cảnh khoáng đạt trải rộng quanh ông : cái tĩnh mịch của buổi sớm mai, cảnh thanh bình thần tiên này, trái ngược biết bao với sự xúc động trong tâm hồn ông. Thế là những gì ông vừa nhìn thấy đã chuyển vào thơ :

*Sao nhỉ, phải chăng vũ trụ không còn nữa ?   
Những vách đá uy nghiêm phải chăng không còn in dấu bao hình bóng linh thiêng ?   
Mùa màng đã ngừng chín rồi chăng ?   
Cái xứ sở xanh tươi rải rác rừng cây, bãi cỏ   
Tự bao giờ không còn viền quanh dòng sông uốn khúc lượn vòng ?   
Và bầu trời mênh mông kia lẽ nào không còn là một vòm trần.   
Lúc thì điểm tô muôn vàn hình dạng, lúc thì quạnh quẽ hoang vu ?*

Nhưng đối với thế gian này quá đỗi vô tình. Trong giờ phút đắm say như thế, ông chỉ có thể nhìn cảnh vật gắn liền với hình ảnh người yêu, và kỷ niệm về người yêu sống lại trong ông qua phép biến hình kỳ ảo :

*Xiết bao nhẹ nhàng và duyên dáng, bức chân dung tuyệt tác,   
Nổi lên như một thiên thần,   
Giữa những đám mây nặng trĩu,   
Chẳng khác chi bóng dáng của nàng tiên thinh không xanh thẳm,   
Một thân hình thon thả, một bào ảnh chói hào quang !   
Và thấy nàng rực rỡ trong vũ khúc tươi vui,   
Kiều diễm nhất trong những tạo vật kiều diễm.   
Song le, ta chỉ có quyền cho phép ta trong giây lát   
Tưởng tượng nàng là một hình ảnh thinh không.   
Hãy trở về với trái tim ta,   
Ở đó nàng sẽ còn kiều diễm hơn gấp bội.   
Ở đó nàng luôn luôn thay hình đổi dạng,   
Một nhan sắc vô song trong muôn vàn biến thể,   
Và mỗi lần biến hóa lại càng đáng yêu hơn.*

Hình ảnh Unricke vừa được gợi lại đã trở thành con người bằng xương bằng thịt. Ông miêu tả nàng tiếp đón ông ra sao và “ từng nấc, từng nấc một “ “ ban phát hạnh phúc “ cho ông như thế nào, và sau nụ hôn cuối cùng, nàng lại đuổi theo ông, đã in lên môi ông nụ hôn sau chót nữa. Lòng tràn đầy niềm hạnh phúc “ hồi niệm “, người nghệ sĩ già sáng tác đoạn thơ đẹp này về tình yêu và sự tự hiến dâng :

*Ở nơi cao quý nhất của con người chúng ta   
Rộn ràng một ước vọng say mê, với tất cả lòng thành   
Hiến dâng mình cho một đấng chưa hề quen biết   
..............................................................................   
Cao cả hơn ta, trong sáng hơn ta   
Ấy là lòng sùng kính. Tình cảm thanh cao đó   
Ta lại được biết mỗi khi đứng trước mặt nàng*

Nhưng, nhớ tới những giờ hạnh phúc ấy, con người cô đơn chỉ càng thêm đau khổ về cảnh chia ly, nỗi đau bộc lộ thành thơ và được diễn ra chân thực hiếm có, hầu như xóa bỏ tính chất bi ai của bài thơ. Lời than thở thật là cảm động :

*Thế là ta đã xa nàng, giây lát này   
Biết làm chi đây, không thể nào nói được;   
Cuộc đời hẳn còn dành cho ta nhiều điều tốt đẹp,   
Nhưng đấy chỉ là gánh nặng đè lên vai ta và ta những muốn cắt bỏ đi cho rảnh.   
Nỗi khao khát khôn nguôi dày vò ta khốn khổ   
Chẳng còn cách nào khác, dòng lệ cứ tuôn hoài.*

Tiếp đó bật lên lời than vãn bi thảm cuối cùng, khó có gì sánh kịp :

*Hãy bỏ mặc ta lại đây, hỡi các bạn đồng hành thân tín !   
Để ta lại một mình dưới chân mỏm đá, giữa lũng sâu   
Cứ đi đi, thế giới rộng mở trước mặt các bạn   
Trái đất rộng bầu trời hùng vĩ bao la.   
Hãy xem xét, hãy khảo sát, góp nhặt từng sự việc,   
Và hãy nói lên một đôi điều bí ẩn của tạo hóa.   
Với ta, thế là hết cả rồi, ta tự coi như kẻ bỏ đi,   
Mới gần đây ta còn là kẻ được thần linh sủng ái.   
Để thử thách ta, thần linh đã gửi cho ta nàng Pan-đo (1)   
Giàu châu báu, nhưng còn giàu hiểm nguy hơn.   
Các ngài đã áp môi ta lên làn môi thắm mọng của nàng,   
Rồi dứt ta ra và đẩy ta xuống vực thẳm.*

Chưa bao giờ một đoạn thơ như thế lại trào ra từ một cây bút của một nhà thơ lúc bình thường vẫn hoàn toàn làm chủ được bản thân mình. Con người ấy, lúc còn thanh xuân hoặc khi đứng tuổi, vẫn luôn luôn biết che giấu và không hề nói lên những tình cảm thầm kín và chỉ diễn tả nó bằng hình ảnh và biểu tượng. Thế mà ở đây, trong lúc tuổi già, lại bộc lộ tình cảm của mình một cách diễm lệ và không hề che đậy. Có lẽ chưa bao giờ nhà thơ trữ tình vĩ đại sống mãnh liệt như trong bài thơ bất hủ này, trong bước ngoặt nổi bật này của đời mình.

\*   
\* \*

Vừa trở về Vây-ma, mối quan tâm đầu tiên của ông trước khi bắt tay vào bất cứ một công việc văn chương hay gia đình nào khác, là chép lại thật đẹp bản bi ca bằng kiểu chữ bút thiếp. Hệt như một nhà tu trong phòng kín, ông dành hẳn ba ngày nắn nót thứ chữ trang trọng ấy trên giấy chọn lọc đặc biệt và giấu cẩn thận không cho ai biết, ngay cả những người thân nhất. Để tránh mọi lời bàn tán, ông tự tay đóng lấy bản viết với một giải lụa trong tấm bìa da dê đỏ (về sau ông thay dây đóng sách bằng giải vải xanh tuyệt đẹp mà ngày nay người ta có thể nhìn thấy trong di cảo lưu trữ của Gớt và Sile). Ngày lại ngày trôi qua buồn tẻ và u ám. Dự định lấy vợ của ông chỉ chuốc cho ông những lời nhạo báng của thân nhân và khiến cho con trai ông tỏ thái độ thù ghét công khai. Như vậy là ông chỉ có thể gần gũi người yêu trong thi ca. Nhưng đến khi người đẹp Ba Lan, cô Dimanốpska tới thăm ông, trạng thái tinh thần của những ngày đẹp đẽ ở Marienbat lại trỗi dậy và khiến ông muốn thổ lộ tâm tình. Cuối cùng, ngày 27 tháng mười, ông cho mời Eckecman đến và nghi lễ trọng thể mà ông chuẩn bị cho việc đọc bài thơ chứng tỏ ông yêu quý tác phẩm đó như thế nào. Gia nhân được lệnh thắp hai cây nến để lên bàn và sau khi nến đã thắp sáng, Eckecman được mời đến ngồi trước ánh nến và đọc bản thi ca. Dần dà, bạn bè (mà cũng chỉ những người thân thiết nhất) mới hay biết, bởi vì, theo lời kể lại của Eckecman, Gớt đã coi bài thơ đó như một “ vật thiêng liêng “. Tác phẩm này có tầm quan trọng đặc biệt, những tháng tiếp sau đó càng chứng tỏ điều này. Sau thời kỳ vui sướng và hồi xuân mà ông vừa sống, tiếp ngay đến thời kỳ suy sụp. Thi sĩ lại hình như gần kề miệng lỗ, lê từ giường ra ghế bành, từ ghế bành vào giường, không tìm được một thảnh thơi : con dâu ông đi du lịch, con trai đầy thù hận, không ai săn sóc ông hoặc khuyên giải ông. Chính lúc ấy Zelte, người bạn tâm phúc của ông, được các bạn gọi từ Beclin về. Zelte hiểu ngay sự thể ra sao. “ Tôi đã thấy gì – ông ngạc nhiên viết - dường như đây là một kẻ đang yêu, tất cả tình yêu với những đau khổ của tuổi trẻ “. Để chữa bệnh cho Gớt, người bạn đã đọc đi đọc lại “ một cách trìu mến “ cho ông nghe bài thơ của ông và Gớt nghe không chán. “ Thật là khôi hài – sau này khi khỏi bệnh ông viết – anh bắt tôi nghe nhiều lần, qua giọng đọc ấm áp và dịu dàng của anh, cái tình cảm thân thiết đối với tôi đến mức tôi không dám tự thú cả với bản thân mình “. Một đoạn khác : “ Tôi không muốn rời bỏ nó, và nếu chúng ta ở chung với nhau, anh sẽ phải đọc và ca cho tôi nghe đến khi anh thuộc lòng những dòng thơ đó “. “ Ông khỏi bệnh như vậy đấy – Zelte viết - khỏi bệnh do chính mũi tên đã gây thương tích cho ông “. Có thể nói Gớt thoát chết nhờ bài thơ đó. Cuối cùng, nỗi đau đớn lùi bước, mơ ước sống chung với “ cô cháu gái “ yêu dấu bị chôn vùi. Ông hiểu rằng ông sẽ không bao giờ đi Marienbat nữa, cũng không đi Cacbat, không bao giờ ông còn trở lại cái thế giới vui tươi của lớp người vô tư lự nữa. Từ nay, đời ông chỉ dành cho công việc. Ông đã khước từ một cuộc hành trình mới mà số phận đem đến cho ông, ngược lại, một tiếng trọng đại đã nhịp vào đời ông : Hoàn tất. Nhìn lại công trình sáng tạo kéo dài gần sáu mươi năm, ông thấy nó còn trong tình trạng rời rạc tản mạn, thế mà nay thì không thể sáng tạo được nữa, ông quy định ít nhất cũng tập hợp lại : Một hợp đồng xuất bản “ Toàn bộ tác phẩm “ của ông được ký kết, giành quyền tái bản cho mình. Tình yêu của ông đã có lúc lạc nẻo vào cô gái mười chín xuân xanh, nay trở lại với hai bạn đường thời trai trẻ. Vinhem và Phaoxtơ. Lòng đầy nghị lực, ông bắt tay vào việc. Trên những trang giấy đã ố vàng, ông tìm thấy lại những đề cương được thảo ra từ thế kỷ trước và bắt tay đúc kết lại. Trước khi bước vào tuổi tám mươi, tác phẩm đầu tiên đã hoàn thành, và với ý chí kiên cường anh dũng, ông chuyển sang “ tác phẩm chính “ của đời ông, Phaoxtơ, tác phẩm mà ông hoàn thành bảy năm sau những ngày bi thảm của bài bi ca, mà ông giấu giếm người đời cùng với một tấm lòng sùng kính như vậy.   
Giữa hai thế giới tình cảm đối lập mà chúng ta vừa nhận thấy, giữa niềm ham muốn cuối cùng và sự khước từ cuối cùng ấy, trước lần khởi công cuối cùng và sự hoàn tất đó, ngày 5 tháng chín năm 1823, như một đỉnh cao làm mốc, đã đánh dấu ngày từ biệt Cacbat và từ giã tình yêu, cái ngày đã đi vào bất tử nhờ lời than vãn rung động lòng người. Chúng ta hoàn toàn có quyền gọi đó là ngày đáng ghi nhớ và nhớ lại nó, bởi vì thi ca, từ ngày đó chưa hề biết giây lát nào lớn lao hơn cái giờ phút mà một tình cảm mãnh liệt tuôn trào thành thơ ca mãnh liệt đến như vậy.   
  
***Chú thích :***  
*(1) Thần thoại Hy Lạp : Pan-đo là người đàn bà đầu tiên. Thần Dớt tặng cô ta một cái hộp và gửi cô ta cho Êphimêtetx, người đàn ông đầu tiên. Người này cưới nàng và đã mở cái hộp bất hạnh : Điều Thiện, điều Ác thoát ra. Ở đáy hộp chỉ còn lại niềm hy vọng. (ND)*

**Stefan Zweig**

Tuyển tập truyện ngắn Stefan Zweig

Dịch giả : PHÙNG ĐỆ - LÊ THI

**KHÁM PHÁ ENĐÔRAĐÔ**

Năm 1834. Một chiếc tàu thủy Mỹ từ Havrơ thẳng đường về Nữu Ước. Trong đám đông những hành khách, có Jôhan Oguýt Xuytơ, người gốc Ruynenbéc gần Balơ, ba mươi mốt tuổi. Anh ta nôn nóng chờ đến lúc đại dương ngăn cách hẳn anh với các tòa án châu Âu. Vỡ nợ, ăn cắp, lừa đảo, anh ta chẳng chút bịn rịn, bỏ lại vợ và bốn con, anh ta kiếm được ở Pari ít tiền bằng một chứng thư giả và lên đường đi tìm cuộc sống mới. Ngày 7 tháng bảy anh tới tàu, lên Nữu Ước. Tại đây, trong hai năm anh làm đủ mọi thứ nghề cả những nghề bình thường lẫn những nghề quái gở. Anh lần lượt trở thành người gói hàng, người bán dược phẩm, thợ chữa răng, người nhồi rơm, bồi bàn tiệm cà phê. Cuối cùng, khi phần nào đã quen phong thổ, anh ta mở cửa hàng làm chủ quán, rồi lại bán tài sản đi và theo trào lưu thời đó, di cư về Mitxuri. Ở đấy anh làm ruộng, và chỉ trong một thời gian ngắn, gây dựng cho mình được chút ít tài sản và có thể sống yên ổn. Nhưng những đoàn người hối hả không ngớt kéo qua trước cửa nhà anh : đó là những thợ săn, người buôn da lông, những con người mạo hiểm, những binh sĩ. Họ từ miền Tây đến, hoặc đi đến miền Tây và tiếng “ miền Tây “ đó dần dà có cái gì như một ma lực đối với anh. Anh ta hình dung đến những chuyến đi nhiều ngày, nhiều tuần xuyên qua những đồng cỏ hoang vắng, ở đó có những bầy trâu bạt ngàn và qua lại chỉ có người da đỏ. Rồi những núi cao, chưa ai đặt chân tới đỉnh và sau cùng, cái xứ sở chưa ai khám phá, nơi không ai biết chút gì thực đích xác, thế mà người ta vẫn ca ngợi là giàu có thần kỳ : xứ Caliphoocnia - một cõi đất hứa hẹn đón nhận tất cả những ai muốn đến, có điều là nơi ấy quá xa, xa vô cùng và phải liều mạng mới tới được.   
Nhưng Jôhan Oguýt Xuytơ vốn có máu mạo hiểm : anh không thỏa mãn viễn cảnh sống cuộc đời yên tĩnh, cày cấy những thửa ruộng màu mỡ. Một ngày, vào năm 1837, anh bán tài sản, chuẩn bị cho một chuyến đi xa, mua sắm xe ngựa, mấy con bò kéo và từ Pho-Anhđêpăngđăngxơ anh lên đường tìm đến vùng xa lạ.

**CON ĐƯỜNG ĐI CALIPHOOCNIA**

Năm 1838. Một sĩ quan, năm nhà truyền giáo, ba phụ nữ cùng với Xuytơ ngồi trên những chiếc xe bò kéo đi xuyên qua vùng mênh mông quạnh hiu. Họ băng qua những đồng cỏ ngút ngàn rồi leo lên núi, đi về phía Thái bình dương. Phải mất ba tháng trời họ mới tới Pho Van-Cuvơ. Viên sĩ quan và hai phụ nữ dừng lại dọc đường. Mấy nhà truyền giáo không đi xa hơn, người phụ nữ thứ ba chết vì kiệt sức trên đường đi.   
Xuytơ còn lại một mình. Người ta đã tìm cách giữ anh lại Van-Cuvơ, cũng hoài công mời anh nhận một việc làm. Anh từ chối tất cả, sức mê hoặc huyền bí của từ “ Caliphoocnia “ đã thấm vào máu anh. Anh vượt qua Thái bình dương trên một chiếc thuyền buồm nhỏ ọp ẹp, đến tận các hòn đảo Xăng-uých và, cuối cùng, sau khi đã khắc phục bao nhiêu khó khăn, suốt dọc bờ biển Alaska, anh cặp bến lên một miền heo hút gọi là Xan Phrăngxiscô. Xan Phrăngxiscô lúc đó không phải là cái thành phố hiện nay, cái thành phố kể từ sau trận động đất, đã phát triển có hàng mấy chục vạn dân. Lúc ấy, nó chỉ là một làng đánh cá tồi tàn, sở dĩ mang tên như vậy là do có đoàn giáo sĩ dòng Phrăngxiscanh đến đây truyền giáo và nó thuộc một tỉnh chưa mấy ai biết tới của Mêhicô, tỉnh Caliphoocnia, một tỉnh còn hoang hóa trải dài trong một vùng trù phú nhất của lục địa mới.   
Tình trạng lộn xộn kiểu Tây Ban Nha ngự trị tại đây lại càng nghiêm trọng thêm vì không có chính quyền. Loạn lạc hoành hành. Súc vật canh tác và nhân công đều thiếu. Mọi năng lượng cần cho hoạt động đều ở dưới mức cần thiết. Xuytơ thuê một con ngựa và đi xuống vùng thung lũng Xacramentô phì nhiêu : Chỉ cần một ngày cũng đủ cho anh ta hiểu rằng ở đây không chỉ đủ cho một trang trại, một đồn điền lớn, mà cho cả một vương quốc. Ngày hôm sau, anh đi ngựa đến Môntơrây, thủ đô tồi tàn, ra mắt quan thống đốc, trình bày với ông ta dự định của anh đến sinh cơ lập nghiệp ở xứ này. Anh ta mang theo những thổ dân Mêlanêzi, những người này sẽ khai khẩn đất hoang. Đó là những con người ngay thực và cần cù. Anh sẽ mộ thêm nữa. Anh tuyên bố là sẽ thành lập một “ ransô “ (1) quan trọng, một tiểu bang mà anh sẽ đặt tên là “ Henvêxi mới “.   
- Vì sao anh lại lấy tên đó ? – Quan thống đốc hỏi.   
- Vì tôi là người Thụy Sĩ và thuộc phái cộng hòa.   
- Được, anh muốn làm gì thì làm, tôi cấp cho anh giấy phép khai khẩn trong mười năm.   
Rõ ràng là ở đây công việc được giải quyết nhanh chóng. Cách xa mọi nền văn minh hàng vạn dặm, nghị lực của một cá nhân có giá trị khác ở châu Âu.

**ĐẤT HENVÊXI MỚI**

Năm 1839. Một đoàn người thong thả đi ngược ven bờ sông Xacramentô. Xuytơ cưỡi ngựa đi đầu, súng đeo sau lưng. Phía sau anh là hai, ba người châu Âu, theo sau có một trăm năm mươi thổ dân Mêlanêri mặc áo cộc, tiếp đến một đoàn ba mươi xe bò chất đầy lương thực, giống má và đạn dược, năm mươi ngựa, bảy mươi lăm con la, nhiều đoàn bò cái và cừu, cuối cùng là một đội tập hậu nhỏ. Chính với đội quân đó, với những phương tiện đó, Xuytơ lên đường chinh phục vùng *Henvêxi mới*.   
Một màn lửa chạy phía trước họ. Họ phóng lửa đốt rừng. Phương pháp đó thuận tiện hơn là đốt rừng bằng rìu. Đám cháy khổng lồ vừa đi qua là họ bắt tay vào việc. Những ngôi nhà được xây cất. Nhiều giếng nước được đào lên. Người ta cày ngay bên những gốc cây còn bốc khói, rồi gieo hạt, thành lập những bãi thả súc vật rộng thênh thang với những đàn súc vật nhiều vô kể. Dần dần nhân công các vùng lân cận và các đoàn truyền giáo bị bỏ rơi tràn đến.   
Thành công hết sức lớn lao. Mùa màng sinh lợi gấp năm lần. Những vựa thóc đầy ních, chẳng bao lâu sau, cừu, ngựa, gia súc có sừng đã có đến hàng nghìn và mặc dầu những khó khăn không ngừng nảy sinh, luôn luôn phải chống lại những người bản xứ thường xuyên muốn tràn vào cướp bóc vùng đất mới khai phá, *Henvêxi mới* vẫn phát triển với quy mô khổng lồ. Tại nơi đây, người ta xây dựng những dòng kênh, những xưởng cưa, những nhà máy, tàu bè xuôi ngược các dòng sông. Xuytơ không chỉ cung cấp lương thực cho vua Cuvơ và các đảo Xănguých, mà còn cung cấp cho cả các thuyền buồm lúc này bỏ neo trong vịnh. Anh trồng cây ăn quả và đã thành công rực rỡ. Anh gửi mua cây nho ở Pháp và Rênani, và chỉ trong vài năm nhỏ đã phủ kín những vùng rộng lớn. Anh cho xây những ngôi nhà và những trang trại lộng lẫy, mua một chiếc dương cầm Plâyen ở Pari, cách đó một trăm tám mươi ngày đường và cho đưa từ Nữu Ước về, xuyên qua suốt lục địa một máy chạy bằng hơi nước phải chuyên chở bằng vô vàn cặp bò. Anh có ngân khoản và vốn gửi ở các ngân hàng lớn nhất của Anh, Hoa Kỳ và Pháp. Năm bốn mươi lăm tuổi, khi đã thành công đến tột bậc, anh chợt nhớ ra là đã bỏ lại ở đâu đó trên cõi đời này một người vợ và bốn đứa con. Anh viết thư bảo vợ con tới hầu quốc của mình. Lúc này anh cảm thấy mình là người có thế lực, là chúa tể của Henvêxi mới, là một trong những người giàu có nhất đời và sẽ cứ như thế mãi. Về sau Hoa Kỳ sẽ giành giật xứ thuộc địa xa xôi này khỏi tay người Mêhicô, nhưng cho đến lúc ấy tất cả đều được bảo hộ an toàn. Chỉ một, hai năm nữa là Xuytơ sẽ thành người giàu có nhất thế giới.

**NHÁT CUỐC RỦI RO**

Tháng giêng năm 1848, Giêm Maisan, người thợ mộc của Jôhan Oguýt Xuytơ hối hả bước vào, vẻ mặt xúc động ghê gớm : hắn nằng nặc đòi nói chuyện riêng với ông chủ. Xuytơ ngạc nhiên : ông đã cử Maisan lên trại của ông ở Côlôma để thành lập ở đó một xưởng cưa mới. Thế mà chưa có lệnh hắn đã trở về. Gã ta đứng trước mặt ông, run rẩy vì xúc động, gã đẩy ông vào phòng làm việc, đóng cửa lại và móc ở túi ra một nắm cát óng ánh mấy hạt màu vàng. Hôm qua khi đào đất, hắn ta kinh ngạc nhìn thấy thứ kim loại lạ kỳ này mà hắn cho đó là vàng, thế mà những người khác lại chế nhạo hắn. Xuytơ nghiêm nét mặt, nhặt lấy mấy hạt, đem thử, đúng là vàng. Ông định hôm sau cùng lên trại với Maisan nhưng cơn sốt dữ dội mà chẳng bao lâu nữa sẽ gieo rắc tàn phá trên khắp thế giới, đã nhiễm vào anh chàng thợ mộc. Bất chấp bão tố, hắn ta quay về ngay đêm hôm đó, không bụng dạ nào mà ở nán lại được.   
Ngày hôm sau, Xuytơ đến Côlôma. Người ta tháo nước qua các cửa cống cho kênh đào cạn hẳn và xem xét cát. Chỉ cần xúc đầy sàng và lắc nhẹ mấy cái là trên tấm lưới kim loại sẫm màu đã hiện lên những vụn vàng óng ánh. Xuytơ tập họp vài người da trắng giúp việc đang có mặt, bắt họ lấy danh dự hứa là sẽ giữ kín cho đến khi mọi việc trang bị được hoàn thành. Rồi ông trở về trại, vẻ mặt trang nghiêm và quả quyết. Những ý nghĩ lớn lao làm đầu óc xáo động : từ xưa đến nay chưa bao giờ người ta tìm thấy vàng dưới tầm tay như thế, ngay sát mặt đất, và đất đó lại thuộc quyền sở hữu của ông. Mười năm tưởng như trôi qua trong có một đêm : ông là người giàu có nhất thế giới.

**ĐỔ XÔ ĐẾN**

Người giàu nhất thế giới ư ? Không, xin thưa, là kẻ nghèo nàn nhất, đáng thương nhất, khốn khổ nhất trên đời. Tám ngày sau, điều bí mật bị tiết lộ : Một người đàn bà – bao giờ cũng lại là đàn bà – đã kể chuyện cho một người khách qua đường nào đó nghe và đã cho y vài hạt vàng. Và sự thể diễn ra thật không tiền khoáng hậu. Tất cả những người làm công cho Xuytơ đều bỏ việc ngay tức khắc. Thợ rèn vội vã bỏ lò rèn, người chăn cừu bỏ đàn cừu, người thợ trồng cây bỏ cây cối, lính ném súng đi. Tất cả mọi người như bị quỷ ám, lao về phía xưởng cưa, mang theo những chiếc sàng và chậu, vơ quàng lấy để đãi vàng. Trong một đêm, cả xứ sở trở nên hoang vắng : bò sữa không có người vắt sữa kêu rống lên và chết gục... bò và ngựa phá tung hàng rào, xung quanh bãi thả, súc vật dẫm nát các cánh đồng, lúa mì chưa gặt, thối ngay tại chỗ, các xưởng làm pho mát im lìm, những vựa thóc đổ sụp, cả bộ máy kinh doanh khổng lồ ngừng hoạt động, tiếng lách cách của máy điện báo truyền qua biển cả và các đại châu tiếng gọi của vàng. Và rồi người từ các thành phố, bến cảng đổ đến, thủy thủ bỏ tàu, viên chức bỏ nhiệm sở, từ phía đông và từ phía tây, họ đi bộ, đi ngựa, đi xe, những người đi tìm vàng như một đám mây chắc chắn, lũ lượt kéo đến hàng đoàn, hàng lô dài bất tận. Một đám người ô hợp hung hãn tàn bạo, đám người không còn biết cái quyền khác ngoài quyền của sức mạnh, không còn biết luật lệ nào khác ngoài luật lệ của những khẩu súng lục của họ, đám người này tràn ngập khắp cái xứ thực dân vừa mới hôm qua còn làm ăn thịnh vượng. Đối với bọn chúng, không có ai làm chủ, không có ai dám chống lại các “ desperados “. Chúng hạ sát đàn bò cái của Xuytơ, phá những kho thóc của ông để xây nhà cho mình. Chúng phá nát các cánh đồng, ăn cướp máy móc của ông. Chỉ trong một đêm, Xuytơ lâm vào thân phận kẻ ăn mày như Miđax (2) chết ngạc vì vàng của chính mình.   
Cuộc đổ xô đi tìm vàng chưa từng thấy đó ngày càng dữ dội. Tin tức lan truyền khắp thế giới. Chỉ riêng thành phố Nữu Ước đã có hàng trăm chiếc tàu rời đi vào các năm 1848, 1849, 1850, 1851. Những đám người mạo hiểm đông kinh khủng từ Đức, Anh, Pháp, Tây Ban Nha kéo đến. Một số đi vòng quanh mũi Hoocnơ là con đường mà những kẻ hăm hở nhất coi là quá dài. Bọn này chọn con đường nguy hiểm hơn, qua eo Panama. Một công ty được nhanh chóng hình thành, hối hả thiết lập một đường xe lửa, công trình này làm hàng nghìn thợ chết vì sốt rét, chỉ nhằm một mục đích duy nhất là để những kẻ nôn nóng rút ngắn cuộc hành trình được vài tuần và nhanh chóng đến hốt vàng. Những đoàn người hằng hà sa số băng qua lục địa, gồm đủ mọi chủng tộc, nói đủ thứ tiếng, tất cả đều đào xới đất đai của Xuytơ, y như đấy là tài sản của họ. Trên giải đất Xan Phrăngxiscô mà chính quyền đã ký giấy thừa nhận quyền sở hữu cho Xuytơ, một thành phố mọc lên nhanh chóng đến choáng người. Những người ngoại quốc bán đất lẫn cho nhau và cái tên “ Henvêxi mới “ tiểu bang của ông ta biến mất nhường chỗ cho cái tên gọi thần kỳ : Enđôrađô, Caliphoocnia.   
Khuynh gia bại sản một lần nữa, Jôhan Oguýt Xuytơ như bị chết sững nhìn trận mưa châu chấu đó đổ xuống. Lúc đầu, ông cũng định tìm vàng như những người khác và khai thác đất đai của mình với sự giúp đỡ của những gia nhân và những người làm công cuối cùng còn lại, nhưng tất cả họ đều bỏ mặc ông. Thế là ông rời bỏ hẳn khu vực có vàng, trở về trại Ecmitagiơ của ông ở gần núi, xa con sông đáng nguyền rủa và bãi cát dơ bẩn đó. Cuối cùng, vợ ông và bốn đứa con đã lớn đến được với ông. Nhưng vừa tới nơi bà vợ đã chết, kiệt sức vì cuộc hành trình. Tuy vậy, ba con trai của ông đã ở đây và được chúng giúp sức, Jôhan Oguýt Xuytơ sẽ lại cày cấy ruộng nương. Một lần nữa, ông ta gây dựng lại cơ nghiệp nhờ tám cánh tay lao động và nhờ sự màu mỡ kỳ lạ của đất đai. Thế là ông lại nghiền ngẫm một dự định mới to lớn.

**VỤ KIỆN**

Năm 1850, Caliphoocnia gia nhập vào khối liên bang. Nhờ có kỷ luật nghiêm ngặt, trật tự được lập lại ở cái xứ sở bị xâu xé bởi cơn sốt vàng. Tình trạng vô chính phủ bị kìm lại, luật pháp phát huy quyền lực. Chính lúc ấy, đột nhiên Jôhan Oguýt Xuytơ phát đơn kiện đòi lại quyền lợi của mình. Ông ta tuyên bố rằng toàn bộ đất đai trên đó Xan Phrăngxiscô được xây dựng là thuộc quyền sở hữu của ông với đầy đủ cơ sở pháp lý. Nhà nước phải bồi thường thiệt hại về những tài sản của ông bị đánh cắp, ông đòi lại toàn bộ số vàng người ta đã khai thác trên đất đai của ông. Vụ kiện bắt đầu có một quy mô mà loài người chưa từng thấy, Jôhan Oguýt Xuytơ đưa ra tòa hàng nghìn, hàng nghìn chủ trại đã đến ở các đồn điền của ông ta và đòi họ phải rời bỏ đất đai đã chiếm đoạt. Ông đòi chính quyền bang Caliphoocnia phải trả cho ông hai mươi lăm triệu đôla về những đường xá, sông ngòi, cầu cống, xưởng cưa do ông đã xây dựng mà bang đó đã chiếm đoạt. Ông đòi liên bang phải trả năm mươi triệu đôla đền bù tài sản của ông bị phá hoại. Ông cho con trai cả là Emilơ, sang Hoa Thịnh Đốn học luật để có thể lo liệu công việc này. Những món lợi tức đáng kể của các trang trại mới của ông chỉ dùng để chi phí cho vụ kiện tốn kém này. Trong bốn năm, Emilơ đưa vụ kiện hết tòa án cấp này đến tòa án cấp khác.   
Cuối cùng, ngày 15 tháng ba năm 1885, vụ kiện được đưa ra xử. Tomsơn, viên thẩm phán hết sức thanh liêm, viên quan tư pháp cao nhất xứ Caliphoocnia thừa nhận rằng quyền sở hữu của Xuytơ về mảnh đất đang xét xử là hoàn toàn có căn cứ và bất khả xâm phạm. Jôhan Oguýt Xuytơ đạt mục đích, ông lại sắp trở thành người giàu nhất thế giới.

**KẾT CỤC**

Người giàu nhất thế giới ư ? Không, xin thưa một lần nữa là : không ! Kẻ đói rách nhất trong đám ăn mày, kẻ rủi ro nhất, kẻ gian truân nhất trong cõi nhân gian ! Định mệnh lại chơi ông ta một vố bất nhân, mà lần này nó quật ông ta ngã hẳn. Được biết kết quả vụ kiện, bão tố nổi lên ở Xan Phrăngxiscô và khắp mọi nơi trong nước. Mười nghìn người tụ tập nhau lại bạo động : Những nghiệp chủ bị hăm dọa, theo sau là đám cùng đinh, bọn vô lại lúc nào cũng khát khao cướp bóc. Bọn chúng tấn công vào Tòa án, đốt nhà, đòi treo cổ quan tòa. Rồi đoàn người kinh khủng đó kéo về dinh cơ của Xuytơ để cướp phá. Con trai cả của Xuytơ tự sát bằng một viên đạn vào đầu, người con thứ bị hạ sát, người thứ ba chết đuối trên đường trở về Thụy Sĩ. Một làn sóng hỏa tai tràn khắp xứ Henvêxi mới, những công xưởng, trang trại của Xuytơ biến ra tro, những vườn nho bị tàn phá, đồ đạc, các bộ sưu tập, tiền bạc của Xuytơ bị lấy cắp. Trong cơn thịnh nộ cùng cực, họ biến cả một vùng mênh mông thuộc quyền sở hữu của ông thành bãi sa mạc. Bản thân Xuytơ cũng khó khăn lắm mới thoát khỏi bị hành hạ.   
Sau trận đó, Jôhan Oguýt Xuytơ không bao giờ hồi phục lại được nữa. Sự nghiệp của ông tan tành, vợ và các con trai đều chết cả, ông đâm ra quẫn trí. Chỉ còn một tia lý trí chập chờn dưới đáy bộ óc đã tăm tối : ông vẫn luôn luôn nghĩ đến các quyền sở hữu, đến vụ kiện của mình.   
Suốt hai mươi năm, một ông già ăn mặc tồi tàn, đầu óc lẩm cẩm, đi lang thang trong những hành lang của Cung pháp đình ở Hoa Thịnh Đốn. Trong các phòng giấy, mọi người đều biết viên “ đại tướng “ mặc chiếc áo rơđanhgốt cáu ghét, đi đôi giày rách bươm, đến để đòi những tỉ bạc của ông ta. Và vẫn không ngừng có những luật sư, những tên xỏ lá, những tên ăn cắp bòn mót những đồng tiền cuối cùng mà chính phủ trợ cấp cho ông, xúi giục ông theo đuổi vụ kiện. Con người khốn khổ không đòi tiền bạc nữa, ông căm ghét vàng đã làm ông trở nên nghèo khổ, vàng đã giết ba con trai ông, vàng đã làm cuộc đời ông tan nát. Ông chỉ đòi hỏi cái quyền sở hữu của mình và bảo vệ quyền đó với một sự hăm hở không biết mệt của người mắc bệnh tâm thần. Ông khiếu nại lên Thượng nghị viện, khiếu nại lên Quốc hội. Ông giãi bày với đủ mọi hạng người, bọn này muốn vẽ chuyện cho nổi đình nổi đám, cho ông ta mặc một bộ đồng phục lố bịch và dẫn con người khốn khổ ấy như đưa một con rối đi từ công sở này đến công sở khác, từ nghị sĩ này đến nghị sĩ khác. Việc đó kéo dài từ năm 1860 đến năm 1880, suốt hai mươi năm thảm hại chỉ chuyên đi kêu nài. Ông trở thành trò cười của các viên chức, trò chơi của bọn trẻ con tinh nghịch, con người đã từng là chủ nhân của một xứ sở giàu có nhất thế giới, chủ nhân của mảnh đất trên đó đã mọc lên và phát triển từng giờ từng giờ cái thủ đô thứ hai của một đế quốc bao la. Và người ta vẫn tiếp tục bắt con người nhiễu sự đó chờ đợi. Chính trên những bậc thềm của lâu đài Quốc hội vào buổi chiều ngày 17 tháng bảy năm 1880, một cơn trúng phong đột ngột giải thoát cho ông. Người ta mang xác ông đi, xác của một kẻ ăn mày, trong túi còn có một văn bản giao cho ông và những người thừa kế của ông những quyền mà không một pháp quyền nào của loài người có thể khước từ đối với một sản nghiệp lớn nhất của Lịch sử.   
Cho đến nay không có ai nêu yêu sách gì về việc thừa kế tài sản của Xuytơ, chẳng có con cháu nào của ông đòi hỏi điều đó. Xan Phrăngxiscô, cả một xứ sở nguyên vẹn, vẫn tiếp tục được xây dựng trên tài sản của người khác. Người ta vẫn không có ý kiến gì về chuyện đó và chỉ có một nghệ sĩ, một nhà văn có tài là Blaidơ Xăngđra trong tác phẩm “ Vàng “ của ông đã trả lại cho Jôhan Oguýt Xuytơ, con người lớn lao đã bị lãng quên đó sự công bằng phải có đối với một số phận lớn lao, trả lại cho ông cái quyền được đời sau nhớ đến với niềm kinh dị.   
***Chú thích :***  
*(1) Trại lớn (ND)   
(2) Theo truyền thuyết, vua xứ Frigi cổ là Miđax được thần Điôngdôx cho một điều là chạm vào cái gì thì cái ấy biến thành vàng. (ND)*

**Stefan Zweig**

Tuyển tập truyện ngắn Stefan Zweig

Dịch giả : PHÙNG ĐỆ - LÊ THI

**GIÂY PHÚT MANG TẦM THẾ GIỚI CỦA TRẬN OATECLÔ**

Định mệnh hay bợ đỡ kẻ có thế lực và táo bạo. Nhiều năm ròng người ta thấy Nó quỵ lụy vâng theo một cá nhân : một Alêchđăngdrơ, một Xêda, một Napôlêông. Bản thân Nó là sức mạnh cơ bản khó nắm bắt, Nó bị hấp dẫn bởi đi đại diện cho một sức mạnh cơ bản.   
Nhưng đôi khi, thật hãn hữu, một cơn trái tính trái nết hiếm thấy lại khiến Nó hiến mình cho bất kỳ kẻ nào thoạt gặp, cho những kẻ tầm thường : Chính đây là những khoảnh khắc hồi hộp nhất của lịch sử. Sợ hãi nhiều hơn là vui mừng về cái trách nhiệm giao vào tay họ và lôi cuốn họ vào cuộc hỗn chiến oai hùng, những con người này thường run rẩy đẩy lùi số phận. Mặc họ, bởi vì sự phó thác ấy chỉ kéo dài trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, không lặp lại.

**GRUSI**

Napôlêông, con sư tử bị xiềng, đã thoát khỏi chuồng ở đảo Enbơ. Tin này nổ vang như một trái bom giữa những cuộc vũ hội, những tính toán ám muội và những cuộc tranh cãi trong hội nghị Viên. Chẳng bao lâu, tin đưa về dồn dập : ông ta đã chiếm Lion, ông ta đã đuổi đức vua. Từng đội, từng đội quân giương cờ hân hoan ra đón. Ông ta đang ở Pari, ở Tuynlơri, Lai xích, và hai mươi năm chiến tranh đẫm máu đều vô ích. Những vị bộ trưởng lúc trước còn giận dữ nhau, tranh giành nhau, nay bỗng nhiên sát lại gần nhau như bị một chiếc vuốt nhọn siết chặt. Người ta hối hả mộ một đạo quân ở Anh, ở Phổ, ở Áo, ở Nga để đánh tan một lần nữa, mà lần này là lần chót, uy lực của kẻ chiếm đoạt : chưa bao giờ châu Âu chính thống của những hoàng đế và những quốc vương lại đoàn kết với nhau như trong giờ phút kinh hoàng ấy. Ở phía Bắc, Oenlinhtơn tiến đánh nước Pháp với sự hỗ trợ của các đội quân Phổ dưới quyền chỉ huy của Bluytxơ. Trên sông Ranh, Xoacxanbéc đang sẵn sàng tiến công và những trung đoàn thuộc quân Nga, lực lượng dự bị, hành quân xuyên qua nước Đức một cách khó nhọc.   
Napôlêông nhận thấy ngay tình trạng nguy cấp. Bầy lũ địch sắp tập hợp đến nơi. Muốn giữ cho vương quốc của mình khỏi bị sụp đổ ông cần phải chia nhỏ lực lượng kẻ thù, tấn công riêng rẽ quân Phổ, quân Anh, quân Áo, không cho chúng đủ thời gian thành lập đạo quân châu Âu. Phải chiến thắng trước khi đám người Cộng hòa tập hợp nhau lại và liên kết với bọn bảo hoàng, trước khi tên đào ngũ và xảo quyệt Phuxê thỏa hiệp được với Tanlơrăng, một kẻ như hình và bóng phản chiếu của chính ông, kịp cắt gân chân ông. Lợi dụng lòng nhiệt thành mê cuồng của binh lính, ông phải rũ sạch tất cả mọi kẻ thù trong cùng một cuộc tấn công ào ạt, bỏ lỡ một ngày, một giờ có thể gây nên thảm họa. Thế là ông hối hả liều một chuyến may rủi trên một chiến trường đẫm máu nhất là nước Bỉ. Ngày mười lăm tháng sáu hồi ba giờ sáng, đội tiên phong của Đại quân và cũng là đội quân duy nhất, vượt qua biên giới. Ngày mười sáu nó đã đụng độ và đẩy lùi quân Phổ ở Linhi. Đây là cái tát đầu tiên ác liệt nhưng chưa đủ gây tử thương của con sư tử vượt ngục. Bị đánh bại nhưng không bị tiêu diệt, quân Phổ rút lui về Bruycxen.   
Napôlêông nhanh chóng chuẩn bị cuộc tấn công lần thứ hai vào Oenlinhtơn. Ông không có quyền để kẻ thù lấy lại hơi thở vì cứ mỗi ngày ngừng nghỉ là chúng lại có thêm tiếp viện; hơn nữa, đằng sau ông, dân chúng Pháp kiệt sức, lo lắng, đang có nhu cầu được say sưa đọc các bản tin chiến thắng hừng hực khí thế. Ngày mười tám, cùng với toàn quân, ông tiến vào ngay trước mặt cao điểm Cátrơ Bra nơi Oenlinhtơn cố thủ. Oenlinhtơn, một con người lạnh lùng, thần kinh vững như thép. Chưa bao giờ Napôlêông lại chuẩn bị thận trọng hơn, chưa bao giờ mệnh lệnh của ông lại rõ ràng hơn ngày hôm đó : ông không chỉ thấy cuộc tấn công mà còn thấy cả những nỗi nguy hiểm; ông ta biết rằng đội quân của Bluytxơ có thể tiếp cận đội quân của Oenlinhtơn. Để ngăn chặn chuyện này, ông tách một bộ phận quân đội của mình, giao cho nó nhiệm vụ bám sát quân Phổ từng bước một và ngăn không cho chúng hợp nhất với đội quân Anh.   
Ông ta giao quyền chỉ huy cánh quân này cho thống chế Grusi, một con người can đảm, tận tụy và đáng tin cậy, nhưng không có tài, một viên tướng kỵ binh đã trải qua nhiều thử thách nhưng chỉ là một viên tướng kỵ binh không hơn không kém. Không có gì của một vị chủ tướng có sức thu hút lòng người mãnh liệt như Muyara, không phải là nhà chiến lược như Xanhxia hay Becthiê hay một vị anh hùng như Nây. Quanh ngực ông ta chẳng có áo giáp, mà cũng chẳng có huyền thoại nào bao quanh tên tuổi ông. Không có phẩm chất đặc biệt nào làm ông ta nổi tiếng và dành cho ông một vị trí trong thế giới anh hùng của truyền thuyết về Napôlêông; chỉ có nỗi bất hạnh, sự rủi ro đã làm ông ta nổi tiếng. Grusi đã chiến đấu trong hai mươi năm trên khắp các chiến trường từ Tây Ban Nha đến Nga, từ Hà Lan đến Ý. Ông ta đã chậm rãi leo hết các bậc thang quân hàm đến tận hàm thống chế; không phải là ông không có công trạng, có điều là không hiển hách mà thôi. Những viên đạn của quân Áo, mặt trời của Ai Cập, dao găm của quân Ả Rập, mùa đông của nước Nga đã cướp đi những bậc đàn anh “ Đơxai ở Marenggô, Klêbo ở Lơke, Lannơ ở Etlinh. Ông ta đã không tấn công để chiếm lấy con đường dẫn tới tước vị cao nhất : con đường đó đã mở ra cho ông bằng hai mươi năm chinh chiến.   
Tất cả những điều đó Napôlêông biết. Nhưng một nửa số thống chế của ông đã yên nghỉ dưới mồ, một số khác hờn giận nằm lì tại nhà, họ đã chán ngấy cảnh quanh năm suốt tháng đóng quân ngoài trời. Bởi vậy, buộc lòng ông phải giao phó một sứ mạng quan trọng cho con người tầm thường ấy.   
Hồi mười một giờ sáng ngày mười bảy tháng sáu, hôm sau ngày chiến thắng Linhi, một ngày trước trận Oateclô, lần đầu tiên Napôlêông giao cho Grusi trọng trách chỉ huy độc lập. Chỉ trong một ngày, chỉ duy nhất trong một khoảnh khắc – nhưng là khoảnh khắc quan trọng biết bao ! - người quân nhân khiêm nhường đó rời khỏi hàng ngũ những người bình thường để đi vào lịch sử. Mệnh lệnh của Hoàng đế rất chính xác. Trong khi đích thân Ngài tiến đánh quân Anh, Grusi với một phần ba quân số sẽ đuổi theo quân Phổ. Chỉ thị bề ngoài tưởng chừng đơn giản và không có gì mập mờ nhưng lại rất co giãn, mềm dẻo và như con dao hai lưỡi, bởi vì đồng thời người ta đòi hỏi Grusi cũng có trách nhiệm giữ liên lạc thường xuyên với đại quân.   
Viên thống chế nhận nhiệm vụ dẫn quân ra đi với tâm trạng phân vân. Ông không quen chỉ huy chiến dịch theo mệnh lệnh của chính mình. Đầu óc chín chắn nhưng thiếu sáng kiến của ông cảm thấy bất an khi con mắt thiên tài của hoàng đế không vạch rõ cho ông từng việc phải làm. Ngoài ra ông còn cảm thấy phía sau ông sự bất bình của các viên tướng dưới quyền. Có lẽ là – ai mà biết được - Định mệnh đã chạm chiếc cánh ảm đạm của nó vào chính người ông ! May mắn thay, sự gần gũi với tổng hành dinh làm cho ông yên dạ : cánh quân của ông chỉ cách quân của Napôlêông có ba giờ hành quân hỏa tốc.   
Grusi lên đường dưới trời mưa tầm tã. Quân lính ì ạch tiến bước trên con đường đất sét lầy lội, theo vết chân quân Phổ, hay đúng hơn, theo hướng mà ông cho rằng đây là hướng đi của Bluytxơ và đội quân của hắn.

**ĐÊM Ở CAYU**

Trời mưa không ngớt, như thường thấy ở phía Bắc. Chẳng khác một đàn cừu đẫm nước, các trung đoàn của Napôlêông đi trong đêm, mỗi người kéo theo đến một cân bùn dưới đế giày. Không một căn nhà, không có lấy một mái nhà để trú thân ! Mệt rã rời, binh lính tụ họp từng toán mười đến mười hai người, dựa lưng vào nhau ngủ ngồi dưới mưa rào. Hoàng đế không nghỉ. Tâm trạng bồn chồn nóng nảy khiến ông đứng ngồi không yên vì thời tiết xấu, không nhìn thấy gì khiến cho không thể dò xét binh tình bên địch và mọi báo cáo trinh sát đều hết sức mập mờ. Ông cũng không rõ Oenlinhtơn có nghênh chiến không, cũng không có tin tức gì của Grusi về quân Phổ. Lúc một giờ sáng, bất chấp trời mưa như trút, ông đi dọc theo các vọng gác tiền tiêu và đến cách những trại lính Anh chỉ một tầm súng đại bác. Ở đấy, qua màn mưa mù có thể thấy chỗ này chỗ kia những ngọn lửa leo lắt tỏa khói : ông vạch kế hoạch tấn công. Chỉ đến tảng sáng ông mới trở về cái nông trang bé nhỏ tại Cayu, tổng hành dinh của ông; tại đây, nhiều công văn khẩn của Grusi đang chờ : những công văn này chỉ cho biết những tin tức mập mờ về cuộc rút lui của quân Phổ nhưng cũng làm cho ông vững tâm thêm vì biết chắc là Grusi vẫn bám riết không rời chúng. Mưa ngớt dần. Nóng ruột, hoàng đế đi đi lại lại trong phòng và chăm chú nhìn chân trời hửng vàng, chờ lúc trời sáng rõ để ra lệnh tấn công.   
Đến năm giờ sáng – mưa đã tạnh hẳn – Napôlêông quyết định. Ông ra lệnh cho toàn quân sẵn sàng tấn công vào lúc chín giờ : lính mang lệnh truyền được khẩn cấp phái đi tứ phía. Một lát, tiếng trống quân tập hợp nổi lên. Chỉ đến lúc ấy, hoàng đế mới gieo mình xuống chiếc giường hành quân ngủ liền hai tiếng đồng hồ.

**BUỔI SÁNG Ở OATECLÔ**

Chín giờ. Các đơn vị quân đội vẫn chưa tập trung đầy đủ. Đất mềm nhão sau ba ngày mưa liên tiếp gây trở ngại cho việc chuyển quân và ngăn trở pháo binh theo kịp bộ binh. Dần dần mặt trời ló dạng giữa lúc một cơn gió mạnh nổi dậy : nhưng không phải là mặt trời chói lọi và đầy hứa hẹn của Auxteclích. Mặt trời phương Bắc chỉ tỏa ra một thứ ánh sáng nhợt nhạt và buồn thảm. Cuối cùng, các đội quân đã sẵn sàng. Trước trận đánh Napôlêông còn cưỡi trên mình ngựa trắng đi duyệt lại toàn bộ trận tuyến. Những con chim ưng trên các lá cờ chao mình xuống đuổi làn gió mạnh, kỵ binh vung gươm vẻ quả quyết, bộ binh vẫy mũ chào trên đầu lưỡi lê. Trống trận đánh như điên, hiệu kèn chói tai hoan hô chủ tướng : nhưng bao trùm lên tất cả những tiếng ồn ào đó là tiếng reo hân hoan thốt ra từ bảy vạn lồng ngực và tràn qua tất cả trung đoàn :   
“ Hoàng đế vạn tuế ! “   
Đó là cuộc duyệt binh nhiệt thành nhất, uy nghi nhất trong suốt hai mươi năm dưới thời Napôlêông. Tiếng tung hô vạn tuế vừa ngừng – lúc đó là mười một giờ, chậm mất hai giờ so với dự kiến, hai giờ tàn khốc, các pháo thủ được lệnh dội lửa xuống ngọn đồi có quân đội áo đỏ chiếm giữ. Sau đó Nây “ người dũng cảm nhất trong số những người dũng cảm “ tiến lên với bộ binh. Giờ phút quyết định của Napôlêông bắt đầu. Trận đánh này đã được mô tả hàng trăm lần : nhưng người ta không bao giờ chán khi đọc lại những diễn biến hấp dẫn của nó, hoặc trong cách miêu tả trang nghiêm của Oantơ Xcap hoặc trong câu chuyện kể lại từng đoạn của Xtanhđan. Trận đánh phức tạp và đồ sộ, đủ nhìn từ xa hay nhìn gần, từ đài quan sát của viên tướng hay từ yên ngựa của mỗi tên kỵ binh mặc áo giáp. Nó là một kiệt tác đầy xúc động bi kịch với những lớp lo sợ và hy vọng xen lẫn nối tiếp không ngừng, và cái thảm họa phũ phàng và dữ dội. Đó là màn dạo đầu cho một tấn bi kịch thật sự, trong đó vận mệnh châu Âu gắn liền với số phận một cá nhân và ở đó tràng pháo hoa ác liệt cuối cùng của Napôlêông tung lên lộng lẫy giữa bầu trời trước khi tắt vĩnh viễn trong sự sụp đổ chóng mặt.   
Từ mười một giờ sáng đến một giờ chiều, các trung đoàn quân Pháp xung phong lao lên các cao điểm, chiếm được nhiều vị trí và làng mạc để rồi bị đánh lui, rồi lại xông lên dữ dội hơn. Mười nghìn xác chết nằm la liệt trên các ngọn đồi đất sét lầy lội của vùng hoang vắng đó chẳng dẫn tới kết quả nào khác hơn là cả hai bên đều kiệt sức kinh khủng. Cả hai đội quân đều bải hoải, hai vị chủ tướng lo lắng. Cả hai đều biết rằng chiến thắng sẽ thuộc về bên nào nhận được tiếp viện trước, Oenlinhtơn chờ tiếp viện của Bluytxơ, Napôlêông chờ tiếp viện của Grusi. Hoàng đế lúc nào cũng nắm chắc ống nhòm, liên tục phái lính đi dò tin tức : nếu viên thống chế của ông đến kịp thời thì mặt trời Auxteclích sẽ còn chiếu sáng trên nước Pháp.

**LỖI LẦM CỦA GRUSI**

Trong lúc đó, từ ngày mười bảy tháng sáu, theo đúng như lệnh đã nhận, Grusi, con người vô tình đã nắm trong tay vận mệnh của Napôlêông, đi tìm quân Phổ theo hướng đã định. Mưa đã tạnh. Vô tư lự, những đại đội non trẻ, vừa hôm trước xuất trận lần đầu, hành quân như đi dạo chơi. Kẻ thù không xuất hiện, quân Phổ vẫn mất hút.   
Bỗng nhiên, giữa lúc thống chế đang vội vàng ăn lót dạ trong một túp lều tranh, mặt đất rung lên nhè nhẹ dưới chân ông. Mọi người lắng nghe. Tiếng ầm ì vọng lại tuy đã yếu đi, nhưng vẫn kéo rền không ngớt, đó hẳn là những khẩu pháo bắn cách đó khá xa, nhưng cũng không xa quá ba tiếng đồng hồ hành quân. Một vài viên sĩ quan nằm xuống đất theo kiểu thổ dân châu Mỹ để nghe cho rõ tiếng động từ phía nào dội đến. Tiếng ầm ầm liên tục. Đó là loại đại bác ở Xanhgiang mở đầu trận Oateclô. Grusi nhóm họp tướng lĩnh. Giêram viên chỉ huy phó của ông sốt sắng hét lớn : “ Phải tiến về phía có tiếng đại bác ! “. Một sĩ quan thứ hai tán thành : “ Hãy lên đường, và phải thật khẩn trương ! “.   
Không một ai có thoáng chút nghi ngờ gì về việc Hoàng đế đã đụng độ quân Anh và một trận giao chiến quan trọng vừa mới bắt đầu. Grusi bối rối. Chỉ quen vâng lời, ông ta theo đúng từng chữ huấn lệnh của Hoàng đế. Thấy thống chế ngần ngừ, Giêra nổi giận hét lên : “ Hãy đi ngay tới chỗ có tiếng đại bác ! “. Lời kêu gọi của viên tùy tướng trước mặt hai mươi sĩ quan nghe như một mệnh lệnh hơn là lời cầu xin. Điều đó làm Grusi phật ý. Ông sẵng giọng tuyên bố vẻ quả quyết là ông không thể đi chệch khỏi nhiệm vụ của mình, chừng nào chưa có lệnh mới của Hoàng đế bãi bỏ lệnh cũ. Các sĩ quan thất vọng và đại bác tiếp tục vang lên như sấm trong sự dè bỉu của mọi người.   
Lúc này Giêra thực hiện một cố gắng cuối cùng. Ông khẩn cầu ít nhất cũng để ông ta đi cứu viện, với sư đoàn của mình và vài tiểu đoàn kỵ binh : ông ta cam đoan là sẽ đến nơi kịp thời. Grusi suy nghĩ, ông suy nghĩ trong một phút.

**MỘT PHÚT ĐÁNG KỂ TRONG LỊCH SỬ THẾ GIỚI**

Cái phút trong gian nhà tranh ở Oalanh đã chứa đựng vận mệnh của chính ông, của Napôlêông và của thế giới. Nó sắp quyết định toàn thể cục diện thế kỷ thứ 19, cái phút không thể quên ấy đặt dưới quyền của một con người chân thực bất tài đang nóng nảy vầy vò trong tay bản mệnh lệnh ác hại của Hoàng đế. Nếu lúc ấy Grusi bạo dạn, tỏ ra đã dũng khí để tin ở mình, ở ngôi sao của mình và làm trái lại cái mệnh lệnh trên thì nước Pháp được cứu thoát. Nhưng người thuộc hạ này chỉ biết tuân theo chủ tướng chứ không bao giờ chịu nghe theo tiếng gọi của định mệnh. Cho nên ông ta cương quyết chối từ. Không, thật là khinh suất khi đem chia một đội quân vốn đã yếu. Ông ta chỉ có nhiệm vụ đuổi theo quân Phổ, có thế thôi. Ông ta sẽ không hành động trái với ý muốn của chủ tướng. Bất bình, các sĩ quan của ông đứng lặng thinh. Mọi hành động và lời nói từ nay trở nên vô dụng : phút quyết định đã trôi qua, không trở lại. Đó là chiến thắng của Oenlinhtơn.   
Họ tiếp tục hành quân. Giêra và Vanđam ấm ức trong lòng. Grusi mỗi lúc càng do dự và lo lắng, bởi vì, thật lạ kỳ, quân Phổ vẫn không thấy xuất hiện. Họ đã phải rời bỏ con đường đi Bruycxen. Chẳng mấy chốc trinh sát đem lại những tin buồn : cuộc rút lui của quân Phổ đã chuyển thành một cuộc hành quân tạt ngang sườn về phía mặt trận. Vẫn còn đủ thời giờ cấp tốc đến tiếp viện Hoàng đế, và Grusi mỗi lúc càng nóng ruột chờ lệnh được quay trở lại. Nhưng không có lệnh nào hết. Chỉ nghe thấy tiếng đại bác ầm ì làm rung chuyển lòng đất mỗi lúc một xa dần : ván bài khắc nghiệt của số phận !

**BUỔI CHIỀU OATECLÔ**

Trong khi đó kim đồng hồ đã quay : một giờ sáng. Bốn đợt tấn công của quân Pháp bị đẩy lùi, nhưng cũng gây sứt mẻ đáng kể lại trong khu của Oenlinhtơn. Napôlêông đã sẵn sàng mở một đợt xung phong quyết định, ông ta cho tăng cường các ổ pháo đối diện với quân đội Liên minh và trước khi đạn pháo chăng tấm màn khói giữa hai ngọn đồi, ông liếc nhìn lần cuối cùng toàn bộ trận địa.   
Ông nhận thấy ở phía đông - bắc một vệt sẫm đang hình như từ phía rừng trườn ra và tiến lại gần : quân tiếp viện ! Lập tức ông quay ống kính viễn vọng về phía đó : phải chăng Grusi đã dũng cảm làm trái lệnh của ông và đến kịp thời một cách kỳ diệu như vậy ? Không. Một tù binh vừa được dẫn tới khai rằng đó là quân Phổ, đội quân tiên phong của tướng Bluytxơ. Hoàng đế đoán rằng để đến nhập với quân Anh nhanh chóng như vậy, chắc là quân Phổ đã thoát khỏi cuộc truy lùng của Grusi. Trong khi đó một bộ phận quân đội của ông đã uổng công đi khắp mọi nơi tìm kiếm. Lập tức ông viết cho viên thống chế một bức thư ra lệnh bằng bất cứ giá nào phải giữ được liên lạc với ông và kìm chân không cho quân Phổ can thiệp vào trận đánh.   
Đồng thời tướng Nây cũng nhận được lệnh tấn công. Phải đánh thắng Oenlinhtơn trước khi Bluytxơ tới. Không có ý đồ nào là quá tàn bạo khi vận may thắng lợi bị thu hẹp đột ngột đến như vậy. Suốt cả buổi chiều, những đợt đột kích dữ dội của bộ binh nối tiếp không ngừng trên cao nguyên. Cứ mỗi đợt tấn công lại chiếm được những làng đã bị nã pháo; cứ mỗi phen bị đẩy lùi là một làn sóng tấn công lại tràn lên, cờ giương phất phới, họ xung phong vào phương trận quân Anh đã thấm mệt. Nhưng Oenlinhtơn vẫn giữ vững trận địa và vẫn không có tin tức gì về Grusi.   
“ Grusi ở đâu ? Grusi làm cái gì ? Hoàng đế càu nhàu, nóng nảy khi thấy mũi tiên phong của quân Phổ tiến lại mỗi lúc một gần. Các sĩ quan dưới quyền ông cũng nôn nóng. Nhất quyết chấm dứt trận đánh bằng bất cứ giá nào, thống chế Nây mạo hiểm – Grusi rụt rè bao nhiêu thì Nây táo bạo bấy nhiêu (ba con ngựa ông đang cưỡi bị chết ngay tại trận) – tung toàn thể kỵ binh vào một cuộc tấn công duy nhất. Mười ngàn kỵ binh lao vào cuộc đua khủng khiếp xông vào cái chết, băm nát các phương trận, hạ sát các pháo thủ và chọc thủng các tuyến đầu tiên. Sau đó, họ bị đánh lùi, thật vậy, nhưng quân Anh cũng kiệt sức, bàn tay siết chặt quả đồi đã bắt đầu buông lỏng. Và trong khi kỵ binh Pháp bị chết như rạ rút lui dưới hỏa lực pháo binh địch thì lực lượng dự bị cuối cùng của Napôlêông, đội vệ binh của ông đang cất bước chậm chạp và nặng nề chiếm lấy ngọn đồi này, ngọn đồi gắn liền với số phận của châu Âu.

**KẾT CỤC**

Từ sáng sớm, bốn trăm khẩu đại bác gầm thét không ngừng từ cả hai phía. Trên mặt trận, những cuộc xung phong rung trời chuyển đất của kỵ binh vỡ tung vì vấp phải lưới lửa của các phương trận quân Anh, trống thúc xung phong, tiếng ầm ầm loạn xạ làm rung chuyển toàn bộ cánh đồng. Trong khi đó, ở đằng xa, trên đỉnh đồi, ở trận địa của mình, hai vị chủ tướng từ trên cao lắng nghe tiếng ầm ầm của cơn bão người. Cả hai đều lắng nghe một tiếng ồn ào nhẹ hơn.   
Mỗi vị đều cầm trong tay một chiếc đồng hồ mà tiếng tích tắc nhè nhẹ như tiếng đập của trái tim con chim mà át cả tiếng ồn ào. Napôlêông và Oenlinhtơn luôn luôn nhìn đồng hồ và tính từng giờ, từng phút, nóng lòng chờ tiếp viện tối hậu và quyết định. Viên tướng Anh biết Bluytxơ đã đến gần và Hoàng đế Pháp hy vọng ở Grusi. Cả hai đều không còn quân dự trữ và ai được tiếp viện trước sẽ thắng trận. Cả hai đều dùng ống nhòm quan sát ven rừng, nơi đội tiên phong của quân Phổ hiện ra như một đám mây nhẹ. Nhưng đó chỉ là một đám bộ binh hay là toàn thể đội quân đang bị Grusi đuổi chạy trốn ? Quân Anh chỉ còn chống trả một cách yếu ớt, nhưng quân Pháp cũng đã kiệt sức. Như hai đô vật thở hổn hển, họ đứng đối diện nhau, tay buông thõng, trước khi lăn xả vào nhau lần cuối cùng : hiệp quyết định sắp bắt đầu.   
Trong lúc đó một loạt đại bác kèm theo tiếng súng trường nổ bên sườn quân Phổ. Napôlêông thở phào nghĩ bụng : “ Vậy là Grusi cuối cùng đã tới ! “. Tưởng sườn quân của mình được an toàn, ông tập trung những người lính cuối cùng và một lần nữa ném tất cả vào trận địa trung tâm của Oenlinhtơn để mở đường đi Bruyexen và thọc sâu vào cửa ngõ châu Âu.   
Nhưng loạt súng đó là do quân Phổ nhầm lẫn màu đồng phục, đã nã vào quân Hanôvrơ. Họ ngừng bắn ngay và bộ phận chủ yếu của đạo quân không gặp cản trở gì, tràn ra khỏi rừng từng hàng dày đặc. Không, không phải Grusi, mà là Bluytxơ và định mệnh đã đến ! Tin này truyền lan nhanh chóng trong quân đội của Hoàng đế đang bắt đầu rút lui, thoạt đầu còn rút lui trong trật tự. Nhưng Oenlinhtơn nắm lấy thời cơ thuận lợi : ông ta phi ngựa đến tận chân quả đồi vừa được phòng ngự thắng lợi, cầm mũ vung mạnh về phía những người bỏ chạy. Binh lính của ông hiểu ngay cử chỉ đắc thắng đó. Toàn thể lực lượng còn lại của các phương trận quân Anh vùng lên và đâm bổ vào các tiểu đoàn Pháp đã tan tác. Đồng thời đội kỵ binh Phổ đánh tạt sườn đám người mệt nhừ kiệt sức đó. Một tiếng kêu khiếp sợ vang lên : “ Chạy mau ! “. Hai phút sau, đại quân Pháp chỉ còn là một dòng thác cuồng loạn quét sạch tất cả trên đường nó tràn qua, kể cả Napôlêông. Kỵ binh đối phương như một bầy gia súc không ai làm hại nổi bám riết đội quân Pháp đang chạy tán loạn. Trong lúc mọi người hoảng sợ, đối phương chiếm một cách dễ dàng cỗ xe của Hoàng đế, kho tàng của quân đội, toàn bộ lực lượng pháo và Hoàng đế Pháp thoát được cũng chỉ là nhờ màn đêm đã bắt đầu buông xuống. Nhưng con người toàn thân bê bết lấm bùn và tinh thần rối loạn, giữa lúc nửa đêm, ngã vật trên chiếc ghế tại một quán rượu tồi tàn không còn là Hoàng đế nữa. Quyền lực triều đại, gia tài của ông đã sụp đổ : sự nhút nhát của một con người tầm thường vô tích sự đã phá tan những gì mà một bộ óc quảng bác nhất, táo bạo nhất đã mất hai mươi năm anh hùng xây dựng nên.

**TRỞ VỀ CUỘC SỐNG BÌNH THƯỜNG**

Cuộc xung phong của quân Anh vừa đánh quỵ Napôlêông, thì một nhân vật bấy nay ít người biết đến chạy ngay về Bruycxen trên một chiếc xe ngựa thuê, rồi từ Bruycxen ra biển, ở đó đã có một chiếc tàu đón chờ. Vượt trước các thông điệp viên quốc gia, ông ta đáp tàu đi Luân Đôn và lợi dụng khi thành phố này chưa biết tin đã thành công trong việc vét hết thị trường chứng khoán. Người đó chính là Rôtchai, con người đã bằng hành động tài chính của mình thành lập một đế quốc mới, một triều đại mới. Ngày hôm sau, cả nước Anh được tin thắng trận và ở Pari, Phuxê, tên phản bội bất hủ được tin cuộc thất bại thảm hại : ở Bruycxen và trên toàn cõi nước Đức, chuông nhà thờ rung inh ỏi mừng chiến thắng.   
Chỉ có một người mãi đến sáng hôm sau vẫn không biết tin tức gì, mặc dầu ông ta ở cách nơi xảy ra thảm họa có vài giờ hành quân : đó là Grusi, con người bất hạnh. Chấp hành mệnh lệnh đã nhận được, ông đã đuổi theo quân Phổ một cách triệt để và kiên trì. Nhưng vì không đuổi kịp chúng ông ta đâm ra rối trí. Đại bác tiếp tục nổ ngày càng dữ dội ngay kề bên như kêu gọi tiếp viện. Mọi người đều cảm thấy đất rung chuyển và mỗi tiếng nổ như vang lên trong tim mình. Mọi người đều biết rằng đó không phải là một cuộc đụng độ nhỏ, mà là một trận đánh lớn đang mở ra, một trận đánh quyết định.   
Grusi bồn chồn cưỡi ngựa đi giữa các sĩ quan. Họ tránh không bàn cãi với ông : ý kiến của họ đã bị ông bỏ ngoài tai.   
Bởi vậy họ thấy nhẹ nhõm biết bao khi ở Oavrơ họ đụng độ một phân đội quân Phổ, đội hậu vệ của Bluytxơ. Họ lăn xả vào đánh chiếm các chiến lũy như điên. Là người đầu tiên trong đám quân như bị thôi thúc bởi một linh cảm u ám, Giêra xông vào tìm cái chết. Một viên đạn kết liễu đời ông và vĩnh viễn khóa miệng con người đã chỉ trích thống chế Grusi dữ dội nhất. Vào lúc đêm xuống, họ chiếm được làng; nhưng họ biết rằng thắng lợi ở hậu tuyến không còn nghĩa lý gì, bởi vì ở đằng xa kia tiếng ình oàng bỗng ngừng bặt và sự yên tĩnh đáng sợ đã trở lại, sự lặng im của cái chết. Mỗi người đều tự nhủ rằng nghe tiếng gầm của đại bác còn hơn tình trạng hồi hộp đang vò xé tâm can họ. Trận Oateclô chắc hẳn đã kết thúc : quả thực, cuối cùng, Grusi cũng nhận được (nhưng quá muộn) lệnh khẩn của Napôlêông. Nhưng ai đã chiến thắng sau trận chiến đấu khổng lồ đó ?   
Họ chờ đợi suốt đêm. Vô ích ! Không có tin tức gì. Tưởng như đại quân đã bỏ rơi họ và họ đang bị lạc giữa sa mạc. Hôm sau, họ nhổ trại và lại lên đường, ai nấy mệt nhoài. Từ lâu họ đã hiểu rằng tất cả những cuộc hành quân và thao diễn đó đều là phù phiếm. Cuối cùng, vào lúc mười giờ sáng, một sĩ quan tham mưu phi ngựa đến. Người ta đỡ anh ta xuống ngựa và dồn dập hỏi. Nhưng anh này mặt mày khiếp đảm, thái dương ướt đẫm mồ hôi, người run bần bật vì mệt lả, chỉ có thể ấp úng những lời nghe không rõ, những lời mà mọi người không hiểu và cũng không muốn hiểu. Họ cho là anh ta điên hoặc say khi anh ta bảo rằng không còn Hoàng đế nữa, không còn quân đội nữa, rằng nước Pháp đã thua trận. Tuy vậy, họ cũng buộc được anh ta từng tiếng từng tiếng một nói ra tất cả sự thật đáng sợ và nặng nề. Grusi tái người, run rẩy đứng tựa vào thanh kiếm, ông ta biết rằng nỗi khổ nhục của đời ông bắt đầu ngay tại đây. Ông quả quyết nhận tất cả trách nhiệm về lỗi lầm của mình. Con người thuộc hạ do dự, nhu nhược vào lúc mối hiểm nguy còn chưa trông thấy được bỗng trở thành một con người và gần như hóa thành anh hùng trước cơn nguy biến trực tiếp. Ông triệu tập tức khắc các sĩ quan và với những giọt nước mắt giận dữ và buồn phiền long lanh trên mắt – ông nói với họ vài lời ngắn gọn, trong đó ông thanh minh đồng thời cũng lên án sự trù trừ của mình. Những người hôm qua còn xì xào dè bỉu ông, giờ đây chỉ im lặng nghe ông nói. Mỗi người đều có thể buộc tội ông và tự hào là đã có những kiến giải sáng suốt hơn ông. Nhưng lúc này không ai muốn nói và cũng không có can đảm ấy. Họ vẫn im lặng. Nỗi thất vọng khủng khiếp khiến họ không hé miệng.   
Và chính ngay sau khi đã để trôi qua giờ phút quyết định của đời mình, Grusi mới tỏ rõ tất cả giá trị quân nhân của ông. Những đức tính lớn của ông, tính thận trọng, lòng can đảm, sự khéo léo, lương tâm của ông bộc lộ rõ ràng vào lúc này, lúc mà ông lại tự tin ở bản thân vào không nghe theo một mệnh lệnh viết sẵn. Bị bao vây bởi những lực lượng lớn hơn gấp năm lần, ông đã đưa quân đội của mình vượt qua chiến tuyến quân thù - một việc làm xứng đáng của một nhà chiến thuật tài tình – không mất một khẩu đại bác, không để hao tổn một người và giữ lại cho nước Pháp, cho vương quốc đoàn quân cuối cùng của nó. Nhưng khi ông trở về, Hoàng đế không còn nữa để khen ngợi ông và cũng không còn quân thù để ông có thể cầm quân ra chống trả. Ông về muộn quá, muộn quá không cứu vãn lại được. Và mặc dầu sau đó, đời ông hình như theo một đường cong đi lên, mặc dầu ông lại được cử làm thống chế và làm nguyên lão nghị viện của nước Pháp và mặc dù trong các chức vụ, ông nổi tiếng là con người có công lao và giàu nghị lực nhưng cũng không có gì có thể làm sống lại giờ phút quá lớn lao đối với ông, cái giờ phút cho ông làm chủ định mệnh.   
Đó là sự trả thù khốc liệt của cái phút trọng yếu đó – phút rất hiếm có trong đời người – nó trả thù những kẻ mà nó đã chọn lầm, kẻ ấy đã không biết chớp lấy nó. Tất cả những đức tính của một người công dân, sự khôn ngoan, lòng nhiệt thành, sự ngoan ngoãn tuân thủ, tính điềm đạm, những đức tính đủ dùng cho cuộc sống thường nhật, nhưng sẽ tan ra như tuyết dưới ánh mặt trời khi đứng trước khoảnh khắc huyền diệu chỉ đòi hỏi thiên tài và chỉ vẽ nên những khuôn mặt bất diệt. Khoảnh khắc đó, khinh bỉ gạt bỏ những kẻ do dự, nó chỉ nâng lên trong đôi bàn tay mạnh mẽ của nó những con người táo bạo, những vị thần của trái đất, và đưa họ vào cung Vahala (1).   
***Chú thích :***  
*(1) Nơi dành riêng cho những người xứng đáng được tôn kính đặc biệt.*  
  
   
" Giây phút mang tầm thế giới của trận Oateclô " đã khép lại tập truyện ngắn " Ngõ hẽm dưới ánh trăng".   
Chân thành cảm ơn MT84 đã bỏ công sức đánh máy tác phẩm nầy.  
  
 

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.  
Nguồn: http://vnthuquan.net  
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.  
Đánh máy : MT84  
Nguồn: Muathu84  
Được bạn: TSAH đưa lên  
vào ngày: 13 tháng 12 năm 2005